

BỘ XÂY DỰNG



HỒ SƠ TRÌNH THẨM ĐỊNH

**BÁO CÁO TỔNG HỢP Ý KIẾN GÓP Ý CÁC BỘ, NGÀNH,
TỈNH THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG, CÁC CƠ QUAN CÓ LIÊN QUAN**

**QUY HOẠCH HỆ THỐNG ĐÔ THỊ VÀ NÔNG THÔN THỜI KỲ 2021-2030,
TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**

Hà Nội – 2023

BỘ XÂY DỰNG



HỒ SƠ TRÌNH THẨM ĐỊNH

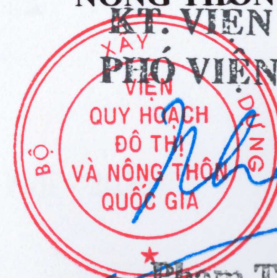
**BÁO CÁO TỔNG HỢP Ý KIẾN GÓP Ý CÁC BỘ,
NGÀNH, TỈNH THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC
TRUNG ƯƠNG, CÁC CƠ QUAN CÓ LIÊN QUAN**

**QUY HOẠCH HỆ THỐNG ĐÔ THỊ VÀ NÔNG THÔN
THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**

CƠ QUAN CHỦ TRÌ
BỘ XÂY DỰNG

CƠ QUAN TƯ VẤN LẬP QUY HOẠCH

VIỆN QUY HOẠCH ĐÔ THỊ VÀ
NÔNG THÔN QUỐC GIA
KT. VIÊN TRƯỞNG
PHÓ VIÊN TRƯỞNG



Phạm Thị Nhâm

Hà Nội – 2023

BẢN TỔNG HỢP TIẾP THU VÀ GIẢI TRÌNH Ý KIẾN GÓP Ý CỦA CÁC BỘ, CƠ QUAN

Về dự thảo Quy hoạch hệ thống Đô thị và Nông thôn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050

Bộ Xây dựng đã có công văn số 5987/BXD-PTĐT ngày 30/12/2022; công văn số 5986/BXD-PTĐT ngày 30/12/2022; công văn số 1621/BXD-PTĐT ngày 25/04/2023; công văn số 1622/BXD-PTĐT ngày 25/04/2023 về việc góp ý nội dung hồ sơ Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn 2050. Trên cơ sở đó, Bộ Xây dựng tổng hợp các ý kiến và tiếp thu giải trình như sau:

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
I. BỘ NỘI VỤ <i>(Trả lời công văn số 115/BNV-CQDP ngày 11/01/2023 của Bộ Nội Vụ)</i>		
I.1	Đề nghị bổ sung các tài liệu kèm theo Quy hoạch, gồm: Dự thảo Tờ trình của Bộ Xây dựng và Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch, Báo cáo tổng hợp và ý kiến của Bộ, ngành liên quan, địa phương.	Đã bổ sung đầy đủ các tài liệu kèm theo quy hoạch
I.2	Về bố cục của dự thảo Quy hoạch: Đề nghị kết cấu gồm các phần: Căn cứ pháp lý và sự cần thiết; thực trạng hệ thống đô thị - nông thôn; định hướng phát triển hệ thống đô thị - nông thôn (phần này bao gồm nội dung về các yếu tố tác động, ảnh hưởng; dự báo và triển vọng; quan điểm, mục tiêu, định hướng phát triển hệ thống đô thị - nông thôn); kiến nghị, đề xuất.	Tiếp thu và đã sửa theo quy định nêu tại Quyết định số 294/QĐ-TTg ngày 24/02/2020 của Thủ tướng Chính phủ
I.3	Về căn cứ lập quy hoạch: Trình bày các căn cứ lập quy hoạch theo thứ tự, gồm: Căn cứ	Tiếp thu và đã sửa (BC Tổng hợp - PHẦN THỨ NHẤT, Mục 4: Căn cứ pháp lý)

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
	<p>chính trị (Nghị quyết Đại hội XIII, các Nghị quyết, Kết luận của Đảng có liên quan), căn cứ pháp lý (Luật, Nghị quyết của Quốc hội; Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Nghị định, Nghị quyết của Chính phủ,...) và căn cứ thực tiễn.</p> <p>Bổ sung các căn cứ chính trị và căn cứ pháp lý về thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2025, định hướng đến năm 2030.</p>	
I.4	<p>Về thực trạng hệ thống đô thị - nông thôn:</p> <p>Bổ sung hệ thống văn bản quy phạm pháp luật và đánh giá thực trạng các quy định của pháp luật hiện hành; công tác quy hoạch và phân loại đô thị gắn với việc thành lập đơn vị hành chính đô thị; công tác quản lý nhà nước và thực trạng bố trí, sử dụng ngân sách cho phát triển hệ thống đô thị - nông thôn.</p>	<p>Tiếp thu ý kiến bổ sung hệ thống văn bản quy phạm pháp luật tại mục Căn cứ pháp lý. Các nội dung khác được thực hiện theo Quyết định 294/QĐ-TTg. (BC Tổng hợp - PHẦN THỨ NHẤT, Mục 4: Căn cứ pháp lý)</p>
I.5	<p>Về thực trạng hệ thống đô thị - nông thôn:</p> <p>Về lịch sử phát triển đô thị qua các thời kỳ: Bổ sung số liệu kết quả phân loại đô thị theo giai đoạn 05 năm và 10 năm.</p>	<p>Mục: Lịch sử phát triển đô thị qua các thời kỳ là trình bày quá trình phát triển lâu dài đã hình thành nên hệ thống đô thị như hiện nay. Kết quả phân loại đô thị theo giai đoạn 05 năm và 10 năm phản ánh quá trình ngắn hạn, được đánh giá tại nội dung Thực trạng phát triển đô thị .</p>
I.6	<p>Về thực trạng hệ thống đô thị - nông thôn:</p> <p>Về hiện trạng hạ tầng và môi trường: Đề nghị tách thành 2 mục, gồm thực trạng hạ tầng, môi trường ở đô thị và thực trạng hạ tầng, môi trường ở nông thôn.</p>	<p>Các ngoại ứng về môi trường của quá trình phát triển thường không phân biệt ranh giới hành chính đô thị và nông thôn. Chẳng hạn ô nhiễm môi trường nước lưu vực sông đi qua cả khu vực đô thị và nông thôn, ô nhiễm môi</p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
		<p>trường nước biển ven bờ một khu vực nào đó thường bao gồm cả khu vực đô thị và khu vực nông thôn, cảnh quan sinh thái có giá trị tầm quốc gia và vùng thường đi qua các vùng lãnh thổ bao gồm cả đô thị và nông thôn. Nguyên nhân ô nhiễm môi trường tại một địa điểm cụ thể là kết quả tích lũy tác động các hoạt động phát triển cả ở đô thị và nông thôn. Do đó, không nhất thiết phải tách 2 mục riêng biệt đối với môi trường ở đô thị và môi trường ở nông thôn. Mặc dù vậy, trong nghiên cứu đã làm nổi trội, so sánh một số khía cạnh môi trường đô thị và môi trường nông thôn cũng như phân tích nguyên nhân liên quan.</p> <p>Tiếp thu và đã sửa BC Tổng hợp - PHẦN THỨ HAI, Chương I, Mục IV, 4: Hiện trạng hạ tầng đô thị và Mục IV, 5. Hiện trạng hạ tầng nông thôn.</p>
I.7	<p>Về các yếu tố tác động, ảnh hưởng đến phát triển hệ thống đô thị và nông thôn: Đề nghị bổ sung nội dung về sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn đến năm 2030 có tác động, ảnh hưởng như thế nào đến công tác lập quy hoạch, tổ chức không gian lãnh thổ, hệ thống hạ tầng kỹ thuật,...</p>	<p>Tiếp thu và đã sửa (BC Tổng hợp - PHẦN THỨ HAI, Chương I, Mục IV, 2.1.4. Nhận diện xu hướng đô thị hoá từ phân tích đặc điểm hệ thống đô thị)</p> <p>Nhận diện xu hướng đô thị hoá từ phân tích đặc điểm hệ thống đô thị cho thấy thời gian vừa qua không gian hành chính đô thị toàn quốc mở rộng ở cả 3 cấp độ (tỉnh, huyện, xã). Mở rộng không gian đơn vị hành chính chủ yếu do: i) tăng trưởng dân số cơ học ở các thành phố lớn, ii) ảnh hưởng của quá trình CNH-HĐH dẫn đến hình thành mới các trung tâm đầu mối hạ tầng lớn, các KCN, đô thị ở vùng</p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
		<p>ven đô; iii) Chính sách quản lý đất đai tạo điều kiện thuận lợi giao đất cho các nhà phát triển BĐS; iv) Chính sách sắp xếp đơn vị hành chính quốc gia.</p> <p>Như vậy, sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn đến năm 2030 sẽ tiếp tục ảnh hưởng đến công tác lập quy hoạch, tổ chức không gian lãnh thổ, cấu trúc môi đô thị, hệ thống hạ tầng kỹ thuật...</p>
I.8	<p>Về định hướng, mục tiêu phát triển hệ thống đô thị - nông thôn: Đề nghị bổ sung nội dung về phát triển các đô thị có vai trò là động lực thúc đẩy phát triển vùng liên tỉnh và vùng trong nội bộ tỉnh, thành phố; hình thành các đơn vị hành chính ở nông thôn, hải đảo,... để phục vụ mục tiêu bảo vệ quốc phòng, an ninh khu vực biên giới đất liền và trên biển, đảo.</p>	<p>Tiếp thu và đã sửa (BC Tổng hợp - PHẦN THỨ HAI, Chương IV, Mục II: CHIẾN LƯỢC TRỌNG TÂM PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ, NÔNG THÔN TRONG THỜI KỲ QUY HOẠCH, Chiến lược 1: Phân bố mạng lưới đô thị - nông thôn; Mục (2) Quản lý hệ thống đô thị theo tầng bậc mới, gồm: vùng đô thị, đô thị trực thuộc TW, đô thị thuộc tỉnh, đô thị thuộc huyện)</p> <p>Ngoài ra, nội dung góp ý của quý Bộ còn được cụ thể hoá trong nhiều chương mục khác, (tại Mục IV PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG ĐÔ THỊ, 2.1. Mạng lưới trung tâm đô thị theo phân cấp đơn vị hành chính);</p> <p>Phát triển vùng đô thị hóa: Gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vùng đô thị lớn: vùng thủ đô Hà Nội (các tỉnh xung quanh Hà Nội và vùng KTTĐBB), vùng TPHCM (các tỉnh xung quanh TPHCM và vùng KTTĐPN).

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
		<ul style="list-style-type: none"> - Các tiểu vùng đô thị/hành lang đô thị hoá (hành lang Bắc Nam/ven biển, hành lang phía Nam, hành lang phía Bắc, hành lang Đông Tây). Trong đó: Hành lang kinh tế xuyên Á Bắc Nam là hành lang kinh tế quan trọng nhất đối với nền kinh tế quốc gia. - Các tiểu vùng đô thị kết nối 2 vùng đô thị lớn, các trung tâm đô thị cấp quốc gia và cấp vùng, tạo nên các hành lang đô thị hoá quốc gia, thúc đẩy chuỗi đô thị biển, khu kinh tế ven biển, khu kinh tế cửa khẩu quan trọng quốc gia. Thúc đẩy liên kết giao thông và truyền thông đa phương thức. Phát huy lợi thế cạnh tranh các vùng miền.
<p><i>(Trả lời công văn số 2459/BNV-CQDP ngày 24/05/2022 của Bộ Nội Vụ)</i></p>		
I.9	<p>Về quan điểm xây dựng quy hoạch:</p> <p>Đề nghị bổ sung quan điểm “thực hiện sắp xếp các đơn vị hành chính đô thị và nông thôn, bảo đảm tính tổng thể, đồng bộ, phù hợp với quy hoạch và yêu cầu phát triển, đáp ứng tiêu chuẩn của đơn vị hành chính” .</p>	<p>Tiếp thu và đã sửa trong:</p> <ul style="list-style-type: none"> - BC Tổng hợp - Phần II, Chương IV; mục I: Quan điểm, tầm nhìn và mục tiêu; - BC tóm tắt mục quan điểm, tầm nhìn và mục tiêu - Dự thảo QĐPD quan điểm, tầm nhìn và mục tiêu
I.10	<p>Về quan điểm xây dựng quy hoạch:</p> <p>Đề nghị chuyển Quan điểm 8 về “Phân cấp, phân quyền mạnh mẽ cho chính quyền đô thị - Xây dựng chính quyền đô thị” tại</p>	

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
	<p>Trang 322 Báo cáo tổng hợp và Trang 2 Dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ sang Phần IV Báo cáo tổng hợp và khoản 2 Điều 5 Dự thảo quyết định của Thủ tướng Chính phủ, vì nội dung không phải là quan điểm mà là giải pháp thực hiện quy hoạch.</p>	
I.11	<p>Về đối tượng nghiên cứu của quy hoạch:</p> <p>Trang 18 Báo cáo tổng hợp đã xác định đối tượng nghiên cứu của quy hoạch là nghiên cứu hệ thống đô thị và điểm dân cư nông thôn trên toàn bộ lãnh thổ Việt Nam. Tuy nhiên, trong nội dung của Quy hoạch còn có phần đánh giá và định hướng về phát triển các huyện và các vùng nông thôn (bao gồm cả các vùng nông thôn có mức độ đô thị hóa cao và vùng nông thôn thuần nông). Vì vậy, đề nghị chỉnh sửa đối tượng nghiên cứu của quy hoạch theo hướng mở rộng ra toàn hệ thống nông thôn của nước ta.</p>	<p>Đối tượng nghiên cứu về nông thôn là:</p> <p>Nông thôn: (điểm dân cư nông thôn viết tắt là DCNT): Theo điều 3, Luật Xây dựng 2014: “điểm dân cư nông thôn là nơi cư trú tập trung của các hộ gia đình gắn kết với nhau trong sản xuất, sinh hoạt và các hoạt động xã hội khác trong phạm vi một khu nhất định, được hình thành do điều kiện tự nhiên, điều kiện KT-XH, văn hoá và các yếu tố khác.</p> <p>Trong nội dung của Quy hoạch còn có phần đánh giá và định hướng về phát triển các huyện và các vùng nông thôn (bao gồm cả các vùng nông thôn có mức độ đô thị hóa cao và vùng nông thôn thuần nông) bởi vì:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vùng nông thôn là vùng lãnh thổ rộng lớn, thuộc lĩnh vực quản lý của nhiều ngành khác nhau. - khu dân cư nông thôn (KDCNT) là hạt nhân quan trọng của vùng nông thôn, nơi định cư của nông dân.

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
		<ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu KDCNT gắn với xã/huyện là cần thiết nhằm kết nối không gian cư trú với không gian sản xuất và các hoạt động KT-XH khác theo CTMTQG về NTM. - Phân chia các vùng nông thôn có mức độ đô thị hóa cao và vùng nông thôn thuần nông là đặc điểm nổi bật của nông thôn nước ta trong thời kỳ lập quy hoạch, gắn với quá trình tăng trưởng đô thị hoá và thời kỳ quá độ từ nông thôn chuyển đổi thành đô thị.
I.12	<p>Về khái niệm đô thị:</p> <p>Đề nghị thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Luật Quy hoạch đô thị. Theo đó, đô thị được hiểu là thành phố, thị xã, thị trấn và quy định này không bắt cập với Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022) như phân tích tại Trang 2 Báo cáo tổng hợp.</p>	<p>Tiếp thu ý kiến của quý Bộ</p> <p>Nội dung này đã được đề cập (BC Tổng hợp - PHẦN THỨ NHẤT: MỞ ĐẦU; mục 3. Đối tượng nghiên cứu).</p>
I.13	<p>Về xác định mức độ phát triển của các đô thị:</p> <p>Tại Trang 333 và Trang 334 Báo cáo tổng hợp có chia mức độ phát triển của các đô thị gồm: đô thị cực lớn và đô thị lớn (đô</p>	<p>Đồng ý tiếp thu chỉnh sửa thuyết minh theo Quyết định phê duyệt tại Mục Vai trò kinh tế đô thị lớn và cực lớn và vai trò các đô thị vừa, vai trò của các đô thị nhỏ.</p> <p>Tiếp thu ý kiến góp ý</p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
	<p>thị loại đặc biệt và loại I), đô thị vừa (đô thị loại II, loại III và loại IV), đô thị nhỏ (đô thị loại V).</p> <p>Tuy nhiên, Trang 9 và Trang 10 Dự thảo Quyết định của Thủ tướng lại chia mức độ phát triển của các đô thị gồm: đô thị cực lớn và đô thị lớn (đô thị loại đặc biệt và loại I), đô thị trung bình (đô thị loại II và loại III), đô thị nhỏ (đô thị loại IV và loại V). Theo đó, đề nghị Bộ Xây dựng chỉnh sửa cho thống nhất, bảo đảm việc phân chia mức độ phát triển của các đô thị phù hợp với định hướng phát triển hệ thống đô thị trong quy hoạch, trong đó có thể cân nhắc chỉnh sửa theo hướng xác định đô thị vừa (trung bình) gồm đô thị loại II, loại III và đô thị loại IV là thị xã, đô thị nhỏ gồm đô thị loại IV là thị trấn và loại V</p>	<p>Nội dung này đã được tiếp thu (BC Tổng hợp - PHẦN THỨ HAI; mục IV, 2.2. Định hướng cấp loại đô thị)</p>
I.14	<p>Về định hướng phát triển hệ thống đô thị (Mục I Phần III Báo cáo tổng hợp và Điều 3 Dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ). Về vùng đô thị:</p> <p>Nghị quyết số 54-NQ/TW ngày 10/12/2019 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030, tầm nhìn đến 2045 đã đề ra mục tiêu, tầm nhìn: “Đến năm 2030, Thừa Thiên Huế là một trong những trung tâm lớn, đặc sắc của khu vực Đông Nam Á về văn hóa, du lịch và y tế chuyên sâu; một trong những trung tâm lớn của cả nước về khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực, chất lượng cao”; “Tầm nhìn đến năm 2045, Thừa Thiên Huế là thành phố Festival, trung tâm văn hóa, giáo dục, du lịch và y tế chuyên</p>	<p>Giải trình như sau:</p> <p>Quy hoạch này tuân thủ NQ 81 về QHTT QG xác định 04 vùng đô thị lớn trong đó có cụm từ ‘vùng đô thị Đà Nẵng’ và không có cụm từ ‘vùng đô thị Đà Nẵng-Huế’. Thừa Thiên Huế là một cấu phần của vùng đô thị Đà Nẵng.</p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
	sâu đặc sắc của châu Á”. Theo đó, đề nghị chỉnh sửa thống nhất các cụm từ “Vùng đô thị Đà Nẵng”, “Vùng đô thị Đà Nẵng-Huế” là “Vùng đô thị Đà Nẵng-Huế”. Đồng thời bổ sung về định hướng phát triển và vai trò đô thị Huế trong “Vùng đô thị Đà Nẵng-Huế” theo Nghị quyết số 54-NQ/TW của Bộ Chính trị nêu trên.	
I.15	Đề nghị bổ sung phạm vi giới hạn của Vùng đô thị Cần Thơ để làm căn cứ thực hiện khi quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.	<p>Tiếp thu và đã sửa (BC Tổng hợp - PHẦN THỨ HAI, Chương IV, mục IV; 2.2.1. Vùng đô thị và cực tăng trưởng)</p> <p>Giới hạn vùng đô thị Cần Thơ trùng với vùng KTTĐ ĐBSCL, trong đó vùng lõi của vùng đô thị Cần Thơ là vùng động lực (xác định trong QHTTQG)</p>
I.16	Về thành phố trực thuộc Trung ương: Đề nghị bỏ nội dung liệt kê các tỉnh “dự kiến đạt tiêu chuẩn tương đương thành phố trực thuộc Trung ương” và chỉnh sửa nội dung về “thành phố Thừa Thiên Huế” thành “đô thị dự kiến thành lập”, trong đó có nội dung về định hướng thành lập thành phố Thừa Thiên Huế trực thuộc Trung ương.	<p>Tiếp thu và đã sửa (BC Tổng hợp - PHẦN THỨ HAI, Chương IV, mục IV; 2.2.2. thành phố trực thuộc trung ương).</p> <p>Đã cập nhật 2 tỉnh Thừa Thiên Huế và Khánh Hoà là thành phố trực thuộc TW dự kiến mới. Đối với các tỉnh có xu hướng đô thị hoá toàn tỉnh, sử dụng thuật ngữ “đô thị toàn tỉnh” để phân biệt với thành phố trực thuộc TW.</p>
I.17	Đề nghị bổ sung nội dung phát triển hệ thống đô thị biên giới, cửa khẩu và phát triển đô thị gắn với bảo vệ biên giới quốc gia khu vực Bắc Trung bộ và Tây Nguyên;	Tiếp thu và đã sửa (BC Tổng hợp - PHẦN THỨ HAI, Chương IV, mục VIII; 1 và 2. Phát triển đô thị và nông thôn vùng biên giới gắn với an ninh quốc phòng).

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
I.18	<p>Đối với Dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ</p> <p>Về căn cứ xây dựng quy hoạch: Đề nghị bổ sung Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09/01/2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.</p>	<p>Đồ án đã tiếp thu ý kiến và giải trình. Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09/01/2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã có trong căn cứ xây dựng quy hoạch tại Dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ</p>
I.19	<p>Đối với Dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ</p> <p>Khoản 2 Điều 1: Đề nghị bổ sung thời gian quy hoạch trong phần “mục tiêu cụ thể” và “tầm nhìn”</p>	<p>Đồ án đã tiếp thu ý kiến và bổ sung thời hạn quy hoạch vào Điều 1: Dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ</p>
I.20	<p>Đối với Dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ</p> <p>Điểm g khoản 1 Điều 3: Đề nghị bổ sung nội dung của phần “đô thị thích ứng biến đổi khí hậu”, vì phần này chỉ có tiêu đề không có nội dung.</p>	<p>Tiếp thu ý kiến, bổ sung nội dung “Đô thị thích ứng biến đổi khí hậu” trong cả Dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và Dự thảo Báo cáo quy hoạch</p>
I.21	<p>Đối với Dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ</p> <p>Khoản 2 Điều 5: Đề nghị bổ sung nội dung về đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực và chuyển đổi số.</p>	<p>Nội dung này không thuộc phạm vi lập quy hoạch tại Quyết định số 294/QĐ-TTg ngày 24/2/2020 của TTCP phê duyệt Nhiệm vụ lập Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050</p>
I.22	<p>Đối với Báo cáo tổng hợp:</p> <p>Khoản 4 Phần Mở đầu: Đề nghị bổ sung Kết luận số 48-KL/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030.</p>	<p>Kết luận số 48-KL/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030 đã được bổ sung (BC Tổng hợp - PHẦN THỨ NHẤT, Mục 4: Căn cứ pháp lý)</p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
I.23	<p>Đối với Báo cáo tổng hợp:</p> <p>Phần III: Đề nghị chỉnh sửa các tiêu đề có cụm từ “tầm nhìn đến năm 2045” thành cụm từ “tầm nhìn đến năm 2050” và chỉnh sửa các nội dung thống nhất với tầm nhìn nêu trên.</p>	<p>Đề án đã tiếp thu ý kiến và bổ sung nội dung như góp ý thống nhất trong Báo cáo tổng hợp.</p>
<p>II. BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN <i>(Trả lời công văn số 528/BNN-KH ngày 02/02/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)</i></p>		
II.1	<p>Sau khi nghiên cứu nội dung Dự thảo lần 1 nội dung Quy hoạch và các đề nghị; Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn gửi các tài liệu liên quan (tam nông, đề điều, phòng chống lũ, thiên tai, chiến lược phát triển NNNT) kèm theo và đề nghị Quý Bộ chỉ đạo Cơ quan lập quy hoạch nghiên cứu các tài liệu cung cấp để tiếp tục bổ sung, hoàn thiện Dự thảo.</p>	<p>Trong dự thảo Quyết định phê duyệt tập trung các nội dung về đô thị và điểm dân cư nông thôn. Các nội dung chuyên ngành như tam nông, đề điều, phòng chống lũ, thiên tai thì sẽ không nêu trong dự thảo quyết định phê duyệt.</p>
<p><i>(Trả lời công văn số 4018/BNN-KH ngày 20/6/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)</i></p>		
II.2	<p>Tại Dự thảo Quyết định (điểm b khoản 2): Đề nghị chỉnh sửa mục tiêu “...; trên 70% số đơn vị cấp huyện đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó 35% số đơn vị cấp huyện được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao” thành “...; phấn đấu cả nước có khoảng 70% số huyện, thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh đạt chuẩn nông thôn mới, hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới, trong đó, ít nhất 35% số huyện đạt chuẩn được</p>	<p>Tiếp thu, thống nhất, chỉnh sửa tại (BC Tổng hợp - PHẦN THỨ HAI, Chương IV, mục 3 Các chỉ tiêu phát triển đô thị, nông thôn thời kỳ đến năm 2030;</p> <p>Và mục VI, 2.1. Định hướng tổ chức KDCNT tại vùng nông thôn).</p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
	công nhận là huyện nông thôn mới nâng cao, huyện nông thôn mới kiểu mẫu”.	Đã bổ sung tại ‘Mục Các chỉ tiêu phát triển đô thị, nông thôn thời kỳ đến năm 2030’ trong Dự thảo Tờ trình và quyết định phê duyệt.
II.3	Tại Dự thảo Quyết định (khoản 3 Điều 1): Đề nghị xem xét, chỉnh sửa nội dung “Nông thôn không còn hộ nghèo...” thành “Nông thôn không còn hộ nghèo đa chiều (trừ số hộ nghèo đa chiều không có khả năng lao động)...”.	Tiếp thu, thống nhất, chỉnh sửa tại Phần III/II/1/1.1.Mục tiêu – trang 419 (Dự thảo 2).
II.4	<p>Tại Dự thảo Quyết định (gạch đầu dòng thứ nhất thuộc điểm c khoản 2 Điều 3):</p> <p>Đề nghị xem xét, chỉnh sửa thành “...Đến năm 2025: Phần đầu cả nước có từ 17 - 19 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được công nhận hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới (Miền núi phía Bắc phần đầu có 01 tỉnh,..., Đồng bằng sông Cửu Long phần đầu có 03 tỉnh); phần đầu cả nước có ít nhất 50% số huyện, thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh đạt chuẩn nông thôn mới, hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới (Miền núi phía Bắc 30%,..., Đồng bằng sông Cửu Long 35%), trong đó, ít nhất 20% số huyện đạt chuẩn được công nhận là huyện nông thôn mới nâng cao, huyện nông thôn mới kiểu mẫu. Mỗi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có ít nhất 02 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn nông thôn mới. Đến năm 2030: Phần đầu cả nước có khoảng 70% số huyện, thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh đạt chuẩn nông thôn mới, hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới, trong đó, ít nhất 35% số huyện đạt chuẩn</p>	<p>Quy hoạch đô thị và nông thôn đề cập tới phát triển đô thị và điểm dân cư nông thôn, do đó cụm từ “Nông thôn không còn hộ nghèo...” không đưa vào trong Dự thảo Quyết định</p> <p>Quy hoạch đô thị và nông thôn đề cập tới phát triển đô thị và điểm dân cư nông thôn, do đó những đoạn văn ‘thành “...Đến năm 2025: Phần đầu cả nước có từ 17 - 19 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương...’ nhưng không đưa vào tờ trình.</p> <p>Tuy nhiên nội dung này đã tiếp thu tại (BC Tổng hợp - PHẦN THỨ HAI, Chương IV, mục V, 2.1.1. Xây dựng và phát triển vùng huyện, vùng liên huyện)</p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
	được công nhận là huyện nông thôn mới nâng cao, huyện nông thôn mới kiểu mẫu”.	
II.5	Về định hướng sử dụng đất, bảo vệ môi trường - cảnh quan sinh thái, ứng phó BĐKH khu vực đô thị - nông thôn: Đề nghị điều chỉnh tên mục 2 “Định hướng bảo vệ môi trường và ứng phó BĐKH ở đô thị - nông thôn” thành “Định hướng bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai và ứng phó BĐKH ở đô thị - nông thôn” và bổ sung nội dung định hướng về phòng, chống thiên tai ở đô thị - nông thôn.	<p>Tiểu mục này đã bám sát yêu cầu về nội dung QĐ 294 phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch. Mặc dù tiêu đề không có cụm từ “phòng, chống thiên tai” nhưng nội dung các định hướng mang tính nguyên tắc đã bao gồm định hướng cho phòng, chống thiên tai ở đô thị- nông thôn. Cụ thể:</p> <p><u>Về định hướng cho đô thị:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - “Chủ động xem xét, tích hợp các giải pháp giảm thiểu và thích ứng với BĐKH và giảm thiểu rủi ro thiên tai trong tất cả các định hướng quy hoạch đô thị (quy hoạch sử dụng đất và phát triển hạ tầng)” - <i>Giảm thiểu rủi ro thiên tai và tác động của BĐKH từ quy hoạch đô thị.</i> Yêu cầu phân tích, đánh giá chi phí –lợi ích trong lựa chọn các phương án phát triển đô thị để hạn chế, tránh phát triển mạnh đô thị trong vùng, khu vực có nguy cơ rủi ro thiên tai rất cao và giảm thiểu tác động tiêu cực của BĐKH. Xác định các vùng, khu vực có nguy cơ thiên tai cao- rất cao trong bối cảnh BĐKH ở bản đồ tỷ lệ lớn, tương ứng với tỷ lệ bản đồ quy hoạch đô thị tạo điều kiện cho xem xét, lựa chọn phương án quy hoạch tối ưu.

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
		<p><u>Về định hướng cho nông thôn:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Tương tự quy hoạch đô thị, quy hoạch điểm dân cư nông thôn hướng đến mục tiêu tối ưu điều kiện tự nhiên, khai thác hiệu quả các nguồn tài nguyên rất hạn chế và nhạy cảm, bảo vệ môi trường và ứng phó hiệu quả với BĐKH, giảm thiểu rủi ro thiên tai cho người dân nông thôn. <p>Quy hoạch điểm dân cư nông thôn mới tránh khu vực có nguy cơ thiên tai cao và rất cao. Lập kế hoạch từng bước di dời dân cư ra khỏi khu vực có nguy cơ thiên tai rất cao. Thiết lập hệ thống thông tin liên lạc cảnh báo sớm đến từng hộ dân nông thôn</p>
II.6	<p>Đề nghị cần làm rõ khái niệm, mối quan hệ giữa “nông thôn”, “hệ thống nông thôn” với đô thị và làm rõ phạm vi (<i>về không gian và nội dung</i>) của quy hoạch hệ thống nông thôn tại Quy hoạch.</p>	<p>Về khái niệm: Dự thảo 2 đã đưa ra Khái niệm Nông thôn (điểm dân cư nông thôn viết tắt là DCNT) và các khái niệm liên quan tại Phần Mở đầu/ Các khái niệm về đô thị và điểm dân cư nông thôn (trang 29).</p> <p>Về mối quan hệ giữa “nông thôn” với đô thị: Dự thảo 2 đã đánh giá mối liên kết giữa đô thị- nông thôn tại Phần I/II/Đánh giá liên kết vùng và liên kết ngành (trang 264).</p> <p>Về phạm vi của quy hoạch hệ thống nông thôn: Dự thảo 2 đã đưa ra Khung hệ thống đô thị- nông thôn- quốc gia tại Phần III/I/mục 2 (trang 347).</p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
		Bên cạnh điểm DCNT, trong nội dung của Quy hoạch còn có phần đánh giá và định hướng về phát triển các huyện và các vùng nông thôn (bao gồm cả các vùng nông thôn có mức độ đô thị hóa cao và vùng nông thôn thuần nông).
II.7	<p>Tại Dự thảo Quyết định (gạch đầu dòng thứ hai thuộc điểm c khoản 2 Điều 3): Đề nghị xem xét, chỉnh sửa thành “...<i>Đến năm 2025: Phần đầu cả nước có ít nhất 80% số xã đạt chuẩn nông thôn mới (Miền núi phía Bắc 60%,..., Đồng bằng sông Cửu Long 80%), trong đó, có khoảng 40% số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, ít nhất 10% số xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và không còn xã dưới 15 tiêu chí... Đến năm 2030: Phần đầu cả nước có ít nhất 90% số xã đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó, có khoảng 50% số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, 20% số xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và nông thôn mới thông minh</i>”.</p>	<p>Quy hoạch đô thị và nông thôn đề cập tới phát triển đô thị và điểm dân cư nông thôn, do đó những đoạn văn “...<i>Đến năm 2025: Phần đầu cả nước có ít nhất 80% số xã đạt chuẩn nông thôn mới ...</i>’ nhưng không đưa vào quyết định phê duyệt.</p> <p>Nội dung này đã tiếp thu tại (BC Tổng hợp - PHẦN THỨ HAI, Chương IV, mục V, 2.1.2. Xây dựng và phát triển xã nông thôn).</p>
II.8	<p>Tại Dự thảo Quyết định (khoản 1 Điều 5): Đề nghị xem xét, chỉnh sửa “...; <i>Chương trình xây dựng nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2030</i>” thành “...; <i>Chương trình xây dựng nông thôn mới đến năm 2030</i>”.</p>	<p>Thống nhất, chỉnh sửa tại mục 2.2 (trang 578).</p>
II.9	<p>Tại Dự thảo Quyết định (khoản 2 Điều 5): Đề nghị xem xét, chỉnh sửa “...; <i>Đổi mới công tác quy hoạch và thực hiện quy hoạch đô thị;...</i>” thành “...; <i>Đổi mới công tác quy hoạch và thực hiện quy hoạch đô thị và nông thôn;...</i>”. Đồng thời, đề</p>	<p>Thống nhất, chỉnh sửa tại mục 2.4 (trang 578).</p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
	<p>nghi nghiên cứu, bổ sung giải pháp “<i>Tiếp tục xây dựng nông thôn mới phát triển toàn diện, bền vững gắn với đô thị hóa, đi vào chiều sâu, từng bước tiệm cận điều kiện về hạ tầng và dịch vụ của đô thị văn minh, sáng, xanh, sạch, đẹp, bình yên, giàu bản sắc văn hóa truyền thống, thích ứng với biến đổi khí hậu, nâng cao hơn đời sống vật chất, tinh thần và chất lượng môi trường sống của người dân nông thôn</i>”.</p>	
II.10	<p>Quy hoạch hệ thống nông thôn cần gắn kết với các định hướng phát triển nông thôn, quá trình đô thị hóa phù hợp với đặc thù của các vùng miền. Đối với khu vực nông thôn ven đô, nông thôn có mức độ đô thị hoá cao, cần phát triển hạ tầng để đảm bảo tính kết nối với đô thị và tiệm cận với yêu cầu của khu vực đô thị; đồng thời, có các định hướng giải pháp để phát triển thành vùng đệm, vùng xanh, khu vực nghỉ dưỡng cho các vùng đô thị liền kề. Đối với khu vực thuần nông, cần chú trọng tới hạ tầng hỗ trợ sản xuất nông nghiệp, giữ gìn và phát huy các giá trị văn hoá truyền thống và xây dựng cảnh quan, bảo vệ môi trường. Trong đó, cần bổ sung định hướng về phát triển làng nghề truyền thống gắn với phát triển du lịch, bảo tồn văn hoá và nâng cao sinh kế cho người dân nông thôn. Đồng thời, đẩy mạnh phát triển các yếu tố tạo đô thị trên địa bàn cấp huyện trên cơ sở tiềm năng của từng khu vực như phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ thương mại, các khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn ...</p>	<p>Thông nhất, bổ sung và chỉnh sửa tại mục 1/IV. Quan điểm và mục tiêu (trang 326)</p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
II.11	Rà soát toàn bộ hồ sơ quy hoạch, tờ trình và dự thảo quyết định đảm bảo đúng, đủ các nội dung, đầu mục theo quy định tại mục XII Phụ lục II kèm theo Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 7/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch, như: Định hướng bố trí sử dụng đất; Phân kỳ thứ tự ưu tiên danh mục dự án quan trọng; Các giải pháp thực hiện quy hoạch; Hệ thống bản đồ quy hoạch ...	Thống nhất, rà soát.
II.12	Đối với nội dung “ <i>Tiếp tục thực hiện chương trình đề án phát triển hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã nông nghiệp</i> ” đề nghị chỉnh sửa thành “ <i>Tiếp tục thực hiện nội dung chương trình, đề án và phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã trong tái cơ cấu Ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới theo tinh thần tại Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới</i> ”.	Nội dung này đã tiếp thu tại (BC Tổng hợp - PHẦN THỨ HAI, Chương IV, mục V, 2.1.2. Xây dựng và phát triển xã nông thôn)
III. BỘ NGOẠI GIAO <i>(Trả lời công văn số 302/BNG-THKT ngày 30/01/2023 của Bộ Ngoại Giao)</i>		
III.1	Về căn cứ pháp lý (trang 14), đề nghị rà soát và bổ sung các văn bản có liên quan như: Quyết định 622/QĐ-TTg ngày 10/05/2017 về việc ban hành kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững”; Quyết định số 294/QĐ-TTg ngày 24/02/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch hệ thống đô thị	Tiếp thu và đã sửa (BC Tổng hợp - PHẦN THỨ NHẤT, Mục 4: Căn cứ pháp lý) Nghị quyết số 143/NQ-CP ngày 04/10/2020 của Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được thay thế bằng Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 18/01/2023 của

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
	<p>và nông thôn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2040; Nghị quyết số 33/NQ-TW ngày 28/9/2018 của Bộ Chính trị về chiến lược bảo vệ biên giới quốc gia; Nghị quyết số 143/NQ-CP ngày 04/10/2020 của Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Nghị quyết số 23/NQ-CP ngày 02/3/2022 của Chính phủ về phát triển kinh tế khu vực biên giới đất liền.... Và một số văn bản điều ước song phương như: Hiệp định về quy chế quản lý biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa ký ngày 18/11/2009; Hiệp định về Quy chế quản lý biên giới và cửa khẩu biên giới trên đất liền giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa dân chủ Nhân dân Lào ký ngày 16/3/2016; Hiệp định về Quy chế biên giới nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nước Cộng hòa Nhân dân Campuchia ký ngày 20/7/1983.</p>	<p>Quốc Hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.</p>
III.2	<p><i>Về đặc điểm địa hình</i> (điểm a, mục 2.2.1.1, trang 19), đề nghị chỉnh sửa số liệu về độ dài đường biên giới đất liền thành: 5.045km.</p>	<p>Tiếp thu và đã sửa (BC Tổng hợp - PHẦN THỨ HAI, Chương I, Mục II; 1.1. Đặc điểm địa hình)</p>
III.3	<p><i>Về nhận định chung về thực trạng</i> (điểm d, mục 2 5.4, trang 150), đề nghị cân nhắc bổ sung như sau: "...giải pháp để đối phó với tình trạng khẩn cấp khi có gián đoạn về nguồn cung bên ngoài cho khu vực hoặc bất ổn trong nội bộ khu vực. <u>Đảm</u></p>	<p>Tiếp thu và đã sửa (BC Tổng hợp - PHẦN THỨ HAI, Chương I, Mục IV; 4.4.3. Nhận định chung về thực trạng)</p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
	<i><u>bảo khả năng tiếp cận nguồn năng lượng bền vững, đáng tin cậy và với giá cả phù hợp. Huy động nguồn lực quốc tế nhằm hỗ trợ chuyển đổi năng lượng công bằng”.</u></i>	
III.4	<i><u>Về các nhân tố địa chính trị (điểm a.4, mục 3.1.1, trang 205), đề nghị cân nhắc chỉnh sửa lại đoạn đầu tiên như sau: “<u>Canh tranh chiến lược giữa các nước lớn tiếp tục diễn biến quyết liệt hơn; xu hướng phân tuyến, phân tách ngày càng rõ nét hơn. Khu vực Châu Á – Thái Bình Dương duy trì sự năng động và tốc độ tăng trưởng kinh tế khả quan, đồng thời là tâm điểm và chịu tác động ngày càng lớn của cạnh tranh chiến lược nước lớn. Một số điểm nóng quốc tế và khu vực diễn biến phức tạp, khó đoán định và tiềm ẩn rủi ro”.</u></u></i>	Tiếp thu và đã sửa (BC Tổng hợp - PHẦN THỨ HAI, Chương II, Mục II; 1. Xu hướng phát triển quốc tế)
III.5	<i><u>Về các sáng kiến hợp tác, kết nối khu vực (điểm a.5, trang 205), đề nghị chỉnh sửa, bổ sung như sau: “Trong khung <u>các</u> khuôn khổ các sáng kiến hợp tác khu vực, như tiểu vùng sông Mê Công mở rộng (GMS), Mê Công Lan Thương (ALC), Vành đai và Con đường (BRI), và các sáng kiến liên kết của các nước, Việt Nam với vị trí “mặt tiền” <u>Biển Đông</u> và “cầu nối” <u>Trung Quốc Đông Nam Á</u> có cơ hội thuận lợi phát triển và kết nối các tuyến hành lang xuyên biên giới với các nước Đông Nam Á và Trung Quốc. Ngoài hai hành lang kinh tế đã đề xuất Côn Minh – Lào Cai – Lạng Sơn - Hà Nội – Hải Phòng và Nam Ninh - Hà Nội – Hải Phòng, trong bối cảnh Trung Quốc đang đẩy mạnh phát triển <u>các hành lang kinh tế trong Sáng kiến</u></u></i>	Tiếp thu và đã sửa (BC Tổng hợp - PHẦN THỨ HAI, Chương II, Mục II; 1. Xu hướng phát triển quốc tế)

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
	<p>và Con đường (BRI), tuyên hành lang quốc tế mới về thương mại trên bộ, trên biển quốc tế mới nhằm thúc đẩy kết nối các địa phương của Trung Quốc, trong đó có thành phố Trùng Khánh qua đi ra Đông Nam Á, tới Singapore, Việt Nam có cơ hội mở rộng các tuyến hành lang kinh tế thuộc “Hai hành lang, một vành đai” tới Trùng Khánh, đồng thời, có triển vọng hình thành hành lang kinh tế thứ ba là Hà Nội – Lạng Sơn – Cao Bằng – Bách Sắc – Quý Châu – Trùng Khánh”.</p>	
III.6	<p>Về bản sắc văn hóa đa dạng mang tầm liên quốc gia (mục b.(1), trang 220), đề nghị chỉnh sửa theo hướng nêu bật được những điểm mạnh, tính đa dạng, giàu bản sắc của 54 dân tộc Việt Nam.</p>	<p>Tiếp thu và đã sửa (BC Tổng hợp - PHẦN THỨ HAI, Chương IV, Mục II; 2.3. Từ góc độ lịch sử văn hoá – xã hội)</p>
III.7	<p>Về định hướng phát triển của thành phố Đà Nẵng (đoạn 5, điểm (4), mục 6.2.3, trang 290), đề nghị rà soát, kiểm tra lại tên gọi của cửa khẩu là “Đắc Tà Oọc” hay “Đắc Ốc”.</p>	<p>Tiếp thu và đã sửa (BC Tổng hợp - PHẦN THỨ HAI, Chương IV, mục IV; 2.2.2. thành phố trực thuộc trung ương; (4) Thành phố Đà Nẵng)</p>
III.8	<p>Về các định hướng giải pháp nhiệm vụ trọng tâm (mục IX, trang 345), đề nghị nghiên cứu, cân nhắc bổ sung nhiệm vụ về phát triển kết nối liên vùng, liên quốc gia để mở rộng kết nối các vùng kinh tế trọng điểm.</p>	<p>Tiếp thu và đã sửa (BC Tổng hợp - PHẦN THỨ HAI, Chương IV, mục II; Chiến lược 3: Phát triển kinh tế đô thị, nông thôn phù hợp với quy luật kinh tế thị trường)</p> <p>Đề cập đến nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quản lý phát triển các vùng đô thị hoá phù hợp với đặc điểm tự nhiên và điều kiện KT-XH vùng miền;

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
		<ul style="list-style-type: none"> - Tăng cường tích tụ và thúc đẩy chuyển đổi kinh tế đô thị sang mức độ giá trị gia tăng cao hơn, tạo nguồn lực đầu tư cơ sở hạ tầng đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của dân số đô thị. - Phát triển kết nối liên vùng, liên quốc gia để mở rộng kết nối các vùng kinh tế trọng điểm. - Phát triển các vùng đô thị hoá, động lực hình thành cực tăng trưởng và hành lang kinh tế quốc gia.
III.9	<p><i>Về bảo vệ bản sắc văn hóa các dân tộc trong quy hoạch-thiết kế đô thị (điểm b, trang 358-359), đề nghị bổ sung nội dung về bảo vệ, bảo tồn, phát huy giá trị các di sản và danh hiệu được UNESCO ghi danh.</i></p>	<p>Tiếp thu và đã sửa (BC Tổng hợp - PHẦN THỨ HAI, Chương IV, mục II; Chiến lược 4: Văn hoá – xã hội khu vực đô thị, nông thôn; (3) Kiến trúc cảnh quan đô thị, nông thôn)</p>
III.10	<p><i>Về các yêu cầu liên kết ngành công thương (điểm b, mục 10.2.2, trang 369), đề nghị bổ sung như sau: “...Nâng cấp mạng lưới đào tạo nghề gắn với hạ tầng đô thị, hạ tầng thông tin ứng dụng công nghệ cao. <u>Nghiên cứu xây dựng hệ thống chỉ số đổi mới sáng tạo ở cấp địa phương với sự hỗ trợ và tư vấn của Tổ chức Sở hữu Trí tuệ Thế giới (WIPO)</u>”.</i></p>	<p>Tiếp thu và đã sửa (BC Tổng hợp - PHẦN THỨ HAI, Chương IV, mục IX; 2.2 Liên kết ngành công thương)</p>
III.11	<p><i>Về các yêu cầu liên kết ngành nông nghiệp (điểm c, mục 10.2.2, trang 370), đề nghị bổ sung như sau: “Đẩy nhanh quá trình hiện đại hóa nông thôn, đảm bảo an ninh lương thực quốc gia, phát triển sản phẩm nông nghiệp chủ lực quốc gia và sản phẩm nông nghiệp đặc trưng làng xã. <u>Huy động nguồn lực quốc</u></i></p>	<p>Tiếp thu và đã sửa (BC Tổng hợp - PHẦN THỨ HAI, Chương IV, mục IX; 2.3 Liên kết ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn)</p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
	<i>tế để phát triển nông nghiệp bền vững và thông minh”.</i>	
III.12	<i>Về các yêu cầu liên kết ngành văn hóa, thể thao, du lịch (điểm d, trang 370), đề nghị chỉnh sửa, bổ sung như sau: “... di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới và danh hiệu UNESCO (bao gồm di sản thế giới, di sản phi vật thể, di sản tư liệu, khu dự trữ sinh quyển thế giới, mạng lưới thành phố học tập toàn cầu, vinh danh danh nhân)...”.</i>	Tiếp thu và đã sửa (BC Tổng hợp - PHẦN THỨ HAI, Chương IV, mục IX; 2.4 Liên kết ngành văn hoá, thể thao, du lịch)
III.13	Đề nghị rà soát và sử dụng cụm từ “Việt-Trung” hoặc “Việt Nam – Trung Quốc” (không dùng cụm từ “Việt – Hoa”) cho thống nhất trong toàn bộ dự thảo Quy hoạch.	Đã rà soát và sử dụng cụm từ “Việt-Trung” hoặc “Việt Nam – Trung Quốc” thay cụm từ “Việt – Hoa”) thống nhất trong toàn bộ dự thảo Quy hoạch.
III.14	Đề nghị thay cụm từ “văn hóa sắc tộc” thành “văn hóa dân tộc” cho phù hợp với cách dùng từ trong các văn bản chính thức liên quan đến văn hóa dân tộc Việt Nam.	Đã thay cụm từ “văn hóa sắc tộc” thành “văn hóa dân tộc” thống nhất trong toàn bộ dự thảo Quy hoạch.
III.15	Đề nghị cân nhắc chỉnh sửa tiêu đề của các mục trong dự thảo Quy hoạch tương ứng với các nội dung theo yêu cầu tại khoản 3 Điều 1 Quyết định số 294/QĐ-TTg ngày 24/02/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2040.	Tiếp thu và đã sửa theo quy định nêu tại Quyết định số 294/QĐ-TTg ngày 24/02/2020 của Thủ tướng Chính phủ
III.16	Đồng thời rà soát và đảm bảo tất cả các bản đồ Việt Nam có liên quan trong dự thảo Quy hoạch có đầy đủ Quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.	Đã rà soát đảm bảo các bản đồ có Quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
III.17	<p>Về phát triển các đô thị cửa khẩu: cửa khẩu biên giới là nơi giao lưu về các mặt kinh tế, chính trị, văn hóa giữa Việt Nam với các nước láng giềng. Việc phát triển hệ thống cửa khẩu biên giới ở nước ta có tầm quan trọng đặc biệt đối với công tác bảo vệ biên giới quốc gia, phục vụ đắc lực cho nhu cầu phát triển kinh tế xã hội và tận dụng được các lợi thế tiềm năng của từng địa phương ở cả hai bên. Bên cạnh đó, việc phát triển hệ thống cửa khẩu cũng hình thành hệ thống kết cấu hạ tầng tổng hợp với mạng lưới giao thông, phát triển các khu kinh tế, đặc biệt, hệ thống kho bãi chuyên tiếp hàng hóa kết nối nước ta với các nước láng giềng, tạo điều kiện thúc đẩy hợp tác liên vùng về kinh tế - xã hội, góp phần cải thiện đời sống nhân dân, làm thay đổi diện mạo của khu vực biên giới nói riêng cũng như cả nước nói chung. Do đó, trong quá trình xây dựng quy hoạch, đề nghị Bộ Xây dựng phối hợp chặt chẽ với Bộ Ngoại giao đề cập nhật thông tin về định hướng phát triển cửa khẩu trên toàn tuyến biên giới, từ đó đề ra định hướng phù hợp để phát triển các đô thị cửa khẩu.</p>	<p>Tiếp thu và đã bổ sung ý kiến của quý Bộ (BC Tổng hợp - PHẦN THỨ HAI, Chương IV, mục VIII; 1.3. Định hướng phát triển chuỗi đô thị biên giới, cửa khẩu)</p>
<p>(Trả lời công văn số 2430 /BNG-THKT ngày 29/05/2023 của Bộ Ngoại Giao)</p>		
	<p>Về Báo cáo Tổng hợp</p>	
III.18	<p>Về phạm vi ranh giới lập Quy hoạch (trang 18), đề nghị cần nhắc điều chỉnh như sau: “Phạm vi, ranh giới lập quy hoạch: là toàn bộ bao gồm lãnh thổ, lãnh hải của Việt Nam bao gồm đất</p>	<p>Thống nhất chỉnh sửa tại mục “2. Phạm vi ranh giới và thời kỳ lập quy hoạch”</p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
	<p><i>liền, các hải đảo, quần đảo, lòng đất, vùng biển, vùng trời thuộc chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán của Việt Nam</i>” do: (i) Lãnh hải là một phần của lãnh thổ Việt Nam vì vậy không cần thiết tách riêng; (ii) Các vùng biển thuộc “quyền chủ quyền, quyền tài phán” của Việt Nam như Vùng đặc quyền kinh tế tuy nằm trong phạm vi quy hoạch nhưng không phải vùng biển thuộc “chủ quyền” Việt Nam (như lãnh hải) vì vậy cần được tách riêng để tránh nhầm lẫn; (iii) Phù hợp và tương thích với Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 ban hành ngày 09/01/2023.</p>	
III.19	<p>Về căn cứ pháp lý, đối với các Luật được đề cập, cần nhắc không cần thiết phải ghi do Quốc hội ban hành”; rà soát và sắp xếp các văn bản theo trình tự thời gian ban hành.</p>	<p>Về căn cứ pháp lý: đã bỏ cụm từ “do Quốc hội ban hành” Ý kiến của quý Bộ về sắp xếp các văn bản theo trình tự thời gian ban hành; do đây là Quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành cấp quốc gia), nên sắp xếp các văn bản ưu tiên chuyên ngành chính lên trước.</p>
III.20	<p>Về đặc điểm khí hậu và biến đổi khí hậu (trang 35), đề nghị cần nhắc bổ sung thêm nội dung liên quan đến Mục nước biển dâng” do đây là một vấn đề cấp thiết, được chứng minh có ảnh hưởng trực tiếp đến lãnh thổ Việt Nam, đặc biệt là các tỉnh, thành phố ven biển, qua đó có tác động tới vấn đề Quy hoạch đô thị và nông thôn.</p>	<p>Thông nhất. Việt nam là một trong những nước chịu ảnh hưởng lớn từ BĐKH và nước biển dâng, nên nội dung liên quan đến “Mục nước biển dâng” đã được trình bày trong nhiều nội dung của Quy hoạch, trong đó đã phân tích vấn đề nước biển dâng (BC Tổng hợp - PHẦN THỨ HAI, Chương I, mục II; 3. Một số vấn đề sử dụng khai thác điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên phát triển đô thị - nông thôn)</p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
III.21	Về tài nguyên nước (trang 38), đề nghị cân nhắc bổ sung thêm nội dung liên quan đến tài nguyên biển", do phạm vi quy hoạch có bao gồm các vùng biển và hải đảo của ta.	Tiếp thu và đã bổ sung ý kiến (BC Tổng hợp - PHẦN THỨ HAI, Chương I, mục II; 2.5. Tài nguyên biển)
III.22	Về quan điểm và mục tiêu (trang 321-323), đề nghị rà soát và lược bỏ những nội dung không cần thiết, đi thẳng vào nội dung (bỏ phần đề cập đến Nghị quyết 06, Quyết định số 294, Nghị quyết 138). Sắp xếp lại và có trình bày lại nội dung phần này theo đúng quy định và lược bỏ các nội dung bị trùng lặp (nội dung cuối trang 322 và 323). Chỉnh sửa lại "Tầm nhìn đến năm 2045" thành Tầm nhìn đến năm 2050" đảm bảo phù hợp với giai đoạn thực hiện quy hoạch	<p>Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn là quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành cấp quốc gia; trong thời gian qua Nhà nước ban hành nhiều chủ trương, chính sách và văn bản pháp luật đề cập đến quan điểm và mục tiêu phát triển đô thị - nông thôn.</p> <p>Do đó, quy hoạch này đã chọn lọc các văn bản pháp luật phù hợp nhất làm căn cứ xác định "quan điểm và mục tiêu" đảm bảo tính thống nhất.</p> <p>Về tầm nhìn: đã chỉnh sửa theo Quyết định số 294/QĐ-TTg ngày 24/02/2020 của Thủ tướng Chính phủ "V/v phê duyệt Nhiệm vụ lập Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050</p>
III.23	Về định hướng quy hoạch đối với nguồn năng lượng (trang 508), đề nghị bổ sung nội dung: "Huy động nguồn lực quốc tế để đánh giá chính xác tiềm năng điện gió, điện mặt trời nhằm hỗ trợ chuyển đổi năng lượng".	Tiếp thu và đã sửa (BC Tổng hợp - PHẦN THỨ HAI, Chương IV, Mục VI; 1.4.1. Hạ tầng cung cấp năng lượng, cấp điện đô thị và nông thôn).
III.24	Về liên kết vùng và liên kết ngành (trang 546), đề nghị nghiên cứu, cân nhắc bổ sung nhiệm vụ trọng tâm về phát triển kết nối liên vùng, liên quốc gia để mở rộng kết nối các vùng kinh tế	Tiếp thu và đã sửa (BC Tổng hợp - PHẦN THỨ HAI, Chương IV, Mục II; Chiến lược 5: Quản trị đô thị - nông

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
	trọng điểm, phù hợp với mục tiêu tổng quát là phát triển hệ thống đô thị Việt Nam có vai trò trong mạng lưới đô thị Châu Á- Thái Bình Dương, có tính cạnh tranh cao trong phát triển kinh tế - xã hội khu vực và quốc tế.	thôn (1) Cải cách hoàn thiện thể chế phát triển đô thị - nông thôn)
	Về Phụ lục “Kinh nghiệm quốc tế	
III.25	<p><i>Về Chiến lược đô thị hóa các thành phố ASEAN</i> (trang 1), đề nghị cân nhắc bổ sung các nội dung sau:</p> <p>Mạng lưới các thành phố thông minh ASEAN (ASCN): mạng lưới ASCN được thành lập năm 2018, với mục tiêu (i) điều phối, kết hợp các nỗ lực hợp tác phát triển các thành phố thông minh trong ASEAN; (ii) xúc tiến, liên kết các dự án tiềm năng với khu vực kinh tế tư nhân; và (iii) tranh thủ các nguồn lực hỗ trợ từ các đối tác bên ngoài ASEAN. ASCN hiện duy trì họp hàng năm, phối hợp chặt chẽ để hỗ trợ triển khai kế hoạch hành động của từng thành phố về Phát triển Thành phố thông minh giai đoạn 2018-2025, và cùng tham gia xây dựng tài liệu về Khuôn khổ các thành phố thông minh ASEAN.</p>	Tiếp thu và đã sửa (BC Tổng hợp – PHỤ LỤC I: MỘT SỐ KINH NGHIỆM QUỐC TẾ; Phụ lục 1.1: CHIẾN LƯỢC ĐÔ THỊ HOÁ CÁC THÀNH PHỐ ASEAN)
III.26	<p><i>Về Chiến lược đô thị hóa các thành phố ASEAN</i> (trang 1), đề nghị cân nhắc bổ sung các nội dung sau:</p> <p>Mạng lưới làng xã ASEAN: Hội nghị Cấp cao ASEAN lần thứ 42 (Indonesia, ngày 09/5/2023) đã thông qua Tuyên bố của các Lãnh đạo ASEAN về việc thành lập Mạng lưới Làng xã</p>	Tiếp thu và đã sửa (BC Tổng hợp – PHỤ LỤC I: MỘT SỐ KINH NGHIỆM QUỐC TẾ; Phụ lục 1.1: CHIẾN LƯỢC ĐÔ THỊ HOÁ CÁC THÀNH PHỐ ASEAN)

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
	<p>ASEAN, trong đó nhất trí thành lập Mạng lưới Làng xã ASEAN với các mục tiêu: (i) tạo diễn đàn cho sự tham gia và phát triển toàn diện của cả cộng đồng; (ii) thúc đẩy hợp tác làng xã, đẩy nhanh phát triển nông thôn; (iii) trao đổi chiến lược về phát triển cơ sở hạ tầng số, trình độ, kỹ năng số và ứng dụng công nghệ số ở nông thôn; (iv) tạo điều kiện cho các sản phẩm nông thôn thâm nhập thị trường khu vực và quốc tế; (v) thúc đẩy hợp tác với các đối tác bên ngoài và khu vực tư nhân để duy trì mạng lưới; (vi) tăng cường bản sắc ASEAN tại cấp độ làng/xã. Việc thành lập Mạng lưới làng xã ASEAN là một trong những hoạt động của Kế hoạch tổng thể ASEAN về phát triển nông thôn - xóa đói giảm nghèo giai đoạn 2021–2025.</p>	
III.27	<p>Về tổ chức không gian lãnh thổ (trang 5), đề nghị bổ sung như sau: “Tổ chức hành chính và an ninh – quốc phòng... và một số nước, <u>vùng lãnh thổ</u> khác như Hàn Quốc, Đài Loan”.</p>	<p>Tiếp thu và đã sửa (BC Tổng hợp – PHỤ LỤC I: MỘT SỐ KINH NGHIỆM QUỐC TẾ; Phụ lục 1.1: KINH NGHIỆM QUỐC TẾ VỀ PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG ĐÔ THỊ VÀ NÔNG THÔN; 1. Xu thế phát triển hệ thống đô thị và nông thôn trên thế giới; 1.1. Tổ chức không gian lãnh thổ)</p>
III.28	<p>Về mô hình mới - tạo cạnh tranh đô thị (trang 14), đề nghị xem xét lại tính chính xác về nội dung hoặc nguồn trích dẫn của nội dung sau: “Một số nước như Anh và Cộng hòa Liên bang Đức đề ra các quy định gây khó khăn đối với các doanh nghiệp nội địa muốn rời bỏ một đô thị hay một địa điểm trong nước để di chuyển tới các nước có nhân công rẻ hơn và các quy định bảo</p>	<p>Tiếp thu và đã sửa, nội dung này không đề cập vì tính chính xác không cao.</p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
	<i>vệ môi trường không ngột ngạt”.</i>	
III.29	<p>Về nhận định vai trò, liên hệ vùng của quốc gia trong khu vực và quốc tế (trang 32), đề nghị cân nhắc bổ sung việc triển khai sáng kiến Vành đai và Con đường của Trung Quốc trong 10 năm như tính đến cuối năm 2022, hệ thống kết nối đường sắt cao tốc của Trung Quốc đã kết nối 108 thành phố ở Trung Quốc và có thể đến 208 thành phố ở 25 quốc gia Châu Âu. Tại khu vực Đông Nam Á, tuyến đường sắt Trung – Lào đã đi vào hoạt động; ngoài ra Trung Quốc cũng đã phát triển hệ thống cảng biển, các khu vực dịch vụ Hậu Cần. Nếu Việt Nam chậm kết nối với cơ sở hạ tầng của Trung Quốc và khu vực sẽ đánh mất lợi thế so sánh với các nước khác.</p>	<p>Tiếp thu và đã sửa (BC Tổng hợp - PHẦN THỨ HAI, Chương I, Mục I; 2. Các cơ hội đối với đô thị hoá và phát triển nông thôn)</p>
III.30	<p>Đề nghị bổ sung tài liệu của Diễn đàn châu Á – Thái Bình Dương (APEC) (xuất bản tháng 8/2021) nghiên cứu điển hình về phát triển thành phố thông minh trong kỷ nguyên số với 10 bài học kinh nghiệm “ APEC Case Study: Best Practices of Smart Cities in the Digital Age”.</p>	<p>Tiếp thu ý kiến góp ý</p>
III.31	<p>Cân nhắc đưa thêm thông tin về bài học kinh nghiệm của Hàn Quốc đối với Luật PPP do đây là lĩnh vực quan trọng trong quá trình triển khai quy hoạch đô thị. Hàn Quốc là một trong những nước tiên phong về PPP ở châu Á. Chương trình PPP đầu tiên của Hàn Quốc được khởi xướng từ năm 1994 với “Luật Thúc đẩy vốn tư nhân đầu tư toàn xã hội” đã không thành công.</p>	<p>Các bài học đúc kết từ kinh nghiệm các nước trên thế giới tổng hợp trên cơ sở đã được áp dụng thành công, và được kiểm chứng tại nhiều nước trên thế giới. Do đó, tiếp nhận ý kiến về kinh nghiệm của Hàn Quốc về luật PPP, tuy nhiên, không bổ sung thêm trong phụ lục do chưa có nhiều thông tin thực hiện tại các nước khác.</p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
	<p>Nguyên nhân chủ yếu do thiếu khuôn khổ pháp lý đầy đủ để xây dựng và thực hiện các dự án PPP, cơ chế chia sẻ rủi ro không hấp dẫn nhà đầu tư tư nhân, thủ tục đấu thầu không minh bạch và phù hợp với thông lệ quốc tế nên thiếu động lực cho khu vực tư nhân. Do những hạn chế đó, năm 1998, Luật PPP trong lĩnh vực kết cấu hạ tầng (Act on PPP in infrastructure-PPI) ra đời đã thể chế hóa các chính sách, quy định được đổi mới nhằm cải thiện các hình thức hợp đồng, đơn giản hóa thủ tục đấu thầu, quy định về lập kế hoạch PPP, quyết định ngân sách nhà nước cho PPP, nghiên cứu khả thi bắt buộc đối với các dự án PPP, quy định cách thức quản lý các dự án PPP, xác định hệ thống hỗ trợ tài chính và xử lý rủi ro như Quỹ bảo lãnh tín dụng cho kết cấu hạ tầng (Infrastructure Credit Guarantee Fund) và Quỹ công trình kết cấu hạ tầng (Infrastructure Facilities Fund), thiết lập Trung tâm PPP Hàn Quốc. Với sự ra đời của Luật PPP trong lĩnh vực kết cấu hạ tầng và Trung tâm PPP Hàn Quốc, tốc độ phát triển của các dự án PPP tăng nhanh chóng, đặc biệt trong lĩnh vực đường bộ.</p>	
III.32	<p>Về Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược:</p> <p><i>Về khu bảo tồn thiên nhiên Việt Nam và di sản Thế giới (trang 75), đề nghị thay thế cụm từ “di sản thế giới” bằng “các di sản/danh hiệu của Việt Nam đã được UNESCO công nhận liên quan đến thiên nhiên”, trong đó phân loại chính xác như sau: 02 di sản thiên nhiên thế giới, 01 di sản văn hóa thiên nhiên thế</i></p>	Tiếp thu ý kiến góp ý

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
	giới, 11 khu dự trữ sinh quyển thế giới, 03 công viên địa chất toàn cầu. Đề nghị tham khảo danh sách di sản/danh hiệu kèm theo và chú thích lại hình 2.15 (trang 79) theo đúng phân loại.	
III.33	<p>Về Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược:</p> <p><i>Về di tích lịch sử - văn hóa</i> (trang 82), đề nghị thay cụm từ “di sản vật thể” thành “di sản thế giới”, đồng thời bổ sung 14 di sản văn hóa phi vật thể, di sản tư liệu và các loại danh hiệu UNESCO khác liên quan đến văn hóa (thành phố hòa bình, sáng tạo, học tập toàn cầu, các nghị quyết vinh danh danh nhân Việt Nam).</p>	Tiếp thu ý kiến góp ý
III.34	Về dự thảo Quyết định phê duyệt: đề nghị Cơ quan lập quy hoạch rà soát và chỉnh sửa lại kết cấu, trình tự và nội dung theo đúng quy định, thống nhất với các nội dung được thể hiện tại Báo cáo tổng hợp. Cơ quan lập quy hoạch có thể nghiên cứu và tham khảo thêm một số các quy hoạch ngành đã được phê duyệt.	Nhất trí
III.35	Về bản tổng hợp tiếp thu và giải trình ý kiến góp ý: tại phần giải trình đề nghị không nhắc lại nội dung góp ý mà làm rõ ý kiến đó có tiếp thu hay không tiếp thu. Nếu tiếp thu thì đã được thể hiện tại điểm nào? Mục nào? Trang nào? Nếu không tiếp thu thì nêu rõ lý do.	Thống nhất phương pháp giải trình như góp ý

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
IV. BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG (2023) <i>(Trả lời công văn số 688/BTNMT-KHTC ngày 13/02/2023 của Bộ Tài Nguyên và Môi trường)</i>		
IV.1	<p>Về căn cứ pháp lý, đề nghị bổ sung Luật đất đai, Luật tài nguyên nước; Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước; Nghị định số 437/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước.</p>	<p>Tiếp thu và đã sửa (BC Tổng hợp - PHẦN THỨ NHẤT, Mục 4: Căn cứ pháp lý)</p>
IV.2	<p>Về quan điểm lập quy hoạch, đề nghị bổ sung quan điểm “Quy hoạch sẽ gắn với khả năng nguồn nước, bảo vệ tài nguyên nước; bảo đảm duy trì dòng chảy tối thiểu trên sông, không vượt quá ngưỡng khai thác đối với các tầng chứa nước và có các biện pháp bảo đảm đời sống dân cư” theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch.</p>	<p>Tiếp thu và đã sửa (BC Tổng hợp - PHẦN THỨ HAI, Chương IV, Mục II; Chiến lược 2: Tích hợp liên ngành đô thị, nông thôn với bảo vệ môi trường; (2) Đô thị hoá gắn với quản lý tổng hợp tài nguyên nước)</p>
IV.3	<p>Về nội dung đánh giá tổng quát tình hình thực hiện điều chỉnh định hướng quy hoạch tổng thể hệ thống đô thị Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050, đề nghị bổ sung thông tin về hiện trạng và nhu cầu khai thác, sử dụng tài nguyên nước và xả nước thải vào nguồn nước của các đô thị Việt Nam.</p>	<p>Tiếp thu và đã sửa (BC Tổng hợp - PHẦN THỨ HAI, Chương I, Mục IV; 4.3. Hiện trạng cấp nước/4.3.2. Nguồn nước/4.3.3. Nhận định chung; Và 4.6. Hiện trạng thoát nước thải, xử lý chất thải rắn và nghĩa trang/ a) Hạ tầng thoát nước và xử lý nước thải)</p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
IV.4	<p>Về nội dung định hướng hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị và nông thôn đề nghị bổ sung:</p> <p>Đối với hạ tầng cấp nước; thông tin về các nguồn nước dự kiến khai thác, quy mô khai thác và dự báo khả năng đáp ứng của các nguồn nước trong kỳ quy hoạch.</p> <p>Đối với hạ tầng thoát nước thải và xử lý nước thải: thông tin dự kiến về các nguồn nước tiếp nhận nước thải, quy mô xả thải, dự báo khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của các nguồn nước trong kỳ quy hoạch. Quy hoạch đô thị, khu dân cư tập trung phải có hệ thống thu gom, xử lý nước thải phù hợp với quy mô xả nước thải, khả năng tiếp nhận nước thải của nguồn nước và phải được cơ quan quản lý nhà nước về tài nguyên nước có thẩm quyền chấp thuận trước khi trình phê duyệt theo quy định tại Khoản 1 Điều 37 Luật tài nguyên nước.</p>	<p>Tiếp thu và đã nghiên cứu (BC Tổng hợp - PHẦN THỨ HAI, Chương IV, Mục VI; 1.3. Định hướng quản lý lý tổng hợp và hạ tầng cấp nước; Và 1.6.1. Định hướng hạ tầng thoát nước và xử lý nước thải)</p> <p>Giải trình: Với dự kiến quy hoạch phát triển đến năm 2030, cả nước có > 1.000 đô thị, và quy hoạch này ở quy mô quốc gia đưa ra các nguyên tắc để giải quyết vấn đề về hạ tầng cấp nước và thoát nước thải; không thể đưa ra các thông tin chi tiết về nguồn nước dự kiến khai thác, quy mô khai thác và dự báo khả năng đáp ứng của các nguồn nước trong kỳ quy hoạch cũng như thông tin dự kiến về các nguồn nước tiếp nhận nước thải, quy mô xả thải, dự báo khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của các nguồn nước trong kỳ quy hoạch. Quy hoạch cấp tỉnh và quy hoạch đô thị sẽ giải quyết cụ thể.</p>
IV.5	<p>Việc xây dựng các khu đô thị, khu dân cư tập trung có nguy cơ gây ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt nguồn nước phải có phương án phòng, chống ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt nguồn nước Khoản 3 Điều 26 Luật tài nguyên nước.</p>	<p>Tiếp thu và đã sửa (BC Tổng hợp - PHẦN THỨ HAI, Chương IV, Mục II; Chiến lược 2: Tích hợp liên ngành đô thị, nông thôn với bảo vệ môi trường; (2) Đô thị hoá gắn với quản lý tổng hợp tài nguyên nước)</p>
IV.6	<p>Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 thuộc danh mục đối tượng phải thực hiện đánh giá môi trường chiến lược theo quy định của Luật bảo vệ môi trường năm 2014 và Nghị định số</p>	<p>Đánh giá môi trường chiến lược (ĐMC) đang được nhóm chuyên gia của Viện Quy hoạch môi trường, HTKT đô thị và nông thôn thực hiện đối với quy hoạch này. Kết quả đánh giá và các khuyến cáo từ ĐMC sẽ được xem xét, tích</p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
	40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường.	hợp trong các định hướng quy hoạch và bổ sung các giải pháp bảo vệ môi trường và ứng phó biến đổi, giảm thiểu rủi ro thiên tai trong kỳ quy hoạch.
IV.7	Hiện tại quy hoạch sử dụng đất quốc gia, quy hoạch không gian biển quốc gia cũng như các quy hoạch ngành quốc gia về sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học đang trong quá trình thực hiện. Do đó thuyết minh Nhiệm vụ Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 cần nêu rõ việc chủ động phối hợp, cập nhật các thông tin trong quá trình lập quy hoạch để đảm bảo thống nhất, đồng bộ trong hệ thống quy hoạch quốc gia.	<p>Tiếp thu và đã bổ sung (BC Tổng hợp - PHẦN THỨ HAI, Chương IV, Mục VII: ĐỊNH HƯỚNG BỐ TRÍ SỬ DỤNG ĐẤT; CÁC HOẠT ĐỘNG BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, ỨNG PHÓ BĐKH; BẢO TỒN SINH THÁI CẢNH QUAN; DI TÍCH ĐÃ XẾP HẠNG QUỐC GIA TRONG PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ - NÔNG THÔN)</p> <p>Quy hoạch này đã chủ động phối hợp với quy hoạch sử dụng đất quốc gia, quy hoạch không gian biển quốc gia và quy hoạch ngành quốc gia về sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học đáp ứng yêu cầu tại Quyết định số 294/QĐ-TTg ngày 24/02/2020 của Thủ tướng Chính phủ “V/v phê duyệt Nhiệm vụ lập Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.</p>
<i>(Trả lời công văn số 6127/BTNMT-KHTC ngày 20/11/2019 của Bộ Tài Nguyên và Môi trường)</i>		
IV.8	Về căn cứ pháp lý (Mục 1.4 trang 14), đề nghị bổ sung: - Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 23/11/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo quốc phòng,	Tiếp thu và đã sửa (BC Tổng hợp - PHẦN THỨ NHẤT, Mục 4: Căn cứ pháp lý)

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
	<p>an ninh vùng Đồng bằng sông Hồng đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết số 39/2021/QH15 của Quốc hội về Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021 - 2025. - Nghị quyết số 81/2023/QH15 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. 	
IV.9	<p>Về định hướng phát triển hệ thống đô thị và nông thôn cần xem xét, đảm bảo phù hợp với Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, Kế hoạch sử dụng đất cấp quốc gia 5 năm 2021-2025 đã được Quốc hội thông qua tại Nghị quyết số 39/2021/QH15 ngày 13/11/2021 và chi tiêu sử dụng đất được Thủ tướng Chính phủ phân bổ tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày ngày 09/3/2022.</p>	<p>Tiếp thu và đã bổ sung (BC Tổng hợp - PHẦN THỨ HAI, Chương IV, Mục VII; 1. Định hướng bố trí sử dụng đất phát triển đô thị, nông thôn)</p> <p>Quy hoạch này đã cập nhật thông tin phù hợp với quy hoạch sử dụng đất quốc gia chi tiêu sử dụng đất.</p>
IV.10	<p>Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Quy hoạch tài nguyên nước thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 1622/QĐ-TTg ngày 27/12/2022; các Quy hoạch tổng hợp lưu vực thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, gồm: Bằng Giang - Kỳ Cùng, Srêpók và Sê San tại các Quyết định số 1969/QĐ-TTg ngày 23/11/2021, số 2138/QĐ-TTg ngày 20/12/2021 và số 2204/QĐ-TTg ngày 27/12/2021. Hiện Bộ Tài nguyên và Môi trường đã trình Thủ tướng phê duyệt Quy hoạch</p>	<p>Tiếp thu: Đã cập nhật các nội dung này trong đề án và sẽ tiếp tục cập nhật khi các quy hoạch khác được duyệt.</p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
	tổng hợp lưu vực sông Hồng - Thái Bình thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Do đó, để đảm bảo tính thống nhất và tổng thể, đề nghị thông tin về tài nguyên nước trong dự thảo Quy hoạch cần rà soát chính xác theo các Quy hoạch nêu trên.	
IV.11	Về dự báo và triển vọng phát triển hệ thống đô thị và nông thôn (Mục IV, trang 224), đề nghị bổ sung nội dung dự báo tác động của phát triển đô thị và nông thôn đến tài nguyên thiên nhiên cũng như vai trò của tài nguyên thiên nhiên đối với kinh tế - xã hội của các khu vực đô thị và nông thôn.	<p>Tiếp thu và đã bổ sung (BC Tổng hợp - PHẦN THỨ HAI, Chương II, Mục II; 2.2. Dự báo tác động đô thị và nông thôn đến tài nguyên thiên nhiên)</p> <p>Tư vấn xin tiếp thu, đã bổ sung thông tin dự báo xu thế tác động của phát triển đô thị và nông thôn đến tài nguyên thiên nhiên trong tương lai làm một thông tin đầu vào - cơ sở đề xuất các phương án phát triển đô thị và nông thôn. Việc đánh giá tác động của các phương án phát triển đô thị và nông thôn đến tài nguyên thiên nhiên cũng được nhóm thực hiện đánh giá môi trường chiến lược đối với quy hoạch này thực hiện.</p>
IV.12	Nghiên cứu lồng ghép, tích hợp các nội dung liên quan tại Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu giai đoạn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 896/QĐ-TTg ngày 26/7/2022, góp phần định hướng, tổ chức không gian chuyển dịch mô hình tăng trưởng theo hướng carbon thấp, nâng cao sức chống chịu và cạnh tranh của từng khu vực đô thị và nông thôn.	Tiếp thu ý kiến của quý Bộ, quy hoạch này đã chú trọng nghiên cứu lồng ghép, tích hợp các nội dung Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu giai đoạn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 896/QĐ-TTg ngày 26/7/2022, trong các phân tích tổng hợp, quan điểm, mục tiêu, định hướng tổ chức không gian đô thị - nông thôn và hạ tầng theo hướng tiết kiệm năng

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
		lượng và giảm phát thải, nâng cao sức chống chịu và cạnh tranh của từng khu vực đô thị và nông thôn.
IV.13	<p>Việc xây dựng và triển khai thực hiện Quy hoạch phải được thực hiện trên cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia đã được chuẩn hóa và cập nhật, do Bộ Tài nguyên và Môi trường cung cấp theo quy định tại Điều 41 Luật Quy hoạch; điểm b khoản 5 Điều 41 và khoản 1 Điều 47 Luật Đo đạc và bản đồ.</p> <p>Về hệ thống bản đồ quy hoạch, danh mục và tỷ lệ bản đồ quy hoạch cần tuân thủ theo quy định tại mục IV Phụ lục I của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch. Đối với bản đồ phải có đầy đủ cơ sở toán học, các ký hiệu trong nội dung bản đồ phải thống nhất với phần ghi chú của bản đồ. Khi biểu thị hình ảnh bản đồ Việt Nam phải thể hiện đầy đủ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia đối với vùng biển, hải đảo của Việt Nam theo quy định của Luật Đo đạc và bản đồ. Sản phẩm bản đồ quy hoạch phải ở định dạng GeoTiff hoặc GeoPDF để đảm bảo việc kết nối, chia sẻ và sử dụng chung với các hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia khác. Sau khi hoàn thành phải thực hiện việc kết nối dữ liệu bản đồ quy hoạch nêu trên với Công thông tin không gian địa lý Việt Nam theo quy định tại khoản 3 Điều 48 Luật Đo đạc và bản đồ.</p>	<p>Các ký hiệu trong nội dung bản đồ đã được thống nhất với phần ghi chú của bản đồ.</p> <p>Về sản phẩm bản đồ quy hoạch phải ở định dạng GeoTiff hoặc GeoPDF. Sản phẩm đề án: ngoài sản phẩm PDF để in ấn và lưu trữ thì sẽ có lưu trữ định dạng GeoTiff để đảm bảo việc kết nối, chia sẻ và sử dụng chung với các hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia khác.</p> <p>Dữ liệu quy hoạch được xây dựng trên nền địa lý không gian Quốc gia do Bộ Tài nguyên và Môi trường cung cấp, do vậy sản phẩm đủ điều kiện kết nối dữ liệu bản đồ quy hoạch với Công thông tin không gian địa lý Việt Nam.</p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
IV.14	Ngày 13/02/2023, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã có Công văn số 688/BTNMT-KHTC gửi Bộ Xây dựng về việc tham gia ý kiến đối với dự thảo Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và đề xuất nội dung tích hợp vào Quy hoạch. Đề nghị cơ quan chủ trì lập quy hoạch nghiên cứu, tiếp thu đầy đủ ý kiến của Bộ Tài nguyên và Môi trường tại văn bản nêu trên và nghiêm túc chỉnh sửa trong hồ sơ Quy hoạch.	Tiếp thu ý kiến góp ý, và đã nghiêm túc chỉnh sửa trong hồ sơ quy hoạch phục vụ hội đồng thẩm định quy hoạch
IV.15	Về nội dung Báo cáo thuyết minh quy hoạch Đối với phần hiện trạng hệ thống đô thị - nông thôn, cần nghiên cứu tách riêng nội dung về đô thị và nông thôn, trong mỗi nội dung cần nêu hiện trạng và đánh giá có tính chất tương đồng giữa khu vực đô thị và nông thôn do trong báo cáo hiện nay chủ yếu đánh giá về phần đô thị (bao gồm nội dung về bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, thu gom, xử lý chất thải và quan trắc, cảnh báo môi trường).	Tiếp thu ý kiến góp ý, Báo cáo thuyết minh Quy hoạch chỉnh sửa đã bám sát cấu trúc nội dung theo yêu cầu của Quyết định số 294/QĐ-TTg ngày 24 tháng 02 năm 2020 Phê duyệt Nhiệm vụ lập Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Một số nội dung nghiên cứu còn thiếu sót trong Dự thảo trước mà Quý bộ góp ý đã được tiếp tục nghiên cứu, bổ sung và hoàn thiện.
IV.16	Tại mục 3.8. Hiện trạng môi trường đô thị và nông thôn (trang 242): đề nghị bổ sung hiện trạng suy giảm tài nguyên thiên nhiên và đa dạng sinh học do phát triển đô thị và nông thôn thời gian qua.	Nội dung này đã được đề cập trong mục “Một số vấn đề sử dụng khai thác điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên phát triển đô thị - nông thôn”
IV.17	Mục 2.1 (Nguyên tắc, yêu cầu bảo vệ cảnh quan thiên nhiên, khai thác và sử dụng tài nguyên đất có hiệu quả) và Mục 2.2.	Mục 2.1. Nguyên tắc, yêu cầu bảo vệ cảnh quan thiên nhiên, khai thác và sử dụng tài nguyên đất có hiệu quả và

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
	<p>(Định hướng bảo tồn sinh thái cảnh quan, di tích đã xếp hạng quốc gia trong phát triển đô thị và nông thôn)(trang 530):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cần rà soát tên gọi của 2 mục trên để đảm bảo logic - Nội dung Mục 2.2 đưa ra định hướng hạn chế đô thị hóa trong các hành lang đa dạng sinh học là chưa đầy đủ. Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát tổng thể các đối tượng của bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học (gồm: khu bảo tồn, hành lang đa dạng sinh học, cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học, khu vực đa dạng sinh học cao, cảnh quan sinh thái quan trọng, cảnh quan thiên nhiên quan trọng, vùng đất ngập nước quan trọng). - Nội dung hai mục trên chưa gắn với mục tiêu phát triển đô thị và nông thôn. Do vậy cần rà soát làm rõ vai trò của bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học trong phát triển đô thị và nông thôn nhằm đảm bảo các yếu tố về bảo vệ, bảo tồn, phát triển bền vững tài nguyên đa dạng sinh học. Đặc biệt làm rõ được vai trò, vị trí của người dân sống trong các đô thị và nông thôn. Ngoài ra, việc sắp xếp không gian phát triển đô thị và nông thôn cần đồng bộ với các quy hoạch ngành quốc gia đang được xây dựng (gồm: quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học quốc gia, quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2030). 	<p>Mục 2.2. Định hướng bảo tồn sinh thái cảnh quan, di tích đã xếp hạng quốc gia trong phát triển đô thị và nông thôn là các tiêu đề quy định trong Quyết định số 294/QĐ-TTg ngày 24/2/2020 Phê duyệt Nhiệm vụ lập Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050</p> <p>Tiếp thu ý kiến góp ý, đã nghiên cứu bổ sung nội dung góp ý của quý cơ quan tại (BC Tổng hợp - PHẦN THỨ HAI, Chương IV, Mục VII); Cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chính sửa tiêu đề cũ từ “2.1. Nguyên tắc, yêu cầu bảo vệ cảnh quan thiên nhiên, khai thác và sử dụng tài nguyên đất có hiệu quả” thành “2.1. Nguyên tắc, yêu cầu bảo vệ cảnh quan thiên nhiên và tài nguyên đất” - Mục 2.2. Định hướng bảo tồn sinh thái cảnh quan, di tích đã xếp hạng quốc gia trong phát triển đô thị và nông thôn giữa nguyên bám sát nội dung yêu cầu của QĐ 294. Và trong nó đã tiếp tục chia tách nội dung thành 2 tiêu mục và bổ sung thông tin, làm rõ thêm các định hướng: (a) <i>Định hướng bảo tồn sinh thái cảnh quan trong phát triển đô thị và nông thôn;</i> b) <i>Định hướng bảo tồn di tích đã xếp hạng quốc gia trong phát triển đô thị và nông thôn</i>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
IV.18	<p>Về định hướng bố trí sử dụng đất phát triển đô thị, nông thôn quốc gia cần phù hợp với Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, Kế hoạch sử dụng đất cấp quốc gia 5 năm 2021-2025 đã được Quốc hội thông qua tại Nghị quyết số 39/2021/QH15 ngày 13/11/2021 và chỉ tiêu sử dụng đất được Thủ tướng Chính phủ phân bổ tại Quyết định số 326/QĐ- TTg ngày 09/3/2022 về phân bổ chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021-2025; thực hiện theo đúng chỉ đạo của Ủy ban Thường vụ Quốc hội tại Nghị quyết số 499/NQ-UBTVQH15 ngày 28/3/2022.</p>	<p>Định hướng phát triển hệ thống đô thị và nông thôn là định hướng khai thác các tiềm năng phát triển đô thị, là cơ sở để các địa phương triển khai quy hoạch cấp dưới hoặc quy hoạch tỉnh có liên quan, làm cơ sở để thu hút đầu tư, chuẩn bị đầu tư... mà có thể đến 31/12/2030 chưa phải tất cả các tiềm năng và định hướng đó đã được chuyển đổi hết theo các chức năng tương ứng (khi đó, sẽ được kiểm kê là loại đất đó trong bảng kiểm kê đất đai tại thời điểm cuối năm 2030) - một số diện tích được định hướng quy hoạch, nhưng còn đang trong quá trình chuẩn bị đầu tư hoặc thu hút đầu tư (phải nằm trong định hướng quy hoạch thì mới được thực hiện các hoạt động thu hút đầu tư, chuẩn bị đầu tư...). Còn Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, Kế hoạch sử dụng đất cấp quốc gia 5 năm 2021-2025 đã được Quốc hội thông qua tại Nghị quyết số 39/2021/QH15 ngày 13/11/2021 và chỉ tiêu sử dụng đất được Thủ tướng Chính phủ phân bổ tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày ngày 09/3/2022 là các quy mô thực tế của từng khu chức năng được phép chuyển đổi đến thời điểm năm 2025, 2030.</p> <p>Tiếp sau cuộc họp Hội nghị trực tuyến toàn quốc về đẩy nhanh tiến độ và nâng cao chất lượng công tác quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030 vào ngày 20/4/2023, Chính phủ đã Công điện số 360/CD-TTg ngày 02/5/2023 về kết quả thực hiện chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất đã được giao; tổng</p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
		<p><i>hợp chỉ tiêu sử dụng đất cần điều chỉnh trong quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất đến năm 2025. Theo tinh thần của Công điện đó, nội dung của Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày ngày 09/3/2022 sẽ được xem xét điều chỉnh cho phù hợp với nhu cầu thực tế của các địa phương.</i></p> <p>Kết luận cuộc họp Hội nghị trực tuyến toàn quốc nêu trên của Phó thủ tướng Trần Hồng Hà và Thủ tướng Phạm Minh Chính có nội dung: Các tỉnh lập quy hoạch phải cho tương lai, có tầm nhìn dài hạn, không bị hạn chế bởi Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày ngày 09/3/2022 và Kế hoạch sử dụng đất cấp quốc gia 5 năm 2021-2025; Không nhầm lẫn giữa các chỉ tiêu và quy hoạch về không gian với các chỉ tiêu phân bổ đất đai. (Như tư vấn giải thích ở trên: kế hoạch sử dụng đất của ngành TNMT là diện tích thực tế được phép chuyển đổi đến thời điểm quy hoạch, chưa bao gồm các diện tích còn đang trong quá trình chuẩn bị đầu tư hoặc thu hút đầu tư - phải nằm trong định hướng quy hoạch thì mới được thực hiện các hoạt động thu hút đầu tư, chuẩn bị đầu tư, nhưng thực tế thực hiện được thì là thời điểm sau mốc thời hạn quy hoạch...).</p>
IV.19	Bổ sung định hướng về quy hoạch thu gom, xử lý chất thải và quan trắc, cảnh báo môi trường trong tổng thể nội dung quy hoạch quốc gia, vùng và tỉnh và có phân tách riêng giữa khu	<p>Đã bổ sung trong Mục 6.2. Hạ tầng xử lý chất thải rắn</p> <p>Đã bổ sung trong Mục 6.3. Nghĩa trang</p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
	<p>vực đô thị và nông thôn phù hợp với các nội dung có liên quan được thể hiện trong Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09/01/2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050, cụ thể:</p> <p>Ưu tiên xây dựng các khu xử lý chất thải tập trung đồng bộ, hiện đại liên vùng, liên tỉnh, đặc biệt là các cơ sở xử lý chất thải nguy hại. Cải tạo, nâng cấp các bãi chôn lấp rác thải không hợp vệ sinh, các khu vực bị ô nhiễm, suy thoái do chất thải rắn đảm bảo yêu cầu bảo vệ môi trường. Từng bước hạn chế chôn lấp trực tiếp chất thải rắn sinh hoạt; chuyển đổi các bãi chôn lấp trực tiếp chất thải rắn sinh hoạt thành các cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt sử dụng công nghệ hiện đại.</p> <p>Đầu tư xây dựng, hoàn thiện hạ tầng thu gom, xử lý nước thải của các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu đô thị, khu dân cư tập trung, làng nghề trên các lưu vực sông lớn. Thực hiện xử lý nước thải đạt yêu cầu ở tất cả các khu, cụm công nghiệp, các cơ sở công nghiệp, các bệnh viện. Tăng cường quản lý nguồn thải, cải thiện chất lượng môi trường nước mặt, đặc biệt tại các dòng sông, đoạn sông liên tỉnh bị ô nhiễm. Xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt tập trung kết hợp với cải tạo, phục hồi các hồ ao, kênh mương ở các đô thị lớn. Thực hiện các dự án xử lý nước thải, khôi phục lại chất lượng nước ở các đoạn sông, kênh, rạch đã bị ô nhiễm nghiêm trọng.</p>	<p>Đã bổ sung trong Mục 6.1. Hạ tầng xử lý nước thải</p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
IV.20	<p>Về báo cáo Môi trường chiến lược Quy hoạch.</p> <p>Đề nghị bổ sung thông tư số 01/2022/TT-BTNMT ngày 07/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên Môi trường quy định chi tiết thi hành Luật Bảo vệ môi trường về ứng phó với biến đổi khí hậu vào Mục 2 của Phần mở đầu. “Căn cứ pháp luật và kỹ thuật để thực hiện đánh giá môi trường chiến lược”. Đồng thời thực hiện đánh giá tác động của biến đổi khí hậu theo quy định tại Thông tư nêu trên.</p>	<p>Tiếp thu, chỉnh sửa mục 2. Căn cứ pháp luật và kỹ thuật để thực hiện đánh giá môi trường chiến lược. Và cập nhật chỉnh sửa các nội dung về BĐKH.</p>
IV.21	<p>Đối với vấn đề môi trường số (4) Suy giảm hệ sinh thái và không gian xanh (trang 131): đề nghị bổ sung những nhận diện cụ thể về các khu vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học sẽ bị tác động trên cơ sở bố trí không gian các khu vực đô thị và nông thôn trên cả nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Ví dụ như diện tích đất rừng, đất ngập nước nội địa, ven biển bị suy giảm/mất do phát triển các khu đô thị trên cả nước.</p>	<p>Tiếp thu, chỉnh sửa tại vấn đề môi trường chính số (4) Mục 3.4 Đánh giá, dự báo xu hướng của các vấn đề môi trường chính trong trường hợp thực hiện quy hoạch</p>
IV.22	<p>Mục 3.4.1. Đánh giá, dự báo xu hướng tích cực và tiêu cực của các vấn đề môi trường chính (trang 162): dự thảo Báo cáo đã đánh giá vấn đề môi trường số (4) sẽ tác động không nhỏ đến tài nguyên đa dạng sinh học, đặc biệt là các hệ sinh thái rạn san hô, rừng ngập mặn. Tuy nhiên chưa có giải pháp cũng như kế hoạch quản lý, giám sát các nội dung đánh giá trên trong Chương 4 (Giải pháp duy trì xu hướng tích cực, giảm thiểu xu hướng tiêu</p>	<p>Tiếp thu, chỉnh sửa tại chương 4.</p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
	cực của các vấn đề môi trường chính), do vậy, cần rà soát, bổ sung vào Báo cáo.	
IV.23	Hồ sơ đăng tải trên Cổng thông tin điện tử Bộ Xây dựng tại địa chỉ:” https://moc.gov.vn/vn/Pages/chitietduthao.aspx?iDuThao=358 ” không có các sản phẩm bản đồ quy hoạch, do vậy chưa có cơ sở để tham gia ý kiến về nội dung này.	Hồ sơ bổ sung đầy đủ theo Quy định về hồ sơ Quy hoạch theo quy định
IV.24	Rà soát chỉnh sửa, thống nhất về font chữ, giãn dòng, định dạng các bảng biểu, lỗi chính tả trong toàn bộ các Báo cáo.	Tiếp thu ý kiến góp ý, đã chỉnh sửa chi tiết trong các báo cáo
V. BỘ TÀI CHÍNH <i>(Trả lời công văn số 1546/BTC-ĐT ngày 20/02/2023 của Bộ Tài Chính)</i>		
V.1	<p>Về căn cứ lập quy hoạch :</p> <p>Tại Quyết định số 995/QĐ-TTg ngày 09/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ về giao nhiệm vụ cho các Bộ tổ chức lập quy hoạch ngành quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; theo đó, Bộ Xây dựng tổ chức lập Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021- 2030 và tầm nhìn đến năm 2050. Nhiệm vụ Quy hoạch được Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 294/QĐ-TTg ngày 24/02/2020.</p> <p>Đề nghị, Bộ Xây dựng trên cơ sở các nội dung Nhiệm vụ Quy hoạch được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, phối hợp với các Bộ ngành, địa phương rà soát thống nhất các nội dung quy hoạch đảm bảo phù hợp với các định hướng quy hoạch sử dụng</p>	Tiếp thu và đã sửa (BC Tổng hợp - PHẦN THỨ NHẤT, Mục 4: Căn cứ pháp lý)

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
	đất quốc gia, quy hoạch phát triển kinh tế xã hội quốc gia, các địa phương đang được các Bộ ngành, địa phương triển khai thực hiện.	
V.2	<p><i>Về hồ sơ Quy hoạch</i></p> <p>Đề nghị Bộ Xây dựng rà soát thành phần hồ sơ Quy hoạch đảm bảo thực hiện theo đúng quy định tại điểm b khoản 4 Điều 30 Nghị định số 37/2019/NĐ- CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch.</p>	Đã rà soát thành phần hồ sơ Quy hoạch
V.3	<p>Về thời gian thực hiện lập quy hoạch: Tại khoản 7 Điều 1 Quyết định số 294/QĐ-TTg ngày 24/02/2020 quy định “<i>thời gian thực hiện lập 24 tháng kể từ ngày Nhiệm vụ lập Quy hoạch được phê duyệt...</i>”. Do đó, đề nghị bổ sung báo cáo giải trình về nội dung thời gian thực hiện lập Quy hoạch chưa đúng quy định của Nhiệm vụ Quy hoạch được phê duyệt.</p>	Công văn số 8920/CV-VPCP về việc điều chỉnh thời gian lập quy hoạch Hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 ngày 20/12/2022 do Phó Chủ nhiệm văn phòng chính phủ ký.
V.4	<p><i>Về căn cứ lập Quy hoạch:</i></p> <p>Đề nghị rà soát, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến quy hoạch như Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước; các văn bản có liên quan như: Quyết định số 294/QĐ-TTg ngày 24/02/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Nhiệm vụ Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021- 2030 và tầm nhìn đến năm 2050; Nghị quyết số 148/NQ-CP ngày 11/11/2022 của Chính phủ ban hành Chương</p>	Tiếp thu và đã sửa (BC Tổng hợp - PHẦN THỨ NHẤT, Mục 4: Căn cứ pháp lý)

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
	<p>trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về Quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;... Các Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng về nội dung phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường.</p>	
V.5	<p>Về quan điểm, định hướng quy hoạch:</p> <p>Hiện nay nhiều dự án lấn biển quy mô lớn đã và đang được thực hiện tại nhiều tỉnh, thành như: Hải Phòng, Quảng Ninh, TP Hồ Chí Minh, Kiên Giang... trở thành một hướng mở tích cực cho các đô thị, khu vực ven biển. Song các công trình, hoạt động lấn biển có thể làm thay đổi điều kiện tự nhiên, địa hình, cảnh quan; ảnh hưởng, làm thay đổi dòng chảy ven bờ, sạt lở, ngập úng ở khu vực lân cận; hoạt động lấn biển cũng có thể gây ra tác động không nhỏ đến hệ sinh thái, đa dạng sinh học và tác động tới đời sống của người dân ven biển. Do đó, đề nghị bổ sung nghiên cứu phân tích đánh giá việc định hướng phát triển các dự án đô thị lấn biển cần xem xét, đánh giá kỹ lưỡng về điều kiện tự nhiên, địa hình; kịch bản biến đổi khí hậu và nước biển dâng; xu thế biến đổi bờ biển; các vấn đề về tài nguyên và môi trường; các tác động đến dân sinh, kinh tế, môi trường; giải pháp phòng, chống xói lở, bồi tụ bờ biển quanh khu vực lấn biển.... để lựa chọn quy hoạch khu vực được phép phát triển cho phù hợp.</p>	<p>Tiếp thu và đã bổ sung (BC Tổng hợp - PHẦN THỨ HAI, Chương I, Mục II, 2.5 Tài nguyên biển và Chương IV, Mục VII, 2.1 Nguyên tắc, yêu cầu bảo vệ cảnh quan thiên nhiên, khai thác và sử dụng tài nguyên đất có hiệu quả)</p> <p>Tiếp thu ý kiến- bổ sung nội dung, cụ thể:</p> <p>Đã bổ sung thông tin thuộc tiêu mục “Tài nguyên biển” để thấy vấn đề tồn tại trong thực tiễn lấn biển để khai thác tài nguyên biển ở nhiều đô thị ven biển nước ta. Mặt khác, Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 không đưa ra “định hướng phát triển các dự án đô thị lấn biển”.</p> <p>Bên cạnh đó, nhận thức rõ rằng việc định hướng phát triển các dự án đô thị lấn biển có thể có ở các đề án quy hoạch xây dựng cấp dưới như quy hoạch chung xây dựng đô thị của một tỉnh hoặc một thành phố. Vậy nên, trong phạm vi quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn cấp độ quốc gia này thì đã lưu ý bổ sung nguyên tắc mà quy hoạch xây</p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
		<p>dựng đô thị và nông thôn cấp dưới phải lưu ý. Đó là, bổ sung mục “Nguyên tắc, yêu cầu bảo vệ cảnh quan thiên nhiên, khai thác và sử dụng tài nguyên đất có hiệu quả” (đó cũng là 1 nội dung được yêu cầu trong QĐ 294), đặc biệt là nguyên tắc “Phải rất thận trọng đối với định hướng mở rộng không gian lãnh thổ bằng cách lấn biển ở các quy hoạch xây dựng phát triển đô thị và nông thôn. Cụ thể, trong nghiên cứu phân tích đánh giá việc định hướng phát triển các dự án đô thị lấn biển phải xem xét, đánh giá kỹ lưỡng về điều kiện tự nhiên, địa hình; kịch bản biến đổi khí hậu và nước biển dâng; xu thế biến đổi bờ biển; các vấn đề về tài nguyên và môi trường; các tác động đến dân sinh, kinh tế, môi trường; giải pháp phòng, chống xói lở, bồi tụ bờ biển quanh khu vực lấn biển.... để tối ưu hóa hiệu quả về kinh tế-xã hội- môi trường về lâu dài”</p>
V.6	<p>Về quan điểm, định hướng quy hoạch (tiếp): Tốc độ đô thị hóa tiếp tục gia tăng sẽ khiến cho diện tích đất nông nghiệp liên tục giảm do chuyển đổi mục đích sử dụng để phát triển đô thị, khu công nghiệp. Vì vậy, về quan điểm, định hướng quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn phát triển bền vững cần phải đảm bảo yếu tố an ninh lương thực bền vững.</p>	<p>Tiếp thu và đã bổ sung (BC Tổng hợp - PHẦN THỨ HAI, Chương IV, Mục VIII, 2.3. Liên kết ngành nông nghiệp phát triển nông thôn) Theo đó đã đề cập đến nội dung “Đẩy nhanh quá trình hiện đại hóa nông thôn, đảm bảo an ninh lương thực quốc gia, phát triển sản phẩm nông nghiệp chủ lực quốc gia và sản phẩm nông nghiệp đặc trưng làng xã. Huy động nguồn lực quốc tế để phát triển nông nghiệp bền vững và thông minh”.</p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
		<p>Các khía cạnh được góp ý đã được tích hợp trong các quan điểm quy hoạch, thể hiện cụ thể như "phát triển đô thị nén, tiết kiệm và nâng cao hiệu quả sử dụng đất", "Tiếp tục thúc đẩy dịch chuyển cơ cấu kinh tế và hội nhập quốc tế"...</p>
V.7	<p>Về quan điểm, định hướng quy hoạch (tiếp): Việc định hướng quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn cần kết hợp xu hướng phát triển của nền khoa học công nghệ trên thế giới và các đặc thù của Việt Nam, phù hợp với nguồn lực tài chính và thực trạng hệ thống đô thị nước ta.</p>	<p>Đồ án đã tiếp thu ý kiến của quý Bộ. Định hướng quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn cần kết hợp xu hướng phát triển của nền khoa học công nghệ trên thế giới và các đặc thù của Việt Nam, phù hợp với nguồn lực tài chính và thực trạng hệ thống đô thị nước ta được đề cập trong các nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tại BC tổng hợp. PHẦN THỨ HAI, Chương II, Mục I: DỰ BÁO XU HƯỚNG PHÁT TRIỂN ẢNH HƯỞNG ĐẾN ĐÔ THỊ, NÔNG THÔN: Xu hướng phát triển quốc tế (Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và xu thế số hóa); Xu thế phát triển trong nước (Tham gia cuộc cách mạng công nghệ lần thứ tư); Xu thế phát triển quốc tế và trong nước ảnh hưởng đô thị và nông thôn (Đô thị thông minh giải quyết căn bệnh đô thị và thúc đẩy đổi mới sáng tạo); - Tại BC tổng hợp. PHẦN THỨ HAI, Chương IV, Mục I, 2 MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN: xây dựng hoàn chỉnh, đổi mới mô hình phát triển hệ thống đô thị Việt nam theo mô hình mạng lưới, xanh, thông

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
		<p>minh và bền vững; có cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội phù hợp, đồng bộ, hiện đại.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tại BC tổng hợp. PHẦN THỨ HAI, Chương II, Mục II CHIẾN LƯỢC TRỌNG TÂM PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ, NÔNG THÔN TRONG THỜI KỲ QUY HOẠCH: Chiến lược 5: Quản trị đô thị - nông thôn (Triển khai các chương trình nghiên cứu khoa học cơ bản, khoa học ứng dụng lý luận về vùng đô thị, cực tăng trưởng, cực vị thế cấp quốc gia và cấp vùng; lý luận và phương pháp tính toán ngưỡng chịu tải sinh thái, ngưỡng chịu tải hạ tầng trong quy hoạch đô thị; lý luận về kinh tế đô thị, vị thế và chất lượng đô thị trong định hướng phát triển thị trường BDS; hệ thống đô thị biển và ven biển.v.v...)
V.8	<p>Về đánh giá, phân tích hiện trạng hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị và nông thôn:</p> <p>Đề nghị nghiên cứu bổ sung nội dung phân tích hiện trạng và định hướng về phát triển, quản lý sử dụng đất không gian ngầm (Đô thị ngầm và không gian ngầm đô thị: Bãi đỗ xe ngầm; Hạ tầng kỹ thuật ngầm;...).</p>	<p>Đề án đã tiếp thu ý kiến (BC Tổng hợp - PHẦN THỨ HAI, Chương I, Mục IV, 4.7. Các vấn đề hiện trạng hạ tầng kỹ thuật khác), đề cập đến nội dung đánh giá về hiện trạng không gian xây dựng ngầm, vấn đề chủ yếu tập trung tại các đô thị lớn: Hà Nội, TP HCM...</p> <p>Bổ sung (BC Tổng hợp - PHẦN THỨ HAI, Chương IV, Mục VII, 2.1. Nguyên tắc, yêu cầu bảo vệ cảnh quan thiên nhiên, khai thác và sử dụng tài nguyên đất có hiệu quả). Đề cập đến nội dung “Đối với các đô thị lớn, định hướng</p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
		<p>về phát triển đảm bảo quản lý sử dụng đất không gian ngầm (Đô thị ngầm và không gian ngầm đô thị: Bãi đỗ xe ngầm; Hạ tầng kỹ thuật ngầm;...)."</p>
V.9	<p>Việc phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu vực nông thôn chưa thực sự đồng đều giữa các vùng là một trong những nguyên nhân dẫn tới sự phát triển không đồng đều giữa các vùng, làm gia tăng khoảng cách về phát triển chung Do đó, cần bổ sung phân tích đánh giá về phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu vực nông thôn nhất là ở vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc để nâng cao chất lượng sống, chất lượng hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội hiện có phục vụ sản xuất và dân sinh ở khu vực nông thôn.</p>	<p>Khu vực nông thôn có 2 loại hệ thống hạ tầng kỹ thuật: (1) Hạ tầng kỹ thuật phục vụ sản xuất nông thôn và KDCNT; (2) Hạ tầng diện rộng cấp vùng và quốc gia kết nối các đô thị và chức năng quốc gia đặt trên địa bàn nông thôn.</p> <p>Đối với hạ tầng kỹ thuật phục vụ sản xuất nông thôn và KDCNT đã được cải thiện theo CTMTQG về NTM và đã nêu trong (BC Tổng hợp - PHẦN THỨ HAI, Chương IV, Mục V, 1.3.2. Các yêu cầu phát triển hạ tầng KDCNT). Hạ tầng diện rộng cấp vùng và quốc gia kết nối các đô thị và chức năng quốc gia đặt trên địa bàn nông thôn đã tiến hành trong nhiều năm nay. Nên liên kết giữa đô thị và nông thôn được cải thiện rõ rệt nhưng chủ yếu ở vùng nông thôn đồng bằng, còn miền núi còn gặp nhiều khó khăn.</p> <p>Hình thể địa hình nước ta dài và hẹp, nên khu vực nông thôn vùng đồng bằng ven biển có nhiều tuyến hạ tầng kỹ thuật diện rộng.</p> <p>Thống nhất, tiếp thu của quý Bộ. Quy hoạch này đã đề cập phân tích đánh giá phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu vực nông thôn và định hướng phát triển hạ tầng đô thị - nông thôn. Đồng thời, đề cập đến giải pháp giảm khoảng</p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
		<p>cách phát triển không đồng đều giữa các vùng, tạo điều kiện thuận lợi để vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc để nâng cao chất lượng sống, chất lượng hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội hiện có phục vụ sản xuất và dân sinh ở khu vực nông thôn tại (BC Tổng hợp - PHẦN THỨ HAI, Chương IV, Mục II, Chiến lược trọng tâm phát triển đô thị - nông thôn; Chiến lược 4: Văn hoá, xã hội khu vực đô thị, nông thôn, (1) Phát triển đô thị - nông thôn vì xã hội công bằng)</p>
V.10	<p>Về một số nội dung liên quan đến kinh tế - tài chính: đề nghị nghiên cứu bổ sung nội dung cụ thể:</p> <p>Đánh giá tổng thể tình hình, kết quả thực hiện đầu tư, huy động các loại nguồn vốn đầu tư (tổng số vốn, cơ cấu vốn đã đầu tư bao gồm: vốn ngân sách trung ương, vốn ngân sách địa phương, nguồn vốn khác,...) và hiệu quả của các hoạt động đầu tư, chương trình liên quan tới việc phát triển hệ thống đô thị và nông thôn qua các giai đoạn vừa qua. Trên cơ sở thuận lợi, khó khăn trong quá trình triển khai, quản lý đề xuất các giải pháp thực hiện làm cơ sở để xác định mục tiêu, định hướng phát triển quy hoạch phù hợp với tình hình thực tế trong các giai đoạn tiếp theo và đề xuất các giải pháp quản lý quy hoạch, đầu tư xây dựng đảm bảo khả thi, hiệu quả đáp ứng nguồn lực theo các giai đoạn.</p>	<p>Giải trình ý kiến như sau:</p> <p>Nội dung liên quan đến kinh tế - tài chính theo Quyết định số 294/QĐ-TTg ngày 24/02/2020 của Thủ tướng Chính phủ “V/v phê duyệt Nhiệm vụ lập Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.</p> <p>Đối với ý kiến này, có ý kiến giải trình như sau: trong Báo cáo được hiểu là đã đánh giá việc Thực hiện quy hoạch thời kỳ trước liên quan tới việc phát triển hệ thống đô thị và nông thôn giai đoạn 2010-2020 trong đó cụ thể đánh giá về Mô hình cấu trúc hệ thống đô thị và nông thôn, mạng lưới các đô thị, cực tăng trưởng, hành lang đô thị hoá và các mục tiêu quy hoạch xây dựng nông thôn mới, những ưu điểm và tồn tại trong việc thực hiện quy hoạch các liên kết vùng, liên kết ngành trong phát triển đô thị và</p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
		<p>nông thôn. Chi tiết đánh giá đã được nêu tại Mục Rà soát, đánh giá tổng quát quy hoạch đã có.</p> <p>Hơn thế nữa Báo cáo đã có đề xuất một số giải pháp về nguồn lực và thực hiện quy hoạch, trong đó cụ thể đưa ra khung giải pháp về thể chế, cải cách thủ tục hành chính trong lập và thực hiện quy hoạch đô thị và nông thôn, thúc đẩy đổi mới phương pháp quy hoạch đô thị, nông thôn phù hợp thông lệ quốc tế, chính sách phát triển nhà ở và đất đai, hạ tầng đô thị, chính sách quản lý phát triển đô thị, chính sách huy động nguồn lực xã hội cho quy hoạch và phát triển đô thị.</p>
V.11	Bổ sung nội dung giải pháp về tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch.	Tiếp thu và bổ sung tại Mục Tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch)
V.12	Kịch bản phát triển đô thị lựa chọn phương án phát triển theo mạng lưới và có phân trường hợp liên quan trên cơ sở 03 kịch bản lựa chọn, song tính phân tích, so sánh giữa các kịch bản cần được nghiên cứu làm rõ, đầy đủ về cơ sở khoa học, thực tiễn,...	Tiếp thu chỉnh sửa tại Mục Các kịch bản phát triển; bổ sung phát triển theo giai đoạn của Kịch bản thứ 3: Mô hình mạng lưới đô thị, phát triển theo 3 giai đoạn: giai đoạn 1 phát triển tại các cực tăng trưởng, và các chùm, chuỗi, cụm đô thị thuộc các vùng đô thị hóa quốc gia, giai đoạn 2 phát triển các hành lang đô thị hóa, liên kết các chùm, chuỗi và cụm đô thị và giai đoạn 3 phát triển mạng lưới đô thị và nông thôn quốc gia. 3 giai đoạn phát triển của mô hình mạng lưới đô thị không nhất thiết phát triển tuần tự theo khung thời gian mà từng giai đoạn có thể khác nhau về thời gian và không gian giữa các vùng miền, phía bắc, phía

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
		nam và miền trung, và trong từng vùng, do tùy thuộc vào điều kiện phát triển về KT-XH và nội lực của vùng và đô thị.
V.13	<p><i>Về nội dung nguồn lực tài chính:</i></p> <p>Thực trạng và định hướng nguồn lực tài chính phát triển đô thị và nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (theo đề nghị tại phụ lục kèm theo văn bản số 5987/BXD-PTĐT):</p> <p>a) Về thực trạng và nguồn lực tài chính phát triển đô thị.</p> <p>Tại Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14/01/2013 của Chính phủ về quản lý đầu tư phát triển đô thị: Điều 5 quy định về vốn đầu tư cho phát triển đô thị và Điều 6 quy định khuyến khích, hỗ trợ và ưu đãi đối với các dự án đầu tư phát triển đô thị.</p> <p>Đồng thời, theo quy định tại Điều 5 Luật Đầu tư công ưu tiên đầu tư chương trình, dự án kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội theo quy hoạch và khả năng ngân sách nhà nước. Về nguồn vốn ngân sách nhà nước chỉ xác định trong giai đoạn 2021-2025 (theo Nghị quyết số 29/2021/QH15 ngày 28 72021 của Quốc hội về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025), giai đoạn 2026- 2030 chưa có cơ sở xác định.</p> <p>b) Về huy động nguồn vốn ODA, vay ưu đãi từ các nhà tài trợ nước ngoài:</p>	<p>Tiếp thu ý kiến góp ý của quý cơ quan để đề xuất tổ chức thực hiện nhằm khắc phục những hạn chế về huy động nguồn lực cho phát triển đô thị, trong đó bao gồm trách nhiệm của chính quyền địa phương và các bộ ngành liên quan trong việc tổ chức huy động nguồn lực đầu tư phát triển đô thị, kế hoạch vốn đầu tư công, cơ chế nguồn vốn ODA và vay ưu đãi từ các tổ chức tài trợ nước ngoài và các chính sách thuế.</p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
	<p>Việc huy động nguồn vốn ODA, vay ưu đãi từ các nhà tài trợ nước ngoài được thực hiện theo các quy định của Luật Quản lý nợ công và Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16/12/2021 về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài. Theo đó, lĩnh vực ưu tiên sử dụng nguồn vốn ODA, vay ưu đãi nước ngoài bao gồm: các dự án phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế- xã hội; phòng chống, giảm nhẹ rủi ro thiên tai; thích ứng với biến đổi khí hậu; các dự án trong lĩnh vực y tế, giáo dục. Trong thời gian qua, Bộ Tài chính đã thay mặt Chính phủ huy động nguồn vốn từ các nhà tài trợ nước ngoài để thực hiện các dự án cải thiện cơ sở hạ tầng, kết nối giao thông, phát triển đô thị xanh, kè chống sạt lở của một số tỉnh ven biển; đầu tư trang thiết bị y tế các bệnh viện... Đối tượng sử dụng nguồn vốn ODA, vay ưu đãi của Chính phủ: bao gồm cả các Bộ, ngành, địa phương và đơn vị sự nghiệp công lập.</p> <p>Một trong những vướng mắc trong huy động nguồn vốn vay nước ngoài của Chính phủ cho phát triển đô thị và nông thôn là không rõ trong chức năng, nhiệm vụ đầu tư cho phát triển đô thị như đầu tư cho các công trình cấp nước, thoát nước, xử lý nước thải, chiếu sáng đô thị, cảnh quan môi trường, công trình tái định cư... Vì vậy, khó huy động vốn hoặc nếu đã huy động vốn cho chỉ ngân sách nhà nước nhưng công trình do tổ chức ngoài nhà nước vận hành, khai thác thì gặp vướng mắc trong khâu bàn giao, đưa công trình, tài sản vào sử dụng</p>	

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
	<p>Về cơ chế tài chính đối với vốn vay từ các nhà tài trợ nước ngoài cho lĩnh vực đô thị: Điều 21. Chương II, Nghị định số 97/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính phủ về cho vay lại vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ quy định tỷ lệ cho vay lại đối với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với các khoản vay cho các dự án thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương, trong đó có nhiệm vụ đầu tư phát triển đô thị, theo đó có 05 tỷ lệ cho vay lại khác nhau đối với các địa phương tùy khả năng cân đối ngân sách địa phương.</p> <p>c) Về nội dung liên quan tới chính sách thuế:</p> <p>Hiện hành, chính sách thuế, phí, lệ phí và thu khác đã bao quát khá đầy đủ các khoản thu liên quan đến bất động sản phát sinh trong cả ba giai đoạn: (i) xác lập quyền sở hữu, quyền sử dụng bất động sản (Tiền sử dụng đất; Tiền thuế đất; Tiền bán nhà thuộc sở hữu nhà nước; Lệ phí trước bạ; phí thẩm định cấp quyền sử dụng đất và lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất); (ii) sử dụng, khai thác bất động sản (Thuế sử dụng đất nông nghiệp (SDĐNN); Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp (SDĐPNN)) và (ii) chuyển nhượng bất động sản (Thuế thu nhập doanh nghiệp đối với người chuyển quyền là tổ chức; Thuế thu nhập cá nhân đối với người chuyển quyền là hộ gia đình, cá nhân).</p> <p>Triển khai Kế hoạch số 81/KH-UBTVQH15 ngày 05/11/2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội triển khai thực hiện Kết luận</p>	

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
	<p>số 19-KL/TW của Bộ Chính trị và Đề án Định hướng Chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV, ngày 16/12/2021, Thủ tướng Chính phủ có Quyết định số 2114/QĐTTg ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận số 19-KL/TW của Bộ Chính trị và Đề án Định hướng Chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV, Bộ Tài chính có báo cáo Chính phủ về rà soát chính sách thuế sử dụng đất (thuế SDDPNN, thuế SDDNN) và đề xuất các giải pháp hoàn thiện chính sách thuế liên quan đến bất động sản, đảm bảo phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của Việt Nam, phù hợp với thông lệ quốc tế nhằm góp phần thúc đẩy sự phát triển lãnh mạnh của thị trường bất động sản, đảm bảo động viên nguồn thu hợp lý, ổn định cho Ngân sách nhà nước, tạo nguồn thu cho phát triển đô thị bền vững.</p>	
<p><i>(Trả lời công văn số 5516 /BTC-ĐT ngày 30 tháng 5 năm 2023 của Bộ Tài Chính)</i></p>		
V.14	<p>Về quan điểm, định hướng phát triển quy hoạch:</p> <p>Tại văn bản số 1546/BTC-ĐT ngày 20/02/2023, Bộ Tài chính đề nghị Bộ Xây dựng bổ sung nghiên cứu phân tích đánh giá việc định hướng phát triển các dự án đô thị lấn biển cần xem xét, đánh giá kỹ lưỡng về điều kiện tự nhiên, địa hình; kịch bản biến đổi khí hậu và nước biển dâng; xu thế biến đổi bờ biển; các vấn đề tài nguyên môi trường; các tác động đến dân sinh, kinh tế, môi trường; giải pháp phòng chống xói lở, bồi tụ bờ</p>	<p>Tiếp thu ý kiến, và làm rõ hơn:</p> <p>Đã tiếp thu ý kiến góp ý đối với Dự thảo 1. Cụ thể, trong phần đánh giá điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên ở Dự thảo 2 đã bổ sung nội dung nghiên cứu “Tài nguyên biển”. Ở mục này, có đoạn “Trước những lợi thế về sự giàu có về nguồn tài nguyên thiên nhiên, cảnh quan thiên cũng như sự thuận lợi về giao thông và những áp lực mở rộng diện tích đất cho phát triển đô thị, nhiều dự án lấn biển quy mô lớn đã và đang được thực hiện tại nhiều tỉnh,</p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
	<p>biển quanh khu vực lấn biển... để lựa chọn khu vực được phép phát triển cho phù hợp.</p> <p>Tuy nhiên, nội dung nghiên cứu phân tích đánh giá việc định hướng phát triển các dự án đô thị lấn biển chưa được tập trung nghiên cứu và đề cập tại Báo cáo thuyết minh Quy hoạch. Đất đai là nguồn lực hữu hạn, do vậy việc lấn biển để đầu tư phát triển các dự án đô thị trong thời gian tới dự báo gia tăng; vì vậy để đảm bảo bảo tồn sinh thái, phát triển sinh kế bền vững gắn với phát triển các dự án đô thị lấn biển cần đặc biệt quan tâm nghiên cứu các ý kiến Bộ Tài chính đã tham gia. Đề nghị tiếp tục bổ sung hoàn thiện nội dung như ý kiến Bộ Tài chính đã tham gia</p>	<p>thành trong những năm gần đây như: Hải Phòng, Quảng Ninh, TP Hồ Chí Minh, Kiên Giang... trở thành một hướng mở tích cực cho các đô thị, khu vực ven biển. Tuy nhiên, tương tác của hệ thống tự nhiên- xã hội ở đới bờ biển rất phức tạp. Vì vậy, những can thiệp lấn biển của con người ở nơi đây đã và đang làm thay đổi các điều kiện tự nhiên, địa hình, cảnh quan; tác động, làm thay đổi dòng chảy ven bờ, thay đổi chế độ bồi tụ và sạt lở bờ biển, cửa sông, góp phần gia tăng ngập úng ở khu vực lân cận; hoạt động lấn biển cũng trực tiếp hoặc gián tiếp tác động không nhỏ đến hệ sinh thái, đa dạng sinh học biển và tác động tới đời sống của người dân ven biển. Do đó, trong quy hoạch xây dựng phát triển đô thị và nông thôn cấp dưới thuộc quy hoạch chung xây dựng đô thị... nếu có định hướng lấn biển ở khu vực nào phải chỉ rõ cơ sở khoa học thuyết phục của việc lấn biển đối với khu vực đó, tránh tác động nghiêm trọng đến điều kiện tự nhiên và tài nguyên môi trường biển, vùng bờ, hệ sinh thái nhạy cảm và tác động kinh tế-xã hội về lâu dài khác”</p> <p>Mặt khác, Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 không đưa ra “định hướng phát triển các dự án đô thị lấn biển”.</p> <p>Nhận thức rõ rằng việc định hướng phát triển các dự án đô thị lấn biển có thể có ở các đề án quy hoạch xây dựng cấp dưới như quy hoạch chung xây dựng đô thị của một</p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
		<p>tỉnh hoặc một thành phố. Vậy nên, trong phạm vi quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn cấp vĩ mô này thì đã lưu ý nguyên tắc mà quy hoạch xây dựng đô thị và nông thôn cấp dưới phải xem xét, tuân thủ tại mục “Nguyên tắc, yêu cầu bảo vệ cảnh quan thiên nhiên, khai thác và sử dụng tài nguyên đất có hiệu quả” (đó cũng là 1 nội dung được yêu cầu trong QĐ 294). Đặc biệt, trong dự thảo Báo cáo mới nhất đã bổ sung nguyên tắc “Phải rất thận trọng đối với định hướng mở rộng không gian lãnh thổ bằng cách lấn biển ở các quy hoạch xây dựng phát triển đô thị và nông thôn. Cụ thể, trong nghiên cứu phân tích đánh giá việc định hướng phát triển các dự án đô thị lấn biển phải xem xét, đánh giá kỹ lưỡng về điều kiện tự nhiên, địa hình; kịch bản biến đổi khí hậu và nước biển dâng; xu thế biến đổi bờ biển; các vấn đề về tài nguyên và môi trường; các tác động đến dân sinh, kinh tế, môi trường; giải pháp phòng, chống xói lở, bồi tụ bờ biển quanh khu vực lấn biển.... để tối ưu hóa hiệu quả về kinh tế-xã hội- môi trường về lâu dài”</p>
V.15	<p>Về thời gian thực hiện lập quy hoạch: Theo Báo cáo tổng hợp tiếp thu và giải trình ý kiến góp ý của các bộ và địa phương của Bộ Xây dựng ghi tiếp thu ý kiến Bộ Tài chính và sẽ bổ sung báo cáo giải trình về nội dung thời gian thực hiện lập Quy hoạch chưa đúng quy định của Nhiệm vụ lập Quy hoạch được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 294/QĐ-TTg</p>	<p>Công văn số 8920/VPCP-VN về việc điều chỉnh thời gian lập quy hoạch Hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 ngày 20/12/2022 do Phó Chủ nhiệm văn phòng chính phủ ký.</p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
	ngày 24/2/2020, song hồ sơ Quy hoạch đính kèm chưa có nội dung giải trình ý kiến về thời gian thực hiện lập quy hoạch.	
V.16	<p>Về nội dung liên quan đến kinh tế - tài chính, như: Đánh giá tổng thể tình hình, kết quả thực hiện đầu tư, huy động các nguồn vốn đầu tư và hiệu quả của các hoạt động đầu tư, chương trình liên quan tới việc phát triển hệ thống đô thị và nông thôn qua các giai đoạn vừa qua; khái toán tổng nhu cầu vốn đầu tư thực hiện Quy hoạch qua các giai đoạn; danh mục các chương trình, dự án trọng điểm quốc gia ưu tiên đầu tư gắn với tiêu chí xác định các dự án ưu tiên đầu tư, tự tự ưu tiên, tổng nhu cầu vốn đầu tư, cơ cấu nguồn vốn, giải pháp huy động, kế hoạch thực hiện, giải pháp thực hiện theo các giai đoạn đầu tư;... song chưa được Bộ Xây dựng bổ sung vào Quy hoạch.</p> <p>Do vậy, đề nghị Bộ Xây dựng căn cứ quy định tại khoản c điểm 4 Điều 30 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 Chính phủ tiếp tục rà soát, tiếp thu và giải trình đầy đủ, đúng quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm toàn diện bổ sung, cập nhật, tiếp thu và giải trình đầy đủ các ý kiến Bộ Tài chính đã tham gia tại văn bản số 1546/BTC-ĐT ngày 20/02/2023 nêu trên, ý kiến các Bộ ngành để hoàn thiện Quy hoạch, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định đảm bảo đúng trình tự, thủ tục và các nội dung quy định của pháp luật và khả thi khi Quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, thực hiện.</p>	<p>Đối với ý kiến này, có ý kiến giải trình như sau: trong Báo cáo được hiểu là đã đánh giá việc Thực hiện quy hoạch thời kỳ trước liên quan tới việc phát triển hệ thống đô thị và nông thôn giai đoạn 2010-2020 trong đó cụ thể đánh giá về Mô hình cấu trúc hệ thống đô thị và nông thôn, mạng lưới các đô thị, cực tăng trưởng, hành lang đô thị hoá và các mục tiêu quy hoạch xây dựng nông thôn mới, những ưu điểm và tồn tại trong việc thực hiện quy hoạch các liên kết vùng, liên kết ngành trong phát triển đô thị và nông thôn. Chi tiết đánh giá đã được nêu tại Mục Rà soát, đánh giá tổng quát quy hoạch đã có.</p> <p>Hơn thế nữa Báo cáo đã có đề xuất một số giải pháp về nguồn lực và thực hiện quy hoạch, trong đó cụ thể đưa ra khung giải pháp về thể chế, cải cách thủ tục hành chính trong lập và thực hiện quy hoạch đô thị và nông thôn, thúc đẩy đổi mới phương pháp quy hoạch đô thị, nông thôn phù hợp thông lệ quốc tế, chính sách phát triển nhà ở và đất đai, hạ tầng đô thị, chính sách quản lý phát triển đô thị, chính sách huy động nguồn lực xã hội cho quy hoạch và phát triển đô thị.</p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
V.17	Ngoài ra, đề nghị Bộ Xây dựng bổ sung nội dung quy định trách nhiệm của các Bộ, ngành, địa phương trong tổ chức thực hiện Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050 làm cơ sở triển khai thực hiện.	Tiếp thu bổ sung (BC Tổng hợp - PHẦN THỨ BA, Mục 2.1. Tổ chức thực hiện, quy định trách nhiệm của các Bộ, ngành, địa phương trong tổ chức thực hiện Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050 làm cơ sở triển khai thực hiện.
VI. BỘ CÔNG THƯƠNG <i>(Trả lời công văn số 756/BCT-KHTC ngày 17/02/2023 của Bộ Công Thương)</i>		
VI.1	Quy hoạch đô thị và nông thôn cơ bản bám sát nội dung quy định của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2019. Tuy nhiên, để làm rõ các nội dung mới, nội dung được điều chỉnh, bổ sung trong kỳ quy hoạch so với các quy hoạch về đô thị, nông thôn trước đây, đề nghị bổ sung nội dung rà soát, đánh giá, xác định các nội dung thuộc quy hoạch đô thị và nông thôn đã được lập theo pháp luật chuyên ngành trước ngày Luật Quy hoạch có hiệu lực được kế thừa và tích hợp vào quy hoạch giai đoạn 2021-2030, đồng thời làm rõ những tồn tại trong quá trình triển khai thực hiện quy hoạch trước và giải pháp khắc phục.	Tiếp thu và bổ sung tại (BC Tổng hợp - PHẦN THỨ HAI, Chương I, Mục IV, 7. Kết quả thực hiện chương trình quốc gia liên quan đến phát triển đô thị và Mục V, 3. Kết quả thực hiện CTMTQG xây dựng nông thôn mới).
VI.2	Đối với nội dung liên kết ngành, vùng, đề nghị bổ sung, làm rõ mối liên kết, tác động qua lại giữa phát triển các ngành, lĩnh vực tới phát triển đô thị, nông thôn. Trên cơ sở đó rà soát sự phù hợp giữa quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn với các quy hoạch ngành, lĩnh vực khác trong đó các quy hoạch ngành	Tiếp thu và bổ sung tại (BC Tổng hợp - PHẦN THỨ HAI, Chương IV, Mục IX, 2.3. Liên kết ngành công thương) Theo đó, 2 lĩnh vực Thương mại và Công nghiệp có liên kết không gian đối mới sáng tạo tạo động lực tăng trưởng hệ thống đô thị.

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
	<p>quốc gia thời kỳ 2021-2030 do Bộ Công Thương tổ chức lập (Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia, Quy hoạch phát triển năng lượng quốc gia, Quy hoạch hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt quốc gia, Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến, sử dụng các loại khoáng sản của Việt Nam), tránh sự chồng chéo về bố trí không gian, bố trí quỹ đất giữa các quy hoạch.</p>	
VI.3	<p>Đối với tỷ lệ đô thị hóa cần xem xét trên cơ sở hài hòa với phát triển các ngành, lĩnh vực, trong đó có phát triển công nghiệp.</p>	<p>Tính toán hiện trạng tỷ lệ đô thị hoá toàn quốc đang được Cục PTĐT hướng dẫn phương pháp tính mới phù hợp với quá trình đô thị hoá thực tiễn ở Việt Nam.</p> <p>Tính toán quy hoạch tỷ lệ đô thị hoá toàn quốc, trên cơ sở nhu cầu mở rộng không gian đô thị của các địa phương và chỉ tiêu KT-XH (xác định trong QHTTQG), có xem xét tới những động lực phát triển và xu thế chuyển dịch cơ cấu kinh tế của các vùng đô thị lớn, hành lang đô thị hóa, chùm chuỗi đô thị gắn với công nghiệp, dịch vụ và trình độ phát triển cơ sở hạ tầng, nhà ở, dịch vụ thương mại đô thị.</p>
VI.4	<p>Đối với khu vực nông thôn, đề nghị làm rõ hơn về đặc điểm, quá trình phát triển của khu vực nông thôn trong giai đoạn vừa qua, yếu tố tác động (trong đó có tác động của chương trình xây dựng nông thôn mới) đến phát triển nông thôn để có cơ sở định hướng giai đoạn tới.</p>	<p>Tiếp thu và bổ sung tại (BC Tổng hợp - PHẦN THỨ HAI, Chương I, Mục V: Phân tích đánh giá về đặc điểm phân bố, sử dụng không gian của hệ thống dân cư nông thôn: việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, Chương trình mục tiêu có liên quan đến phát triển nông thôn)</p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
VI.5	<p>Đối với nội dung đánh giá hiện trạng, đề nghị bổ sung, làm rõ về hiện trạng hạ tầng cấp điện, hạ tầng thương mại; đánh giá mặt đã đạt được, mặt tồn tại, hạn chế, mức độ đáp ứng trong phát triển đô thị, nông thôn thời gian qua (nội dung hạ tầng năng lượng trong dự thảo Quy hoạch mới chỉ nêu chung chung, không tập trung vào hạ tầng cấp điện, chưa có nội dung đánh giá về hạ tầng thương mại).</p>	<p>Tiếp thu và bổ sung tại (BC Tổng hợp - PHẦN THỨ HAI, Chương I, Mục IV: 4.4. Hiện trạng cung cấp năng lượng)</p> <p>Đã bổ sung hoàn thiện thêm nội dung hạ tầng cấp điện và hạ tầng chiếu sáng đô thị bên cạnh nội dung hạ tầng năng lượng đã thực hiện.</p> <p>Về hạ tầng thương mại, không yêu cầu nghiên cứu trong Quyết định số 294/QĐ-TTg ngày 24/02/2020 của Thủ tướng Chính phủ “V/v phê duyệt Nhiệm vụ lập Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050”</p>
VI.6	<p>Ngoài ra, đề nghị bổ sung đánh giá về thực trạng phát triển hạ tầng công nghiệp, thực trạng và xu hướng phát triển các khu công nghiệp - đô thị tại các địa phương để có định hướng phát triển phù hợp, đồng bộ trong giai đoạn tới.</p>	<p>Về hạ tầng công nghiệp, không yêu cầu nghiên cứu trong Quyết định số 294/QĐ-TTg ngày 24/02/2020 của Thủ tướng Chính phủ “V/v phê duyệt Nhiệm vụ lập Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050”</p> <p>Quy hoạch này nghiên cứu mối quan hệ không gian công nghiệp và thương mại với không gian phát triển đô thị - nông thôn.</p>
VI.7	<p>Hiện nay, trên cả nước có khoảng 1.040 cụm công nghiệp đã thành lập với tổng diện tích xấp xỉ 38.000 ha. Việc phát triển các cụm công nghiệp đóng vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội các địa phương nói chung, vùng nông thôn nói</p>	<p>Thông nhất và bổ sung góp ý của quý Bộ (BC Tổng hợp - PHẦN THỨ HAI, Chương I, Mục V: 2.2.3. Hiện trạng công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp nông thôn)</p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
	riêng, góp phần tăng tỷ trọng công nghiệp vùng nông thôn. Vì vậy, đề nghị bổ sung định hướng phát triển khu vực nông thôn gắn với phát triển cụm công nghiệp.	Giải trình: Về định hướng phát triển khu vực nông thôn gắn với phát triển cụm công nghiệp, quy hoạch này giới thiệu một số mô hình phát triển Làng “Công nghiệp- Dịch vụ- Nông nghiệp” gắn với KCN, CCN sinh thái và Mô hình “Công nghiệp- Dịch vụ- Nông nghiệp” gắn với KCN, CCN hiện hữu/ KCN, CCN đặt tại nơi nông nghiệp không thuận lợi (BC Tổng hợp - PHẦN THỨ HAI, Chương IV, Mục V; 4. Định hướng nguyên tắc tổ chức 1 số KDCNT điển hình thời kỳ 2021-2030)
VI.8	Đối với nội dung định hướng cấp điện, đề nghị bổ sung định hướng sử dụng năng lượng thông minh phù hợp với phát triển đô thị thông minh.	Tiếp thu và bổ sung tại (BC Tổng hợp - PHẦN THỨ HAI, Chương IV, Mục VI: 1.4.1. Hạ tầng cung cấp năng lượng, cấp điện đô thị và nông thôn) Tiếp thu: đã bổ sung định hướng sử dụng năng lượng thông minh phù hợp với phát triển đô thị thông minh. Đề cập đến “Xây dựng hệ thống lưới điện thông minh, hiệu quả, có khả năng kết nối khu vực; bảo đảm cung cấp điện an toàn, đáp ứng tiêu chí N-1 đối với vùng phụ tải quan trọng và N-2 đối với vùng phụ tải đặc biệt quan trọng.”
VI.9	Đối với hạ tầng thương mại, đề nghị bổ sung định hướng phát triển hạ tầng thương mại theo vùng, lãnh thổ phù hợp để phát triển đô thị và nông thôn trong kỳ quy hoạch.	Về hạ tầng thương mại, không yêu cầu nghiên cứu trong Quyết định số 294/QĐ-TTg ngày 24/02/2020 của Thủ tướng Chính phủ “V/v phê duyệt Nhiệm vụ lập Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050”

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
		<p>Giải trình: Thương mại là ngành kinh tế quan trọng tạo động lực phát triển đô thị và hình thành mô hình, cấu trúc không gian đô thị. Mặc dù quy hoạch này không đề cập trực tiếp vào hạ tầng thương mại, nhưng thông qua Định hướng tổ chức không gian hệ thống đô thị đã tính đến yếu tố thương mại. Ví dụ: hình thành các vùng đô thị lớn, vùng đô thị và các trung tâm đô thị cấp quốc gia, cấp vùng, cấp tỉnh tương ứng với việc định hình hạ tầng thương mại theo các cấp độ khác nhau; xác định hạ tầng thương mại được xác định trong quy hoạch đô thị hoặc quy hoạch cấp tỉnh.</p>
VI.10	<p>Đối với các dự án, công trình, cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất nằm trong hoặc gần khu vực đô thị, nông thôn cần được xem xét, tính toán về mức độ cần thiết để di dời đến các khu vực thuận lợi cho việc quản lý, đảm bảo an toàn theo quy định pháp luật.</p>	<p>Quy hoạch này là quy hoạch ngành quốc gia, phạm vi không gian lãnh thổ rộng lớn, không thể điều tiết đến từng dự án, công trình, cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất nằm trong hoặc gần khu vực đô thị, nông thôn. Việc đó thuộc phạm vi nghiên cứu của Quy hoạch tỉnh- cụ thể là thuộc "Nội dung bảo vệ môi trường trong quy hoạch tỉnh" theo quy định của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các quy hoạch cấp dưới (các quy hoạch xây dựng đô thị và quy hoạch xây dựng huyện theo quy định pháp luật ngành xây dựng, đặc biệt là Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24 tháng 10 năm 2022).</p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
<i>(Trả lời công văn số 3363 /BCT-KHTC ngày 31/ 5 /2023 của Bộ Công Thương)</i>		
VI.11	Quy hoạch đô thị và nông thôn cơ bản bám sát nội dung quy định của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2019; Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược của Quy hoạch có cấu trúc phù hợp quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.	Thông nhất
VI.12	Ngày 17 tháng 02 năm 2023, Bộ Công Thương đã có văn bản số 756/BCT-KHTC tham gia ý kiến đối với dự thảo lần 1 của Quy hoạch đô thị và nông thôn. Ý kiến của Bộ Công Thương đã được Cơ quan lập quy hoạch nghiên cứu tiếp thu để hoàn thiện.	Thông nhất
VI.13	Ngày 15 tháng 5 năm 2023 Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 500/QĐ-TTg, đề nghị Bộ Xây dựng chỉ đạo Cơ quan lập quy hoạch và đơn vị tư vấn rà soát để thống nhất. Ngoài ra, đề nghị tiếp tục theo dõi, cập nhật các quy hoạch ngành quốc gia do Bộ Công Thương tổ chức lập (Quy hoạch năng lượng quốc gia, Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản quốc gia, Quy hoạch hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt quốc gia) để cập nhật, thống nhất.	Thông nhất

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
VI.14	<p>Đối với Mục 1.3.5. Tài nguyên biển (trang 46) của Báo cáo tổng hợp Quy hoạch đô thị và nông thôn, đề nghị điều chỉnh để chuẩn xác nội dung về dầu khí như sau “<i>Tài nguyên dầu khí của Việt Nam tập trung chủ yếu tại 4 bể trầm tích: Sông Hồng, Cửu Long, Nam Côn Sơn và Mã Lai-Thổ Chu với tiềm năng khoảng 4,5-7,1 tỷ tấn quy dầu, trong đó dầu thô chiếm 25%, khí thiên nhiên chiếm 75%</i>”.</p>	<p>Tiếp thu ý kiến góp ý, đã chỉnh sửa chuẩn xác nội dung về dầu khí tại nội dung “Tài nguyên biển” tại BC tổng hợp, PHẦN THỨ 2</p> <p>Tiếp thu ý kiến góp ý, đã chỉnh sửa chuẩn xác nội dung về dầu khí tại Mục Tài nguyên biển.</p>
VI.15	<p>Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản có tính đặc thù riêng, diện tích đất sử dụng rất lớn, thời gian sử dụng đất của dự án kéo dài, đất được sử dụng cả trên mặt, dưới sâu, bờ sông, bờ biển, đáy sông, đáy biển, hải đảo... có liên quan đến việc quy hoạch phát triển đô thị và nông thôn. Để sử dụng hiệu quả tài nguyên đất, tài nguyên khoáng sản theo hướng sử dụng đất sau khai thác mỏ cho nhiều mục đích phát triển kinh tế xã hội khác nhau thay vì quy định hiện nay, có cơ chế chính sách sử dụng đất hợp lý góp phần phát huy tối đa quỹ đất (khai thác đến đâu cho triển khai dự án kế tiếp đến đó).</p> <p>Do đó, Quy hoạch đô thị và nông thôn cần tính đến phương án lồng ghép sử dụng đất đa mục tiêu, chẳng hạn: triển khai dự án sản xuất nông nghiệp (cây trồng giá trị kinh tế cao; nông nghiệp công nghệ cao, chăn nuôi...), sản xuất công nghiệp (cơ sở sản xuất, chế biến ngoài khoáng sản), năng lượng (điện gió, điện mặt trời), hoạt động kinh tế khác trên diện tích đất đã khai thác mỏ theo mô hình kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn phù hợp với</p>	<p>Thông nhất quan điểm của góp ý trên nguyên tắc sử dụng hiệu quả tài nguyên đất đai, khoáng sản theo hướng sử dụng đất sau khai thác mỏ cho nhiều mục đích phát triển KT-XH. Tuy nhiên QH hệ thống đô thị và nông thôn chỉ mang tính định hướng, nguyên tắc cho toàn bộ hệ thống đô thị và nông thôn thay vì cụ thể cho từng đô thị. Sau đó các đề án quy hoạch đô thị và quy hoạch nông thôn trên cơ sở đó cụ thể hoá những nguyên tắc đó đảm bảo hiệu quả tài nguyên đất đai, khoáng sản theo hướng sử dụng đất sau khai thác mỏ cho nhiều mục đích phát triển KT-XH.</p> <p>Để cụ thể cho các giai đoạn tiếp theo cũng cần thiết nghiên cứu thể chế liên quan đến phương án lồng ghép sử dụng đất đa mục tiêu, chẳng hạn: triển khai dự án sản xuất nông nghiệp (cây trồng giá trị kinh tế cao; nông nghiệp công nghệ cao, chăn nuôi...), sản xuất công nghiệp (cơ sở sản xuất, chế biến ngoài khoáng sản), năng lượng (điện gió,</p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
	<p>Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 10/02/2022 của Bộ Chính trị về định hướng chiến lược địa chất, khoáng sản và công nghiệp khai khoáng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đảm bảo tính đồng bộ của quy hoạch sử dụng đất, đảm bảo an toàn, nâng cao hiệu quả sử dụng đất sau khai thác khoáng sản trong việc quy hoạch phát triển đô thị và nông thôn.</p>	<p>diện mặt trời), hoạt động kinh tế khác trên diện tích đất đã khai thác mỏ theo mô hình kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn.</p>
VI.16	<p>Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 17/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã định hướng một số giải pháp phát triển công nghiệp và hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, trong đó chú trọng hình thành mô hình sản xuất nông nghiệp tập trung quy mô lớn để thúc đẩy cơ giới hóa đồng bộ, hiện đại hóa trong sản xuất nông nghiệp, đồng thời hình thành các vùng nguyên liệu cho các ngành công nghiệp - đặc biệt là công nghiệp chế biến. Để triển khai được các giải pháp, định hướng nêu trên, cần hình thành được một quỹ đất với quy mô rất lớn để có thể sản xuất nông nghiệp và công nghiệp tập trung, hướng tới lợi thế kinh tế theo quy mô trong các ngành này, tạo điều kiện ứng dụng rộng rãi cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp và hiện đại hóa sản xuất công nghiệp. Do đó, đề nghị bổ sung các cơ chế, chính sách có hiệu quả để thúc đẩy việc tích tụ đất đai hỗ trợ hình thành các mô hình sản xuất lớn, hiện đại trong nông nghiệp và công nghiệp trong phát triển đô thị và nông thôn.</p>	<p>Đối với ý kiến này, giải trình như sau, tại mục 2.7. Phân vùng nông thôn (đặc điểm phát triển nông thôn theo vùng đô thị hóa) nhằm mục tiêu hình thành mô hình sản xuất nông nghiệp tập trung quy mô lớn để thúc đẩy cơ giới hóa đồng bộ, hiện đại hóa trong sản xuất nông nghiệp, đồng thời hình thành các vùng nguyên liệu cho các ngành công nghiệp- đặc biệt là công nghiệp chế biến, dựa trên lợi thế về điều kiện tự nhiên, khí hậu và kinh tế-xã hội. Từ đó tại mục 6. Định hướng phát triển điểm dân cư nông thôn tại các vùng đô thị hóa phù hợp với 7 vùng sinh thái nông nghiệp nêu trên, bao gồm định hướng về chỉ tiêu và yêu cầu phát triển, ngoài ra tại mục 1.3. Báo cáo đã xây dựng các tiêu chí cần đạt được của điểm dân cư nông thôn mới đảm bảo đạt được các mục tiêu đề ra.</p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
VI.17	<p>Hạ tầng bưu chính là một trong những yếu tố của hạ tầng thương mại điện tử và kinh tế số bên cạnh hạ tầng viễn thông, internet, thanh toán và hạ tầng dịch vụ khác. Vì vậy, đề nghị chỉnh sửa nội dung về định hướng phát triển hạ tầng kỹ thuật bưu chính đô thị (điểm e1 khoản 3 Điều 3 của dự thảo Quyết định phê duyệt) như sau: “<i>Phát triển bưu chính thành một trong các hạ tầng quan trọng, thiết yếu của quốc gia. Phát triển lĩnh vực bưu chính một cách toàn diện, đồng bộ, hiệu quả trên cơ sở ứng dụng công nghệ hiện đại và huy động tối đa các nguồn lực xã hội. Phát triển bưu chính theo hướng mở rộng hệ sinh thái dịch vụ, mở rộng không gian hoạt động mới; ứng dụng công nghệ số để tạo ra các sản phẩm, dịch vụ mới. Bảo đảm mọi người dân trên cả nước đều có quyền được tiếp cận và sử dụng dịch vụ bưu chính phổ cập thường xuyên, ổn định, với chất lượng và giá cước hợp lý.</i>”</p>	<p>Đã chỉnh sửa bỏ đoạn văn <i>Bưu chính trở thành hạ tầng thiết yếu của quốc gia và của nền kinh tế số, đặc biệt là của thương mại điện tử; mở rộng hệ sinh thái dịch vụ, mở rộng không gian hoạt động mới; thúc đẩy phát triển Chính phủ số, xã hội số</i>” thay bằng-“<i>Phát triển bưu chính thành một trong các hạ tầng quan trọng, thiết yếu của quốc gia</i>’.</p>
VI.18	<p>Đối với báo cáo ĐMC, đề nghị bổ sung các căn cứ pháp lý liên quan đến lĩnh vực phát triển công nghiệp để làm cơ sở phân tích, đánh giá hiện trạng, định hướng các vấn đề về chất thải công nghiệp, như: Quyết định số 192/QĐ-TTg ngày 13/02/2017 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt “Đề án phát triển ngành công nghiệp môi trường Việt Nam đến năm 2025”, Chỉ thị số 33/CT-TTg ngày 20 tháng 8 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường quản lý, tái sử dụng, tái chế, xử lý và giảm thiểu chất thải nhựa. Ngoài ra, đề nghị cập nhật, bổ sung dữ liệu</p>	<p>Trong dự thảo QĐ chỉ nêu các nội dung chuyên ngành đô thị, nông thôn, không đề cập nội dung này.</p> <p>Nhưng góp ý của quý cơ quan đã đề cập tại (BC Tổng hợp - PHẦN THỨ HAI, Chương IV, Mục VI, 1.5.1. Hạ tầng bưu chính).</p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
	<p>làm cơ sở đánh giá hiện trạng, dự báo tác động các vấn đề môi trường chính, đề xuất các giải pháp bảo vệ môi trường phù hợp đối với Quy hoạch vì theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, số liệu về hiện trạng khí tượng - thủy văn trong lưu vực, các thành phần môi trường tự nhiên, kinh tế - xã hội phải có chuỗi thời gian ít nhất 05 năm tính đến thời điểm thực hiện ĐMC.</p>	
<p>VII. BỘ QUỐC PHÒNG (<i>Trả lời công văn số 690/BQP-TM ngày 07/03/2023 của Bộ Quốc phòng</i>)</p>		
VII.1	<p>Bộ Xây dựng đã tổ chức lập Quy hoạch theo đúng quy định tại Quyết định số 294/QĐ-TTg ngày 24/02/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Nhiệm vụ lập quy hoạch đô thị và nông thôn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và các quy định của Luật Quy hoạch, Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch; Bộ Quốc phòng cơ bản thống nhất với dự thảo Quy hoạch đô thị và nông thôn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 do Bộ Xây dựng lập.</p>	<p>Thống nhất với ý kiến góp ý</p>
VII.2	<p>Hiện nay, Bộ Quốc phòng đang chỉ đạo các Cơ quan lập quy hoạch ngành của Bộ Quốc phòng khẩn trương hoàn thiện Quy hoạch sử dụng đất quốc phòng; Quy hoạch hệ thống công trình quốc phòng, khu quân sự, kho đạn dược, công nghiệp quốc phòng; Hợp phần các khu quân sự và địa hình ưu tiên cho quốc phòng để tích hợp vào quy hoạch tỉnh. Quá trình tiếp thu, hoàn</p>	<p>Thống nhất Bộ Xây dựng tiếp tục phối hợp chặt chẽ với Bộ Quốc phòng và UBND các tỉnh để kịp thời cập nhật, bổ sung các nội dung quy hoạch ngành của Bộ Quốc phòng và nội dung tích hợp khu quân sự và địa hình ưu tiên cho nhiệm vụ quốc phòng được xác định trong quy hoạch tỉnh theo đúng quy định của Luật Bảo vệ bí mật nhà</p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
	<p>thiện hồ sơ Quy hoạch đô thị và nông thôn trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, đề nghị Bộ Xây dựng tiếp tục phối hợp chặt chẽ với Bộ Quốc phòng và UBND các tỉnh để kịp thời cập nhật, bổ sung các nội dung quy hoạch ngành của Bộ Quốc phòng và nội dung tích hợp khu quân sự và địa hình ưu tiên cho nhiệm vụ quốc phòng được xác định trong quy hoạch tỉnh theo đúng quy định của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước và bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ giữa hệ thống các quy hoạch ngành; quy hoạch tỉnh; không làm ảnh hưởng đến thế trận khu vực phòng thủ; công tác quản lý, sử dụng đất quốc phòng; quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự trên địa bàn toàn quốc</p>	<p>nước và bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ giữa hệ thống các quy hoạch ngành; quy hoạch tỉnh; không làm ảnh hưởng đến thế trận khu vực phòng thủ; công tác quản lý, sử dụng đất quốc phòng; quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự trên địa bàn toàn quốc.</p>
<p><i>(Trả lời công văn số 1950/BQP-TM ngày 12/6/2023 của Bộ Quốc Phòng)</i></p>		
VII.3	<p>Bộ Xây dựng đã tổ chức lập Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo đúng Quyết định số 294/QĐ-TTg ngày 24/02/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Nhiệm vụ lập Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và các quy định của Luật Quy hoạch, Nghị định số 37/2019NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch; Bộ Quốc phòng cơ bản thống nhất với Hồ sơ Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn quốc gia do Bộ Xây dựng lập.</p>	<p>Thống nhất ý kiến</p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
VII.4	<p>Đối với một số nội dung cụ thể:</p> <p>Về bố cục và nội dung của Quyết định phê duyệt Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn quốc gia, đề nghị Bộ Xây dựng rà soát và bổ sung, hoàn thiện đầy đủ theo quy định tại các Điều 25 và Điều 37 của Luật Quy hoạch;</p> <p>Về hệ thống bản đồ, sơ đồ của Quy hoạch, cần nghiên cứu tách riêng thành một bộ phận của Hồ sơ quy hoạch với từng loại bản đồ chức năng và tỉ lệ theo đúng quy định tại các Phụ lục kèm theo Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch;</p> <p>Quá trình triển khai thực hiện Quy hoạch khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đề nghị Bộ Xây dựng phối hợp chặt chẽ với Bộ Quốc phòng trong từng Đề án, dự án theo đúng các quy định hiện hành của pháp luật để không ảnh hưởng đến thế trận quân sự khu vực phòng thủ và nhiệm vụ quân sự, quốc phòng</p>	<p>Đã tiếp thu chỉnh sửa theo góp ý. Thống nhất Quá trình triển khai thực hiện Quy hoạch khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đề nghị Bộ Xây dựng phối hợp chặt chẽ với Bộ Quốc phòng trong từng Đề án, dự án theo đúng các quy định hiện hành của pháp luật để không ảnh hưởng đến thế trận quân sự khu vực phòng thủ và nhiệm vụ quân sự, quốc phòng.</p>
<p>VIII. BỘ LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI</p> <p><i>(Trả lời công văn số 895 /LDTBXA-KHTC ngày 14/03/2023 của Bộ Lao động thương binh và xã hội)</i></p>		
VIII.1	<p><i>Cấu trúc Quy hoạch:</i> Đề nghị rà soát, sắp xếp bố cục dự thảo Quy hoạch đảm bảo đầy đủ các nội dung quy định tại Điều 25 Luật Quy hoạch và Điều 23 Nghị định số 37/2019 NĐ- CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch và Quyết định số 194 QĐ-TTg ngày 24/02/2020 của Thủ tướng Chính</p>	<p>Tiếp thu và đã sửa theo quy định nêu tại Quyết định số 294/QĐ-TTg ngày 24/02/2020 của Thủ tướng Chính phủ.</p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
	<p>phủ về việc phê duyệt Nhiệm vụ lập Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (chưa có danh mục hình, danh mục bảng: danh mục dự án ưu tiên đầu tư và phân kỳ đầu tư; đánh giá liên kết ngành, liên kết vùng đối với quy hoạch).</p>	
VIII.2	<p><i>Tại mục 1.4. Căn cứ lập quy hoạch (từ trang 14-16)</i></p> <p>Căn cứ lập quy hoạch nên sắp xếp lại theo các nội dung: Các chủ trương, chính sách của Đảng và Chính phủ liên quan đến Quy hoạch đô thị và nông thôn: Các văn bản quy phạm pháp luật; Các chiến lược quy hoạch và văn bản khác có liên quan.</p> <p>Đề nghị bổ sung Nghị quyết số 81/2025/QH15 ngày 09/01/2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021-2030; Nghị quyết số 39/2021/QH15 ngày 13/11/2021 của Quốc hội về Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021-2025.</p>	<p>Tiếp thu và đã sửa (BC Tổng hợp - PHẦN THỨ NHẤT, Mục 4: Căn cứ pháp lý).</p>
VIII.3	<p>Mục 2.3.4 Thực trạng phân bố dân cư đô thị và nông thôn.</p>	<p>Tiếp thu và đã sửa (BC Tổng hợp - PHẦN THỨ HAI, Chương I, Mục IV: 2.2.1. Thực trạng dân cư đô thị)</p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
	<p>Tại điểm d. Biến động dân số giai đoạn 2016-2020 (trang 95): Đề nghị bổ sung các số liệu cụ thể về địa bàn tăng/giảm dân cư lớn và số liệu phân bố dân cư phân theo nhóm tuổi (ít nhất là 3 nhóm dưới 35 tuổi, từ 35-60 tuổi và trên 60 tuổi).</p> <p>Tại điểm e. Nhận xét chung về dân số (trang 98): Nội dung này đang để trống, đề nghị bổ sung thông tin; đề nghị bổ sung thông tin và đánh giá về quy mô lực lượng lao động, chất lượng nguồn nhân lực, cụ thể như: Cơ cấu lao động theo ngành, nhóm tuổi; tỷ lệ thất nghiệp, tỷ lệ thiếu việc làm, tỷ lệ lao động qua đào tạo.</p>	<p>Thống nhất bổ sung về địa bàn tăng/giảm dân cư lớn và số liệu phân bố dân cư. Theo nhiệm vụ được phê duyệt, đồ án tập trung đánh giá về quy mô, mật độ, phân bố dân cư theo không gian lãnh thổ. Các đặc điểm sâu hơn về dân cư như chất lượng nguồn nhân lực, tỷ lệ lao động, lao động có đào tạo... Được nghiên cứu ở các đồ án cấp đô thị.</p>
VIII.4	<p>Mục 2.5 Hiện trạng về hạ tầng và môi trường đô thị - nông thôn (trang 121): Đề nghị xem xét, bổ sung thực trạng nhà ở của 2 khu vực này. đưa ra đánh giá về hiện trạng và những yêu cầu cần quy hoạch, thay đổi đối với nhà ở cho người dân tại 2 khu vực phù hợp với các xu hướng về xanh hóa và bảo vệ môi trường.</p>	<p>Tiếp thu và đã sửa (BC Tổng hợp - PHẦN THỨ HAI, Chương I, Mục IV: 2.2.4. Thị trường bất động sản và nhà ở đô thị)</p>
VIII.5	<p>Mục 4.1 Dự báo các kịch bản phát triển KT-XH giai đoạn 2021-2030 (từ trang 224-227: Đề nghị xây dựng kịch bản có tầm nhìn đến 2050 và khi xây dựng quy hoạch cần xem xét đến xu hướng già hóa dân số để đề xuất xây dựng các cơ sở hạ tầng phù hợp phục vụ nhu cầu sinh hoạt của nhóm người cao tuổi và trẻ em.</p>	<p>Tiếp thu và đã sửa (BC Tổng hợp - PHẦN THỨ HAI, Chương II, Mục II: 1. Các kịch bản phát triển hệ thống đô thị và nông thôn.</p> <p>Về ý kiến “khi xây dựng quy hoạch cần xem xét đến xu hướng già hóa dân số để đề xuất xây dựng các cơ sở hạ tầng phù hợp phục vụ nhu cầu sinh hoạt của nhóm người cao tuổi và trẻ em”, giải trình như sau: quy hoạch cấp quốc gia</p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
VIII.6	<p>Tại điểm 4.2.1. Dự báo phân bố dân số (trang 227): Đề nghị bổ sung phương pháp dự báo hoặc nguồn số liệu dự báo (có thể từ nguồn của Tổng cục Thống kê).</p>	<p>Dự báo tổng dân số toàn quốc và các vùng được cập nhật theo Quy hoạch Tổng thể Quốc gia. Nguồn số liệu dự báo đã được nêu tại (BC Tổng hợp - PHẦN THỨ HAI, Chương IV, Mục IV: 7.1.1. Dự báo phân bố dân số đô thị)</p>
VIII.7	<p>Đề nghị bổ sung các thách thức về già hoá dân số; dự báo về lực lượng lao động, chất lượng nguồn nhân lực; nhu cầu nhân lực cho ngành văn hoá, thể dục thể thao, nhất là nhân lực chất lượng cao.</p>	<p>Thông nhất tiếp thu, bổ sung nội dung đánh giá thách thức về già hóa dân số tại (BC Tổng hợp - PHẦN THỨ HAI, Chương II, Mục II, 3. Xu thế phát triển quốc tế và trong nước ảnh hưởng đô thị và nông thôn)</p> <p>Đối với yêu cầu dự báo nhu cầu nhân lực cho ngành văn hóa, thể dục thể thao cần được cụ thể hoá trong quy hoạch Ngành Văn hoá, TDTT quốc gia. Trong phạm vi nhiệm vụ nghiên cứu của Đồ án, chỉ bao gồm các đánh giá tổng quan về hiện trạng và xu hướng nhu cầu của nguồn nhân lực, nói chung.</p>
VIII.8	<p><i>Quan điểm và mục tiêu</i> (trang 269): Đề nghị nghiên cứu, bổ sung quan điểm “Quy hoạch đô thị và nông thôn thời kỳ 2021-2020, tầm nhìn đến năm 2050 bảo đảm thống nhất, phù hợp với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của cả nước giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045. Quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia, quy hoạch không gian biển quốc gia và các quy hoạch có liên quan khác”.</p>	<p>Căn cứ xây dựng Quan điểm và mục tiêu theo</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 18/01/2023 của Quốc Hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; - Nghị quyết 06-NQ/TW ngày 24/1/2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
		<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 28/1/2022 của TTCP phê duyệt Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 - Quyết định số 294/QĐ-TTg ngày 24/02/2020 của Thủ tướng Chính phủ “V/v phê duyệt Nhiệm vụ lập Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050”
VIII.9	<p><i>Tổ chức thực hiện:</i> Mục 10.2. Định hướng quản lý đô thị, định hướng liên kết vùng và liên kết ngành (trang 264): Cần sửa lại nội dung tổ chức thực hiện là trách nhiệm của các bộ, ngành và địa phương, không phải là định hướng quản lý đô thị, định hướng liên kết vùng và liên kết ngành.</p>	<p>Đề án đã tiếp thu ý kiến và giải trình như sau: Định hướng liên kết vùng và liên kết ngành là một nội dung được quy định trong Luật Quy hoạch tại điều 25: Nội dung quy hoạch ngành quốc gia. Nội dung tổ chức thực hiện đã được thể hiện tại phần IV, mục 5 Giải pháp về tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch.</p>
VIII.10	<p>Tại 10.3 Các chương trình chiến lược ưu tiên (trang 371). Đề nghị bổ sung: “Phát triển các viện/trung tâm dưỡng lão cho người cao tuổi” để đáp ứng hiện trạng thiếu hụt hiện nay và phù hợp với xu hướng già hóa dân số ở Việt Nam trong thời gian tới.</p>	<p>Giải trình như sau:</p> <p>Phát triển các viện/trung tâm dưỡng lão cho người cao tuổi thuộc quy hoạch ngành y tế; hoặc quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn.</p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
<i>(Trả lời công văn số 2280/LĐTBOXH-KHTC ngày 21/6/2023 của Bộ Lao động thương binh và xã hội)</i>		
VIII.11	<p>Phúc đáp Công văn số 1261/BXD-PTĐT ngày 25/4/2023 của Bộ Xây dựng về việc góp ý kiến nội dung hồ sơ Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội có một số ý kiến tham gia như sau:</p> <p>Ngày 14/3/2023, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội có Công văn số 859/LĐTBOXH-KHTC góp ý dự thảo Quy hoạch đô thị và nông thôn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và đề xuất nội dung tích hợp vào Quy hoạch. Về cơ bản, cơ quan lập quy hoạch đã tổng hợp các ý kiến tham gia của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tại Công văn số 859/LĐTBOXH-KHTC nêu trên.</p>	Thông nhất ý kiến
VIII.12	<p>Tại mục 2.1 Dân số nguồn nhân lực (từ trang 59-60): Báo cáo tổng hợp đã bổ sung nội dung về Cơ cấu dịch chuyển lao động theo nhóm tuổi và có nêu là “tham khảo Bảng số liệu phía dưới”. Tuy nhiên, trong dự thảo thiếu bảng số liệu này, đề nghị bổ sung đầy đủ.</p>	Tiếp thu, đã chỉnh sửa sai sót tại mục 2.1. Dân số, nguồn nhân lực
VIII.13	<p>Tại mục 3.1 Dự báo phân bố dân số đô thị (trang 308-309): Báo cáo tổng hợp chưa nêu phương pháp dự báo phân bố dân số mà chỉ trích dẫn kết quả dự báo, đề nghị nghiên cứu bổ sung để đảm bảo tính thuyết phục.</p>	<p>Như đã giải trình CV số 895 /LĐTBOXA-KHTC ngày 14/03/2023 của Bộ Lao động thương binh và xã hội, phân bố dân số đô thị được dự báo dựa trên các kết quả dự báo dân số toàn quốc và các vùng, các tỉnh của Quy hoạch tổng thể Quốc gia và cập nhật tỷ lệ đô thị hóa theo các dự thảo</p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
		<p>báo cáo Quy hoạch tỉnh đang triển khai lập ở các địa phương.</p> <p>Ngoài ra, để đảm bảo tính khả thi trong dự báo quy mô dân số các đô thị, đồ án dự báo quy mô dân số đô thị bao gồm 3 thành phần dân số: dân số chính thức, dân số không chính thức, dân số quy đổi. Nội dung cụ thể đã được bổ sung tại tiểu mục 3.1.2, mục III, phần II của Thuyết minh tổng hợp và Phục lục II.</p>
<p>IX. BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG</p> <p><i>(Trả lời công văn số 810/BTTTT-VCL ngày 14/03/2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông)</i></p>		
IX.1	<p>Theo khoản 4, điều 6, Luật Quy hoạch (Luật 21/2017 CH14) Quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn phải phù hợp với quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh. Do đó, đề nghị Quý Bộ nghiên cứu bảo đảm đồng bộ các nội dung về định hướng phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông nêu tại quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và các quy hoạch có liên quan.</p>	<p>Giải trình như sau:</p> <p>Đã cập nhật nội dung trong về định hướng phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông nêu tại quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và các quy hoạch có liên quan và cập nhật thông tin do Bộ TTTT cung cấp cho BXD. (BC Tổng hợp - PHẦN THỨ HAI, Chương IV, Mục VI; 1.5. Định hướng hạ tầng bưu chính, viễn thông)</p>
IX.2	<p>Đối với định hướng cụ thể cho Thành phố Hà Nội tại mục 6.2.3 Mạng lưới phân bố trung tâm đô thị quốc gia (trang 285 dự thảo Quy hoạch), đề nghị xem xét để bảo đảm đồng bộ các nội dung trong định hướng phát triển của Thành phố với dự thảo</p>	<p>Giải trình như sau:</p> <p>Mạng lưới phân bố trung tâm đô thị quốc gia: Kế thừa các Định hướng quy hoạch thời kỳ trước (Quyết định số 10/1998/QĐ-TTg và Quyết định số 445/2009/QĐ-TTg).</p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
	Luật Thủ đô đang được nghiên cứu sửa đổi, bổ sung.	Các đô thị trung tâm cấp quốc gia, cấp vùng... đã hình thành và tiếp tục phát triển. Yếu tố mới trong kỳ quy hoạch này là hình thành vùng đô thị và cực tăng trưởng quốc gia đã được đề cập trong QHTTQG thời kỳ 2021-2030. Hệ thống trung tâm đô thị quốc gia bao gồm thành phố trực thuộc Trung ương, trong đó có Thủ đô Hà Nội có xem xét tới yếu tố mới trong dự thảo Luật Thủ đô đang được nghiên cứu sửa đổi, bổ sung.
IX.3	Tại mục 6.2.5 Mạng lưới phân bố đô thị chức năng quốc gia, đề nghị làm rõ hơn khái niệm về trung tâm công nghiệp 4.0 quốc gia. Nghị quyết số 43-NQ/TW ngày 24/01/2019 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Đà Nẵng đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2045 đã nêu quan điểm phát triển thành phố Đà Nẵng tập trung vào 3 trụ cột chính bao gồm: du lịch, công nghiệp công nghệ cao và kinh tế biển. Đề phù hợp với Nghị quyết của Bộ Chính trị, đề nghị xem xét đưa thành phố Đà Nẵng là trung tâm công nghiệp 4.0 quốc gia.	<p>Giải trình như sau:</p> <p>Trung tâm công nghiệp 4.0 quốc gia, Mạng lưới đô thị công nghiệp 4.0 là mạng lưới đa trung tâm, sáng tạo hợp tác của các đô thị dựa trên sáng kiến chuyển đổi mô hình tăng trưởng sản xuất xanh, thông minh và phát thải thấp mà động lực của nó là kinh tế tri thức; đổi mới sáng tạo, kinh tế sinh thái, kinh tế kết nối và kinh tế văn hoá của các đô thị chuyển đổi.</p> <p>TP Đà Nẵng là cực tăng trưởng quốc gia; trung tâm tổng hợp có vai trò quan trọng chiến lược phát triển kinh tế duyên hải miền Trung gắn hành lang kinh tế quốc tế đông-tây.</p> <p>Việc lựa chọn các đô thị chức năng CN 4.0 quốc gia dựa trên các tiêu chí về quy mô sản xuất, năng suất lao động và điều kiện CSHT để làm tiền đề phát triển kinh tế tri</p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
		thức; đổi mới sáng tạo, kinh tế sinh thái, kinh tế kết nối và kinh tế văn hoá quốc gia, lựa chọn trung tâm tại vùng ĐBSH và trung tâm tại vùng ĐNB là 2 Cục tăng trưởng quốc gia.
IX.4	<p>Tại điểm 2 mục 6.4.1 Phát triển mô hình đô thị, nông thôn xanh, thông minh, thích ứng biến đổi khí hậu (trang 303), đề nghị sửa nội dung về định hướng chung "Phát triển đô thị - nông thôn thông minh gắn với phát triển kinh tế số và xã hội số đạt mục tiêu tăng trưởng xanh quốc gia" thành "Phát triển đô thị - nông thôn thông minh gắn với xây dựng chính quyền số, phát triển kinh tế số và xã hội số đạt mục tiêu tăng trưởng xanh quốc gia".</p> <p>Tại nội dung về định hướng cụ thể, đề nghị cân nhắc nội dung "Xây dựng trung tâm điều hành đô thị thông minh cấp tỉnh, cấp huyện, xã và thị trấn" bảo đảm phù hợp với các nhiệm vụ, giải pháp được giao tại Quyết định số 950/QĐ-TTg ngày 01/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển đô thị thông minh bền vững Việt Nam giai đoạn 2018 – 2025 và định hướng đến năm 2030 (Đề án 950), tránh triển khai hình thức, theo phong trào.</p>	<p>Tiếp thu tại (BC Tổng hợp - PHẦN THỨ HAI, Chương IV, Mục IV; 6.1.2. Phát triển đô thị xanh, thông minh, thích ứng BĐKH và Mục VI, 4.3.6. KDCNT vùng chịu tác động của BĐKH ở vùng ĐBSCL; 4.3.7. KDCNT ứng dụng công nghệ số).</p>
IX.5	<p>Đối với đề nghị của Bộ Xây dựng về việc cung cấp thông tin về thực trạng và ảnh hưởng phát triển đô thị thông minh đến năm 2050. Bộ Thông tin và Truyền thông cung cấp thông tin các nhiệm vụ của Bộ được Thủ tướng Chính phủ giao tại Đề án 950. Cụ thể, để thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Đề án 950. Bộ</p>	<p>Tiếp thu cập nhật bổ sung thông tin tại Mục cơ sở pháp lý, Định hướng phát triển đô thị xanh, thông minh, thích ứng BĐKH.</p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
	<p>Thông tin và Truyền thông đã ban hành các văn bản sau để hướng dẫn các địa phương phát triển đô thị thông minh:</p> <p>Văn bản số 58/BTTTT-KHCN ngày 11/01/2018 của Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn các nguyên tắc định hướng về công nghệ thông tin và truyền thông trong xây dựng đô thị thông minh ở Việt Nam: Quyết định số 829/QĐ-BTTTT ngày 31/5/2019 ban hành Khung tham chiếu ICT phát triển đô thị thông minh (phiên bản 1.0); Văn bản số 3098/BTTTT-KHCN ngày 13/9/2019 về việc Công bố Bộ chỉ số đô thị thông minh Việt Nam giai đoạn đến năm 2025 (phiên bản 1.0); Văn bản số 4176/BTTTT-THH ngày 22/11/2019 của Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn triển khai thí điểm dịch vụ đô thị thông minh: Văn bản số 957/THH-DVCNTT ngày 17/7/2020 của Cục Tin học hóa về việc đôn đốc xây dựng Kiến trúc ICT phát triển đô thị thông minh của địa phương; Quyết định số 1014/QĐ-BTTTT ngày 02/6/2012 của Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt Đề án bảo đảm an toàn thông tin cho đô thị thông minh giai đoạn 2012 – 2025.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản số 2051/BTTTT-THH ngày 04/6/2020 của Bộ Thông tin và Truyền thông về hướng dẫn triển khai một số nhiệm vụ thực thi Nghị định số 47/2020/NĐ-CP của Chính phủ. - Văn bản số 783/THH-HTDLS ngày 16/6/2020 của Cục Tin học hóa về hướng dẫn ứng dụng dịch vụ điện toán 	

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
	<p>đám mây và thuê dịch vụ điện toán đám mây trong cơ quan nhà nước.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chỉ thị số 66 /CT-BTTTT ngày 20/2/2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về tăng cường bảo đảm an toàn thông tin tại các điểm truy nhập wifi Internet công cộng. - Văn bản số 213/ THH-CPĐT ngày 03/3/2021 của Cục Tin học hóa về việc hướng dẫn mô hình tổng thể, yêu cầu chức năng, tính năng của Trung tâm giám sát, điều hành thông minh cấp tỉnh, cấp bộ (phiên bản 1.0). - Về hướng dẫn các địa phương triển khai thí điểm dịch vụ đô thị thông minh. Bộ Thông tin và Truyền thông đã hướng dẫn cho 18 địa phương triển khai thí điểm và có kết quả. Ngày 17/8/2022, Bộ Thông tin và Truyền thông đã ban hành Văn bản Số 4257/ BTTTT-THH về việc tổng kết triển khai thí điểm dịch vụ đô thị thông minh (Văn bản gửi kèm theo). 	
IX.6	<p>Đối với đề nghị của Bộ Xây dựng về việc cung cấp thông tin về Mạng lưới hạ tầng công nghệ truyền tin ở đô thị - nông thôn: Thực trạng và định hướng phát triển mạng lưới hạ tầng công nghệ truyền tin đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Bộ Thông tin và Truyền thông cung cấp thông tin về thực trạng và</p>	<p>Tiếp nhận thông tin cung cấp của Bộ Thông tin và Truyền thông và đã lựa chọn, sử dụng các số liệu cần thiết trong các đánh giá về lĩnh vực thông tin truyền thông liên quan trong báo cáo.</p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
	<p>định hướng phát triển mạng lưới hạ tầng viễn thông, cụ thể như sau:</p> <p><i>Thực trạng:</i> Tính đến tháng 12/2022, các doanh nghiệp viễn thông đã triển khai hơn 322 nghìn trạm BTS (2G:3G;4G:5G) tương ứng với hơn 94 nghìn vị trí trạm phủ sóng 100% phường, xã và 99,73%, thôn bản trên tổng số 98.455 thôn bản trên toàn quốc. Hơn 1,1 triệu km cáp quang đã được triển khai tới 100% phường xã. Tỷ lệ hộ gia đình Internet cáp quang băng rộng đạt ~ 74.5% (20 triệu hộ gia đình có cáp quang trên tổng số 27,32 triệu hộ trên toàn quốc). Tổng số tuyến cáp quang biển đi quốc tế hiện có là 5 tuyến (IA, AAG, APG, AAE-1, SEA-ME-WE3), cập bờ tại 03 trạm (Vũng Tàu, Đà Nẵng và sắp tới là Bình Định).</p> <p>Tốc độ băng rộng cố định 80,26 Mbps, xếp thứ 47 và cao hơn mặt bằng chung của thế giới (71,59 Mbps). Tốc độ truy nhập Internet BRDD 39,59Mbps, xếp thứ 51 và cao hơn so với mặt bằng chung của thế giới (33,17 Mbps).</p> <p><i>Định hướng phát triển:</i> Căn cứ Chiến lược quốc gia về phát triển Kinh tế số, xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 (Quyết định 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022).</p> <p>a) Mục tiêu cơ bản đến năm 2025.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh đạt 80%. 	

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
	<ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ hộ gia đình được phủ mạng Internet băng rộng cáp quang đạt 80%. b) Mục tiêu cơ bản đến năm 2030. <ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh đạt 95%. - Tỷ lệ hộ gia đình được phủ mạng Internet băng rộng cáp quang đạt 100%. 	
<p><i>(Trả lời công văn số 1906/BTTTT-VCL ngày 23/05/2023 của Bộ Thông tin và truyền thông)</i></p>		
IX.7	<p>Mục II, trang 71, Hiện trạng hệ thống đô thị - nông thôn trong Báo cáo Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, đề nghị đánh giá các nhiệm vụ, giải pháp đã triển khai phát triển đô thị thông minh. Bao gồm ban hành hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế chính sách, hướng dẫn về phát triển đô thị thông minh bền vững; áp dụng công nghệ thông minh trong quy hoạch và quản lý phát triển đô thị; phát triển hạ tầng đô thị thông minh.</p>	<p>Nội dung đề án được thực hiện theo quyết định 294, trong đó đánh giá toàn bộ hệ thống đô thị - nông thôn. Đô thị thông minh chỉ là một mô hình mà quốc tế đang xây dựng, và bắt đầu triển khai ở Việt nam, chưa có nhiều kết quả để đánh giá, nhận định.</p>
IX.8	<p>Mục 5.2, trang 401, Đô thị thông minh, đề nghị có định hướng các ứng dụng thông minh:</p> <p>Ứng dụng công nghệ số trong quản lý cơ sở dữ liệu hạ tầng kỹ thuật đô thị, quản lý trật tự xây dựng, quản lý đất xây dựng đô thị, quản lý cấp thoát nước, thu gom xử lý rác thải, diện tích cây</p>	<p>Tiếp thu tại (BC Tổng hợp - PHẦN THỨ HAI, Chương IV, Mục IV; 6.1.2. Phát triển đô thị xanh, thông minh, thích ứng BĐKH)</p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
	<p>xanh, nguồn nước, cảnh quan, quản lý không gian ngầm đô thị và các lĩnh vực khác.</p> <p>Phát triển ứng dụng thông minh hỗ trợ ra quyết định trong công tác lập, thẩm định, công bố công khai quy hoạch đô thị.</p> <p>Phát triển hạ tầng kỹ thuật đô thị thông minh trong một số lĩnh vực: chiếu sáng đô thị thông minh; giao thông thông minh, điều khiển hướng dẫn giao thông, kiểm soát và xử lý ứng cứu tình huống khẩn cấp; hệ thống cấp thoát nước thông minh, khả năng kiểm soát, xử lý ô nhiễm và an toàn chất lượng; hệ thống thu gom và xử lý rác thải đô thị thông minh; hệ thống cảnh báo rủi ro, thiên tai.</p>	
IX.9	<p>Mục 7 2. Định hướng nâng cao chất lượng đô thị, trang 413, đề nghị có định hướng triển khai nền tảng số phục vụ các giao dịch điện tử trực tuyến hoạt động theo mô hình sử dụng công nghệ số. Phát triển các nền tảng có khả năng kết nối liên thông, liên kết, tạo sức mạnh tổng thể và mang lại hiệu quả triển khai, tạo môi trường mạng cho phép nhiều bên cùng tham gia để cung cấp dịch vụ cho các tổ chức, cá nhân, đơn giản, thuận tiện và linh hoạt. Áp dụng truyền thông xã hội số, cung cấp thông tin và dịch vụ hành chính công, thuận tiện trên di động, phân tích dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo để thực hiện chuyển đổi số toàn diện các mặt công tác chỉ đạo, điều hành của cơ quan nhà nước và</p>	<p>Thông nhất. Các định hướng về triển khai nền tảng số và đô thị thông minh phục vụ phát triển đô thị - nông thôn đã được lồng ghép bổ sung tại (BC Tổng hợp - PHẦN THỨ HAI, Chương IV, Mục IV; 6.2.2. Định hướng nâng cao chất lượng đô thị)</p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
	cung cấp trải nghiệm tốt, thân thiện nhất cho người dùng ở đô thị và nông thôn.	
IX.10	<p>Mục 5, trang 511, Định hướng hạ tầng bưu chính, viễn thông đề nghị bổ sung:</p> <p>Triển khai lộ trình số hóa và thông minh hóa các lĩnh vực hạ tầng thiết yếu khác phục vụ kinh tế số và xã hội số gồm: hạ tầng bưu chính; hạ tầng giao thông; hạ tầng cung cấp điện; hạ tầng thủy lợi và ứng phó với biến đổi khí hậu; hạ tầng đô thị; cung cấp hạ tầng số cho hạ tầng, công nghiệp; giáo dục và đào tạo; y tế; văn hóa, thể thao, du lịch.</p> <p>Phát triển hạ tầng số, kết nối mạng Internet vạn vật (IoT); triển khai tích hợp cảm biến và ứng dụng công nghệ số vào các hạ tầng thiết yếu như giao thông, năng lượng, điện, nước để chuyển đổi thành một bộ phận cấu thành quan trọng của hạ tầng số; nâng cao năng lực an toàn thông tin, xử lý sự cố; xây dựng và phát triển các trung tâm xử lý điều hành thông tin tập trung.</p> <p>Phát triển mạng lưới hạ tầng số phân bố kết nối đô thị, nông thôn hợp lý, bảo đảm đồng bộ, thống nhất, cân đối giữa các vùng, miền; phát triển các đô thị và nông thôn có chức năng phù hợp với quy mô và dân số ở mức hợp lý theo hướng phát triển xanh, thông minh, thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai và dịch bệnh; bảo đảm tính kết nối cao giữa các đô thị và khu vực nông thôn.</p>	Tiếp thu; Bổ sung nội dung này tại (BC Tổng hợp - PHẦN THỨ HAI, Chương IV, Mục VI; 1.5.2. Hạ tầng viễn thông)

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
IX.11	Trang 565, mục 1.1.2. Cải cách luật pháp và ban hành các văn bản pháp quy thủ tục cần thiết và thiết lập một hệ thống hành pháp về quy hoạch đô thị và nông thôn, đề nghị nghiên cứu giải pháp khi thực hiện các dự án xây dựng hạ tầng giao thông, đô thị, xây dựng có hạng mục ứng dụng, kết nối hạ tầng số, tích hợp cảm biến và ứng dụng công nghệ số để phát triển hạ tầng số hiệu quả, phát triển các hạ tầng dùng chung, tránh đầu tư trùng lặp; Giải pháp thiết lập cơ chế tài chính, cơ chế giám sát, phân công, giao các trách nhiệm quản lý, thực hiện phát triển đô thị thông minh.	<p>Thống nhất. nghiên cứu bổ sung cơ sở pháp lý để phát triển nền tảng số và đô thị thông minh.</p> <p>Bổ sung nội dung này tại (BC Tổng hợp - PHẦN THỨ HAI, Chương V, Mục 1.1.2. Cải cách luật pháp và ban hành các văn bản pháp quy thủ tục cần thiết và thiết lập một hệ thống hành pháp về quy hoạch đô thị và nông thôn</p>
<p>X. BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO</p> <p><i>(Trả lời công văn số 1606 /BGDDT-KHTC ngày 13/04/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)</i></p>		
X.1	Về căn cứ pháp lý (Mục 1.4 trang 14): Đề nghị bổ sung Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Quốc hội thông qua tại Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09/01/2023 và các Quy hoạch vùng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được các cấp có thẩm quyền phê duyệt.	Tiếp thu và đã sửa (BC Tổng hợp - PHẦN THỨ NHẤT, Mục 4: Căn cứ pháp lý)
X.2	Về quan điểm và mục tiêu (Mục V trang 269): Đề nghị nghiên cứu bổ sung quan điểm quy hoạch đô thị và nông thôn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 gắn với quy hoạch đô thị thông minh, lấy chỉ số phát triển con người và	Ý kiến của quý cơ quan rất xác đáng. Tiếp thu và đã sửa tại (BC Tổng hợp - PHẦN THỨ HAI, Chương IV, Mục IX. Định hướng liên kết vùng và liên kết ngành; 2.8. Liên kết ngành giáo dục đào tạo)

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
	môi trường sống là trọng tâm. Đối với việc xây dựng nông thôn mới cần xây dựng gắn với tiêu chí quốc gia về nông thôn mới nâng cao, đồng thời gắn với việc tôn tạo văn hóa, bản sắc, truyền thống dân tộc. Quy hoạch đô thị và nông thôn cần gắn với hạ tầng cơ sở giáo dục tại chỗ cho người dân.	
X.3	Đề nghị xem xét đưa các nội dung trình bày trước Mục 5.1 thành mục: “Căn cứ đề xuất quan điểm và mục tiêu”.	
X.4	Đề nghị rà soát lại nội dung tầm nhìn. Hiện quy hoạch có 02 nội dung trình bày về tầm nhìn (cụ thể tại Mục 5.2. Tầm nhìn 2045-2050 tại trang 270 và mục 5.3 tiểu mục c. Tầm nhìn đến 2045 tại trang 271).	Nhất trí góp ý của quý cơ quan, đó là lỗi soạn thảo văn bản. Chúng tôi đã chỉnh sửa.
X.5	Về mạng lưới phân bố đô thị chức năng quốc gia (Mục 6.25 trang 295): Đề nghị nghiên cứu bổ sung làm rõ các khu đô thị đại học, nền tảng phát triển nhân lực và khoa học công nghệ (hiện báo cáo thuyết minh quy hoạch mới đề cập: “Các đô thị Hòa Lạc, Thủ Đức là trung tâm đô thị đại học, khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia”).	Ý kiến của quý cơ quan rất xác đáng. Tiếp thu và đã sửa tại (BC Tổng hợp - PHẦN THỨ HAI, Chương IV, Mục IV. 2.3.2. Định hướng phân bố đô thị chức năng chuyên ngành quốc gia; (3) Đô thị công nghiệp, khoa học, đổi mới sáng tạo)
X.6	Đề nghị cân nhắc, xem xét việc tập trung phát triển các đô thị - nông thôn cửa khẩu như định hướng phát triển nêu tại trang 301, cụ thể phát triển các đô thị hệ thống đô thị biên giới phải đảm bảo an ninh quốc phòng nhưng vẫn phát triển bản sắc để trở thành cửa ngõ đất nước. Hạn chế đầu tư hạ tầng lớn, mở	Giải trình như sau: Phát triển các đô thị - nông thôn cửa khẩu là định hướng quan trọng đảm bảo quốc phòng, an ninh và phát triển kinh tế xã hội. Đây cũng là địa bàn nhiều dân tộc sinh sống là vùng có diện tích rộng lớn nhưng có điều kiện khó khăn

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
	rộng quy mô đất xây dựng và di dân từ miền xuôi lên các khu vực cửa khẩu này.	<p>về CSHT do điều kiện địa lý. Như vậy dưới góc độ rủi ro thiên tai-BĐKH cần có giải pháp phát triển đô thị-nông thôn bền vững, phù hợp điều kiện tự nhiên, văn hoá, lịch sử nhưng vẫn đảm bảo tính hấp dẫn và cửa ngõ quốc gia vùng biên giới, phù hợp điều kiện đất đai xây dựng của khu vực.</p> <p>Ý kiến của quý cơ quan rất xác đáng. Tiếp thu và đã sửa tại (BC Tổng hợp - PHẦN THỨ HAI, Chương IV, Mục IV. 1.3. Định hướng phát triển chuỗi đô thị biên giới, cửa khẩu)</p>
X.7	Về định hướng hạ tầng bưu chính, viễn thông (Mục 8.1.5 trang 335): Đề nghị bổ sung các mục tiêu và định hướng cụ thể đối với hạ tầng công nghệ, bổ sung các thông tin song song với định hướng về hạ tầng bưu chính, viễn thông. Đề nghị lồng ghép các mục tiêu về chuyển đổi số theo định hướng phát triển kinh tế số và xã hội số cụ thể theo khu vực đô thị và nông thôn.	Nội dung này đã tiếp thu theo ý kiến của Bộ Thông tin truyền thông
X.8	Đề nghị rà soát lại các lỗi chính tả.	Đã rà soát các lỗi chính tả.
X.9	Rà soát những nội dung không phù hợp với đề mục tại báo cáo (Ví dụ: Nội dung "Ưu tiên sáng tạo, ứng dụng công nghệ cao, chất lượng cuộc sống tốt, trọng dụng nhân tài" đặt trong mục "b) Đô thị - nông thôn mang bản sắc văn hóa"...).	Tiếp thu ý kiến góp ý của quý cơ quan và thay thế bằng cụm từ "Ưu tiên đầu tư các không gian công cộng gắn với sáng tạo, ứng dụng công nghệ cao, nâng cao chất lượng môi trường sống"

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
<i>(Trả lời công văn số 2795/BGDĐT ngày 7/6/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)</i>		
X.10	Dự thảo Quy hoạch hệ thống nông thôn và đô thị cần có sự thống nhất về các chỉ tiêu, phương hướng, định hướng quy hoạch với các dự thảo quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh trong thời điểm hiện tại để đảm bảo sự thống nhất trong quá trình thực hiện.	Thống nhất với ý kiến góp ý của quý cơ quan. Phương pháp thực hiện đồ án đã tuân thủ và cụ thể hóa định hướng quy hoạch tổng thể quốc gia, nghiên cứu rà soát thống kê quy hoạch tỉnh, quy hoạch vùng trong thời điểm hiện tại, ngoài ra đã hội thảo và gửi hồ sơ xin ý kiến các bên liên quan nên đã đảm bảo sự thống nhất trong quá trình thực hiện.
X.11	Về hiện trạng phát triển, phân bố không gian mạng lưới cơ sở giáo dục đại học và sư phạm (trang 126): Đề nghị chỉnh sửa số liệu cơ sở giáo dục đại học như sau: “ <i>Năm 2020, cả nước có 242 trường Đại học, Học viện, trong đó có 150 trường Đại học công lập (70 trường Đại học do địa phương quản lý), 62 trường Đại học tư thục và dân lập, 5 trường có 100% vốn nước ngoài. Số Viện nghiên cứu có đào tạo tiến sĩ là 36. Có 23 trường cao đẳng sư phạm, 20 trường cao đẳng có sư phạm mầm non (Niên giám thống kê năm 2020 của Tổng cục Thống kê)</i> ”.	Tiếp thu và đã sửa tại (BC Tổng hợp - PHẦN THỨ HAI, Chương I, Mục IV. 2.2.2. Thực trạng hạ tầng kinh tế - xã hội hệ thống đô thị. g) Hiện trạng phát triển, phân bố không gian mạng lưới cơ sở giáo dục đại học và sư phạm
X.12	Về hiện trạng phát triển, phân bố không gian mạng lưới cơ sở giáo dục đại học và sư phạm (trang 126): Đề nghị rà soát, làm rõ căn cứ, cơ sở của một số đánh giá, nhận định về giáo dục đại học để đảm bảo phù hợp, chính xác như:	Báo cáo tổng hợp dựa trên cơ sở thông tin tại nguồn: Tài liệu báo cáo Quốc hội; BÁO CÁO TỔNG HỢP QUY HOẠCH TỔNG THỂ QUỐC GIA THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050, tháng 12/năm 2022; Hiện

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
	<p><i>“Nhìn chung sự phân bố các cơ sở giáo dục đại học dần trải về mặt địa lý, chưa phù hợp... ”; “Công tác quy hoạch, phát triển hệ thống GDĐH chưa sát với thực tiễn yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và quy mô phát triển dân số khiến cho số CSGDĐH phát triển nhanh, không đủ nguồn tuyển”.</i></p>	<p>trạng phát triển, phân bố không gian mạng lưới cơ sở giáo dục đại học và sư phạm, (trang 224)</p>
X.13	<p>b) Về dự báo đô thị hóa và dân số đô thị (Mục 3.1.2 trang 311):</p> <p>Đề nghị nghiên cứu có dự báo sự tăng trưởng của đô thị hóa và dân số đô thị gắn với quy hoạch để đảm bảo có quỹ đất dành cho sự phát triển của giáo dục đào tạo, tỷ lệ thuận với sự tăng trưởng của dân số, nhất là tại các thành phố lớn, tại các tỉnh/thành phố là trung tâm của các vùng kinh tế-xã hội trong cả nước; tổ chức sắp xếp luồng dân dịch cư từ nông thôn đến các thành phố lớn và vùng đô thị, đảm bảo an sinh xã hội, kịp thời cung cấp các dịch vụ xã hội cơ bản, trong đó có dịch vụ giáo dục và đào tạo (ví dụ số người dân mù chữ, mù chức năng về công nghệ thông tin, tin học, ngoại ngữ, ...) ở thành phố, đô thị lớn có thể tăng lên do luồng dân dịch cư từ nông thôn đến các thành phố lớn và vùng đô thị; đảm bảo chất lượng giáo dục, công bằng phúc lợi xã hội lĩnh vực giáo dục và đào tạo ở khu vực nông thôn, miền núi cho các đối tượng nghèo, đối tượng dễ bị tổn thương, các đối tượng yếu thế.</p>	<p>Giải trình như sau:</p> <p>Báo cáo tổng hợp đã đề cập đến dự báo quy mô dân số đô thị trên cơ sở tham khảo, tổng hợp các nghiên cứu, đề xuất của các dự thảo Quy hoạch tỉnh của các tỉnh, thành phố hiện nay, trong đó, đã tính toán đến khả năng đảm bảo quỹ đất cho sự phát triển của hạ tầng xã hội, đặc biệt khi có sự tăng trưởng về dân số cơ học ở các đô thị hiện hữu và đô thị mới phát triển.</p> <p>Theo Quy chuẩn quốc gia về Quy hoạch Xây dựng, hạ tầng xã hội cần được quy hoạch phù hợp với quy mô dân số dự báo.</p>
X.14	<p>Về chiến lược trọng tâm trong thời kỳ Quy hoạch (Mục V trang 324):</p>	<p>Ý kiến của quý cơ quan rất xác đáng. Tiếp thu và đã sửa tại (BC Tổng hợp - PHẦN THỨ HAI, Chương IV, Mục</p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
	<p>Đề nghị nghiên cứu bổ sung nội dung: “<i>Mở rộng, phát triển nhiều loại hình giáo dục và đào tạo nhằm đáp ứng yêu cầu của người học, học thường xuyên, học tập suốt đời, cập nhật kiến thức, kỹ năng, chuyển giao công nghệ, bồi dưỡng nâng cao năng lực nghề nghiệp, đào tạo bồi dưỡng ngắn hạn chuyển dịch nghề nghiệp, tận dụng nguồn nhân lực, đảm bảo có thể cung ứng nguồn nhân lực có chất lượng phục vụ cho việc phát triển văn hóa, kinh tế- xã hội</i>”.</p>	<p>IX. Định hướng liên kết vùng và liên kết ngành; 2.8. Liên kết ngành giáo dục đào tạo)</p>
X.15	<p>Về định hướng mạng lưới đô thị quốc gia (Mục 3 trang 347):</p> <p>Đề nghị nghiên cứu bổ sung một số định hướng đối với lĩnh vực giáo dục và đào tạo như sau: Đối với mạng lưới đô thị quốc gia, vùng đô thị cần quy hoạch mạng lưới trường, lớp, bổ sung quỹ đất xây dựng trường học, nhà trẻ trong các khu công nghiệp, khu đô thị, khu kinh tế mới phù hợp với quy hoạch đảm hiệu quả đầu tư lâu dài; bố trí đủ quỹ đất cho phát triển mạng lưới cơ sở hạ tầng giáo dục và đào tạo; xây dựng và hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng trọng yếu, tạo điều kiện cho sự phát triển đồng bộ, toàn diện và phát huy được những thế mạnh về giáo dục của mạng lưới vùng đô thị; tăng cường phát triển khu nghiên cứu, các cơ sở giáo dục và đào tạo; xây dựng cơ chế thu hút nhà đầu tư, xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục đào tạo, nhất là giáo dục phổ thông; phát triển một số khu đô thị đại học nhằm tạo động lực phát triển cho kinh tế địa phương cũng như hỗ trợ phát triển các dịch vụ giáo dục.</p>	<p>Ý kiến của quý cơ quan rất xác đáng. Tiếp thu và đã sửa tại (BC Tổng hợp - PHẦN THỨ HAI, Chương IV, Mục IX. Định hướng liên kết vùng và liên kết ngành; 2.8. Liên kết ngành giáo dục đào tạo)</p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
X.16	<p>Về định hướng mạng lưới đô thị quốc gia (Mục 3 trang 347):</p> <p>Riêng đối với Thành phố Hà Nội, đề nghị bổ sung Quyết định 130/QĐ-TTg ngày 23/01/2015 về biện pháp, lộ trình di dời và việc sử dụng quỹ đất sau khi di dời cơ sở sản xuất công nghiệp, bệnh viện, cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và các cơ quan, đơn vị trong nội thành Hà Nội (Quyết định 130). Việc triển khai Quyết định 130 sẽ có những tác động lớn và gắn liền với các phương án quy hoạch đô thị của thành phố Hà Nội trong giai đoạn sắp tới.</p>	<p>Ý kiến của quý cơ quan rất xác đáng.</p> <p>Vấn đề “Di dời và việc sử dụng quỹ đất sau khi di dời cơ sở sản xuất công nghiệp, bệnh viện, cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và các cơ quan, đơn vị trong nội thành Hà Nội sẽ có những tác động lớn và gắn liền với các phương án quy hoạch đô thị của thành phố Hà Nội trong giai đoạn sắp tới”: nội dung này sẽ được làm rõ trong quy hoạch Thủ đô và QHC thành phố Hà Nội.</p> <p>Ngoài ra, trong mục Định hướng phát triển các khu vực đô thị và nâng cao chất lượng đô thị đã đề cập tới việc “Chú trọng công tác tái thiết đô thị, phát triển chức năng mới, phục hưng kinh tế, tăng tính hấp dẫn văn minh đô thị, Di dời một số chức năng không phù hợp khu trung tâm các đô thị lớn và cực lớn đến khu vực ven đô thị hoặc đô thị vệ tinh. Như khu sản xuất cũ, hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp, bến cảng cũ, nhà ga cũ, bến xe cũ.v.v... Tăng cường các chức năng dịch vụ cao cấp, văn hoá, nghệ thuật, thương mại hiện đại, trung tâm thông tin, đổi mới sáng tạo, không gian công cộng, khu vườn cộng đồng, Chuẩn hoá tiêu chuẩn quản lý kiến trúc cảnh quan khu vực nội đô như các thành phố: Hà Nội, TPHCM...”</p>
X.17	<p>Về định hướng mạng lưới đô thị quốc gia (Mục 3 trang 347):</p>	<p>Ý kiến của quý cơ quan rất xác đáng. Tiếp thu và đã sửa tại (BC Tổng hợp - PHẦN THỨ HAI, Chương IV, Mục</p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
	<p>Đề nghị rà soát nghiên cứu bổ sung định hướng mạng lưới đô thị quốc gia đảm bảo phù hợp với định hướng mạng lưới cơ sở giáo dục đại học như sau:</p> <p><i>“Phát triển mạng lưới các cơ sở giáo dục đại học và sư phạm phù hợp với nhu cầu nguồn nhân lực theo định hướng phát triển, phát huy lợi thế các vùng kinh tế - xã hội và đất nước tại Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam 10 năm 2021-2030; có tính đến không gian mạng, xu thế phát triển giáo dục đại học trong khu vực và trên thế giới:</i></p> <p><i>Vùng trung du và miền núi phía Bắc: tập trung phát triển giáo dục đại học với các ngành trọng điểm nhằm phát huy các lợi thế về tài nguyên rừng, khoáng sản, các cửa khẩu, văn hóa dân tộc đặc sắc, đa dạng và tiềm năng phát triển du lịch, dịch vụ...phát triển lâm nghiệp bền vững, cây công nghiệp, cây ăn quả, cây đặc sản, cây dược liệu, chăn nuôi gia súc gắn với công nghiệp chế biến nông, lâm sản. Tăng cường liên kết về giáo dục đại học nội vùng và với vùng đồng bằng sông Hồng, Thủ đô Hà Nội.</i></p> <p><i>Vùng đồng bằng sông Hồng: tập trung phát triển giáo dục đại học nhằm hiện thực hóa mục tiêu đi đầu trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, kinh tế số xã hội số; tập trung phát triển một số ngành sản xuất công nghiệp và dịch vụ hiện đại: Điện tử, sản xuất phần mềm, trí tuệ nhân tạo, sản xuất ô tô, công nghiệp phụ trợ, các dịch vụ thương mại, logistics, ngân</i></p>	<p>VI. 2. Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng xã hội; b) Hạ tầng giáo dục đào tạo)</p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
	<p><i>hàng, tài chính, du lịch, viễn thông, y tế chuyên sâu; mở rộng phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp sạch; thúc đẩy mạnh mẽ các trung tâm đổi mới sáng tạo; xây dựng vùng Thủ đô là vùng lõi trong vùng, tập trung xây dựng các trung tâm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, hình thành một số cơ sở giáo dục đại học và sư phạm đẳng cấp khu vực và thế giới.</i></p> <p><i>Vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung: tập trung phát triển giáo dục đại học với các ngành trọng điểm nhằm phát triển mạnh kinh tế biển, nhất là đánh bắt và nuôi trồng hải sản xa bờ; nông, lâm nghiệp, khai thác, nuôi trồng thủy, hải sản gắn với công nghiệp chế biến, bảo đảm bền vững và hiệu quả cao; nâng cao hiệu quả công nghiệp lọc hóa dầu, luyện kim, sản xuất, lắp ráp ô tô; phát triển năng lượng sạch, năng lượng tái tạo; phát triển du lịch biển, du lịch sinh thái, cảng biển và dịch vụ cảng biển, hạ tầng và các trung tâm dịch vụ hậu cần nghề cá.</i></p> <p><i>Vùng Tây Nguyên: tập trung phát triển giáo dục đại học với các ngành trọng điểm để phát triển lâm nghiệp (cây công nghiệp, cây dược liệu...), sản xuất, chế biến, bảo quản và phân phối sản phẩm lâm nghiệp; phát triển kinh tế rừng; phát triển năng lượng tái tạo, công nghiệp du lịch đặc thù vùng Tây Nguyên (Trường Đại học Tây Nguyên là trung tâm, động lực phát triển giáo dục đại học cho vùng).</i></p>	

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
	<p><i>Vùng Đông Nam Bộ: tập trung phát triển giáo dục đại học nhằm phát triển mạnh khoa học, công nghệ và hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, đi đầu trong chuyển đổi mô hình tăng trưởng, xây dựng kinh tế số, xã hội số, sản xuất các sản phẩm điện, điện tử, công nghiệp chế biến, chế tạo; tài chính ngân hàng, bất động sản; nâng cao khả năng kết nối vùng, hình thành trung tâm giáo dục đại học trong vùng lõi, thúc đẩy phát triển Thành phố Hồ Chí Minh trở thành trung tâm tài chính quốc tế, tạo động lực liên kết, lan tỏa thúc đẩy hợp tác và phát triển giáo dục đại học với đồng bằng sông Cửu Long, với Tây Nguyên, với Nam Trung Bộ.</i></p> <p><i>Vùng đồng bằng sông Cửu Long: tập trung phát triển giáo dục đại học nhằm phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa, hiện đại, quy mô lớn; nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp hiệu quả cao, tối ưu hóa về giá trị nông nghiệp; phát triển công nghệ về giống, công nghiệp chế biến, bảo quản nông sản, thủy sản; gắn sản xuất với thị trường tiêu thụ và xây dựng thương hiệu sản phẩm; phát triển năng lượng tái tạo, năng lượng sạch; chủ động thích ứng, ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng”.</i></p>	
X.18	<p>Về định hướng nâng cao chất lượng đô thị (Mục 7.2 trang 413):</p> <p>Tại Mục 7.2.2. Hạ tầng xã hội đô thị: Đề nghị nghiên cứu bổ sung nội dung sau: “<i>Phát triển, bố trí hệ thống cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông phù hợp với phân bố dân cư, đáp ứng nhu cầu trên địa bàn và phục vụ mục tiêu phổ cập giáo dục, chú</i></p>	<p>Ý kiến của quý cơ quan rất xác đáng. Tiếp thu và đã sửa tại (BC Tổng hợp - PHẦN THỨ HAI, Chương IV, Mục VI. 2. Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng xã hội; b) Hạ tầng giáo dục đào tạo)</p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
	<p><i>trọng đến các khu vực tập trung đông dân cư (như các đô thị lớn, khu vực phát triển nhiều các khu công nghiệp). Phát triển, củng cố các cơ sở giáo dục thường xuyên, trung tâm học tập cộng đồng nhằm thực hiện công tác xóa mù chữ, công tác bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội vùng khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, bảo đảm công bằng trong giáo dục. rà soát, sắp xếp lại hệ thống cơ sở giáo dục đại học và sư phạm, nâng cao chất lượng đào tạo, năng lực và hiệu quả hoạt động của toàn hệ thống, bảo đảm hợp lý về quy mô, cơ cấu ngành nghề và phân bố vùng miền, đáp ứng nhu cầu nhân lực phát triển kinh tế - xã hội của cả nước và của các địa phương. Phát triển các cơ sở giáo dục đại học trọng điểm quốc gia; nâng cấp, xây dựng một số đại học, trường đại học lớn và trường đại học sư phạm, đào tạo y khoa trở thành trung tâm đào tạo chất lượng cao, có uy tín trong khu vực và thế giới. Phát triển một số khu đô thị đại học nhằm tạo động lực phát triển cho kinh tế địa phương cũng như hỗ trợ phát triển các dịch vụ giáo dục”.</i></p>	
X.19	<p>Về định hướng phát triển đối với các vùng nông thôn thuần nông ở cấp độ huyện (Tại mục 5.2 trang 427):</p> <p>Đề nghị chỉnh sửa, bổ sung nội dung phát triển hệ thống hạ tầng xã hội như sau: “<i>Phát triển hệ thống công trình giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp – giáo dục</i></p>	<p>Ý kiến của quý cơ quan rất xác đáng. Tiếp thu và đã sửa tại (BC Tổng hợp - PHẦN THỨ HAI, Chương IV, Mục VI. 2. Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng xã hội; b) Hạ tầng giáo dục đào tạo)</p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
	<p><i>thường xuyên, ...</i>” để đảm bảo cho việc cung cấp các dịch vụ xã hội cơ bản, đảm bảo an sinh xã hội trên địa bàn cấp huyện.</p>	
X.20	<p>Tại nội dung định hướng xây dựng mô hình làng xã thông minh (trang 469):</p> <p>Đề nghị rà soát, bổ sung thuyết minh lý do định hướng đối với giáo dục tiểu học tại nội dung <i>“Các trường tiểu học được phát triển cơ sở hạ tầng phù hợp. Với sự ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông, giáo dục tiểu học có thể trở nên thông minh hơn và số hóa hơn. Việc tiếp cận Internet sẽ tạo ra bước nhảy vọt trong giáo dục làng xã cũng như một số công việc hàng ngày”</i>. Ngoài ra, ngày 25/01/2022 Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 131/QĐ-TTg phê duyệt Đề án tăng cường ứng dụng CNTT và chuyển đổi số giáo dục đào tạo đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Do đó, đề nghị cơ quan lập quy hoạch nghiên cứu xây dựng định hướng phù hợp.</p>	<p>Ý kiến của quý cơ quan rất xác đáng. Tiếp thu và đã sửa tại (BC Tổng hợp - PHẦN THỨ HAI, Chương IV, Mục VI. 2. Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng xã hội; b) Hạ tầng giáo dục đào tạo)</p>
X.21	<p>Về giải pháp về cơ chế chính sách đầu tư và phát triển (Mục 1.2 trang 570): Đề nghị chỉnh sửa lại như sau: <i>“Động lực chính thúc đẩy phát triển đô thị là sự phát triển ngành kinh tế phi nông nghiệp như: ... dịch vụ giáo dục và đào tạo....”</i> <i>“Các ngành nghề có vai trò tạo động lực phát triển đô thị là: ... dịch vụ giáo dục và đào tạo ...”</i></p>	<p>Bổ sung nội dung này tại (BC Tổng hợp - PHẦN THỨ HAI, Chương V, Mục 1.2. Giải pháp về cơ chế, chính sách; 1.2.1. Cơ chế, chính sách đầu tư và phát triển)</p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
XI. BỘ Y TẾ <i>(Trả lời công văn số 2459 /BYT-KT-TC ngày 29/05/2023 của Bộ Y tế)</i>		
XI.1	<p>Tại trang 127, tên tiêu đề là: “Hiện trạng phát triển, phân bố không gian mạng lưới cơ sở y tế” nhưng chỉ mô tả số liệu tại thời điểm năm 2020. Đề nghị cập nhật số liệu và cần có những so sánh đối chiếu theo giai đoạn để thấy rõ hơn về hiện trạng phát triển của mạng lưới cơ sở y tế. Các kết quả trong nội dung này chỉ mô tả hiện trạng và phân bố của mạng lưới Bệnh viện tuyến Trung ương, đề nghị bổ sung nội dung liên quan đến các loại hình cơ sở y tế khác thuộc hệ thống y tế bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống các cơ sở khám, chữa bệnh tại địa phương (khu vực đô thị và khu vực nông thôn), đặc biệt là tuyến y tế cơ sở - một thành phần rất quan trọng của hệ thống y tế tại khu vực nông thôn. - Hệ thống các cơ sở giám định y khoa, giám định pháp y và pháp y tâm thần. - Hệ thống các cơ sở thuộc lĩnh vực y tế dự phòng, y tế công cộng - Hệ thống các cơ sở kiểm nghiệm, kiểm định, kiểm chuẩn về thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm, vắc xin và sinh phẩm y tế, trang thiết bị y tế 	<p>Giải trình như sau:</p> <p>Quy hoạch này tích hợp cơ sở dữ liệu của nhiều ngành, lĩnh vực. Nhằm đảm bảo tính thống nhất trong phân tích hệ thống, tư vấn lựa chọn thời điểm tháng 12/2020, đồng thời phù hợp với thời kỳ quy hoạch 2021-2030.</p> <p>Đề án Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được thực hiện theo - Quyết định số 294/QĐ-TTg ngày 24/02/2020 của Thủ tướng Chính phủ “V/v phê duyệt Nhiệm vụ lập Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050”; nghiên cứu phân bố không gian hệ thống đô thị - nông thôn gắn với đại diện các cơ sở y tế .</p> <p>Các góp ý của quý cơ quan thuộc phạm vi của quy hoạch ngành.</p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
	<ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống các cơ sở y tế thuộc lĩnh vực dân số – kế hoạch hóa gia đình. 	
XI.2	<p>Tại trang 174, báo cáo nhận định: “Hệ thống y tế được tăng cường cả về cơ sở vật chất và nhân lực”. Tuy nhiên, báo cáo chỉ mô tả về hiện trạng hệ thống y tế bao gồm số lượng các loại hình cơ sở y tế và nhân lực y tế tại khu vực nông thôn tại thời điểm năm 2020 và chưa đủ căn cứ làm rõ nhận định trên. Đề nghị:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cập nhật số liệu và so sánh đối chiếu theo giai đoạn. - Bổ sung kết quả rà soát, đánh giá thực trạng các cơ sở y tế đạt Tiêu chí Quốc gia về y tế qua các giai đoạn. - Bổ sung các giải pháp, chính sách đã được thực hiện nhằm tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các cơ sở y tế tại nông thôn. - Bổ sung các giải pháp, chính sách đã được thực hiện nhằm phát triển nguồn nhân lực y tế tại nông thôn như tăng cường đào tạo; tăng cường hỗ trợ, chuyển giao kỹ thuật; ban hành các chính sách, đãi ngộ thu hút cán bộ ... - Bổ sung các giải pháp, chính sách đã được thực hiện nhằm kiện toàn mô hình tổ chức hệ thống y tế tại nông thôn. 	<p>Giải trình như sau:</p> <p>Tại mục 2.3.2. Về kết cấu hạ tầng nông thôn (Tiếp cận cơ sở y tế). Căn cứ đánh giá kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về nông thôn mới về khả năng tiếp cận của người dân nông thôn trong lĩnh vực y tế, chăm sóc sức khỏe (nguồn TCTK).</p> <p>Các góp ý của quý cơ quan thuộc phạm vi của quy hoạch ngành.</p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
XII. BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH <i>(Trả lời công văn số 2661/BVHTTDL-KHTC ngày 5/7/2023 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)</i>		
XII.1	<p>Về căn cứ pháp lý tại các trang 14-15 của dự thảo, đề nghị nghiên cứu cập nhật thêm một số văn bản mới như: Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09/01/2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 81/2023/QH15); Nghị quyết 30-NQ/TW ngày 23/11/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng Sông Hồng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045...</p>	<p>Đã tiếp thu, cập nhật chỉnh sửa bổ sung trong Mục căn cứ pháp lý.</p>
XII.2	<p>Về số liệu thực trạng tăng trưởng đô thị hóa và tỷ lệ đô thị hóa toàn quốc tại các trang 45-48 của dự thảo, đề nghị nghiên cứu thống nhất số liệu tại các bảng vì đang có sự khác nhau (ví dụ như: dân số đô thị cả nước năm 2010, tỷ lệ đô thị hóa cả nước năm 2010...).</p>	<p>Thống nhất nghiên cứu chuẩn hoá các số liệu tại Mục 1.2. Thực trạng tăng trưởng đô thị và tỷ lệ đô thị hoá toàn quốc. Tuy nhiên số liệu 2010 đã khá cũ và trích từ một số nguồn khác nhau với mục tiêu khác nhau là so sánh về phát triển đô thị cả nước theo các giai đoạn và so sánh sự biến động giữa các vùng miền theo. Số liệu tổng hợp và số liệu thành phần cộng lại có chênh lệch nhưng không nhiều và đảm bảo mô tả được diễn biến của tăng trưởng dân số và tỷ lệ đô thị hoá.</p>
XII.3	<p>Về phát triển dịch vụ nông thôn tại trang 109 của dự thảo, đề nghị nghiên cứu phân tích theo hướng những nhóm có chung bản sắc văn hóa vùng, miền để làm rõ hơn thực trạng phát triển du lịch nông thôn.</p>	<p>Thống nhất, tiếp thu và bổ sung tại mục 2.4.2. Phát triển dịch vụ nông thôn (trang 169).</p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
		<p>Từ đó, dự thảo cũng đưa ra các mô hình định hướng phát triển ĐDCNT gắn với du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái nông nghiệp...gắn với đặc điểm văn hóa, tự nhiên của từng vùng, miền...tại mục 5.3. Định hướng phát triển điểm DCNT điển hình (trang 432).</p>
XII.4	<p>Về kết cấu hạ tầng nông thôn tại các trang 110-112 của dự thảo, đề nghị nghiên cứu bổ sung thực trạng tiếp cận mạng lưới cơ sở văn hóa và thể thao để hoàn thiện nội dung này.</p>	<p>Thông nhất, tiếp thu.</p>
XII.5	<p>Về hạn chế, tồn tại về phát triển văn hóa - xã hội đô thị tại trang 201 của dự thảo, đề nghị nghiên cứu bổ sung thêm nội dung cụ thể là: “Thiếu đồng bộ giữa xây dựng đô thị với hoàn thiện mạng lưới cơ sở văn hóa và thể thao thiết yếu phục vụ cho dân cư đô thị.”.</p>	<p>Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 không đi sâu nghiên cứu các ngành. Vì vậy không thể đưa ra các nhận định đánh giá từng lĩnh vực chuyên ngành một cách cụ thể</p>
XII.6	<p>Về phát triển mạng lưới cơ sở văn hóa quốc gia tại trang 226 của dự thảo, đề nghị nghiên cứu bổ sung một số chỉ tiêu đã được phê duyệt tại Chiến lược phát triển Văn hóa đến năm 2030 (Quyết định số 1909/QĐ-TTg ngày 12/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ), cụ thể là: “Phấn đấu 100% đơn vị hành chính cấp tỉnh có đủ 3 loại hình thiết chế văn hóa, gồm: Trung tâm Văn hóa hoặc Trung tâm Văn hóa - Nghệ thuật, bảo tàng, thư viện; 100% đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã có Trung tâm Văn hóa - Thể thao.”.</p>	<p>Thông nhất, tiếp thu, bổ sung tại phần III/mục 1. Dự báo chỉ tiêu kinh tế-xã hội thời kỳ 2021-2030/ Về xã hội (trang 308).</p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
XII.7	Về định hướng phân bố các vùng đô thị lớn tại các trang 262-264 của dự thảo, đề nghị nghiên cứu xác định các cực đô thị theo đúng định hướng đã được phê duyệt tại Nghị quyết số 81/2023/QH15.	<p>Thống nhất ý kiến góp ý. Định hướng đã tuân thủ phương án xác định các cực đô thị theo đúng định hướng đã được phê duyệt tại Nghị quyết số 81/2023/QH15 về phê duyệt QHTT quốc gia TK 2021-20230, tầm nhìn 2050.</p> <p>Đề cụ thể hóa định hướng Nghị quyết số 81/2023/QH15 và NVQH được phê duyệt tại QĐ số 294/QĐ-TTg về nhiệm vụ quy hoạch đồ án QH hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, đồ án đã cụ thể hóa phương án phát triển mạng lưới đô thị theo các cực tăng trưởng, hành lang đô thị hóa, chùm, chuỗi đô thị, phân bố dân cư theo các vùng lãnh thổ và quốc gia.</p>
XII.8	Về định hướng cụ thể của mạng lưới phân bố trung tâm đô thị quốc gia tại các trang 285-294 của dự thảo, đề nghị nghiên cứu các mặt đạt được của thành phố Hà Nội.	Thống nhất quan điểm góp ý, trong giai đoạn vừa qua Thành phố Hà Nội đã đóng góp to lớn trong sự nghiệp phát triển chung của cả nước. Tuy nhiên cách tiếp cận của Báo cáo dựa trên những vấn đề được phát hiện, không hẳn là những nhược điểm, để từ những phát hiện đó khai thác được những cơ hội mới và biến những thách thức phát triển thành cơ hội cho TP Hà Nội nói riêng cũng như các địa phương khác có vai trò động lực phát triển của vùng, quốc gia.
XII.9	Về định hướng các vùng đô thị hóa cao tại các trang 305-315 của dự thảo, đề nghị nghiên cứu xác định theo đúng định hướng đã được phê duyệt tại Nghị quyết số 81/2023/QH15, trong đó	Thống nhất ý kiến góp ý. Định hướng đã tuân thủ phương án xác định các vùng KT-XH theo đúng định hướng đã

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
	có định hướng về mạng lưới cơ sở văn hóa, thể thao và hệ thống du lịch.	<p>được phê duyệt tại Nghị quyết số 81/2023/QH15 về phê duyệt QHTT quốc gia TK 2021-20230, tầm nhìn 2050.</p> <p>Để cụ thể hóa định hướng Nghị quyết số 81/2023/QH15 và NVQH được phê duyệt tại QĐ số 294/QĐ-TTg về nhiệm vụ quy hoạch đồ án QH hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, đồ án đã cụ thể hóa phương án phân bố dân cư theo các vùng lãnh thổ và quốc gia.</p>
XII.10	Đề nghị nghiên cứu rà soát lại những khái niệm không có trong các văn bản quy phạm pháp luật, ví dụ như: “tâm linh” tại trang 356 của dự thảo...	Tiếp thu ý kiến góp ý, đã rà soát chỉnh sửa một số khái niệm.
XII.11	Đề nghị nghiên cứu rà soát, cập nhật thực trạng, mục tiêu, định hướng và giải pháp về hệ thống du lịch theo dự thảo Quy hoạch hệ thống du lịch thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 (Dự thảo đính kèm).	<p>Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 chỉ nghiên cứu các ngành và lĩnh vực trên phạm vi ảnh hưởng đến đô thị - nông thôn ở cấp quốc gia. Vì vậy không thể đưa ra các nhận định đánh giá từng lĩnh vực chuyên ngành một cách cụ thể.</p> <p>Ngoài ra trong nghiên cứu cũng đã đề cập những ảnh hưởng tác động của phát triển hệ thống du lịch tới hệ thống đô thị và nông thôn trong giai đoạn tới đó là việc phát triển hệ thống đô thị du lịch, chuyển dịch cơ cấu kinh tế của các đô thị, diêm dân cư nông thôn có lợi thế tài nguyên du lịch.</p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
XIII. BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ (Trả lời công văn số 5257/BKHDT-QLQH ngày 5/7/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)		
XIII.1	<p>Thành phần hồ sơ xin ý kiến</p> <p>Căn cứ quy định tại điểm a, khoản 4, điều 30 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP, Hồ sơ lấy ý kiến về quy hoạch bao gồm: Báo cáo quy hoạch (Báo cáo tổng hợp và Báo cáo tóm tắt), hệ thống sơ đồ, bản đồ thể hiện nội dung quy hoạch và Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; đề nghị Cơ quan lập quy hoạch bổ sung hệ thống sơ đồ, bản đồ thể hiện nội dung quy hoạch theo quy định của Luật Quy hoạch và Quyết định số 294/QĐ- TTg ngày 24/2/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Nhiệm vụ lập Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quyết định số 294/QĐ-TTg ngày 24/2/2020), bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sơ đồ vị trí địa lý và mối quan hệ của hệ thống đô thị và nông thôn với khu vực và quốc tế (tỷ lệ: 1/4.000.000); - Các bản đồ hiện trạng hệ thống đô thị và nông thôn, các bản đồ định hướng phát triển hệ thống đô thị và nông thôn, bản đồ bố trí không gian các dự án quan trọng quốc gia và dự án ưu tiên đầu tư của ngành, các bản đồ hiện trạng và định hướng đánh giá môi trường chiến lược (tỷ lệ 1/250.000); 	<p>Giải trình đối với ý kiến về bổ sung hồ sơ đánh giá môi trường chiến lược, có ý kiến như sau:</p> <p>Theo Quyết định số 294/QĐ-TTg ngày 24/2/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Nhiệm vụ lập Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Trong đó Mục 4. Yêu cầu về báo cáo đánh giá môi trường chiến lược: Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược (ĐMC) đối với quy hoạch phải thực hiện đánh giá môi trường chiến lược theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và được lập thành báo cáo riêng.</p> <p>Sau thời gian phê duyệt Nhiệm vụ quy hoạch tại Quyết định số 294/QĐ-TTg ngày 24/2/2020 đã có các quy định yêu cầu về nội dung Báo cáo Đánh giá Môi trường chiến lược (ĐMC) Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được thay đổi tại các văn bản pháp luật về bảo vệ môi trường được ban hành, cụ thể: Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính Phủ về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư quy định</p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
	<p>- Bản đồ hiện trạng sử dụng đất các khu vực trọng điểm của hệ thống đô thị và nông thôn quốc gia, bản đồ định hướng sử dụng đất các khu vực trọng điểm của hệ thống đô thị và nông thôn quốc gia (tỷ lệ 1/100.000).</p>	<p>chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, có hiệu lực thi hành từ ngày 10 tháng 01 năm 2022. Hồ sơ Báo cáo Đánh giá Môi trường chiến lược Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được thực hiện theo đúng theo quy định về thành phần hồ sơ và chi tiết nội dung nêu trong Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT và Thông tư này không yêu cầu thành phần hồ sơ ĐMC gồm các bản đồ hiện trạng và định hướng đánh giá môi trường chiến lược (tỷ lệ 1/250,000).</p> <p>Đối với góp ý về việc hoàn thiện thành phần sơ đồ, bản đồ theo quyết định số 294/QĐ-TTg ngày 24/2/2020, sẽ tiếp thu chỉnh sửa hoàn thiện tại nội dung hồ sơ hệ thống sơ đồ, bản đồ của đồ án.</p>
XIII.2	<p>Về bố cục Báo cáo</p> <p>Đề nghị rà soát đảm bảo bố cục Báo cáo đáp ứng quy định tại khoản 3 điều 25 Luật Quy hoạch, điều 23 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP (tại mục XII, Phụ lục II nội dung quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn) và Quyết định số 294/QĐ- TTg ngày 24/2/2020.</p>	<p>Tiếp thu ý kiến, Báo cáo đáp ứng đúng quy định và Quyết định số 294/QĐ-TTg ngày 24/2/2023 về Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.</p>
XIII.3	<p>Về căn cứ lập quy hoạch</p> <p>Đề nghị bổ sung các căn cứ pháp lý có liên quan như Nghị quyết số 108/NQ-CP của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội về tiếp tục tăng</p>	<p>Tiếp thu ý kiến góp ý, đã chỉnh sửa bổ sung các căn cứ pháp lý</p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
	<p>cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021-2030; Nghị quyết 90/NQ-CP ngày 16/6/2023 của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 81/2023/QH15 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Nghị quyết số 90/NQ-CP); bổ sung các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt các quy hoạch ngành quốc gia¹ liên quan đến phát triển đô thị và nông thôn mới được phê duyệt; đồng thời, sắp xếp theo thứ tự các văn bản của Đảng, Quốc hội, Chính phủ và các văn bản khác liên quan theo trật tự thời gian.</p>	
XIII.4	<p>Điều kiện tự nhiên, các yếu tố phát triển và hiện trạng hệ thống đô thị, nông thôn</p> <p>Về phân tích, đánh giá về các yếu tố, điều kiện tự nhiên, nguồn lực, bối cảnh và thực trạng phân bố, sử dụng không gian của hệ thống đô thị và nông thôn quốc gia, đề nghị tiếp tục rà soát, bổ sung các phân tích, đánh giá liên quan đến (i) Bối cảnh quốc tế, trong nước và các cơ hội, thách thức cũng như yếu tố về địa kinh tế chính trị của hệ thống đô thị trong khu vực và quốc tế; (ii) Bổ sung đánh giá về kết quả thực hiện các chương trình quốc gia</p>	<p>Thống nhất, tiếp tục nghiên cứu bổ sung phân tích, đánh giá liên quan đến (i) Bối cảnh quốc tế, trong nước và các cơ hội, thách thức cũng như yếu tố về địa kinh tế chính trị của hệ thống đô thị trong khu vực và quốc tế; (ii) Bổ sung đánh giá về kết quả thực hiện các chương trình quốc gia liên quan đến phát triển đô thị, nông thôn thời gian qua.</p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
	liên quan đến phát triển đô thị, nông thôn thời gian qua theo yêu cầu đề ra tại Quyết định 294/QĐ-TTg ngày 24/02/2020.	
XIII.5	<p>Điều kiện tự nhiên, các yếu tố phát triển và hiện trạng hệ thống đô thị, nông thôn (tiếp):</p> <p>Về hiện trạng hệ thống đô thị, nông thôn, đề nghị bổ sung các phân tích về mối quan hệ giữa đô thị hóa với hiện đại hóa, công nghiệp hóa; giữa phát triển đô thị với phát triển nông thôn; phát triển kinh tế đô thị song hành với quá trình đô thị hóa, việc thúc đẩy phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng giữa các vùng, miền.</p>	<p>Thống nhất tiếp tục hoàn thiện các nội dung của báo cáo về mối quan hệ giữa đô thị hóa với hiện đại hóa, công nghiệp hóa; giữa phát triển đô thị với phát triển nông thôn; phát triển kinh tế đô thị song hành với quá trình đô thị hóa, việc thúc đẩy phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng giữa các vùng, miền</p>
XIII.6	<p>Điều kiện tự nhiên, các yếu tố phát triển và hiện trạng hệ thống đô thị, nông thôn (tiếp)</p> <p>Về đánh giá liên kết ngành, liên kết vùng trong phát triển hệ thống đô thị và nông thôn, đề nghị bổ sung các phân tích đánh giá về (i) Sự phối hợp, kết hợp giữa các địa phương trong phát triển đô thị, nông thôn; (ii) Sự liên kết, đồng bộ giữa hệ thống đô thị và nông thôn với thực trạng phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng (hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội); (iii) Bổ sung các phân tích, đánh giá các chính sách về nguồn lực phát triển, sự phối hợp giữa các ngành, lĩnh vực nhằm đảm bảo công bằng, lợi ích giữa các bên liên quan trong phát triển đô thị và nông thôn.</p>	<p>Thống nhất với góp ý. Báo cáo tổng hợp đã phân tích và tiếp tục hoàn thiện các đánh giá liên kết ngành, liên kết vùng trong phát triển hệ thống đô thị và nông thôn, nghiên cứu kỹ hơn về (i) Sự phối hợp, kết hợp giữa các địa phương trong phát triển đô thị, nông thôn; (ii) Sự liên kết, đồng bộ giữa hệ thống đô thị và nông thôn với thực trạng phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng (hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội); (iii) Bổ sung các phân tích, đánh giá các chính sách về nguồn lực phát triển, sự phối hợp giữa các ngành, lĩnh vực nhằm đảm bảo công bằng, lợi ích giữa các bên liên quan trong phát triển đô thị và nông thôn.</p>
XIII.7	Quan điểm, mục tiêu, kịch bản phát triển và nhiệm vụ trọng tâm	Tiếp thu chỉnh sửa tại Mục kịch bản phát triển về tiêu chí nguồn lực phát triển đảm bảo phương án là phù hợp và khả

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
	<p>Đề nghị tiếp tục rà soát nội dung liên quan đến quan điểm, mục tiêu, kịch bản cùng các nhiệm vụ trọng tâm phát triển hệ thống đô thị, nông thôn đảm bảo phù hợp với Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022, các Nghị quyết về phát triển kinh tế-xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh của 06 Vùng² đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã được Bộ Chính trị ban hành cùng Nghị quyết số 81/2023/QH15, Nghị quyết số 90/NQ-CP của Chính phủ và các quy hoạch ngành quốc gia có liên quan đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; đồng thời, tại mục “Cơ sở để phân tích đánh giá các kịch bản” cần bổ sung các luận chứng về đặc điểm kinh tế, văn hóa cũng như các số liệu có liên quan về các nhóm tiêu chí về nguồn lực của từng vùng và các đô thị lớn trong vùng tại từng kịch bản để bổ sung những phân tích, đánh giá về quy mô, mức độ tác động của từng nhóm tiêu chí đối với từng kịch bản (03 kịch bản) để đưa ra các nhận định, cơ sở lựa chọn kịch bản phát triển đô thị theo mạng lưới (kịch bản 3) là phù hợp, khả thi và có tính thực tiễn tại Báo cáo.</p>	<p>thi. Các nhóm mục tiêu bao gồm: tỷ lệ đô thị hóa, đất xây dựng đô thị, tỷ lệ cấp nước sạch, thu gom xử lý chất thải rắn, cải tạo tái thiết đô thị, diện tích cây xanh, diện tích nhà ở, đóng góp GDP, tự chủ về tài chính tại TP trực thuộc trung ương đạt 60%.</p> <p>Kịch bản số 3 đã đưa ra những luận cứ nhằm đạt được các mục tiêu nêu trên tại NQ 06, NQ81, QĐ294 với nguồn lực bỏ ra ít nhất, rủi ro ít nhất đảm bảo tính khả thi và phù hợp. Có thể nêu ra một số luận điểm của kịch bản như tập trung phát triển, tăng trưởng đô thị tại các cực tăng trưởng có lợi thế thu hút dân cư, dịch cư cơ học trong quá trình đô thị hóa hơn là dàn trải và có sự phân công giữa các đô thị trung tâm và đô thị đôi trọng, giữa vùng đô thị hóa tập trung và vùng đô thị hóa ít tập trung. Đối với tăng trưởng không gian đô thị cụ thể là đất đai xây dựng tại những vùng thuận lợi xây dựng, có tín hiệu tốt, nhu cầu cao về thị trường về nhà ở và đất đai, tập trung tại vùng ĐBSH và vùng ĐNB, dải ven biển. Kịch bản cũng có cân nhắc tới những giải pháp phát triển đô thị ven biển phòng chống thiên tai và thích ứng BĐKH đảm bảo tính bền vững và sức chống chịu của các đô thị động lực chịu tác động của thiên tai và BĐKH.</p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
XIII.8	<p>Quan điểm, mục tiêu, kịch bản phát triển và nhiệm vụ trọng tâm (tiếp)</p> <p>Trên cơ sở dự báo về chỉ tiêu kinh tế - xã hội, biến đổi khí hậu, quy mô đô thị (dân số đô thị, đô thị hóa, đất xây dựng đô thị, nâng loại đô thị..); Báo cáo đề xuất 03 kịch bản phát triển và lựa chọn kịch bản phát triển đô thị theo mạng lưới đối với hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021-2030 (kịch bản 3); tuy nhiên, đề nghị bổ sung phân tích, đánh giá để cụ thể vai trò, mối quan hệ, phạm vi, ranh giới hệ thống đô thị (lưu ý các vùng đô thị lớn là vùng đô thị Hà Nội, vùng đô thị Thành phố Hồ Chí Minh, vùng đô thị Đà Nẵng, vùng đô thị Cần Thơ) đối với các vùng kinh tế - xã hội, vùng động lực, cực tăng trưởng quốc gia và các hành lang kinh tế để phát triển hệ thống đô thị bền vững theo mạng lưới, bảo đảm sự phân bố hợp lý, bảo đảm tính đồng bộ; tính kết nối giữa đô thị - nông thôn...theo Nghị quyết số 81/2023/QH15 đề ra.</p> <p>Mặt khác, để đảm bảo định hướng phát triển và xây dựng nông thôn mới phát triển toàn diện, hiện đại, xanh, sạch, đẹp gắn với quá trình đô thị hóa; có cơ sở hạ tầng, dịch vụ đồng bộ và tiệm cận với khu vực đô thị; đối với nông thôn ven đô đẩy mạnh đô thị hóa, định hướng phân bố hệ thống điểm dân cư nông thôn Quốc gia theo nguyên tắc: sử dụng tiết kiệm và hiệu quả, bảo vệ cảnh quan thiên nhiên, khai thác và sử dụng tài nguyên, nhất là tài nguyên đất, tối ưu hoá sử dụng năng lượng, thúc đẩy phát triển đô thị theo hướng tăng trưởng xanh, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm nhẹ các tác động của thiên tai, thảm họa; đảm bảo an ninh nông thôn, trật tự văn hóa...</p>	<p>Tại phần I. Hiện trạng hệ thống đô thị- nông thôn/ Thực trạng khu vực dân cư nông thôn và Phụ lục (Kết quả thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới đến năm 2021; phương hướng nhiệm vụ đến năm 2025 và giai đoạn 2016-2030, tầm nhìn đến 2045) đã đánh giá về việc phát triển hệ thống nông thôn và kết quả thực hiện mục tiêu chương trình NTM đến năm 2021. Từ đó, trong dự thảo, bên cạnh mục kịch bản 3, tại phần III/Mục Định hướng phát triển điểm dân cư nông thôn/ Định hướng phân bố hệ thống điểm dân cư nông thôn Quốc gia đưa ra định hướng phát triển hệ thống nông thôn:</p> <p><i>“Để đảm bảo định hướng phát triển và xây dựng nông thôn mới phát triển toàn diện, hiện đại, xanh, sạch, đẹp gắn với quá trình đô thị hóa; có cơ sở hạ tầng, dịch vụ đồng bộ và tiệm cận với khu vực đô thị; đối với nông thôn ven đô đẩy mạnh đô thị hóa, định hướng phân bố hệ thống điểm dân cư nông thôn Quốc gia theo nguyên tắc: sử dụng tiết kiệm và hiệu quả, bảo vệ cảnh quan thiên nhiên, khai thác và sử dụng tài nguyên, nhất là tài nguyên đất, tối ưu hoá sử dụng năng lượng, thúc đẩy phát triển đô thị theo hướng tăng trưởng xanh, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm nhẹ các tác động của thiên tai, thảm họa; đảm bảo an ninh nông thôn, trật tự văn hóa...</i></p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
	<p>trong việc đảm bảo sự ổn định phát triển của không gian lãnh thổ, làm cơ sở đề xuất định hướng phát triển điểm dân cư nông thôn tại Báo cáo.</p>	<p><i>Tránh sự phát triển, phân bố điểm dân cư nông thôn theo hướng rải rác, manh mún, bám theo các trục đường chính”.</i></p> <p>Và kèm theo Bản đồ định hướng phát triển hệ thống nông thôn Quốc gia thời kì 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050</p>
XIII.9	<p>Định hướng phát triển hệ thống đô thị và nông thôn</p> <p>Tại Nghị quyết số 81/2023/QH15 đã đề ra các mục tiêu, chỉ tiêu về kinh tế, phát triển đô thị trên toàn quốc; theo đó, các định hướng phát triển hệ thống đô thị bền vững theo mạng lưới; tỷ lệ đô thị hóa đạt trên 50%, phân đầu từ 3-5 đô thị ngang tầm khu vực và quốc tế; xây dựng nông thôn mới phát triển toàn diện, bền vững và gắn với đô thị hóa; tỷ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới đạt trên 90%, trong đó 50% số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.</p> <p>Do vậy, đề nghị bổ sung mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể của hệ thống đô thị, nông thôn gắn kết với định hướng phát triển không gian kinh tế - xã hội (Điều 3 Nghị quyết số 81/2023/QH14), định hướng phát triển hệ thống đô thị, nông thôn quốc gia (Điều 4 Nghị quyết số 81/2023/QH15) tại từng vùng lãnh thổ (06 vùng) ...để đảm bảo sự phù hợp với điều kiện phát triển, nhất là các lợi thế của mỗi vùng về kết cấu hạ tầng, điều kiện tự nhiên, vị trí địa kinh tế - chính trị, nguồn nhân lực và tăng cường tính liên kết nội vùng và liên vùng, tạo không gian phát triển mới cũng như tính thống nhất, tuân thủ, hệ thống, thứ bậc giữa các</p>	<p>Đồ án đã tiếp thu ý kiến và sẽ nghiên cứu bổ sung trong mục định hướng phát triển hệ thống đô thị và nông thôn</p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
	cấp quy hoạch; đồng thời, làm cơ sở triển khai lập các quy hoạch có liên quan trong hệ thống quy hoạch quốc gia.	
XIII.10	<p>Định hướng phát triển hệ thống đô thị và nông thôn (tiếp)</p> <p>Đề nghị nghiên cứu, bổ sung tiêu chí xác định các đô thị có vai trò trung tâm cấp quốc gia, cấp vùng, cấp tỉnh định hướng xác định mô hình mạng lưới đô thị (bao gồm đô thị động lực, hệ thống các đô thị và vùng nông thôn phụ cận, các đô thị vệ tinh xung quanh, đặc biệt là tại các trung tâm đô thị lớn tại thành phố Hà nội, thành phố Hồ Chí Minh..) theo kịch bản được lựa chọn tại Báo cáo.</p>	<p>Căn cứ các Nghị quyết về QHTT quốc gia, Nghị quyết về phát triển KT-XH 6 vùng, các đề án đã được phê duyệt về QHXD Vùng thủ đô, QHXD vùng TP HCM, QH vùng đồng bằng sông Cửu Long...</p> <p>Đánh giá thực trạng phát triển, cơ hội và thách thức của hệ thống đô thị quốc gia,</p> <p>Tiêu chí các đô thị có vai trò trung tâm quốc gia, cấp vùng được xác định dựa trên vai trò địa kinh tế, chính trị và tính chất của đô thị đối với vùng lãnh thổ và quốc gia, quy mô kinh tế, dân số và đất đai và các tiêu chí xã hội và môi trường khác.</p> <p>Các nội dung nêu trên đã được báo cáo trong Mục Định hướng phát triển hệ thống ĐT-NT nhằm cụ thể hóa Kịch bản số 3 phát triển theo mạng lưới.</p>
XIII.11	<p>Các giải pháp nguồn lực và thực hiện quy hoạch</p> <p>Đề nghị xác định cụ thể các nội dung, các chỉ tiêu cần quản lý theo Quy hoạch tổng thể quốc gia; bổ sung tiêu chí để xác định các chương trình, dự án phát triển đô thị, phát triển nhà ở, hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội để làm cơ sở triển khai thực hiện.</p>	<p>Tiếp thu chỉnh sửa trong Mục giải pháp nguồn lực và thực hiện quy hoạch.</p> <p>Do đây là giải pháp thực hiện Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn đòi hỏi mang tính tổng thể, toàn diện nhưng tránh chồng chéo với các chương trình quy hoạch chuyên ngành khác và quy hoạch cấp dưới, do vậy nguyên tắc đề</p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
	Xác định rõ nhiệm vụ, trách nhiệm của Bộ, ngành địa phương trong việc triển khai thực hiện quy hoạch; phân định rõ trách nhiệm, quyền hạn, cơ chế phối hợp giữa Trung ương và địa phương và giữa các cơ quan quản lý nhà nước.	xuất là các chương trình thực hiện theo nhóm mục tiêu về phát triển đô thị xanh, thông minh, phát triển nhà ở xã hội, hệ thống hạ tầng kỹ thuật đầu mối vùng, hạ tầng xã hội vùng. Đây sẽ là cơ sở cho các QH cấp dưới triển khai theo quy định của Luật Quy hoạch và luật chuyên ngành về Quy hoạch đô thị, Quy hoạch xây dựng, hạ tầng kỹ thuật, quy chuẩn, tiêu chuẩn ngành kỹ thuật. Tiếp thu chỉnh sửa phân công cụ thể trách nhiệm của Bộ, ngành, địa phương trong triển khai thực hiện QH này.
XIV. BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ <i>(Trả lời công văn số 855/BKHCN-CNN ngày 30/3/2023 của Bộ Khoa học và Công nghệ)</i>		
XIV.1	Tại mục 5.2. Tầm nhìn 2045-2050 (trang 270), đề nghị rà soát, thống nhất cụm từ “ ... đạt tầm quốc tế” và “ ... tầm cỡ thế giới”; làm rõ tiêu chí, thời điểm đạt 5 đô thị tầm cỡ quốc tế; số lượng công trình kiến trúc tiêu biểu, đô thị xanh – thông minh – chuyển đổi số tiêu biểu tầm cỡ thế giới.	Đề án đã tiếp thu góp ý và giải trình, nội dung tầm nhìn đến năm 2050, hoàn toàn phù hợp với Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị
XIV.2	Tại mục 5.3. Mục tiêu cụ thể (trang 271), đề nghị rà soát một số chỉ tiêu để đảm bảo cơ sở khoa học và thực tiễn như: Tỷ lệ các đô thị hoàn thành quy hoạch chung và quy hoạch phân khu; tỷ lệ diện tích cây xanh bình quân trên mỗi người dân đô thị; diện tích sàn nhà ở bình quân đầu người...	Đề án đã tiếp thu góp ý và giải trình, nội dung các chỉ tiêu, hoàn toàn phù hợp với Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị, đề án sẽ tiếp tục rà soát.

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
XIV.3	<p>Tại mục 10.3. Các chương trình chiến lược ưu tiên (trang 371), đề nghị rà soát, lựa chọn số lượng các chương trình để tránh trùng lặp nội dung đối với các chương trình đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.</p>	<p>Tiếp thu tại Mục Các chương trình chiến lược ưu tiên: lựa chọn các chương trình theo nhóm mục tiêu, nhưng lưu ý tránh trùng lặp nội dung trùng lặp chương trình thủ tướng chính phủ phê duyệt.</p> <p>Về ý kiến này, xin được giải trình như sau: Chương trình chiến lược ưu tiên phục vụ QH hệ thống đô thị và nông thôn đòi hỏi tính toàn diện và tổng thể để đảm bảo đạt các mục tiêu đề ra của NQ 06 và QĐ 294, cụ thể hóa NQ81 về QHTTQG về quy hoạch, đất đai, nhà ở, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, NCKH, quy chuẩn, tiêu chuẩn..., do đó đòi hỏi các chương trình phải đề cập và đề xuất đầy đủ trên các phương diện. Có thể một số chương trình sẽ bị trùng lặp là những chương trình đã được đề xuất và Thủ tướng chính phủ phê duyệt nhưng mang tính riêng lẻ. Do vậy rất cần thiết phải có chương trình khung cho QH hệ thống đô thị và nông thôn để chỉ đạo, điều hành chung, còn các bước cụ thể hóa thực hiện sẽ được rà soát đối chiếu tránh trùng lặp.</p>
XIV.4	<p>Tại mục 10.4. Giải pháp thực hiện, đề nghị xem xét bỏ nội dung “1. Nâng cao vai trò chức năng và quyền hạn của các bộ ngành và địa phương trong tổ chức thực hiện chiến lược phát triển đô thị quốc gia”; cần đưa ra một số giải pháp cụ thể làm cơ sở để</p>	<p>Một số giải pháp về Nâng cao vai trò chức năng và quyền hạn của các bộ ngành và địa phương trong tổ chức thực hiện chiến lược phát triển đô thị quốc gia được tiếp thu chỉnh sửa.</p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
	các bộ, ngành, địa phương liên quan triển khai thực hiện chiến lược phát triển đô thị quốc gia.	
<i>(Trả lời công văn số 1604/BKHCN-CNN ngày 30/5/2023 của Bộ Khoa học và Công nghệ)</i>		
XIV.5	<p>Dự thảo Quyết định (ý kiến 1):</p> <p>Tại mục khoản 1 Điều 5 (trang 36) đề nghị rà soát, làm rõ sự khác nhau giữa “Chương trình phát triển đô thị xanh, thông minh, thích ứng biến đổi khí hậu” với “Chương trình xây dựng đô thị xanh, đô thị thông minh, đô thị thích ứng biến đổi khí hậu” để tránh trùng lặp nội dung</p>	<p>Tiếp thu ý kiến góp ý, đã chỉnh sửa trong Dự thảo quyết định nội dung liên quan để thấy sự khác nhau: Một trong nhiều định hướng lớn của quy hoạch hệ thống đô thị là “Phát triển đô thị xanh, thông minh, thích ứng biến đổi khí hậu”. Trong khi đó, “Chương trình phát triển đô thị xanh, đô thị thông minh, đô thị thích ứng BĐKH và đô thị biển” hàm ý là một công cụ can thiệp (lập kế hoạch và tổ chức thực hiện tập hợp nhiều dự án đầu tư tại đô thị) để hệ thống đô thị đạt mục tiêu phát triển đô thị xanh, thông minh, thích ứng biến đổi khí hậu.</p>
XIV.6	<p>Dự thảo Quyết định (ý kiến 2):</p> <p>Tại khoản 2 Điều 5 (trang 37) đề nghị xem xét bỏ nội dung “1. Nâng cao vai trò chức năng và quyền hạn của các bộ ngành và địa phương trong tổ chức thực hiện chiến lược phát triển đô thị quốc gia”; cần đưa ra một số giải pháp cụ thể làm cơ sở để các bộ, ngành, địa phương liên quan triển khai thực hiện chiến lược phát triển đô thị quốc gia</p>	<p>Một số giải pháp về Nâng cao vai trò chức năng và quyền hạn của các bộ ngành và địa phương trong tổ chức thực hiện chiến lược phát triển đô thị quốc gia được tiếp thu chỉnh sửa.</p>
XIV.7	Dự thảo Tờ trình:	Tiếp thu

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
	<p>Tại mục 3.1. Định hướng mạng lưới đô thị quốc gia (trang 18), đề nghị sửa: “ ...Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom, xử lý đảm bảo tiêu chuẩn, quy chuẩn theo quy định đạt 95%; Tỷ lệ nước thải đô thị được thu gom và xử lý đảm bảo tiêu chuẩn, quy chuẩn theo quy định ...” thành: “ ... Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom, xử lý đảm bảo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hiện hành đạt 95%; Tỷ lệ nước thải đô thị được thu gom và xử lý đảm bảo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hiện hành đạt trên 50% đối với đô thị loại II trở lên và 20% đối với các loại đô thị còn lại” để phù hợp với Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật.</p> <p>Để thống nhất nội dung với dự thảo Quyết định, đề nghị Bộ Xây dựng rà soát nội dung với mục 2.1 nêu trên.</p>	<p>Bổ sung chỉnh sửa tại mục 3.1. Định hướng mạng lưới đô thị quốc gia (trang 18) thành :</p> <p><i>“ ... Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom, xử lý đảm bảo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hiện hành đạt 95%; Tỷ lệ nước thải đô thị được thu gom và xử lý đảm bảo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hiện hành đạt trên 50% đối với đô thị loại II trở lên và 20% đối với các loại đô thị còn lại”</i></p>
XV. BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI		
XV.1	<p>Khoản 4 Điều 6 Luật Quy hoạch quy định “<i>Quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn phải phù hợp với quy hoạch cấp quốc gia...</i>”. Hiện nay, 05 quy hoạch ngành quốc gia lĩnh vực GTVT thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Hội đồng thẩm định quy hoạch thông qua, trong đó 04/05 quy hoạch đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Vì vậy, đề nghị Bộ Xây dựng chỉ đạo cơ quan lập quy hoạch rà soát, cập nhật nội dung quy hoạch ngành quốc gia lĩnh vực GTVT bảo đảm phù hợp quy định nêu trên.</p>	<p>Giải trình: Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn quốc gia thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã cập nhật 04 quy hoạch ngành GTVT đã được phê duyệt và Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Quy hoạch cảng hàng không mới được phê duyệt sẽ được rà soát để cập nhật vào trong Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn quốc gia thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050.</p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
	<p>Ngoài ra, quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Quốc hội thông qua tại Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09/01/2023, đề nghị rà soát, cập nhật mục tiêu, chỉ tiêu kinh tế - xã hội để phù hợp với quy hoạch đã phê duyệt (dự thảo báo cáo dựa trên số liệu tại Nghị quyết số 138/NQ-CP ngày 25/10/2022).</p>	
XV.2	<p>Nhận định chung về thực trạng (trang 205):</p> <p>Một số đánh giá còn trên các số liệu rất cũ như về tỷ lệ an toàn giao thông lấy số liệu từ năm 2004 (ghi chú số 54)... vì vậy đề nghị các đánh giá trên cơ sở số liệu gần đây. Đồng thời, đề nghị rà soát một số đánh giá, nhận định bảo đảm tính khách quan, phù hợp với thực tế như nhận định “đường thiết kế không chuẩn” là chưa chuẩn xác do đây là hiện trạng, cơ bản các tuyến đường đầu tư trong thời gian qua đều tuân thủ tiêu chuẩn thiết kế, quy định pháp luật liên quan.</p> <p>Rà soát, bổ sung số liệu về vận tải (đặc biệt thị phần vận tải hành khách công cộng), quỹ đất dành cho giao thông, tỷ lệ mức vốn đầu tư hạ tầng giao thông để có các đánh giá, nhận định đầy đủ, toàn diện về hệ thống giao thông đô thị đặc biệt tại các đô thị đặc biệt (Thủ đô Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh), làm cơ sở định hướng quy hoạch trong thời gian tới.</p>	<p>Tiếp thu: cập nhật các số liệu hiện trạng giao thông mới từ các Quy hoạch ngành giao thông vận tải tại tiểu mục Hiện trạng hạ tầng và môi trường, khoản Hiện trạng hạ tầng giao thông. Bổ sung các số liệu về vận tải công cộng, quỹ đất giao thông, các nội dung về kinh tế vận tải đã được xác định trong quy hoạch ngành, quy hoạch đô thị nông thôn chỉ tích hợp nên không đưa vào trong báo cáo.</p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
XV.3	Mục tiêu phát triển (trang 328): đề nghị bổ sung một số mục tiêu cụ thể, định lượng làm cơ sở, định hướng phát triển các đô thị như: mục tiêu về tỷ lệ đất giao thông trên đất xây dựng đô thị để cụ thể hóa mục tiêu Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị; mục tiêu về quỹ đất dành cho giao thông tỉnh (bến, bãi đỗ xe, không gian ngầm...); mục tiêu về tỷ lệ đảm nhận của vận tải hành khách công cộng.	Tiếp thu: bổ sung các chỉ tiêu về đất giao thông, giao thông tỉnh, giao thông công cộng tại mục Quan điểm, mục tiêu, tiêu mục Mục tiêu cụ thể
XV.4	Định hướng quy hoạch giao thông tỉnh (trang 500): đề nghị rà soát, bổ sung định hướng phát triển không gian ngầm để khai thác hiệu quả quỹ đất trong bối cảnh diện tích mặt đất ngày càng hạn hẹp, đồng thời định hướng xây dựng khung pháp lý, thể chế, cơ chế phối hợp chặt chẽ mới đảm bảo cho việc xây dựng và sử dụng không gian ngầm đô thị hiệu quả, bền vững.	Tiếp thu: bổ sung nội dung về định hướng quy hoạch không gian ngầm tại mục Định hướng phát triển hạ tầng đô thị - nông thôn, tiêu mục Định hướng hạ tầng giao thông.
XVI. HỘI KIẾN TRÚC SƯ VIỆT NAM		
XVI.1	Về tổng thể: Hội KTS Việt Nam thấy rằng nội dung đã được chuẩn bị thể hiện sự triển khai rất bài bản trên cơ sở đã căn cứ đầy đủ các yếu tố pháp lý, có khảo sát hiện trạng, tổng thể toàn diện, với số liệu thuyết phục và phân tích sát tình hình thực tiễn. Nội dung tổng hợp cơ sở căn cứ và đề xuất cho cả phần quy hoạch đô thị và phát triển nông thôn, trình bày tại tài liệu lấy ý kiến lần 1 “Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050” đã rất cơ bản, đáp ứng yêu cầu chung. Cấu trúc đề án khoa học và mạch lạc, phù hợp xu hướng xây dựng phát triển bền vững đô thị - nông thôn tại Việt Nam cũng như khả năng hội nhập toàn cầu.	
XVI.2	Về cấu trúc tổng thể: nên tách riêng các tổng hợp số liệu cụ thể vào phần phụ lục đi kèm. Tại phần nội dung chính cô đọng ngắn	Giải trình như sau:

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
	gọn và tập trung nhận định, đánh giá đề xuất tổng hợp.	Về cấu trúc tổng thể tư vấn tuân thủ Quyết định số 294/QĐ-TTg ngày 24/02/2020 của Thủ tướng Chính phủ “V/v phê duyệt Nhiệm vụ lập Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050”; Về ý kiến tách riêng các tổng hợp số liệu cụ thể vào phần phụ lục đi kèm, tiếp thu ý kiến của quý cơ quan tại BC tổng hợp đã tách 1 số nội dung thành các Phụ lục đính kèm BC tổng hợp.
XVI.3	Phần sự cần thiết tại phần mở đầu còn quá ngắn gọn, mới tập trung vào yếu tố pháp lý là chính. Cần bổ sung thêm các yếu tố cần thiết khác, nhất là xuất phát từ thực tế phát triển đô thị nông thôn đặt ra sự tối cần thiết này; yếu tố bền vững cũng chưa có trong hệ thống quá khứ...	Đồ án đã tiếp thu ý kiến và bổ sung thêm vào sự cần thiết tại phần mở đầu của Báo cáo.
XVI.4	Phần II phân tích đánh giá điều kiện thực trạng hệ thống đô thị nông thôn: Thiếu hẳn phần đánh giá về Văn hóa, một nền tảng cơ sở quan trọng trong phát triển. Tuy có nêu tại đề mục 2.2 (Đặc điểm lịch sử văn hóa...), nhưng nội dung chi tiết phân tích lại chưa có. Mục Văn hóa này cần có một đề mục riêng trong phần đánh giá chung.	Giải trình như sau: Góp ý của quý cơ quan rất xác đáng và đã có nội dung tại (BC Tổng hợp - PHẦN THỨ HAI, Chương III, Mục II. 2. Phân tích những thuận lợi, khó khăn, cơ hội, thách thức phát triển hệ thống đô thị - nông thôn; 2.3. Từ góc độ lịch sử văn hoá – xã hội.
XVI.5	Phần II phân tích đánh giá điều kiện thực trạng hệ thống đô thị nông thôn:	Giải trình như sau: Đã bổ sung nội dung tại Phụ lục I. Kinh nghiệm quốc tế

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
	<p>Tại cuối phần này, hoặc bổ sung hẳn thành một mục mới, nên có phân tích phát triển hệ thống đô thị thành công (có thể cả thất bại) của điển hình quốc gia trên thế giới. Để từ đó soi chiếu rút ra những nội dung có thể vận ứng vào Việt Nam.</p>	
XVI.6	<p>Phần II phân tích đánh giá điều kiện thực trạng hệ thống đô thị nông thôn:</p> <p>Tại từng mục riêng nên tổng hợp cuối mục rõ: các yếu tố cốt lõi góp phần thành công phát triển, các yếu tố hạn chế cần loại bỏ hoặc khắc phục cho quy hoạch giai đoạn tới. Hiện nay nội dung này một số mục 2.. đã có nêu nhưng chưa thống nhất và chưa đầy đủ trong toàn phần II.</p>	<p>Tiếp thu ý kiến và bổ sung tại (BC Tổng hợp - PHẦN THỨ HAI, Chương I, Mục IV. 2.1.4. Nhận diện xu hướng đô thị hoá từ phân tích đặc điểm hệ thống đô thị). Trong đó đề cập đến các vấn đề chính về đô thị hoá và phát triển đô thị thời kỳ 2010-2020, và xu hướng 2021-2030.</p>
XVI.7	<p>Tài chính và nguồn lực phát triển đô thị (và cả nông thôn) là một trong những nguyên nhân chính thành bại trong phát triển, vì vậy nên lập thành một mục riêng cho có trọng lượng đúng mức.</p>	<p>Tiếp thu ý kiến và bổ sung tại (BC Tổng hợp - PHẦN THỨ HAI, Chương V, Mục 2. Giải pháp về huy động và phân bổ vốn đầu tư)</p>
XVI.8	<p>Trong khâu đánh giá, nên tách riêng thành hai phần lớn: Đô thị và nông thôn, không nên gộp chung lẫn lộn như hiện nay. Vì đô thị, nông thôn có thực trạng rất nhiều điểm khác nhau, nhất là yếu tố cấu thành kết quả tốt và hạn chế xấu.</p>	<p>Thống nhất tách riêng phần đô thị và nông thôn.</p>
XVI.9	<p>Mục rà soát đánh giá tổng quát thực trạng quy hoạch đã có (2.6) cần bổ sung thêm phần nông thôn (hiện chỉ đánh giá riêng đô</p>	<p>Tiếp thu ý kiến của quý cơ quan. Đây cũng là yêu cầu của Quyết định số 294/QĐ-TTg ngày 24/02/2020 của Thủ tướng Chính phủ “V/v phê duyệt Nhiệm vụ lập Quy hoạch</p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
	thị).	hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050”
XVI.10	Phần đánh giá chung cần tổng hợp đầy đủ và rõ từng yếu tố hơn, hiện tại quá ngắn gọn và chưa đầy đủ. Nhất là những yếu tố tác động trực tiếp, cơ bản nhất: dự báo dân số và chuyển cư cơ cấu; sử dụng đất đai; phát triển hạ tầng đặc biệt là mạng giao thông; nguồn lực tài chính; kiểm soát thực thi...	Tiếp thu ý kiến của quý cơ quan. Đây cũng là yêu cầu của Quyết định số 294/QĐ-TTg ngày 24/02/2020 của Thủ tướng Chính phủ “V/v phê duyệt Nhiệm vụ lập Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050”
XVI.11	Các khía cạnh yêu cầu “mới” như phát triển thông minh, phát triển bền vững cũng nên có các đề mục đánh giá thực trạng, vì đây cũng sẽ là nền tảng và đòi hỏi quan trọng cho phát triển đô thị nông thôn trong tương lai.	Giải trình như sau: Phát triển bền vững luôn là mục tiêu xuyên suốt của quy hoạch, được thể hiện trong đánh giá thực trạng, các chỉ tiêu, kịch bản và các định hướng phát triển đô thị - nông thôn. Về khía cạnh phát triển đô thị thông minh, do đó là yếu tố mới, chưa có nhiều kết quả trong thực tiễn phát triển đô thị, nên không đưa vào nội dung tổng kết đánh giá hiện trạng. Đề án cũng đã rà soát và đưa vào định hướng nội dung mang tính thời đại này.
	Phần III, các yếu tố tác động đến phát triển của hệ thống đô thị và nông thôn.	
XVI.12	Mục 3.1.1, a, nên thêm yếu tố xu hướng đô thị hóa chung trên toàn cầu là tất yếu, lý do.	Tiếp thu ý kiến của quý cơ quan, đề án đã đề cập đến nội dung này (BC Tổng hợp - PHẦN THỨ HAI, Chương II, Mục I.
XVI.13	Mục 3.1.2 xu hướng ảnh hưởng... tại mục a, nên thêm xu hướng phát triển nông thôn trên thế giới thì như thế nào? (hiện	- Bối cảnh và xu hướng phát triển quốc tế

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
	nay chỉ nêu phát triển đô thị).	<ul style="list-style-type: none"> - Bối cảnh và xu thế phát triển trong nước - Bối cảnh quốc tế và trong nước ảnh hưởng đô thị và nông thôn
XVI.14	Nên chằng phần bất cập không rải rác, mà tập hợp theo từng đề mục lớn hơn để tiện theo dõi 3.1.1,3.1.2...	<p>Giải trình như sau:</p> <p>Đề án phân tích các vấn đề đô thị hoá theo chủ đề PTBV, trong đó làm nổi bật tiềm năng và bất cập. Từ đó xác định các yêu cầu nghiên cứu trong quy hoạch.</p> <p>Do đó, phần bất cập rải rác có tính logic trong cấu trúc hồ sơ.</p>
XVI.15	Có một yếu tố là hiện Việt Nam vẫn chưa xác định được hệ giá trị quốc gia, trong đó có hệ giá trị văn hóa (liên quan mật thiết đến truyền thống và bản sắc), vậy có cần phân tích sự ảnh hưởng này trong xác định yếu tố ảnh hưởng? Vì bản sắc đô thị Việt Nam hiện nay là một vấn đề nan giải và kém thành công rất rõ rệt.	<p>Giải trình như sau:</p> <p>Bản sắc đô thị là khái niệm rộng, quy hoạch cấp độ quốc gia đề cập đến nội dung này tại (BC Tổng hợp - PHẦN THỨ HAI, Chương IV, Mục II. Chiến lược 4: Văn hoá – xã hội khu vực đô thị, nông thôn).Đề cập tại điểm (2) Quy hoạch - thiết kế đô thị, nông thôn thúc đẩy đa dạng bản sắc văn hoá 54 dân tộc; phát triển hoà nhập đô thị và nông thôn.</p>
Mục IV, dự báo & triển vọng phát triển hệ thống đô thị và nông thôn:		
XVI.16	Phần 4.1 dự báo về các kịch bản... đây là nội dung chính của quy hoạch quốc gia, không nên trích dẫn quá dài ở nội dung này (phần này có thể đưa vào phụ lục). Nên tập trung trong nội	<p>Giải trình như sau:</p> <p>Theo quy định Quyết định số 294/QĐ-TTg ngày 24/02/2020 của Thủ tướng Chính phủ “V/v phê duyệt</p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
	dung này bám sát nhiệm vụ là kịch bản phát triển đô thị và nông thôn (về mặt xây dựng).	Nhiệm vụ lập Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050”, đây là nội dung quan trọng, có luận chứng đầy đủ, không đưa vào phụ lục.
XVI.17	Phần dự báo cũng thiếu hẳn phần dự báo phát triển Văn hóa? Một yếu tố ảnh hưởng vô cùng lớn đến phát triển đô thị và nông thôn.	Đề án tiếp thu ý kiến và giải trình như sau: Nội dung dự báo phát triển không có văn hoá, có nội dung xã hội theo Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 18/01/2023 của Quốc Hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;
XVI.18	Trong đề mục IV có phần “triển vọng”, nhưng nội dung toàn phần chưa đề cập đến nội dung này, cần bổ sung hoặc làm rõ.	Đề án tiếp thu ý kiến và giải trình như sau: Sau khi nghiên cứu sắp xếp lại mục lục nội dung đã thay đổi mục Dự báo và triển vọng phát triển hệ thống đô thị và nông thôn thành mục dự báo và các kịch bản phát triển.
Mục V, quan điểm và mục tiêu:		
XVI.19	Phần này chỉ nói về phát triển đô thị và nông thôn, do đó nên thêm đề mục thành “quan điểm mục tiêu phát triển đô thị nông thôn”.	Đề án đã tiếp thu ý kiến và bổ sung vào Phần II, mục IV Quan điểm và mục tiêu thành Quan điểm, mục tiêu phát triển đô thị và nông thôn.
XVI.20	Phần 5.3, mục tiêu cụ thể: cần bổ sung mục tiêu cho nông thôn. Hiện tại mục tiêu quy hoạch chỉ đề cập đến đô thị.	Tiếp thu; đã bổ sung phần mục tiêu cho nông thôn (Phần III/ mục II. Định hướng phát triển điểm dân cư nông thôn/1. Mục tiêu & các chỉ số phát triển nông thôn).

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
XVI.21	Mục tiêu quốc gia tại mục 4.1,b có cần chuyển sang phần V cho thống nhất đề mục phù hợp nội dung.	Đề án đã tiếp thu ý kiến và sẽ nghiên cứu sắp xếp lại cho phù hợp
Mục VI, định hướng phát triển hệ thống:		
XVI.22	Cần bổ sung nội dung nông thôn ở các phần 6.1, 6.2... cho rõ hơn, vì đô thị hóa có phát triển đến thời gian nào đi nữa thì vẫn còn một tỷ lệ % lớn phát triển hoàn toàn bền vững nông thôn không đô thị hóa, như thế mới đảm bảo cân bằng trong phát triển bền vững.	Tiếp thu, bổ sung: tại (BC Tổng hợp - PHẦN THỨ HAI, Chương IV, Mục V) đã tách riêng và làm rõ nội dung Định hướng phát triển điểm dân cư nông thôn
XVI.23	Mục 6.2.3 mạng lưới trung tâm đô thị quốc gia: cần xác định rõ tiêu chí thành phố thế nào thì được nêu cụ thể. Nếu là thành phố lớn và cực lớn thì các đô thị tương lai sẽ trở thành thành phố trực thuộc trung ương có nằm trong số đó không? Nếu có cũng cần đề cập đủ.	Giải trình như sau: thành phố lớn có dân số >500.000 dân. Đô thị trực thuộc TW nằm trong số các đô thị lớn và cực lớn. Tuy nhiên, có nhiều tỉnh đạt đô thị hoá toàn tỉnh, nhưng không phải là thành phố TW
XVI.24	Mục 6.4 các mô hình, hình thái đô thị - nông thôn nên phân định rõ hơn các loại hình: Đô thị, đô thị lai, nông thôn (thuần túy).	Giải trình như sau: Về mô hình, hình thái đô thị đã được phân thành khu vực đô thị, khu vực hỗn hợp đô thị - nông thôn, khu vực nông thôn thuần túy.
XVI.25	Mục VII, phương hướng phát triển ĐDC nông thôn: Nên viết rõ, không viết tắt. Đề án này là về quy hoạch, do đó nên viết rõ là quy hoạch điểm dân cư nông thôn.	Giải trình như sau: Thay cụm từ “điểm dân cư nông thôn” thành “khu dân cư nông thôn” theo Luật Xây dựng.

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
	<p>Nông thôn hiện đang phát triển theo tiêu chí “Chuẩn nông thôn mới” với “3 cứng”, nên rất nhiều bất cập. Đề án này vì vậy cần đưa ra các tiêu chí rõ hơn, có thể phân theo đến vùng miền theo tính chất địa hình địa mạo và văn hóa.</p>	<p>Góp ý của quý cơ quan “đưa ra các tiêu chí rõ hơn, có thể phân theo đến vùng miền theo tính chất địa hình địa mạo và văn hóa”: thuộc phạm vi nghiên cứu khác sẽ đủ thông tin thực hiện..</p>
XVI.26	<p>Mục VIII, định hướng phát triển hạ tầng và môi trường đô thị, nông thôn: Nên phân thành 2 phần khác nhau để đề cập sâu (tất nhiên mục này sẽ có nhiều tiêu chí trùng lặp, nhưng tiêu chí khác nhau cũng rất cần thiết). Khi phân tách riêng sẽ có thể dễ áp dụng hơn.</p>	<p>Nhất trí, báo cáo đã phân thành 2 phần khác nhau để đề cập sâu. Nội dung này đã được quy định trong Quyết định số 294/QĐ-TTg ngày 24/02/2020 của Thủ tướng Chính phủ “V/v phê duyệt Nhiệm vụ lập Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050”</p>
XVI.27	<p>Mục IX và mục X: nên lồng ghép rõ hơn đường lối và các cơ sở pháp lý được cụ thể hóa bằng các chế tài.</p> <p>Phân giai đoạn để đề ra mục tiêu cụ thể cho từng giai đoạn. Có chế tài tổng kết giai đoạn để rút kinh nghiệm kịp thời cho bước thực hiện tiếp theo cũng rất quan trọng, cần nêu rõ.</p>	<p>Đề án đã tiếp thu ý kiến. Hiện nay trong quá trình hoàn thiện hồ sơ đã sắp xếp lại Chương, mục cho logic và đầy đủ nội dung theo yêu cầu của Luật định.</p>
XVI.28	<p>Nên có mục bàn chuyện về yêu cầu mặt thiết kế đô thị và nông thôn. Mục này sẽ đề ra các định hướng khung cho các vùng và có thể đến từng đô thị (với các đô thị lớn). Việc này sẽ giúp phát triển phần trên mặt đất, tức là các không gian nổi của đô thị được kiểm soát chặt chẽ theo định hướng và tiếp biến bản sắc văn hóa có hiệu quả.</p>	<p>Tiếp thu, bổ sung: tại (BC Tổng hợp - PHẦN THỨ HAI, Chương IV, Mục II. Chiến lược 4: Văn hoá – xã hội khu vực đô thị, nông thôn. (2) Quy hoạch - thiết kế đô thị, nông thôn thúc đẩy đa dạng bản sắc văn hoá 54 dân tộc; phát triển hoà nhập đô thị và nông thôn. (3) Kiến trúc cảnh quan đô thị, nông thôn)</p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
XVI.29	<p>Việc kiểm soát đất dự trữ phát triển cho quy hoạch tương lai theo nhu cầu mới của mỗi đô thị hiện nay đang là một hạn chế lớn và phổ biến trong quy hoạch đô thị ở Việt Nam (do quan niệm quy hoạch lấp đầy), cũng như yếu tố vùng ven không kiểm soát là khá rõ rệt. Trong đề án cũng cần có giải pháp quy định rõ ràng để tránh tiếp tục mắc sai lầm này.</p>	<p>Đề án đã tiếp thu ý kiến và giải trình như sau:</p> <p>Về kiểm soát phát triển đất đai phụ thuộc vào cơ chế chính sách về phát triển đất đai đô thị và nông thôn. Nội dung này đã được triển khai tại (BC Tổng hợp - PHẦN THỨ HAI, Chương V: Giải pháp, nguồn lực và thực hiện quy hoạch)</p> <p>Ý kiến về “kiểm soát đất dự trữ phát triển cho quy hoạch tương lai” đã được bổ sung (BC Tổng hợp - PHẦN THỨ HAI, Chương IV, Mục VII, 1.1. Mục tiêu và nhu cầu sử dụng đất”.</p>
XVI.30	<p>Các yêu cầu thực sự hướng tới “định lượng” về các tiêu chí nổi trội của đô thị và cả nông thôn trong tương lai như bền vững, thông minh, an toàn... cũng cần được làm rõ hơn bằng các tiêu chí cụ thể trong quy hoạch.</p>	<p>Định hướng phát triển bền vững, thông minh, an toàn... là những xu hướng cần thiết và cần được cân nhắc trong định hướng phát triển của từng đô thị. Trong đó:</p> <p>Đối với xu hướng “bền vững” thì quy hoạch đô thị cần được xem xét và cân nhắc từ các góc độ kinh tế, xã hội, môi trường, qua đó đưa ra các lựa chọn cụ thể trong từng tình huống. Các tiêu chí đạt được trong mỗi đề án có thể khác nhau.</p> <p>Phát triển đô thị “thông minh” cũng được nghiên cứu từ khía cạnh công nghệ và ứng xử, cách thức ra quyết định của con người. Nội hàm của đô thị “thông minh” cũng luôn được nghiên cứu, lật lại vấn đề để có những điều chỉnh phù hợp, ví dụ như vấn đề hạn chế sự phụ thuộc vào</p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
		<p>công nghệ nước ngoài, các giá trị đô thị khác nhau đối với mỗi đô thị...</p> <p>Tiêu chí “an toàn” đã được xác định trong các quy chuẩn, tiêu chuẩn chuyên ngành và cần được tiếp tục nghiên cứu để hoàn thiện.</p> <p>Các tiêu chí cụ thể cần được hỗ trợ xác định thông qua các đề tài nghiên cứu khoa học.</p>
<p><i>(Trả lời công văn số 68/CV-HKTSVN ngày 21/05/2023 của Hội Kiến trúc sư Việt Nam)</i></p>		
XVI.31	<p>Điều kiện để hình thành và phát triển đô thị (ĐT) hay điểm dân cư nông thôn (ĐDCNT), lớn hơn là hệ thống đô thị (HTĐT) và hệ thống điểm dân cư nông thôn (HTĐDCNT), đều phải dựa vào đặc điểm về điều kiện tự nhiên, đặc điểm về điều kiện phát triển kinh tế, VH-XH. Do vậy, mỗi vùng KT-XH sẽ có những đặc điểm riêng về mô hình/cấu trúc, hình thức phân bố, sử dụng đất, sử dụng không gian phát triển và hình thái kiến trúc, theo đó sẽ phát huy tối đa lợi thế tiềm năng và tạo ra những đặc trưng theo từng vùng miền. Vì vậy, các định hướng phát triển HTĐT và HTĐDCNT theo từng vùng KT-XH rất cần được chú trọng. (Trong hồ sơ mới đang tập trung vào mạng lưới/hệ thống trên bình diện Quốc gia).</p>	<p>Đã tiếp thu của quý cơ quan, nội dung này được đề cập tại (BC Tổng hợp - PHẦN THỨ HAI, Chương IV, Mục IX, 1.2. Liên kết vùng đô thị - nông thôn ở các vùng đô thị hoá)</p> <p>Gồm các vùng đô thị hoá:</p> <p>(1) Vùng đô thị hoá tập trung: vùng ĐBSH, vùng ĐNB</p> <p>(2) Vùng đô thị hoá không tập trung: Vùng TD-MNPB, Vùng BTB-DHMT, Vùng Tây nguyên và Vùng ĐBSCL.</p> <p>Do đó, mỗi vùng KT-XH sẽ có những đặc điểm riêng về mô hình/cấu trúc, hình thức phân bố, sử dụng đất, sử dụng không gian phát triển và hình thái kiến trúc, theo đó sẽ phát huy tối đa lợi thế tiềm năng và tạo ra những đặc trưng theo từng vùng miền.</p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
XVI.32	<p>Tổ chức định cư trong khu vực ĐT hay khu vực NT trước hết phải gắn với không gian phát triển kinh tế/môi sinh. Vì vậy, rất cần làm rõ các luận cứ, các liên kết giữa HTĐT và HTĐDCNT với các không gian phát triển kinh tế.</p>	<p>Đã tiếp thu của quý cơ quan, nội dung này được đề cập tại (BC Tổng hợp - PHẦN THỨ HAI, Chương IV, Mục IX, 2. Định hướng liên kết ngành)</p> <p>Trong đó, tổ chức định cư trong khu vực đô thị hay khu vực nông thôn phải gắn với không gian phát triển kinh tế/môi sinh. Như: liên kết ngành TNMT, giao thông, công thương, NNPTNT, văn hoá-TT-DL, thông tin và ứng dụng công nghệ số, giáo dục đào tạo, Y tế)</p>
XVI.33	<p>Các vấn đề lớn cần giải quyết trong quy hoạch lần này cần nhấn mạnh và bổ sung:</p> <p>Kiểm soát các xu hướng ngày càng gia tăng “xu hướng đô thị hoá toàn tỉnh hoặc toàn huyện theo cách thức mở rộng không gian hành chính”.</p>	<p>Nhất trí, bổ sung tại (BC Tổng hợp - PHẦN THỨ HAI, Chương III, Mục II, 3. Các vấn đề lớn giải quyết trong quy hoạch thời kỳ 2021 – 2030)</p> <p>Quy hoạch này đề xuất 5 chiến lược trọng Năm chiến lược trọng tâm và Ba định hướng cốt lõi nhằm giải quyết các vấn đề lớn trong giai đoạn lập quy hoạch.</p>
XVI.34	<p>Các vấn đề lớn cần giải quyết trong quy hoạch lần này cần nhấn mạnh và bổ sung:</p> <p>Kiểm soát sử dụng đất mở rộng phát triển ĐT</p>	<p>Nhất trí, bổ sung tại (BC Tổng hợp - PHẦN THỨ HAI, Chương III, Mục II, 3. Các vấn đề lớn giải quyết trong quy hoạch thời kỳ 2021 – 2030)</p> <p>Quy hoạch này đề xuất 5 chiến lược trọng Năm chiến lược trọng tâm và Ba định hướng cốt lõi nhằm giải quyết các vấn đề lớn trong giai đoạn lập quy hoạch.</p> <p>Thống nhất nhấn mạnh việc sử dụng chỉ tiêu đất xây dựng đô thị/người để kiểm soát việc mở rộng đất phát triển đô</p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
		<p>thị ((BC Tổng hợp - PHẦN THỨ HAI, Chương IV, Mục IV, 7.1.2. Dự báo đất xây dựng đô thị và Phụ lục II; Dự báo quy mô đô thị) . Tuy nhiên, chỉ tiêu này nên được kiểm soát ở các bước quy hoạch chi tiết và dự án cụ thể, còn quy mô không gian phát triển đô thị thì nên được định hướng để tạo cơ hội phát huy các tiềm năng và đón nhận, tận dụng các cơ hội của mỗi vùng lãnh thổ một cách linh hoạt, theo các tầm nhìn - mục tiêu phát triển đã đặt ra.</p> <p>Đề xuất điều chỉnh các quy định pháp luật liên quan đến quy hoạch và quản lý đất đai để làm rõ hơn tính chiến lược song hành với tính linh hoạt và các khung kiểm soát phát triển, thay vì các chỉ định cứng nhắc theo thông lệ mà thường làm mất đi khả năng linh hoạt ứng phó với bối cảnh kinh tế - xã hội và thị trường luôn biến động, làm mất đi khả năng cạnh tranh của các đô thị. Việc áp dụng các chỉ tiêu kiểm soát và đánh giá thực hiện quy hoạch, với sự hỗ trợ của GIS và cơ sở dữ liệu “sống” - luôn được cập nhật sẽ giúp kiểm soát hiệu quả phát triển đô thị và chính quyền địa phương có thể ra quyết định phù hợp, chọn lọc các nội dung phát triển trong tổng thể định hướng đã “cho phép”.</p> <p>Có thể hiểu “định hướng phát triển không gian” cho phép làm gì đó là “điều kiện cần” còn các chỉ tiêu cụ thể đạt được của một dự án là “điều kiện đủ” để ra quyết định đối với dự án đó. Điều kiện “cần” - cho phép thường phải rộng</p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
		<p>hơn, tại thời điểm định hướng quy hoạch, còn điều kiện “đủ” mang tính chọn lọc hơn, tại mỗi thời điểm ra quyết định, trên cơ sở rà soát lại bối cảnh cụ thể tại đô thị đó, theo các chỉ tiêu kiểm soát và đánh giá thực hiện quy hoạch của toàn đô thị hoặc khu vực quy hoạch.</p>
XVI.35	<p>Các vấn đề lớn cần giải quyết trong quy hoạch lần này cần nhấn mạnh và bổ sung:</p> <p>Số liệu đánh giá chỉ rõ “Đất xây dựng đô trung bình toàn quốc năm 2019 là 125 m²/người – cao hơn gần 40% so với dự báo năm 2020 là 90 m²/người). Đất XD toàn ĐT loại I trực thuộc tỉnh đã là 90-244m²/ng. ĐT khác cao nhất đến 839m²/ng (tr 121). Trong đó đất ĐVO đều cao hơn so với chỉ tiêu, cao nhất gấp hơn 3 lần. Nhưng đất CX đều không đạt.”</p>	<p>Mục 2.2.3. Thực trạng đất đô thị đã phân tích cho thấy chỉ tiêu Đất xây dựng đô trung bình toàn quốc năm 2019 là 125 m²/người là tương đối phù hợp và các hiện tượng liên quan đã được nhìn nhận đánh giá trong hiện trạng cũng như đưa vào dự báo trong Mục 7.1.2. Dự báo đất xây dựng đô thị và Phụ lục II; Dự báo quy mô đô thị).</p> <p>Đi vào chi tiết của các đô thị thì một số đô thị có chỉ tiêu m²/người rất cao là do các đô thị đó có quy mô đất công nghiệp hoặc một số chức năng đặc thù lớn.</p> <p>Đất đơn vị ở đô thị loại đặc biệt và loại I trong quy chuẩn 01/2008 là trung bình toàn đô thị không quá 55m²/người là phù hợp với thực tế và thông thường. Mặt khác, trong các đồ án quy hoạch có đất hỗn hợp thì chỉ quy đổi diện tích đất tương ứng với tỷ trọng nhà ở trong khu đất hỗn hợp đó vào đất đơn vị ở, nhưng trong Thông tư mới hướng dẫn là toàn bộ đất hỗn hợp có nhà ở đều tính vào đất đơn vị ở, nhưng lại giảm chỉ tiêu đất đơn vị ở trung bình toàn đô thị loại I và loại đặc biệt xuống còn 15-28m²/người nên có nhiều bất cập (thực tế thì không có đô thị nào có chỉ</p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
		<p>tiêu đất đơn vị ở nằm trong khoảng 15-28m²/người, nên các đô thị đều phải xin áp dụng điều khoản đặc thù - khu hiện hữu có chỉ tiêu đất đơn vị ở/người cao, để được thẩm định, thông qua đồ án).</p> <p>Đất cây xanh công viên đô thị theo nghĩa là công viên công cộng cấp ngoài đơn vị ở phải đạt 6-7m²/người cũng là chỉ tiêu mà không đô thị nào đạt được. Trong khuôn khổ của đồ án và các quy định pháp luật (đặc biệt là Quy chuẩn về quy hoạch xây dựng) hiện hành Với giá đất đã tăng cao tại các đô thị thì việc quy hoạch các khu công viên công cộng, nếu không có các giải pháp tài chính đi kèm thì sẽ có nguy cơ tiếp tục không khả thi và “treo” trong nhiều chục năm, tạo ra nhiều vấn đề khác cho đô thị và thiệt thòi, bất công cho các chủ sở hữu quyền sử dụng đất bị quy hoạch chuyển đổi thành công viên công cộng.</p>
XVI.36	<p>Các vấn đề lớn cần giải quyết trong quy hoạch lần này cần nhấn mạnh và bổ sung:</p> <p>Nâng cao chất lượng ĐTH và mức độ ĐTH</p>	<p>Nhất trí, bổ sung tại (BC Tổng hợp - PHẦN THỨ HAI, Chương III, Mục II, 3. Các vấn đề lớn giải quyết trong quy hoạch thời kỳ 2021 – 2030)</p>
XVI.37	<p>Các vấn đề lớn cần giải quyết trong quy hoạch lần này cần nhấn mạnh và bổ sung:</p> <p>Thúc đẩy hiệu quả các liên kết giữa ĐT và NT; Thúc đẩy vai trò và khả năng liên kết trong các vùng ĐT lớn; xác lập các liên kết giữa HTĐTNT với các không gian phát triển kinh tế, văn</p>	<p>Quy hoạch này đề xuất 5 chiến lược trọng Năm chiến lược trọng tâm và Ba định hướng cốt lõi nhằm giải quyết các vấn đề lớn trong giai đoạn lập quy hoạch.</p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
	hoá xã hội để tạo các động lực phát triển bền vững cho cả ĐT và NT.	
XVI.38	<p>Các vấn đề lớn cần giải quyết trong quy hoạch lần này cần nhấn mạnh và bổ sung:</p> <p>Tạo lập các đặc trưng theo vùng miền</p>	
XVI.39	<p>Đánh giá hiện trạng: cần nhận diện và đánh giá nội dung liên quan đến sử dụng không gian của HTĐT và HTĐDCNT trên bình diện QG và từng vùng KT-XH. (Đồ án mới dùng ở vị trí điểm ĐT hoặc ĐDCNT). Đây cũng là một yêu cầu của nhiệm vụ đã được phê duyệt.</p>	<p>Nhất trí, bổ sung tại (BC Tổng hợp - PHẦN THỨ HAI, Chương I, Mục IV, 2.1.4. Nhận diện xu hướng đô thị hoá từ phân tích đặc điểm hệ thống đô thị).</p> <p>Theo đó, đã nhận diện và đánh giá nội dung liên quan đến sử dụng không gian của hệ thống đô thị và khu dân cư nông thôn trên bình diện quốc gia và từng vùng KT-XH.</p>
XVI.40	<p>Định hướng phát triển hệ thống đô thị QG (HTĐTQG)</p> <p>a. Định hướng về phát triển vùng ĐT, chuỗi/chùm ĐT: Quan điểm phát triển HTĐTNTQG cần tiếp cận tư duy kinh tế. Phát triển dựa trên khung HTKT, phát huy lợi thế tiềm năng từng vùng, khu vực lãnh thổ và đặc biệt các khả năng liên kết. Do vậy, các đề xuất cần làm rất rõ và cụ thể về các mối quan hệ, khả năng liên kết. Ngoài cơ sở liên kết về hạ tầng giao thông QG, cần có các cơ sở luận cứ về các tương tác, hỗ trợ, liên kết đã có và dự báo về không gian phát triển kinh tế (thị trường, sản phẩm, dịch vụ...); không gian phát triển văn hoá-XH, không gian bảo vệ lãnh thổ, không gian bảo tồn cảnh quan tự nhiên,</p>	<p>Nhất trí với góp ý của quý cơ quan “Quan điểm phát triển HTĐTNTQG cần tiếp cận tư duy kinh tế”. Quy hoạch đô thị - nông cấp quốc gia đề cập vấn đề này tại (BC Tổng hợp - PHẦN THỨ HAI, Chương IV, Mục IV, Chiến lược 3: Phát triển kinh tế đô thị, nông thôn phù hợp với quy luật kinh tế thị trường)</p> <p>Nhất trí với góp ý của quý cơ quan “Phát triển dựa trên khung HTKT, phát huy lợi thế tiềm năng từng vùng, khu vực lãnh thổ và đặc biệt các khả năng liên kết. Quy hoạch đô thị - nông cấp quốc gia đề cập vấn đề này tại (BC Tổng hợp - PHẦN THỨ HAI, Chương IV, Mục IX, 2.2. Liên</p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
	<p>không gian bảo vệ các nguồn tài nguyên nước, rừng...). Như vậy mô hình mạng lưới, vùng ĐT, chuỗi/chùm ĐT mới có cơ hội hiện thực. Hành chính hoá ghi tên hay áp đặt mô hình sẽ khó hoặc không trở thành hiện thực. Bài học là đã có nhiều vùng ĐT được phê duyệt xong không có hiệu quả.</p>	<p>kết ngành giao thông). Trong đó làm rõ các mối quan hệ, khả năng liên kết.</p> <p>Nhất trí với góp ý của quý cơ quan “Ngoài cơ sở liên kết về hạ tầng giao thông QG, cần có các cơ sở luận cứ về các tương tác, hỗ trợ, liên kết đã có và dự báo về không gian phát triển kinh tế (thị trường, sản phẩm, dịch vụ...); không gian phát triển văn hoá-XH, không gian bảo vệ lãnh thổ, không gian bảo tồn cảnh quan tự nhiên, không gian bảo vệ các nguồn tài nguyên nước, rừng...”. Quy hoạch đô thị - nông cấp quốc gia đề cập vấn đề này tại (BC Tổng hợp - PHẦN THỨ HAI, Chương IV, Mục IX, 2. Liên kết ngành).</p> <p>Đồng tình với quan điểm của quý cơ quan “Hành chính hoá ghi tên hay áp đặt mô hình sẽ khó hoặc không trở thành hiện thực. Bài học là đã có nhiều vùng ĐT được phê duyệt xong không có hiệu quả”.</p>
XVI.41	<p>Định hướng phát triển hệ thống đô thị QG (HTĐTQG)</p> <p>b. Định hướng theo phân cấp quản lý hành chính</p> <p>Nhất trí với định hướng chung là kế thừa các Định hướng quy hoạch thời kỳ trước (Quyết định số 10/1998/QĐ- TTg và Quyết định số 445/2009/QĐ-TTg) với mạng lưới trung tâm ĐT phân theo các cấp: quốc gia, cấp vùng, tỉnh, huyện, xã. Tuy nhiên có</p>	<p>Nhất trí, đã sửa bổ sung thống nhất giữa BC tổng hợp và BC tóm tắt, tại (BC Tóm tắt- PHẦN III, Chương III, Mục 3. Định hướng phát triển hệ thống đô thị và nông thôn quốc gia. 3.1 Định hướng mạng lưới đô thị quốc gia; a) Hệ thống đô thị nông thôn trong mối quan hệ khu vực)</p> <p>Về ý kiến “các đô thị Quảng Ninh, Bắc Ninh, Vĩnh Phúc, Bình Dương, Đồng Nai, nằm trong hệ thống phân cấp quản lý hành chính nào? Cần khẳng định là đô thị cực tăng</p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
	<p>đề xuất bổ sung các vùng đô thị và cực tăng trưởng quốc gia (căn cứ theo QHTTQG thời kỳ 2021-2030). Trong đó:</p> <p>Cấp vùng ĐT: Thống nhất với đề xuất xây dựng 4 vùng ĐT, bao gồm Vùng ĐT Hà Nội; Vùng ĐT TPHCM, vùng ĐT Đà Nẵng, Vùng ĐT Cần Thơ. Song riêng vùng ĐT lớn Hà Nội đề nghị khẳng định bao gồm Hà Nội – Hải Phòng Hạ Long (Trong hồ sơ chưa nhất quán). Đơn cử Báo cáo tóm tắt: Trang 31 “Xây dựng Vùng đô thị Hà Nội thuộc nhóm vùng thành phố lớn mang tầm vóc khu vực ASEAN, có vị thế cạnh tranh khu vực Châu Á – TBD. Thủ đô Hà Nội - Trung tâm đô thị trung chuyên quốc tế Hải Phòng - Trung tâm đô thị du lịch di sản Hạ Long là các trung tâm quốc gia sẽ thúc đẩy sự tăng trưởng của các trung tâm đô thị khu vực Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ.” Tr 34 “Vùng đô thị lớn Hà Nội —Hải Phòng”.</p> <p>Cực tăng trưởng QG: “Các đô thị tương đương thành phố TW: Các tỉnh dự kiến đạt tiêu chuẩn đô thị tương đương thành phố trực thuộc TW, như: Quảng Ninh, Bắc Ninh, Thái Nguyên, Vĩnh Phúc, Bình Dương, Đồng Nai, Bà Rịa – Vũng Tàu hầu hết nằm trong 2 vùng đô thị lớn Hà Nội và TPHCM, nên phù hợp trở thành các đô thị hỗ trợ Cực tăng trưởng quốc gia.”(tr 41 báo cáo tóm tắt) Trong đó, Thái Nguyên, Bà Rịa – Vũng Tàu được xác định là trung tâm cấp vùng; Vậy các DT Quảng Ninh, Bắc Ninh, Vĩnh Phúc, Bình Dương, Đồng Nai, nằm trong hệ</p>	<p>trưởng quốc gia hay chỉ là hỗ trợ cực tăng trưởng quốc gia”. Giải trình như sau:</p> <p>Cực tăng trưởng quốc gia là các TP trực thuộc TW. Các tỉnh dự kiến đạt tiêu chuẩn đô thị tương đương thành phố trực thuộc TW nằm trong vùng đô thị là đô thị hỗ trợ cực tăng trưởng quốc gia. Nội dung này bổ sung tại (BC Tổng hợp - PHẦN THỨ HAI, Chương IV, Mục IV, 2.1.2. Thành phố trực thuộc Trung ương)</p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
	thông phân cấp quản lý hành chính nào? Cần khẳng định là ĐT cục tăng trưởng QG hay chỉ là hỗ trợ cục tăng trưởng QG	
XVI.42	<p>Định hướng phát triển hệ thống đô thị QG (HTĐTQG)</p> <p>c. Định hướng theo phân loại ĐT:</p> <p>Phân loại ĐT nhằm quản lý chất lượng ĐT, quản lý sự phát triển theo đặc trưng vùng miền để tạo nên bản sắc, quản lý sự phát triển theo đúng vị thế, vai trò, tính chất chức năng chủ đạo của ĐT, thúc đẩy phát triển bền vững và khả năng thích ứng với các biến đổi. Chính vì vậy, QH này cần sắp xếp lại thứ tự ưu tiên cho các tiêu chí phân loại ĐT. Quy hoạch này đang tập trung vào tiêu chí quy mô dân số. Tiêu chí này không phản ánh chất lượng đô thị, mức độ ĐTH (là những nội dung cần thúc đẩy trong QH lần này). Cần đề cập đến các tiêu chí khác như vai trò, vị thế địa chính trị, địa kinh tế, văn hoá cũng như đặc điểm phát triển có tính đặc thù của ĐT theo từng vùng miền.</p>	<p>Thống nhất quan điểm nâng cao yêu cầu đối với các đô thị về chất lượng đô thị và mức độ đô thị hoá và bổ sung nguyên tắc này vào Mục... và đề xuất Quốc hội điều chỉnh Nghị quyết quy định các tiêu chí về phân cấp, phân loại đô thị.</p> <p>Ý kiến của quý cơ quan “quy hoạch này cần sắp xếp lại thứ tự ưu tiên cho các tiêu chí phân loại đô thị. Quy hoạch này đang tập trung vào tiêu chí quy mô dân số. Tiêu chí này không phản ánh chất lượng đô thị, mức độ đô thị hoá (là những nội dung cần thúc đẩy trong QH lần này)”. Giải trình như sau: Tiêu chí dân số quan trọng nhất trong phân loại đô thị. Các nước trên thế giới cơ bản áp dụng tiêu chí này trong phân loại đô thị của họ. Từ quy mô dân số xác định loại đô thị lớn/cực lớn, đô thị trung bình, đô thị nhỏ. Tại (BC Tổng hợp - PHẦN THỨ HAI, Chương IV, Mục IV, 2.2.2. Định hướng cấp loại đô thị) xác định yêu cầu đối với từng loại đô thị về tính chất, chức năng đô thị; về chuyển đổi cấu trúc đô thị. Đây là căn cứ đề xuất Quốc hội điều chỉnh Nghị quyết các tiêu chí về phân cấp, phân loại đô thị.</p> <p>Ý kiến của quý cơ quan “Cần đề cập đến các tiêu chí khác như vai trò, vị thế địa chính trị, địa kinh tế, văn hoá cũng</p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
		<p>như đặc điểm phát triển có tính đặc thù của đô thị theo từng vùng miền”. Giải trình như sau: nội dung này đề cập tại (BC Tổng hợp - PHẦN THỨ HAI, Chương IV, Mục IV, 2.3. Mạng lưới phân bố đô thị chức năng chuyên ngành cấp vùng và quốc gia), trong quy hoạch cấp vùng và tỉnh có thể đề xuất thêm đô thị chức năng chuyên ngành phù hợp với đặc điểm vùng miền. Tiêu chí xác định các loại đô thị này cần được thực hiện trong các Chương trình nghiên cứu khoa học của Bộ Xây dựng hoặc Bộ KHCN.</p>
XVI.43	<p>Định hướng phát triển hệ thống đô thị QG (HTĐTQG)</p> <p>d. Định hướng sử dụng đất đô thị: cần thể hiện quan điểm sử dụng đất phải phù hợp với chiến lược và kế hoạch phân bổ sử dụng đất Quốc gia và địa phương, phù hợp với điều kiện và đặc điểm phát triển của từng vùng miền; Phù hợp với tính chất Đô thị. Theo đó, cần kiến nghị thay đổi chỉ tiêu HTKT, tiêu chuẩn đất ở cho phù hợp với đặc điểm phát triển theo vùng miền.</p>	<p>Thống nhất bổ sung quan điểm “sử dụng đất phải phù hợp với điều kiện và đặc điểm phát triển của từng vùng miền; Phù hợp với tính chất Đô thị”.</p> <p>Còn nội dung “phù hợp với chiến lược và kế hoạch phân bổ sử dụng đất Quốc gia và địa phương” thì đã được giải trình tại mục IV.9 (giải trình ý kiến của Bộ Tài nguyên và Môi trường).</p>
XVI.44	<p>Định hướng phát triển (ĐHPT) hệ thống ĐDCNTQG</p> <p>Cần tổng hợp, đánh giá, nhận diện những mô hình phát triển ĐDCNT có tính đặc trưng theo từng vùng KT-XH; Những biến đổi, xu hướng biến đổi của các ĐDCNT. Từ đó mới có cơ sở dự báo và đề xuất các mô hình phát triển mới.</p>	<p>Góp ý của quý cơ quan “tổng hợp, đánh giá, nhận diện những mô hình phát triển ĐDCNT có tính đặc trưng theo từng vùng KT-XH; Những biến đổi, xu hướng biến đổi của các ĐDCNT”: đã được đề cập tại (BC Tổng hợp - PHẦN THỨ HAI, Chương I, Mục V Hiện trạng khu vực nông thôn). Theo đó đã làm rõ đặc điểm khu định cư nông</p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
		thôn Việt Nam, trước khi đưa ra các mô hình định hướng phát triển ĐDCNT.
XVI.45	<p>Định hướng phát triển (ĐHPT) hệ thống ĐDCNTQG</p> <p>Nguyên tắc và yêu cầu phát triển: xuyên suốt từ phát triển ĐT đến NT đều phải phù hợp với các đặc điểm phát triển về các điều kiện tự nhiên, kinh tế, văn hoá xã hội của từng vùng miền. Theo đó, mới phát huy lợi thế tiềm năng của từng vùng miền, tạo dựng các đặc trưng, cá tính cho từng ĐT, ĐDCNT; Yêu cầu kiểm soát và ngăn chặn các xu hướng biến đổi tiêu cực (mô hình phát triển bám dọc theo các trục đường chính, quốc lộ, liên tỉnh, liên huyện...; Tạo lập các khả năng liên kết vào mạng lưới HTĐT để thúc đẩy quá trình ĐTH, CNH nông thôn, giảm khoảng cách giữa ĐT và NT.</p>	<p>Thống nhất, tiếp thu nội dung tại (BC Tổng hợp - PHẦN THỨ HAI, Chương IV, Mục V Phương án phát triển khu dân cư nông thôn. 1. Nguyên tắc và yêu cầu phát triển điểm dân cư nông thôn)</p>
XVI.46	<p>Định hướng phát triển (ĐHPT) hệ thống ĐDCNTQG</p> <p>Về ĐHPT đối với các vùng NT có mức độ ĐTH cao; vùng thuần nông; ĐDCNT điển hình: mới dừng lại ở những định hướng rất chung chung;</p> <p>Cần đề cập đến các mô hình phát triển, định hướng sử dụng đất (tiêu chuẩn đất ở và các chỉ tiêu KTKT chủ yếu), tổ chức phân bố đối với từng đối tượng và các hình thức liên kết với hệ thống ĐT, liên kết với các không gian phát triển kinh tế, văn hoá-xã hội và theo đặc điểm phát triển của từng vùng KTXH. Đặc biệt cần cụ thể hoá các mô hình phát triển cho các ĐDCNT gắn với</p>	<p>1) Về ý kiến “định hướng phát triển đối với các vùng nông thôn có mức độ ĐTH cao; vùng thuần nông; ĐDCNT điển hình: mới dừng lại ở những định hướng rất chung chung”</p> <p>Giải trình như sau:</p> <p>Quy hoạch cấp quốc gia lần đầu tiên đề cập đến định hướng phát triển khu dân cư nông thôn. Khái niệm nông thôn rất rộng thuộc quản lý của nhiều ngành lĩnh vực.</p> <p>Phạm vi nghiên cứu nông thôn của quy hoạch này là khu dân cư nông thôn (định nghĩa của Luật Xây dựng”. Trong</p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
	<p>kinh tế phi nông nghiệp, kinh tế nông nghiệp, ĐDCNT vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi biên giới; ĐDCNT vùng chịu tác động của BĐKH ở vùng ĐBSCL: ĐDNT ứng dụng công nghệ số.</p>	<p>quá trình nghiên cứu, thảo luận với nhiều chuyên gia và cơ quan quản lý, tư vấn đã tập hợp rất nhiều cơ sở dữ liệu và luận chứng, từ đó phân định các vùng nông thôn có mức độ ĐTH cao; vùng thuần nông; ĐDCNT điển hình. Đây là kết quả quan trọng, từ đó đề xuất các định hướng chung của mỗi vùng nông thôn.</p> <p>Nghiên cứu cụ thể sẽ được xác định trong quy hoạch cấp dưới.</p> <p>2) Về ý kiến “Cần đề cập đến các mô hình phát triển, định hướng sử dụng đất (tiêu chuẩn đất ở và các chỉ tiêu KTKT chủ yếu), tổ chức phân bố đối với từng đối tượng và các hình thức liên kết với hệ thống ĐT, liên kết với các không gian phát triển kinh tế, văn hoá-xã hội và theo đặc điểm phát triển của từng vùng KTXH. Đặc biệt cần cụ thể hoá các mô hình phát triển cho các ĐDCNT gắn với kinh tế phi nông nghiệp, kinh tế nông nghiệp, ĐDCNT vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi biên giới; ĐDCNT vùng chịu tác động của BĐKH ở vùng ĐBSCL: ĐDNT ứng dụng công nghệ số”</p> <p>Giải trình như sau:</p> <p>Cả nước có hàng chục ngàn khu dân cư nông thôn. Tư vấn đã thu thập tài liệu và đúc kết phân loại được 7 nhóm khu dân cư tiêu biểu đại diện của mỗi vùng miền, chịu tác động ảnh hưởng của bối cảnh KT-XH như đô thị hoá, BĐKH,</p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
		<p>công nghệ số. Từ đó, đề xuất một số gợi ý chuyên đổi mô hình không gian định cư nông thôn phù hợp; các đề xuất này được trích dẫn từ các chương trình nghiên cứu khoa học, các luận án tiến sỹ nên có đủ luận cứ về khoa học và tính thực tiễn.</p> <p>Tuy nhiên, quy hoạch này chưa thể đề cập đến định hướng sử dụng đất (tiêu chuẩn đất ở và các chỉ tiêu KTKT chủ yếu), tổ chức phân bố đối với từng đối tượng và các hình thức liên kết với hệ thống đô thị. Các nội dung như quý cơ quan góp ý sẽ nằm trong các chương trình NCKH tiếp theo sau quy hoạch này.</p>
XVI.47	<p>Liên kết giữa HTĐTQG và HTĐDCNTQG:</p> <p>Chưa đề cập đến các liên kết của HTĐT và HTHTĐDCNT với các không gian phát triển kinh tế, VH-XH, không gian bảo tồn, bảo vệ cảnh quan, di sản, không gian bảo vệ vùng biên giới, thêm lục địa ở cấp độ QG.</p>	<p>Giải trình:</p> <p>Nội dung này đã đề cập tại (BC Tổng hợp - PHẦN THỨ HAI, Chương IV, Mục IX Định hướng liên kết vùng và Liên kết ngành)</p>
XVI.48	<p>Liên kết giữa HTĐTQG và HTĐDCNTQG:</p> <p>Các đề xuất về HTKT đang tiếp cận độc lập, chưa đề cập đến các liên kết giữa mạng lưới HTKT ĐT và NT (Ít nhất là ở cấp độ QG).</p>	<p>Giải trình:</p> <p>Nội dung này đã đề cập tại (BC Tổng hợp - PHẦN THỨ HAI, Chương IV, Mục VI Định hướng phát triển hạ tầng đô thị - nông thôn)</p>
XVI.49	<p>Liên kết giữa HTĐTQG và HTĐDCNTQG:</p>	<p>Tiếp thu góp ý của quý cơ quan và đề cập tại (BC Tổng hợp - PHẦN THỨ HAI, Chương IV, Mục IX Định hướng</p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
	Liên kết trong từng vùng KTXH: chủ yếu mới dừng ở mức tổng hợp số liệu hiện trạng. Chưa có các đề xuất định hướng về tổ chức định cư cho HTĐT, HTĐDCNT, hạ tầng kỹ thuật, các giải pháp liên kết trong các không gian phát triển kinh tế...	liên kết vùng và Liên kết ngành). Theo đó, không chỉ dừng ở mức tổng hợp số liệu hiện trạng, đã có các đề xuất định hướng.
XVI.50	Đề nghị bổ sung một số nội dung sau (<i>theo yêu cầu của nhiệm vụ QH được phê duyệt</i>): Đánh giá thực trạng: chưa đề cập đến nội dung sử dụng không gian của HTĐT và HT ĐDCNT.	Tiếp thu chỉnh sửa theo đúng Nhiệm vụ quy hoạch phê duyệt (QĐ 294). Về ý kiến “tổng hợp, đánh giá và nhận diện các xu hướng biến đổi ĐDCNT”, đã đề cập tại (BC Tổng hợp - PHẦN THỨ HAI, Chương I, Mục V; 2.4.1. Nhận diện và phân vùng nông thôn theo mức độ đô thị hoá)
XVI.51	Đề nghị bổ sung một số nội dung sau (<i>theo yêu cầu của nhiệm vụ QH được phê duyệt</i>): Về định hướng phát triển HTĐTQG: Nguyên tắc và yêu cầu phát triển của HTDT.	
XVI.52	Đề nghị bổ sung một số nội dung sau (<i>theo yêu cầu của nhiệm vụ QH được phê duyệt</i>): Về định hướng phát triển HT ĐDCNTQG: Tổng hợp, đánh giá và nhận diện các xu hướng biến đổi ĐDCNT	
XVI.53	Đề nghị bổ sung một số nội dung sau (<i>theo yêu cầu của nhiệm vụ QH được phê duyệt</i>): Về định hướng phát triển HT ĐDCNTQG:	Thống nhất, tiếp thu và đã bổ sung. 1) Tư vấn đưa ra 7 mô hình định hướng phát triển các điểm dân cư nông thôn điển hình tại (BC Tổng hợp - PHẦN

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
	<p>Mô hình phát triển của hệ thống (ĐDCNTQG) và các Mô hình phát triển các ĐDCNT điển hình.</p>	<p>THỨ HAI, Chương VI, Mục V; 4. Định hướng nguyên trong và ngoài đơn vị hành chính đô thị</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điểm DCNT kinh tế phi nông nghiệp ở vùng đồng bằng - Điểm DCNT gắn với kinh tế nông nghiệp - Điểm DCNT kinh tế thủy sản ở cửa sông, ven biển, hải đảo - Điểm DCNT nông lâm nghiệp đồng bào DTTS và miền núi biên giới - Điểm DCNT vùng chịu tác động của BĐKH ở vùng ĐBSCL - Điểm DCNT ứng dụng công nghệ số <p>2) Tư vấn đã đề cập đến định hướng phát triển ĐDCNT theo 7 vùng sinh thái nông nghiệp tại (BC Tổng hợp - PHẦN THỨ HAI, Chương VI, Mục V; 3. Định hướng tổ chức KDCNT phù hợp với 7 vùng sinh thái nông nghiệp)</p>
XVI.54	<p>Đề nghị bổ sung một số nội dung sau (<i>theo yêu cầu của nhiệm vụ QH được phê duyệt</i>):</p> <p>Định hướng phân bố HTĐDCNTQG</p> <p>Định hướng sử dụng đất phát triển hệ thống ĐDCNTQG</p>	<p>Thông nhất, tiếp thu và đã bổ sung tại (BC Tổng hợp - PHẦN THỨ HAI, Chương VI, Mục VII; 1. Định hướng bố trí sử dụng đất phát triển đô thị, nông thôn)</p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
XVI.55	Định hướng phát triển HTĐT và HTĐDCNT theo từng vùng KTXH: cần tổng hợp và bổ sung, theo đó cụ thể hoá mô hình/cấu trúc; phân bố, sử dụng đất, sử dụng không gian, tiêu chí. (nội dung này còn khá mờ nhạt trong báo cáo).	Thông nhất, tiếp thu và đã bổ sung tại (BC Tổng hợp - PHẦN THỨ HAI, Chương VI, Mục IX; 1.2. Liên kết vùng đô thị - nông thôn ở các vùng đô thị hoá)
XVI.56	Xác định các vùng, khu vực lãnh thổ dành cho mục tiêu phát triển đô thị và nông thôn trên cả nước và các vùng, theo từng giai đoạn quy hoạch.	Thông nhất, tiếp thu và đã bổ sung tại (BC Tổng hợp - PHẦN THỨ HAI, Chương VI, Mục VII; 1. Định hướng bố trí sử dụng đất phát triển đô thị, nông thôn)
XVI.57	Liên kết: Các mô hình liên kết HTĐTQG và hệ thống ĐDCNTQG; Liên kết trong từng vùng KTXH; đây là một nội dung khá quan trọng để quản lý, hướng dẫn kiểm soát theo từng vùng KTXH. Do vậy, cần cụ thể hoá các mô hình liên kết hình thức liên kết về HTKT, HTXH, hệ thống ĐT và HTĐDCNT trong từng vùng KT-XH.	Giải trình như sau: tại (BC Tổng hợp - PHẦN THỨ HAI, Chương VI, Mục IX; 1.2. Liên kết vùng đô thị - nông thôn ở các vùng đô thị hoá) đã đề cập ý kiến góp ý của quý cơ quan. Tuy nhiên để “cụ thể hoá các mô hình liên kết hình thức liên kết về HTKT, HTXH, hệ thống ĐT và HTĐDCNT trong từng vùng KT-XH.” sẽ được triển khai trong quy hoạch vùng (Luật quy hoạch)
XVI.58	Liên kết HTĐTQG hoặc hệ thống ĐDCNTQG với các không gian phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội; không gian phát triển văn hoá-XH, không gian bảo vệ lãnh thổ, không gian bảo tồn cảnh quan tự nhiên, không gian bảo vệ các nguồn tài nguyên nước, rừng...; Hình thức; Cơ chế; Chính sách tạo lập các liên kết.	Giải trình như sau: tại (BC Tổng hợp - PHẦN THỨ HAI, Chương V, Mục 1.2. Giải pháp về cơ chế, chính sách) đề cập đến các Hình thức; Cơ chế; Chính sách tạo lập các liên kết.

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
XVI.59	<p>Cần đề xuất điều chỉnh/bổ sung các tiêu chí, tiêu chuẩn để tạo lập đặc trưng vùng miền:</p> <p>Các tiêu chí NTM và các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chủ yếu, tiêu chuẩn đất ở theo đặc điểm phát triển của từng vùng KT-XH, từng mô hình phát triển. Từ đó tạo lập các đặc trưng về tổ chức không gian và kiến trúc cho các ĐDCNT theo vùng miền, ĐDCN điển hình.</p>	<p>Nhất trí:</p> <p>(BC Tổng hợp - PHẦN THỨ HAI, Chương IV, Mục II Chiến lược 5: Quản trị đô thị - nông thôn; (1) Cải cách hoàn thiện thể chế phát triển đô thị - nông thôn và (2) Đổi mới phương pháp lập quy hoạch theo hướng chiến lược)</p>
XVI.60	<p>Chuẩn NTM cũng cần tiếp tục nghiên cứu, điều chỉnh khắc phục những hạn chế trong quá trình thực hiện, để đảm bảo phù hợp với đặc trưng vùng miền, bảo tồn và phát huy những giá trị cốt lõi của kiến trúc truyền thống Việt Nam. Theo đó, cần nhấn mạnh các tiêu chí phải đạt được (Thích ứng với điều kiện tự nhiên, điều kiện kinh tế-xã hội; Bảo tồn, kế thừa và phát huy những giá trị cốt lõi của kiến trúc truyền thống; Thích ứng với phương thức sản xuất mới và lối sống văn minh; Phù hợp với xu hướng phát triển sinh thái, thân thiện môi trường, bền vững; Kết hợp sử dụng vật liệu tự nhiên có sẵn tại chỗ và kỹ thuật xây cất truyền thống với sử dụng vật liệu mới thân thiện môi trường và công nghệ mới hiện đại; Thích ứng với BĐKH).</p>	<p>Nhất trí:</p> <p>Tiếp thu tại (BC Tổng hợp - PHẦN THỨ HAI, Chương IV, Mục II Chiến lược 5: Quản trị đô thị - nông thôn;(3) Kế hoạch thực hiện)</p>
XVI.61	<p>Cần đề xuất điều chỉnh/bổ sung các tiêu chí, tiêu chuẩn để tạo lập đặc trưng vùng miền:</p> <p>Các tiêu chí phân loại ĐT theo hướng chú trọng chất lượng ĐT và đặc trưng theo vùng miền.</p>	<p>Tiếp thu bổ xung tại <i>Mục Giải pháp môi trường, khoa học và công nghệ: nghiên cứu, xây dựng hệ thống tiêu chí tiêu chuẩn phát triển đô thị-nông thôn theo vùng miền.</i></p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
XVI.62	Giải pháp kiểm soát những xu hướng không phù hợp: xu hướng mở rộng ĐT theo hướng tràn lan, lan toả, thiếu trọng tâm trọng điểm cũng như kiểm soát chặt chẽ “xu hướng đô thị hóa toàn tỉnh hoặc toàn huyện theo cách thức mở rộng không gian hành chính” và xu hướng ĐDCNT bám dọc các trục lộ (quốc lộ, tỉnh lộ...).	Tiếp thu chỉnh sửa trong <i>Mục Chiến lược trọng tâm thời kỳ quy hoạch</i> : Quy hoạch đô thị không chỉ dựa trên dự báo quy mô dân số, mà còn phù hợp với nhu cầu phát triển. - Các đô thị trong vùng KTTĐ Bắc Bộ, vùng KTTĐPN và đầu tàu là Hà Nội, TPHCM tiếp tục được đầu tư phát triển, nâng cao vị thế cạnh tranh quốc tế. Các đô thị trong vùng KTTĐ miền Trung, vùng KTTĐ ĐBSCL và các đô thị loại I tiếp tục phát triển, tạo cân bằng giữa các vùng miền. Đổi mới cách thức quản lý điều tra dân số đô thị, bao gồm dân số chính thức và không chính thức. - Tập trung đầu tư phát triển các đô thị lớn, các cực và hành lang đô thị hoá có khả năng cạnh tranh quốc tế. Tạo cơ chế hợp lý phát triển các đô thị vừa và nhỏ đảm bảo cân bằng hài hoà giữa các vùng miền, hội nhập quốc tế.
XVI.63	Tầm nhìn: hệ thống văn bản chưa thống nhất. Nội dung trong báo cáo xác định tầm nhìn đến 2045, Nhưng tên đồ án và nhiệm vụ xác định tầm nhìn đến 2050.	Đồ án đã tiếp thu ý kiến và rà soát thống nhất tầm nhìn đến năm 2050 theo tên đồ án quy hoạch
XVI.64	Cấu trúc/mục lục; các nội dung nghiên cứu cần tương đồng cho Định hướng phát triển hệ thống ĐTQG và Định hướng phát triển hệ thống ĐDCNTQG Cụ thể: <ul style="list-style-type: none">- Mô hình phát triển- Nguyên tắc và yêu cầu phát triển	Tiếp thu và đã sửa theo quy định nêu tại Quyết định số 294/QĐ-TTg ngày 24/02/2020 của Thủ tướng Chính phủ

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH				
	<ul style="list-style-type: none"> - Định hướng phân bố - Khuyến nghị các mô hình/xu hướng phát triển - Định hướng sử dụng đất - Định hướng phát triển mạng lưới HTKT 					
XVII. HỘI QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VIỆT NAM <i>(Trả lời công văn số 10/2023/CV-VUPDA ngày 21/02/2023 của Hội Quy hoạch phát triển đô thị Việt Nam)</i>						
	<p>Nhận xét chung:</p> <p>Đồ án Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 là một đồ án rất khó. Tuy nhiên đã được Viện Quy hoạch đô thị và nông thôn Quốc gia đã nghiên cứu rất nghiêm túc, công phu, có trách nhiệm, nhiều tài liệu dẫn chứng phong phú. Về cơ bản Hội QHPTĐTVN thống nhất với một số nội dung chính đã được nêu trong thuyết minh báo cáo.</p>					
XVII.1	<p><i>Về đánh giá hiện trạng:</i></p> <p>Bổ sung đánh giá, phân tích, điều chỉnh một số nội dung sau:</p> <table border="1" data-bbox="356 1034 2080 1407" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr> <td data-bbox="356 1034 1256 1257" style="width: 50%; padding: 5px;"> Cơ sở dữ liệu cần mang tính thống nhất về năm thống kê và số liệu phải mới, không để số liệu nhiều năm khác nhau sẽ khó so sánh; không nên dùng số liệu so sánh quá cũ vì đến thời điểm này đã thay đổi nhiều rồi. </td> <td data-bbox="1256 1034 2080 1257" style="width: 50%; padding: 5px;"> Thống nhất cập nhật cơ sở dữ liệu đến năm 2020. </td> </tr> <tr> <td data-bbox="356 1257 1256 1407" style="padding: 5px;"> - Đối soát các định hướng của QHHTĐT theo QĐ 445/QĐ- TTg này 7/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ về Quy hoạch hệ thống đô thị Việt Nam đến năm 2025 tầm nhìn đến năm 2050 và </td> <td data-bbox="1256 1257 2080 1407" style="padding: 5px;"> Thống nhất rà soát, đánh giá hiện trạng theo QĐ 445/QĐ- TTg này 7/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ về Quy hoạch hệ thống đô thị Việt Nam đến năm 2025 tầm nhìn đến năm </td> </tr> </table>		Cơ sở dữ liệu cần mang tính thống nhất về năm thống kê và số liệu phải mới, không để số liệu nhiều năm khác nhau sẽ khó so sánh; không nên dùng số liệu so sánh quá cũ vì đến thời điểm này đã thay đổi nhiều rồi.	Thống nhất cập nhật cơ sở dữ liệu đến năm 2020.	- Đối soát các định hướng của QHHTĐT theo QĐ 445/QĐ- TTg này 7/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ về Quy hoạch hệ thống đô thị Việt Nam đến năm 2025 tầm nhìn đến năm 2050 và	Thống nhất rà soát, đánh giá hiện trạng theo QĐ 445/QĐ- TTg này 7/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ về Quy hoạch hệ thống đô thị Việt Nam đến năm 2025 tầm nhìn đến năm
Cơ sở dữ liệu cần mang tính thống nhất về năm thống kê và số liệu phải mới, không để số liệu nhiều năm khác nhau sẽ khó so sánh; không nên dùng số liệu so sánh quá cũ vì đến thời điểm này đã thay đổi nhiều rồi.	Thống nhất cập nhật cơ sở dữ liệu đến năm 2020.					
- Đối soát các định hướng của QHHTĐT theo QĐ 445/QĐ- TTg này 7/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ về Quy hoạch hệ thống đô thị Việt Nam đến năm 2025 tầm nhìn đến năm 2050 và	Thống nhất rà soát, đánh giá hiện trạng theo QĐ 445/QĐ- TTg này 7/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ về Quy hoạch hệ thống đô thị Việt Nam đến năm 2025 tầm nhìn đến năm					

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
	<p>Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24/2/2021 phê duyệt kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021- 2030 so với thực tế phát triển hệ thống đô thị Việt Nam đến thời điểm hiện nay. Từ đó, phân tích các nguyên nhân khách quan và chủ quan, đặc biệt nguyên nhân liên quan đến chất lượng các đô thị. Và đưa ra những nhận xét cho từng nội dung được rà soát.</p>	<p>2050 để phân tích các nguyên nhân khách quan và chủ quan, đặc biệt nguyên nhân liên quan đến chất lượng các đô thị.</p> <p>tại (BC Tổng hợp - PHẦN THỨ HAI, Chương IV, Mục IV. 7. Kết quả thực hiện chương trình quốc gia liên quan đến phát triển đô thị). Theo đó đã đưa ra những nhận xét cho từng nội dung được rà soát.</p> <p>Ý kiến của quý cơ quan “Nguyên nhân khách quan và chủ quan, đặc biệt nguyên nhân liên quan đến chất lượng các đô thị” đã được đề cập tại (BC Tổng hợp - PHẦN THỨ HAI, Chương I, Mục VII. Đánh giá chung về hiện trạng)</p>
	<p>Bổ sung đánh giá tác động của vị trí địa kinh tế của Việt Nam đến sự hình thành và phát triển của hệ thống đô thị quốc gia, đặc biệt là hệ thống đô thị ven biển; Đánh giá sự phát triển hệ thống đô thị khi hình thành các trục giao thông mới trọng điểm quốc gia (đường Hồ Chí Minh, các trục đường đông tây, đường kết nối các cửa khẩu, đường ven biển...), những vấn đề được và chưa được.</p>	<p>Nhất trí với góp ý của quý cơ quan. Nội dung này được đề cập tại (BC Tổng hợp - PHẦN THỨ HAI, Chương III, Mục II. 2. Phân tích những thuận lợi, khó khăn, cơ hội, thách thức phát triển hệ thống đô thị - nông thôn. 2.1. Từ góc độ không gian kinh tế, địa kinh tế)</p>
	<p>Đánh giá sâu và kỹ hơn các nguyên nhân chủ quan tác động đến sự phát triển hệ thống đô thị trên cả nước thời gian qua như: phương pháp lập QH; cơ sở dữ liệu; dự báo; văn bản pháp luật; Các chỉ tiêu phân loại đô thị; phân cấp quản lý đô thị; các định hướng chiến lược phát triển hệ thống đô thị và đô thị hóa; Cơ</p>	<p>Nhất trí với góp ý của quý cơ quan. Nội dung này được đề cập chuyên sâu trong các đề tài NCKH do Viện quy hoạch đô thị nông thôn Quốc gia thực hiện, như: Đổi mới toàn diện phương pháp lập quy hoạch; Đổi mới phương pháp luận quy hoạch và quản lý đô thị; Các đề tài NCKH về dự</p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
	chế chính sách về phát triển đô thị... qua đó xác định các vấn đề cần điều chỉnh, đổi mới, hay thay thế...	báo quy mô dân số.v.v... Do đó, trong phạm vi nghiên cứu của quy hoạch này, không đề cập nữa.
	Bổ sung số liệu, nội dung phân tích về hiện trạng kinh tế. - Xã hội, hiện trạng xây dựng, vệ sinh môi trường, cảnh quan, hệ thống cơ sở hạ tầng cho khu vực nông thôn.	Tiếp thu, bổ sung tại (BC Tổng hợp - PHẦN THỨ HAI, Chương I, Mục V. Hiện trạng khu vực nông thôn) theo quy định Quyết định số 294/QĐ-TTg ngày 24/02/2020 của Thủ tướng Chính phủ “V/v phê duyệt Nhiệm vụ lập Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050”
	Đánh giá sâu và rõ hơn về bức tranh hiện trạng phát triển đô thị Việt Nam theo các vùng miền, mối liên kết cũng như sự tác động của các đô thị trung tâm vùng đến các đô thị nói trên; Nội dung đánh giá hiện trạng cần đưa ra những nhận định đúc rút từ những vấn đề được và chưa được, những vấn đề nổi cộm cần được quan tâm để đề xuất giải pháp phù hợp cho phần định hướng quy hoạch hệ thống đô thị.	Tiếp thu, bổ sung tại (BC Tổng hợp - PHẦN THỨ HAI, Chương I, Mục IV. 7. Kết quả thực hiện chương trình quốc gia liên quan đến phát triển đô thị). Theo đó, đã đánh giá hiện trạng phát triển đô thị Việt Nam theo các vùng miền, mối liên kết cũng như sự tác động của các đô thị trung tâm vùng đến các đô thị.
	Đánh giá hiện trạng hạ tầng kỹ thuật cần có tiêu chí và mang tính định lượng không nên chỉ có định tính; Bổ sung đánh giá hiện trạng về sự tác động và tính liên kết của hệ thống giao thông quốc gia tới sự phát triển hệ thống đô thị trên cả nước; cần bổ sung thêm nội dung đánh giá hệ thống đê, công trình thủy lợi.	Thống nhất đánh giá hiện trạng hạ tầng kỹ thuật cần có tiêu chí và mang tính định lượng; Thống nhất bổ sung đánh giá hiện trạng về sự tác động và tính liên kết của hệ thống giao thông quốc gia tới sự phát triển hệ thống đô thị trên cả nước, đánh giá hệ thống đê, công trình thủy lợi.

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
	<p>Cách tiếp cận nội dung thuyết minh đánh giá hiện trạng cần quan tâm đến các đặc trưng như: có nông thôn trong đô thị, quá trình đô thị hóa tự phát trong vùng nông thôn nằm giáp ranh các đô thị lớn, đặc điểm này cần được đánh giá những ưu điểm nhất định và nhược điểm, đặc biệt là sự khó khăn về quản lý của chính quyền hiện nay.</p>	<p>Tiếp thu, bổ sung tại (BC Tổng hợp - PHẦN THỨ HAI, Chương I, Mục V. Đánh giá hiện trạng nông thôn). Theo đó đề cập đến hiện trạng các đặc trưng như: có nông thôn trong đô thị, quá trình đô thị hóa tự phát trong vùng nông thôn nằm giáp ranh các đô thị lớn.</p>
	<p>Nghiên cứu, xem xét bổ sung nhận định về các vấn đề lớn cần kiểm soát - như sau: sử dụng đất phát triển đô thị, mở rộng đô thị chưa hiệu quả, gây lãng phí tài nguyên đất; Quá trình đô thị hóa tác động lớn đến các vùng nông thôn, theo hướng làm mất dần đặc trưng của từng đô thị cũng như bản sắc vùng miền của khu vực nông thôn; Chất lượng các khu vực đô thị và nông thôn còn nhiều vấn đề cần được cải thiện như ô nhiễm môi trường, hình thái kiến trúc, chất lượng các quy hoạch...; Các khu vực ven đô cảnh báo nhiều hệ lụy về sử dụng đất, an sinh, trật tự xã hội và môi trường; Sự kết nối và hỗ trợ giữa đô thị và nông thôn tuy đã được cải thiện nhưng còn kém hiệu quả..</p>	<p>Tiếp nhận ý kiến góp ý, bổ sung tại (BC Tổng hợp - PHẦN THỨ HAI, Chương III, Mục II. 3. Các vấn đề lớn giải quyết trong quy hoạch thời kỳ 2021 – 2030)</p>
XVII.2	<p><i>Về định hướng phát triển hệ thống đô thị</i></p>	
	<p><i>Về nội dung các yếu tố tác động:</i> Cần bổ sung các yếu tố chủ quan như Phương pháp lập quy hoạch, Phương pháp dự báo; Văn bản pháp luật (Các chỉ tiêu</p>	<p>Tiếp nhận ý kiến góp ý, bổ sung tại (BC Tổng hợp - PHẦN THỨ HAI, Chương II, Mục I. Dự báo xu hướng phát triển ảnh hưởng đến hệ thống đô thị, nông thôn)</p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
	phát triển...); Cơ chế, chính sách, đặc biệt liên quan đến huy động nguồn lực cho phát triển đô thị...	
	<p><i>Về cách tiếp cận:</i></p> <p>Nên bổ sung thêm cách tiếp cận về không gian kinh tế; Tiếp cận hệ thống từ trên xuống dưới, từ dưới lên trên. Nội dung này cần được nêu ngay trong phần mở đầu.</p>	Nhất trí.
	<p><i>Về cơ sở khoa học:</i></p> <p>Nghiên cứu thêm những bài học kinh nghiệm có thể áp dụng cho Việt Nam từ các quốc gia khác về chiến lược, mô hình phát triển đô thị, phương pháp quản trị đô thị và cơ chế chính sách thúc đẩy đô thị phát triển...</p> <p>- Bổ sung các tiêu chí đánh giá đô thị và nông thôn để qua đó có thể nhận diện một cách có cơ sở khoa học.</p>	Nhất trí.
	<p><i>Về phân vùng phát triển:</i></p> <p>Cơ cấu phân vùng phát triển cần xác lập các giới hạn phát triển không gian đô thị, Không gian nông thôn, Không gian các vùng kinh tế động lực; Không gian bảo tồn thiên nhiên cấp quốc gia; Các vùng đô thị hóa; Các đô thị trung tâm cấp quốc gia, cấp vùng...); Xác lập khoanh vùng rủi ro bị thiên tai.</p>	<p>Giải trình như sau: Quy hoạch đô thị, nông thôn phân theo các vùng đô thị hoá. Vùng đô thị hoá³ là vùng không gian tập trung các hoạt động phát triển mở rộng hệ thống đô thị nông thôn quốc gia bao gồm không gian phát triển mở rộng đô thị, kết nối đô thị với đô thị, kết nối đô thị với nông thôn và không</p>

³ *Vùng đô thị hoá* (Urban agglomeration): là không gian lãnh thổ bao trùm các thành phố, thị xã, thị trấn, khu vực xây dựng tập trung, vượt ra ngoài khỏi ranh giới hành chính của 1 đô thị bao gồm các khu vực lân cận, nông thôn và ven đô (UN data booklet 2020).

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
		<p>gian chuyển đổi từ nông thôn thành đô thị. Các tiêu chí lựa chọn phân vùng có những đặc điểm cơ bản như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vùng có mật độ dân số cao hơn trung bình và cả nước. - Vùng với mật độ hoạt động kinh tế cao hơn trung bình của cả nước trong khu vực 2 (công nghiệp) và khu vực 3 (dịch vụ). Thu hút đầu tư cao. - Trình độ hạ tầng kỹ thuật đô thị của vùng cao hơn trung bình của cả nước. - Vùng có tốc độ tăng trưởng cao hơn trung bình của cả nước về dân số, lao động phi nông nghiệp, dân số đô thị (tăng trưởng dân số cơ học). - Vùng có đặc điểm kết nối nội vùng và ngoại vùng cao hơn trung bình cả nước - Vùng có không gian biến đổi, chuyển hóa từ nông thôn sang và đô thị với tốc độ nhanh hơn trung bình cả nước. <p>Từ phương pháp tiếp cận trên, quy hoạch kỳ này xác định 10 vùng đô thị hoá.</p>
	<p><i>Về kịch bản phát triển:</i></p> <p>Cần bổ sung các nguồn dữ liệu, dự báo, phân tích lý lẽ, các cơ sở khoa học, tính kế thừa hiện trạng phát triển, tính đặc thù vùng miền, các định hướng chiến lược của quốc gia, tác động của tình hình thế giới, trong đó cần quan tâm đặc biệt đến các quốc</p>	<p><i>Đã bổ sung các tiêu chí đánh giá 03 kịch bản phát triển bao gồm:</i> điều kiện tự nhiên, điều kiện xã hội, tốc độ tăng trưởng KT, nguồn lực tài chính, nguồn nhân lực. Trong đó kịch bản phát triển theo mạng lưới, Kịch bản này được các chuyên gia nhất trí cao là kịch bản nên lựa chọn do phù</p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
	<p>gia có biên giới giáp Việt Nam để từ đó đề xuất các kịch bản phù hợp.</p> <p>Đồ án đã đề xuất 3 kịch bản:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kịch bản 1 (KB1): Phát triển phân tán theo địa phương (Phát triển theo 63 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương). - Kịch bản 2 (KB2): Phát triển theo các đô thị lớn, vùng đô thị lớn/các cực tăng trưởng. - Kịch bản 3 (KB3): Phát triển theo mạng lưới: Kịch bản này được các chuyên gia nhất trí cao là kịch bản nên lựa chọn do phù hợp với đặc đặc thù của Việt Nam. Tuy nhiên trong các kịch bản cần xây dựng tiêu chí để so sánh, đánh giá. 	<p>hợp với đặc đặc thù của Việt Nam, phù hợp với ĐKTN, ĐKXH quỹ đất, tăng trưởng dân số, với nguồn lực ít nhất do tập trung phát triển tại một số cực tăng trưởng và vùng động lực, bảo vệ môi trường và thích ứng với BĐKH. Quy mô, mức độ tác động của từng nhóm tiêu chí là khác nhau phụ thuộc cơ hội và xu thế phát triển chung quốc gia và quốc tế.</p>
	<p><i>Về Định hướng phát triển HTĐT:</i></p>	
	<p><i>Về Định hướng phát triển HTĐT (ý thứ 1):</i></p> <p>Việc Quy hoạch phát triển hệ thống đô thị Việt Nam cần chuyển tải đầy đủ các định hướng của Nghị quyết 06/NQ-TW đó là: <i>Tổ chức Hệ thống đô thị theo nguyên tắc liên kết thành mạng lưới đồng bộ, thống nhất, cân đối giữa các vùng, miền; Xây dựng được ít nhất 5 đô thị đạt tầm cỡ quốc tế, giữ vai trò là đầu mối kết nối và phát triển với mạng lưới khu vực và quốc tế, có công trình kiến trúc tiêu biểu, đô thị xanh - thông minh – chuyển đổi số tiêu biểu tầm cỡ thế giới. Tập trung xây dựng các vùng đô</i></p>	<p>Thống nhất, tiếp thu ý kiến.</p> <p>Xây dựng thương hiệu đô thị dựa trên lợi thế phát triển địa kinh tế và địa lý là một quan điểm phù hợp với xu thế phát triển. Để đảm bảo thành phố có cơ hội cạnh tranh trong bối cảnh toàn cầu hoá và hội nhập mạnh mẽ. Với chiến lược phát huy lợi thế phong phú về ĐKTN vùng miền, định hướng lựa chọn các đô thị tiêu biểu dựa trên các tiêu chí phát huy giá trị của vùng miền tạo động lực phát triển, đặc biệt là dịch vụ, du lịch, logistic, đổi mới sáng tạo. TP.</p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
	<p>thị, hành lang đô thị, dải đô thị ven biển trên cơ sở xác định rõ vai trò, chức năng của từng đô thị, nhất là các đô thị động lực của từng vùng và cả nước, đô thị kết nối khu vực và quốc tế. Chú trọng phát triển đô thị là hạt nhân phát triển kinh tế - xã hội cấp vùng tại các vùng Trung du và miền núi phía Bắc, Tây Nguyên, Đồng bằng sông Cửu Long; Ưu tiên phát triển các đô thị nhỏ (loại V) và vùng ven đô để hỗ trợ phát triển nông thôn thông qua các mối liên kết đô thị nông thôn. Với điểm chỉ đạo trên thì đề án quy hoạch cần lựa chọn xác định cụ thể mô hình phát triển, các đô thị đạt tầm cỡ quốc tế. Hội QHPTĐTVN đề nghị bổ sung và lựa chọn thêm một số đô thị có tiềm năng lợi thế để xây dựng thương hiệu: Như TP. Buôn Ma Thuột sẽ xây dựng thương hiệu trở thành thành phố cà phê thế giới (Bộ chính trị đã có kết luận số 67-KLTV, ngày 16/12/2019 về xây dựng và phát triển TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Trong đó, giao UBND TP. Buôn Ma Thuột xây dựng Đề án phát triển thương hiệu thành phố Buôn Ma Thuột trở thành “thành phố cà phê của thế giới”; phát triển du lịch theo hướng sinh thái, khai thác các chuỗi giá trị văn hóa bản địa gắn với các di tích quốc gia, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt); Thành phố Đà Lạt cũng có chủ trương xây dựng trở thành thành phố di sản, thành phố Festival hoa...; Cân nhắc bổ sung đô thị Long Thành là đô thị hàng không, Thành phố Điện Biên Phủ là đô thị lịch sử...vào hệ thống các đô thị đặc thù.</p>	<p>Buôn Ma Thuột sẽ xây dựng thương hiệu trở thành thành phố cà phê thế giới, Thành phố Đà Lạt cũng có chủ trương xây dựng trở thành thành phố di sản, thành phố Festival hoa...; Cân nhắc bổ sung đô thị Long Thành là đô thị hàng không, Thành phố Điện Biên Phủ là đô thị lịch sử...vào hệ thống các đô thị đặc thù tại Mục Đô thị trung tâm chức năng quốc gia.</p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
	<p><i>Về Định hướng phát triển HTĐT (ý thứ 2):</i></p> <p>Theo Nghị quyết 06/NQ-TW, Tỷ lệ đô thị hóa đến năm 2025 đạt tối thiểu 45%, đến năm 2030 đạt trên 50%. Tỷ lệ đất xây dựng đô thị trên tổng diện tích đất tự nhiên đạt khoảng 1,5% - 1,9% vào năm 2025, đến năm 2030 đạt khoảng 1,9-2,3%; Số lượng đô thị toàn quốc đến năm 2025 khoảng 950 1.000 đô thị, đến năm 2030 - khoảng 1.000 - 1.200 đô thị. Đến năm 2030, hình thành một số trung tâm đô thị cấp quốc gia, cấp vùng đạt các chỉ tiêu về y tế, giáo dục và đào tạo, văn hóa cấp đô thị tương đương mức bình quân của các đô thị thuộc nhóm 4 nước dẫn đầu ASEAN. Hội QHPTĐTVN đề nghị trong định hướng phát triển hệ thống đô thị cần bám sát các chỉ tiêu này và đề xuất giải pháp phát triển đô thị để đạt các mục tiêu đã đặt ra. Đồng thời, các chỉ tiêu khác của đề án cần phù hợp với Nghị quyết 06/NQ-TW.</p>	<p>NQ 06/NQ-TW là một cơ sở chính trị quan trọng định hướng phát triển đô thị Việt Nam bền vững, trong đó đã đặt ra các mục tiêu cụ thể đến 2030 về tỷ lệ đô thị hoá, đất xây dựng đô thị, số lượng đô thị, hình thành các trung tâm đô thị cấp quốc gia, cấp vùng đạt chỉ tiêu về y tế, giáo dục, và đào tạo, văn hoá. Do đó trong định hướng phát triển hệ thống đô thị đã đề xuất 03 kịch bản lựa chọn kịch bản phát triển theo mạng lưới, 05 chiến lược trọng tâm thời kỳ quy hoạch về tái tổ chức không gian lãnh thổ, đô thị hoá tích hợp bảo tồn tài nguyên nước và thích ứng BĐKH, đô thị hoá phù hợp với quy luật thị trường, đảm bảo công bằng và bản sắc, quản trị đô thị và nông thôn..</p>
	<p><i>Về Định hướng phát triển HTĐT (ý thứ 3):</i></p> <p>Thời điểm hiện nay một số tỉnh đang xây dựng lộ trình để trở thành thành phố trực thuộc Trung ương. Đề án cũng cần nghiên cứu phân tích các cơ sở khoa học và các tiêu chí, cũng như trao đổi với một số địa phương để xem xét làm căn cứ khi trình Thủ tướng trình phủ phê duyệt đề án Quy hoạch HTĐTNNT thời kỳ 2021- 2030 tầm nhìn đến năm 2050.</p>	<p>Tiếp thu ý kiến và bổ sung Mục 3.1.3. Thành phố trực thuộc trung ương: hầu hết các tỉnh định hướng TP trực thuộc trung ương đều thuộc vùng đô thị lớn Hà Nội ở phía Bắc là Quảng Ninh, Bắc Ninh, Vĩnh Phúc Thái nguyên và các tỉnh thuộc vùng đô thị lớn TP HCM là Đồng Nai, Bình Dương, Bà Rịa-Vũng Tàu, để hỗ trợ cực tăng trưởng quốc gia, có tốc độ tăng trưởng kinh tế cao trong giai đoạn 10 năm, có tiềm lực phát triển kinh tế tổng hợp, công nghiệp,</p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
	<p>Về Định hướng phát triển HTĐT (ý thứ 4):</p> <p>Bổ sung các cơ sở lý luận và thực tiễn để đề xuất định hướng phát triển hệ thống đô thị nông thôn; Nội dung các chỉ tiêu KTKT chủ yếu và Dự báo đất xây dựng đô thị cần quan tâm đến đặc điểm vùng miền; làm rõ các không gian tạo lập Chùm đô thị; Chuỗi đô thị; Cục và Hành lang phát triển đô thị; cơ sở nâng loại đô thị. Tránh đề xuất theo cách áp đặt về số lượng:</p> <p>Mạng lưới hệ thống đô thị nên sắp xếp theo:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Theo cấp quản lý hành chính. - Theo phân loại đô thị. - Theo vai trò, vị thế (trung tâm đô thị quốc gia; vùng). - Theo chức năng <p>* Về Quản lý kiểm soát không gian phát triển các khu vực đô thị (lõi đô thị; ven đô; ngoại thành): Cần bổ sung thêm các nguyên tắc quản lý kiểm soát.</p>	<p>dịch vụ, thu hút lao động chất lượng cao, phát triển ứng dụng KHCN và có giá trị di sản văn hoá cấp quốc tế.</p> <p>Thông nhất ý kiến góp ý, bổ sung chỉnh sửa tại Mục Định hướng mạng lưới đô thị quốc gia, trên nguyên tắc Kế thừa các Định hướng quy hoạch thời kỳ trước (Quyết định số 10/1998/QĐ-TTg và Quyết định số 445/2009/QĐ-TTg). Các đô thị trung tâm cấp quốc gia, cấp vùng, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã... đã hình thành và tiếp tục phát triển. Yếu tố mới trong kỳ quy hoạch này là hình thành vùng đô thị và cực tăng trưởng quốc gia đã được đề cập trong QHTTQG thời kỳ 2021-2030.</p>
XVII.3	<p><i>Định hướng phát triển hệ thống Điểm dân cư Nông thôn (ĐDCNT)</i></p> <p>Cần làm rõ mô hình đô thị hóa vùng dân cư nông thôn; Làm rõ mô hình trung tâm đổi mới vùng nông thôn, trung tâm này được phân bố thế nào.</p>	<p>Giải trình như sau:</p> <p>Ý kiến “làm rõ mô hình đô thị hóa vùng dân cư nông thôn: là nội dung quan trọng được đề cập trong nhiều chương mục của quy hoạch kỳ này.</p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
	<p>Về đề xuất các giải pháp phát triển khu vực nông thôn phải coi phát triển nông thôn là chỗ dựa cho phát triển đô thị về mặt không gian, đất dự trữ, khả năng tự cung tự cấp, đối phó với dịch bệnh trên diện rộng, và mục tiêu là giảm dần sự khác biệt giữa đô thị và nông thôn</p> <p>Bổ sung đề xuất giải pháp kiểm soát không gian phát triển (ngoại thành Làng xã truyền thống; điểm dân cư nông thôn mới).</p>	<p>Ý kiến “Làm rõ mô hình trung tâm đổi mới vùng nông thôn, trung tâm này được phân bố thế nào”: được đề cập trong đề tài NCKH riêng. Do đó, Quy hoạch này đề cập định hướng chung.</p> <p>Ý kiến “đề xuất các giải pháp phát triển khu vực nông thôn phải coi phát triển nông thôn là chỗ dựa cho phát triển đô thị về mặt không gian, đất dự trữ, khả năng tự cung tự cấp, đối phó với dịch bệnh trên diện rộng, và mục tiêu là giảm dần sự khác biệt giữa đô thị và nông thôn”: đề cập tại (BC Tổng hợp - PHẦN THỨ HAI, Chương IV, Mục IX. 1. Các liên kết phát triển giữa đô thị với đô thị và giữa đô thị với nông thôn)</p> <p>Ý kiến “đề xuất giải pháp kiểm soát không gian phát triển (ngoại thành Làng xã truyền thống; điểm dân cư nông thôn mới)”: đề cập tại (BC Tổng hợp - PHẦN THỨ HAI, Chương IV, Mục V. 4. Định hướng nguyên tắc tổ chức 1 số KDCNT điển hình thời kỳ 2021-2030).</p>
XVII.4	<p><i>Về định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật</i></p> <p>Đối với loại đề án này cần đánh giá và đề xuất hệ thống hạ tầng khung cấp quốc gia, không nên quá chi tiết như đề án quy hoạch chung. Nội dung quy hoạch hệ thống hạ tầng khung cần phải theo hướng gắn với sự phát triển của hệ thống đô thị.</p>	<p>Thông nhất: chỉ đánh giá và đề xuất hệ thống hạ tầng khung cấp quốc gia, không đi vào chi tiết.</p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
	<p>Hệ thống hạ tầng khu vực nông thôn, các vấn đề về vệ sinh môi trường đề nghị đánh giá đầy đủ và sâu hơn.</p>	
XVII.5	<p><i>Một số vấn đề khác cần xem xét, hoàn thiện lại:</i></p> <p>Nội dung đồ án cần bám sát nhiệm vụ đã được phê duyệt và các định hướng của Nghị quyết 06/NQ-TW. Cách trình bày cần khúc triết, hợp lý để nhận diện bức tranh hệ thống đô thị và nông thôn qua các giai đoạn đúng tinh thần của Nghị quyết 06/NQ-TW.</p> <p>Cấu trúc thuyết cần sắp xếp cho logic; cô đọng lại những nội dung chính, phần khác nên đưa vào phụ lục.</p> <p>Dự kiến phân “vùng đô thị” nên là dùng từ là “vùng đô thị hóa”.</p> <p>Xem lại các định nghĩa, giải thích từ ngữ và một số khái niệm mới được đưa ra trong thuyết minh, các từ ngữ cần cân nhắc dùng cho chính xác. Cụ thể như: Chủ trương của Chính phủ là phát triển nông thôn để “ly nông không ly hương” tuy nhiên trong đồ án lại đề xuất là “Thúc đẩy dịch cư từ nông thôn đến các đô thị?”. Đề nghị nghiên cứu xem lại.</p> <p>Nghị quyết 06/NQ- TW có đề ra chủ trương “Ưu tiên phát triển các đô thị nhỏ (loại V) và vùng ven đô để hỗ trợ phát triển nông thôn thông qua các mối liên kết đô thị - nông thôn”, tuy nhiên trong Đồ án có quan điểm “Phát triển hoà nhập đô thị và nông thôn”? Đề nghị xem xét lại.</p>	<p>Thống nhất với ý kiến góp ý và bổ sung vào các giai đoạn tiếp theo.</p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
	<p>Ngoài ra còn có nhiều khái niệm hoặc cụm từ mâu thuẫn, khó hiểu đề nghị nghiên cứu để chính xác tránh gây nhầm lẫn như: Mạng lưới không gian?; <i>Mạng lưới không gian hành chính?</i>; <i>Định hướng phát triển đô thị song Phương hướng ...</i></p> <p>Rà soát lỗi chính tả, lỗi sai về kiến thức, lỗi sai về các văn bản</p>	
<p><i>(Trả lời công văn số 07/2023/CV-VUPDA ngày 5 /7/ 2023 của Hội Quy hoạch phát triển đô thị Việt Nam)</i></p>		
XVII.6	<p>Về sự cần thiết lập quy hoạch. Cần bổ sung thực hiện Quyết định số 294/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Về việc phê duyệt Nhiệm vụ lập Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050", nêu rõ những tác động của chính sách trong nước, xu hướng phát triển đô thị quốc tế, các nước trong khu vực Asean, tác động của biến đổi khí hậu, yêu cầu phát triển đất nước trong thời kỳ mới....</p>	<p>Tiếp thu đã bổ sung theo góp ý tại Mục PHÂN TÍCH BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN QUỐC TẾ, TRONG NƯỚC VÀ CÁC CƠ HỘI, THÁCH THỨC ĐỐI VỚI ĐÔ THỊ HOÁ VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN; YẾU TỐ KINH TẾ CHÍNH TRỊ CỦA HỆ THỐNG ĐÔ THỊ TRONG KHU VỰC VÀ QUỐC TẾ, Chương I, Phần thứ hai.</p>
XVII.7	<p>Căn cứ pháp lý: Bổ sung Nghị Quyết Nghị quyết số 1210 /2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 05 năm 2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về Phân loại đô thị và Nghị quyết số 26 2022UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 về phân loại đô thị Nghị quyết số 81/2023/QH15 của Quốc Hội ngày 09 tháng 01 năm 2013 về Quy hoạch tổng thể Quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Nghị quyết 148/NĐ-CP. ngày 11/11/2022 của Chính phủ thực hiện Nghị quyết 06 của</p>	<p>Tiếp thu ý kiến đã bổ sung các căn cứ pháp lý của đề án.</p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
	Bộ Chính trị về Quy hoạch. Xây dựng, Quản lý phát triển bền vững đô thị VN giai đoạn 2021 - 2033, tầm nhìn 2045...	
XVII.8	Về định hướng cấp loại đô thị dạng phân thành đô thị lớn, cực lớn, đô thị trung bình, đô thị nhỏ cần tuân thủ quy định của Nghị quyết 1210/2016/UBTVQH13 trong đó đã quy định rõ về quy mô dân số cho từng loại đô thị	<p>Đối với ý kiến góp ý này, có giải trình như sau:</p> <p>Định hướng cấp loại đô thị được đề xuất trên cơ sở đánh giá tại Mục hiện trạng đã tuân thủ quy định của Nghị quyết 1210/2016/UBTVQH13 trong đó đã quy định rõ về quy mô dân số cho từng loại đô thị, qua đó nhằm nhận định những ưu, nhược điểm, cơ hội và thách thức của hệ thống đô thị VN trong thời gian qua, các xu thế phát triển trên thế giới và những thách thức về địa kinh tế, KT-XH, tài nguyên, nguồn lực và thể chế quy hoạch và quản lý quy hoạch để đề xuất những định hướng phù hợp trong tình hình mới, trong đó có giải pháp cấp loại đô thị. Do đó định hướng vừa mang tính pháp lý, vừa có tính kế thừa và vừa có tính mới phù hợp với xu thế chung và hội nhập quốc tế.</p>
XVII.9	Về Định hướng phát triển hệ thống đô thị cần xem lại cách tiếp cận có nên đặt ra quá nhiều phân loại từ "cực, trung tâm, chùm chuỗi, dải đô thị...", rất phức tạp và có sự lặp lại về vai trò chức năng	<p>Đối với ý kiến góp ý này, xin giải trình như sau: Đồ án được thực hiện theo QĐ số 294/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Về việc phê duyệt Nhiệm vụ lập Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, đã quy định rõ về nội dung cần thực hiện trong đồ án, bao gồm việc đề xuất mô hình, cấu trúc của hệ thống đô thị và nông thôn theo vùng lãnh thổ, quốc gia.</p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
		<p>Căn cứ NQ số 81/NQ-QH về phê duyệt QHTT quốc gia, trong đó hệ thống đô thị quốc gia bao gồm 04 vùng đô thị lớn là Vùng đô thị Hà Nội, Vùng TP HCM, Vùng Đà Nẵng và Vùng Cần Thơ.</p> <p>Do đó, phát triển hệ thống đô thị Việt Nam theo mạng lưới, hình thành các vùng đô thị gắn với các cực tăng trưởng, hành lang kinh tế của đất nước; theo cấu trúc tầng bậc không gian lãnh thổ bao gồm vùng, chùm, chuỗi, dải đô thị, nhằm tổ chức không gian hệ thống đô thị cho các chiến lược phát triển về KT-XH, hạ tầng kỹ thuật quốc gia, bảo vệ tài nguyên và môi trường, ứng phó BĐKH và đảm bảo an ninh quốc phòng theo vùng lãnh thổ và cả nước.</p>
XVII.10	Cần bổ sung thêm vùng động lực Tây Nguyên vào hệ thống các vùng động lực phát triển	<p>Vùng Tây nguyên là vùng có vai trò quan trọng chiến lược về KT-XH, bảo vệ tài nguyên và môi trường, an ninh quốc phòng vùng biên giới Tây-Nam tổ quốc, nơi có rất nhiều các đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống. Do vậy đề án đã đề xuất các trung tâm đô thị cấp vùng Tây nguyên là: các thành phố Buôn Mê Thuột, Pleiku, Đà Lạt trong mối quan hệ với vùng Đông Nam bộ và duyên hải Nam trung bộ gắn với hành lang kinh tế Đông_Tây, các cửa khẩu quốc tế để tạo không gian động lực cho phát triển vùng Tây nguyên với hạt nhân là các trung tâm đô thị cấp Vùng.</p> <p>Ngoài ra, căn cứ NQ số 81/NQ-QH về phê duyệt QHTT quốc gia, hệ thống đô thị quốc gia bao gồm 04 vùng đô thị</p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
		lớn là Vùng đô thị Hà Nội, Vùng TP HCM, Vùng Đà Nẵng và Vùng Cần Thơ.
XVII.11	<p>Xem lại nội dung thuyết minh đặc biệt là những cụm từ khó hiểu chưa chính xác</p> <p>Rà soát lỗi chính tả, những lỗi sai về kiến thức, văn bản.</p>	Tiếp thu ý kiến góp ý chỉnh sửa hoàn thiện báo cáo văn bản theo quy định.
<p>XVIII. TỔNG HỘI XÂY DỰNG VIỆT NAM</p> <p><i>(Trả lời công văn số 89 /CV-THXDVN ngày 23/05/2023 của Tổng hội Xây dựng Việt Nam)</i></p>		
XVIII.1	<p>Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn 2050 là quy hoạch ngành quốc gia (nhóm quy hoạch kết cấu hạ tầng) thực hiện theo luật quy hoạch 2017 bao gồm cả nội dung quy hoạch nông thôn. Thực chất hệ thống đô thị và nông thôn là loại quy hoạch tổng hợp không phải là quy hoạch quy hoạch chuyên ngành vì vậy việc tuân thủ theo nội dung khoản 3 điều 25 luật quy hoạch gặp nhiều khó khăn.</p>	<p>Đồng quan điểm với ý kiến mang tính trao đổi, thảo luận của Tổng hội xây dựng Việt Nam. Bất cập trong hệ thống chính sách, pháp luật quy định về quy hoạch và phát triển đô thị và nông thôn từ trước đến nay dẫn đến nhiều khó khăn từ đánh giá hiện trạng đến xác định các vấn đề liên quan cũng như định hướng và đề xuất giải pháp đối với quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn. Do đó, để giảm thiểu các trở ngại, chúng tôi đã tập hợp một đội ngũ chuyên gia đa ngành, đa lĩnh vực đã để triển khai thực hiện nhiệm vụ; sử dụng đa dạng cách tiếp cận nghiên cứu: đa ngành, liên ngành, và chuyên ngành để giải quyết nhiều vấn đề đặt ra đối với quy hoạch; tham vấn nhiều chuyên gia để thực hiện công việc tốt nhất có thể.</p>
XVIII.2	<p>Đô thị đã được hình thành và phát triển theo hệ thống từ khá lâu trong khi nông thôn là khu vực rộng lớn hơn bao trùm toàn</p>	Tiếp nhận ý kiến đóng góp

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
	<p>bộ diện tích ngoài đô thị và chưa được phát triển theo hệ thống vì vậy việc ghép chung vào một quy hoạch dẫn đến nội dung quy hoạch chồng lấn sang quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh và các quy hoạch chuyên ngành khác. Theo luật xây dựng 2014 quy hoạch nông thôn thực chất là quy hoạch xây dựng nông thôn gồm quy hoạch xã và quy hoạch điểm dân cư nông thôn. Vướng mắc này thể hiện rất rõ trong nội dung thuyết minh quy hoạch lần này.</p>	
XVIII 3	<p>Nội dung 1: Phân tích đánh giá điều kiện tự nhiên (địa hình, địa mạo, khí tượng, thủy hải văn...), tài nguyên (đất, nước, hệ sinh thái...) có liên quan đến phát triển đô thị và nông thôn, các nguồn lực cho phát triển đô thị và nông thôn;</p> <p>Dự thảo báo cáo lần 2 đã bám sát và trình bày khá đầy đủ nội dung này tại mục I phần I. Tuy nhiên trong nội dung có nhiều đoạn sao chép, chỉ đưa ra số liệu thuần túy, thiếu phần đánh giá ảnh hưởng có lợi và bất lợi của điều kiện tự nhiên liên quan đến phát triển đô thị và nông thôn.</p> <p>Việc chỉ kể đến hai nguồn lực chính về dân số và văn hóa (Tài nguyên nhân văn) cho phát triển đô thị là chưa đủ mà cần phải bổ sung thêm các nguồn lực khác như cơ chế chính sách, nguồn lực tài chính...</p>	<p>Giải trình như sau:</p> <p>Báo cáo đã bổ sung, đánh giá chi tiết các yếu tố của điều kiện tự nhiên, trong sự thống kê cũng đã chỉ ra các khía cạnh có lợi và bất lợi cho sự phát triển.</p> <p>Các nguồn lực phát triển đô thị ngoài nhân lực và văn hóa, còn có các nguồn lực về tự nhiên (đất đai, khí hậu, cảnh quan...). Tài chính là nguồn lực cụ thể nhất, tuy nhiên số liệu về nguồn lực tài chính cho phát triển đô thị là rất rộng lớn và chưa thể thống kê nên không có được thông tin chính xác để phân tích và bình luận.</p> <p>Nhiệm vụ 294 không quy định nội dung Lịch sử hình thành và phát triển hệ thống đô thị -nông thôn. Tuy nhiên Báo cáo đã dành 10 trang cho nội dung này dựa trên quan điểm nghiên cứu đánh giá cả quá trình hình thành và phát triển sẽ thấy được nguyên nhân của sự hình thành hệ thống</p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
	Báo cáo dành 10 trang nói về quá trình hình thành và phát triển hệ thống đô thị - nông thôn dường như là không cần thiết và không đúng với yêu cầu của nhiệm vụ quy hoạch.	đô thị hiện hữu và xu hướng vận động phát triển của nó trong tương lai. Từ đó sẽ giúp cho các đề xuất thực tiễn và có tầm nhìn hơn.
XVIII 4	<p>Nội dung 2: Phân tích đánh giá về đô thị hoá ở Việt Nam: Thực trạng phân bố, sử dụng không gian của hệ thống đô thị (phân bố dân cư, lao động, đất đai, hạ tầng đô thị...); không gian kiến trúc cảnh quan và môi trường đô thị; biến đổi khí hậu; việc thực hiện các Chương trình quốc gia liên quan đến phát triển đô thị;</p> <p>Về đô thị hóa: Nêu cơ sở của việc phân chia các giai đoạn đô thị hóa, giai đoạn 1 (1986-1997), giai đoạn 2 (1997-2010) và từ 2010 đến nay. Lưu ý các Quyết định số 10/1998 và QĐ số 445/2009 của TTCP về phê duyệt quy hoạch định hướng hệ thống đô thị Việt Nam.</p>	<p>Giải trình như sau:</p> <p>Việc phân chia các giai đoạn phát triển đô thị dựa trên những nét đặc thù của từng giai đoạn khoảng 10 năm. Hơn nữa việc phân chia giai đoạn này cũng được nghiên cứu kế thừa từ tài liệu “Báo cáo đô thị hóa” năm 2019 của Cục Phát triển đô thị đã công bố, đồng thời cũng phù hợp với các thời điểm phê duyệt các Điều chỉnh định hướng quy hoạch tổng thể hệ thống đô thị Việt Nam.</p>
XVIII 5	Việc đánh giá kết quả quá trình đô thị hóa cần căn cứ vào các số liệu thống kê của Việt Nam và theo các tiêu chí cụ thể như tốc độ đô thị hóa, tỷ lệ đô thị hóa, tốc độ mở rộng không gian đô thị, tốc độ tăng dân số đô thị. Đồng thời cần trình bày theo các giai đoạn phát triển đã được phân chia để thấy rõ hơn ảnh hưởng của quá trình đô thị hóa..	<p>Giải trình như sau:</p> <p>Đánh giá kết quả quá trình đô thị hóa chủ yếu tập trung vào giai đoạn 2011-2020 theo yêu cầu của Nhiệm vụ và cũng do khả năng nguồn dữ liệu thu thập được chỉ đảm bảo đầy đủ và toàn diện trong giai đoạn đó.</p>
XVIII.6	Cần nhắc đưa nội dung kết quả phân loại đô thị và phân loại đơn vị hành chính đô thị vào báo cáo, chỉ nên tập trung vào nội	<p>Giải trình như sau:</p> <p>Nội dung phân loại đô thị và phân loại đơn vị hành chính đô thị không được quy định trong Nhiệm vụ 294. Tuy</p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
	dung liên quan đến việc thực hiện các Chương trình quốc gia về phát triển đô thị	nhiên đây là lĩnh vực quản lý của Bộ Xây dựng nên cần đưa vào nội dung quy hoạch ngành xây dựng, hơn nữa các số liệu thống kê liên quan đến phân loại, phân cấp đô thị cũng giúp nhận diện được các vấn đề của phát triển đơn vị hành chính đô thị và các vấn đề của đô thị hóa.
XVIII.7	<p>Nội dung 3: Phân tích đánh giá về đặc điểm phân bố, sử dụng không gian của hệ thống dân cư nông thôn: việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, Chương trình mục tiêu có liên quan đến phát triển nông thôn;</p> <p>Dự thảo báo cáo lần 2 trình bày: 1. Tổng quan chung về khu vực dân cư nông thôn bao gồm đơn vị hành chính nông thôn, vai trò của quy hoạch khu dân cư nông thôn; 2. Đặc điểm khu định cư nông thôn Việt Nam bao gồm phân loại các khu định cư, một số khu định cư điển hình, liên kết giữa đô thị và nông thôn; 3. Đặc điểm xã hội nông thôn bao gồm xã hội nông thôn trong quá trình đô thị hóa, phân bố khu dân cư nông thôn; 4. Đặc điểm kinh tế nông thôn bao gồm kinh tế nông thôn trong quá trình đô thị hóa, phát triển dịch vụ nông thôn, phát triển công nghiệp, thủ công nghiệp nông thôn, phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản; 5. Chất lượng hạ tầng và môi trường sống khu vực nông thôn bao gồm môi trường sống tại các điểm dân cư nông thôn, kết cấu hạ tầng nông thôn; 6. Đặc điểm ĐDCNT dân tộc thiểu số ;7. Phân vùng nông thôn bao</p>	<p>Giải trình như sau:</p> <p>Toàn bộ chương mục viết về khu vực nông thôn đã được thực hiện theo Quyết định số 294/QĐ-TTg ngày 24/02/2020 của Thủ tướng Chính phủ “V/v phê duyệt Nhiệm vụ lập Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050”</p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
	<p>gồm vùng nông thôn có mức độ đô thị hóa cao và vùng dân cư thuần nông.</p> <p>Nội dung này viết quá dài, thiếu trọng tâm, chông chéo và thiếu liên kết giữa các nội dung. Yêu cầu về đánh giá đặc điểm phân bố và sử dụng không gian của hệ thống dân cư nông thôn không rõ. Thiếu hẳn nội dung đánh giá việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, Chương trình mục tiêu có liên quan đến phát triển nông thôn. Cần làm rõ các khái niệm về Làng Việt Bắc bộ và Làng Việt Bắc Trung bộ, hệ thống làng Việt có các làng cổ; Làng truyền thống, làng nghề truyền thống, Làng thuần nông, cần có định hướng về sinh kế.</p>	
XVIII.8	<p>Nội dung 4: Phân tích hiện trạng hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị và nông thôn. Dự thảo báo cáo lần 2 trình bày các nội dung : 1. Hiện trạng hạ tầng giao thông bao gồm mạng lưới giao thông quốc gia (không nên viết là giao thông diện rộng), mạng lưới giao thông đô thị và nông thôn; 2. Hiện trạng chuẩn bị kỹ thuật bao gồm nội dung san nền thoát nước của 6 vùng kinh tế; 3. Hiện trạng cấp nước gồm hạ tầng cấp nước đô thị và nông thôn, nguồn nước; 4. Hiện trạng cung cấp năng lượng bao gồm hạ tầng năng lượng, hiện trạng hạ tầng cung cấp năng lượng, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, thực trạng chiếu sáng đô thị; 5. Hạ tầng bưu chính viễn thông bao gồm hạ tầng bưu chính, hạ tầng viễn thông và công nghệ thông tin; 6. Hiện trạng thoát nước thải, xử lý chất thải rắn và nghĩa trang; 7. Hiện trạng</p>	<p>Giải trình như sau:</p> <p>Thống nhất về các nội dung đã được trình bày trong báo cáo. Tiếp thu bổ sung một số chỉ tiêu hạ tầng có tính định lượng; tỷ lệ đất giao thông, tỷ lệ giao thông công cộng... trong các giai đoạn nghiên cứu tiếp theo.</p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
	<p>hạ tầng kỹ thuật khác và 8 Hiện trạng môi trường đô thị và nông thôn.</p> <p>Chưa đánh giá được kết quả thực hiện các chỉ tiêu về tỷ lệ đất giao thông/ đất đô thị, tỷ lệ vận tải hành khách công cộng, ảnh hưởng của hệ thống giao thông quốc gia đối với việc phát triển các vùng đô thị, nội dung đánh giá thiếu định lượng. Chưa có đánh giá về mức độ ngập lụt đô thị, tỷ lệ chiều dài hệ thống thoát nước đô thị đạt được, mức độ đáp ứng năng lượng phục vụ phát triển đô thị và nông thôn. Phần chiếu sáng đô thị còn thiếu nhiều số liệu đánh giá. Phần hạ tầng bưu chính viễn thông được sao chép từ ngành bưu chính viễn thông, không có đánh giá riêng biệt cho khu vực đô thị và nông thôn, không đánh giá được mức độ đáp ứng cho các vùng đô thị, cụm đô thị khác nhau. Phần thoát nước thải cần đưa vào mục thoát nước vì phần lớn hệ thống thoát nước là thoát nước chung nên sẽ trùng nội dung với mục 2. Chưa có đánh giá sâu về công nghệ xử lý nước thải đang được sử dụng, tỷ lệ xử lý nước thải.</p>	
XVIII.9	<p>Nội dung 5: Sự phối hợp, kết hợp giữa các địa phương trong phát triển đô thị, nông thôn trên phạm vi vùng lãnh thổ; sự liên kết giữa phát triển đô thị và nông thôn;</p> <p>Dự thảo báo cáo lần 2 trình bày nội dung về liên kết vùng bao gồm cấp độ liên kết và thực trạng liên kết 06 vùng kinh tế xã hội. Báo cáo đánh giá được mức độ đô thị hóa từng vùng, tốc độ phát triển đô thị, chất lượng đô thị, vai trò của hệ thống đô</p>	<p>Giải trình như sau:</p> <p>Toàn bộ nội dung này đã được thực hiện theo Quyết định số 294/QĐ-TTg ngày 24/02/2020 của Thủ tướng Chính phủ “V/v phê duyệt Nhiệm vụ lập Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050”</p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
	<p>thị trong từng vùng. Dự thảo báo cáo chưa nêu rõ được được những nội dung phối hợp, kết hợp giữa các địa phương trong việc phát triển đô thị và nông thôn, nêu được nội dung liên kết giữa phát triển đô thị và nông thôn. Phần này viết quá dài, có nhiều nội dung trùng với nội dung đã được trình bày tại mục 4.2 về rà soát quy hoạch mạng lưới đô thị, các cực và hàng lang đô thị, có một số nội dung không có liên quan đến vấn đề phải đề cập.</p>	<p>Ý kiến “Dự thảo báo cáo chưa nêu rõ được được những nội dung phối hợp, kết hợp giữa các địa phương trong việc phát triển đô thị và nông thôn”: được nghiên cứu trong đề tài/dự án khác.</p>
<p>XVIII. 10</p>	<p>Nội dung 6: Đánh giá sự liên kết, đồng bộ giữa hệ thống đô thị và nông thôn với các hệ thống kết cấu hạ tầng khác; Dự thảo báo cáo lần 2 trình bày liên kết về hạ tầng, về dịch vụ, du lịch, liên kết về không gian. Tuy nhiên các đánh giá còn rất sơ sài, không có nội dung cụ thể.</p>	<p>Toàn bộ nội dung này đã được bổ sung thêm đảm bảo theo yêu cầu của Quyết định số 294/QĐ-TTg ngày 24/02/2020 của Thủ tướng Chính phủ “V/v phê duyệt Nhiệm vụ lập Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050”</p>
<p>XVIII. 11</p>	<p>Nội dung 7: Phân tích, đánh giá các chính sách về nguồn lực phát triển và sự phối hợp giữa các ngành, lĩnh vực nhằm đảm bảo công bằng lợi ích giữa các bên liên quan trọng phát triển đô thị và nông thôn.</p> <p>Dự thảo báo cáo lần 2 thiếu nội dung này.</p>	<p>Nội dung này đã được bổ sung tại (BC Tổng hợp - PHẦN THỨ HAI, Chương III , Mục I. 1. Sự phối hợp, kết hợp giữa các địa phương trong phát triển đô thị, nông thôn trên phân vị vùng lãnh thổ; sự liên kết giữa phát triển đô thị và nông thôn; và 2. Đánh giá sự liên kết, đồng bộ giữa hệ thống đô thị và nông thôn với hệ thống kết cấu hạ tầng)</p>
<p>XVIII. 12</p>	<p>Nội dung 8: Phân tích bối cảnh phát triển quốc tế, trong nước và các cơ hội, thách thức đối với đô thị hoá và phát triển nông thôn; yếu tố về địa kinh tế chính trị của hệ thống đô thị trong khu vực và quốc tế; Dự thảo báo cáo lần 2 trình bày bối cảnh</p>	<p>Ý kiến “Báo cáo chưa nêu được xu hướng đô thị hóa toàn cầu hiện nay, mối quan hệ cạnh tranh và hợp tác giữa các đô thị trong khu vực”: Nội dung này đã được đề cập tại Phụ lục I. I. Chiến lược các thành phố ASEAN và (BC</p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
	<p>và xu hướng phát triển quốc tế, bối cảnh và xu thế phát triển trong nước, ảnh hưởng đến phát triển đô thị và nông thôn. Báo cáo xác định đô thị hóa tiếp tục là xu thế và quy luật tất yếu, đô thị hóa gắn với phát triển bao trùm, chuyển mô hình từ quản trị đô thị sang quản trị vùng đô thị, phát triển hệ sinh thái đô thị. Đồng thời cũng xác định rõ các nội dung về phát triển đô thị và nông thôn trong kỳ quy hoạch gồm phát triển bền vững, tăng trưởng xanh, thông minh, và gắn với chiến lược biển quốc gia.</p> <p>Báo cáo chưa nêu được xu hướng đô thị hóa toàn cầu hiện nay, mối quan hệ cạnh tranh và hợp tác giữa các đô thị trong khu vực. Báo cáo có một số nội dung trùng nhau (trang 286).</p>	<p>Tổng hợp - PHẦN THỨ HAI, Chương IV , Mục III. 1. Phát triển hệ thống đô thị, nông thôn trong mối quan hệ khu vực)</p>
XVIII. 13	<p>Nội dung 10: Phân tích, đánh giá những cơ hội và thách thức trong việc phát triển hệ thống đô thị và nông thôn quốc gia trong thời kỳ quy hoạch;</p> <p>Dự thảo báo cáo lần 2 trình bày phân tích SWOT dưới góc độ phát triển bền vững từ 4 góc độ: không gian kinh tế, địa kinh tế; sinh thái môi trường; văn hóa xã hội; rủi ro thiên tai.</p> <p>Cách trình bày rườm rà, khó theo dõi, không nêu được cơ hội thách thức cũng như những điểm mạnh yếu liên quan đến phát triển hệ thống đô thị và nông thôn trong kỳ quy hoạch.</p>	<p>Giải trình như sau:</p> <p>Nội dung trình bày phân tích SWOT dưới góc độ phát triển bền vững từ 4 góc độ: không gian kinh tế, địa kinh tế; sinh thái môi trường; văn hóa xã hội; rủi ro thiên tai đã báo cáo trong nhiều hội nghị, hội thảo và được đánh giá cao; nội dung này đã trình bày tại hội nghị bàn về Nội dung tích hợp phương án phát triển đô thị - nông thôn trong Quy hoạch tổng thể quốc gia. Từ phân tích đánh giá trên, tư vấn đã đề xuất được 5 chiến lược trong tâm và là cơ sở đề xuất khung định hướng phát triển hệ thống đô thị nông thôn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Các nội dung</p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
		nghiên cứu từ phân tích SWOT đến đề xuất Chiến lược và Định hướng phát triển đô thị, nông thôn mang tính logic.
XVIII. 14	Nội dung 11: Phân tích rủi ro thiên tai và biến đổi khí hậu đối với hệ thống đô thị và nông thôn. Nội dung này được trình bày trong phần kịch bản biến đổi khí hậu, tuy nhiên mới chỉ tập trung vào hiện tượng nước biển dâng mà chưa trình bày được ảnh hưởng của các hiện tượng thời tiết khác như hạn hán, lũ lụt, sạt lở, bão...	Tiếp thu ý kiến, đã bổ sung tại (BC Tổng hợp - PHẦN THỨ HAI, Chương II , Mục II. 2. BDKH ảnh hưởng đến phát triển hệ thống đô thị và nông thôn và 3. Phân tích rủi ro thiên tai và BDKH)
XVIII. 15	<p>Xác định các quan điểm, mục tiêu phát triển hệ thống đô thị và nông thôn quốc gia trong thời kỳ quy hoạch. Báo cáo dự thảo lần 2 trình bày 7 quan điểm phát triển hệ thống đô thị và nông thôn gồm : Phát triển bền vững, lấy con người làm trọng tâm; tiếp tục thúc đẩy dịch chuyển cơ cấu kinh tế và hội nhập quốc tế; phát triển và phân bố hợp lý hệ thống đô thị theo vùng miền; đề cao yếu tố môi trường, phục hồi sinh thái và các hoạt động các bon thấp; chú trọng chất lượng môi trường sống đô thị nông thôn; bảo đảm an ninh, quốc phòng và an toàn xã hội; huy động tổng hợp và sử dụng hiệu quả các nguồn lực; phân cấp, phân quyền mạnh mẽ cho chính quyền đô thị-Xây dựng mô hình chính quyền đô thị.</p> <p>Các quan điểm phát triển nêu trên dựa trên NQ 06, NQ 81/2023/QH15, QĐ 294 và kế thừa QĐ 445. Tuy nhiên một số nội dung trong quan điểm còn trùng nhau và còn chưa bao quát</p>	<p>Đồ án đã tiếp thu ý kiến và bổ sung vào Phần II, mục IV Quan điểm và mục tiêu theo các góp ý của các Bộ ngành và đã bổ sung quan điểm về phát triển nông thôn</p> <p>Đồ án đã rà soát và bổ sung các chỉ tiêu theo Nghị quyết 06 của Bộ Chính trị. Riêng chỉ tiêu về số lượng đô thị đạt được theo giai đoạn là khoảng mở để các địa phương cân đối phát triển theo tình hình thực tiễn của các địa phương.</p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
	<p>hết tinh thần của các văn bản chỉ đạo của cấp trên. VD NQ 06 yêu cầu phát triển các đô thị có chức năng tổng hợp với quy mô và dân số hợp lý theo hướng đô thị xanh, thông minh, thích ứng với BĐKH...Lựa chọn các đô thị có lợi thế đặc biệt để xây dựng thành các trung tâm kinh tế, tài chính... Trong phần quan điểm chưa trình bày được quan điểm về xây dựng nông thôn.</p> <p>Một số mục tiêu cụ thể nêu ra cao hơn NQ 06 đồng thời còn thiếu một số chỉ tiêu như số lượng đô thị đạt được theo từng loại (theo QĐ 241), mật độ đất dành cho giao thông. Thiếu các chỉ tiêu cho nông thôn. Mục c trùng với mục 2 tầm nhìn đến 2045.</p>	
XVIII. 16	<p>Dự thảo báo cáo lần 2 trình bày giải pháp về pháp luật, cơ chế, chính sách, giải pháp về huy động và phân bổ vốn đầu tư, giải pháp về môi trường, khoa học và công nghệ, giải pháp về phát triển nguồn nhân lực, giải pháp về tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch. Dự thảo đã trình bày đầy đủ các giải pháp để thực hiện quy hoạch, tuy nhiên đây là phần đề xuất các giải pháp lựa chọn không cần trình bày các kinh nghiệm quốc tế, các nội dung có tính điển giải</p>	<p>Ý kiến “phần đề xuất các giải pháp lựa chọn không cần trình bày các kinh nghiệm quốc tế, các nội dung có tính điển giải”:</p> <p>Giải trình như sau:</p> <p>Giải pháp về huy động và phân bổ vốn đầu tư phát triển đô thị và nông thôn được bàn từ nhiều năm, nhưng vẫn vướng mắc. Do đó, tư vấn thấy rằng cần đưa thêm các kinh nghiệm quốc tế và các nội dung có tính điển giải để Giải pháp về huy động và phân bổ vốn đầu tư có tính thuyết phục hơn.</p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
XIX. ỦY BAN TRUNG ƯƠNG MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM <i>(Trả lời công văn số 6430/MTTW-BTT ngày 30/05/2023 của Ban Thường trực Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam)</i>		
XIX.1	<p>Ngày 25/4/2023, Bộ Xây dựng có Công văn số 1622/BXD-PTĐT gửi Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam, về việc góp ý nội dung hồ sơ Quy hoạch hệ thống đô thị nông thôn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050. Trên cơ sở nghiên cứu, Ban Thường trực Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam nhất trí với nội dung hồ sơ Quy hoạch và dự thảo tờ trình, Quyết định về phê duyệt Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050.</p>	<p>Thông nhất với góp ý.</p>
XX. BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG BAN KINH TẾ <i>(Trả lời công văn số 3539-CV/BKTTW ngày 15/6/2023 của Ban Chấp hành Trung Ương Ban kinh tế)</i>		
XX.1	<p>I. Nhận xét chung</p> <p>Cơ bản nhất trí với kết cấu, nội dung dự thảo Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.</p> <p>Nghiên cứu, xây dựng Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 là một yêu cầu cấp thiết, đảm bảo tính thống nhất trong công tác quản lý quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn từ trung ương đến địa phương; phù hợp với các định hướng, chính sách phát triển đất nước trong từng giai đoạn phát triển.</p>	<p>Thông nhất</p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
	<p>Các nội dung lớn của Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050 cần bảo đảm phù hợp với định hướng lớn của Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; các quy hoạch giao thông đã được phê duyệt (5 quy hoạch lớn của ngành giao thông) và các nghị quyết của Đảng, Quốc hội, Chính phủ có nội dung liên quan đến đất đai.</p> <p>Trên cơ sở Quy hoạch Tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Quốc hội khóa XV thông qua tại kỳ họp bất thường lần thứ 2 ngày 09/01/2023, dự thảo Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 cần bảo đảm bảo tổng thể đồng bộ, thống nhất, tuân thủ Quy hoạch Tổng thể quốc gia đã được Quốc hội phê duyệt ngày 09/01/2023 tại Nghị</p> <p>Về tổ chức, thực hiện xây dựng dự thảo quy hoạch: đề nghị Bộ Xây dựng phối hợp chặt chẽ với các Bộ, ngành Trung ương và địa phương thống nhất các nội dung định hướng Quy hoạch quốc gia liên quan đến đô thị và nông thôn trên địa bàn các tỉnh; bảo đảm sự kết hợp hiệu quả giữa quản lý ngành nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ, bảo vệ tài nguyên, môi trường và quốc phòng, an ninh trên cùng lãnh thổ trong quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.</p>	

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
XX.2	<p>II. Căn cứ lập quy hoạch</p> <p>1. Đề nghị trình bày các căn cứ lập quy hoạch theo thứ tự, gồm: Căn cứ chính trị (Nghị quyết Đại hội XIII, các Nghị quyết, Kết luận của Đảng có liên quan), căn cứ pháp lý (Luật, Nghị quyết của Quốc hội; Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Nghị định, Nghị quyết của Chính phủ,...) và căn cứ thực tiễn.</p> <p>2. Đề nghị bổ sung thêm hệ thống các văn bản làm căn cứ, cơ sở xây dựng Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 16/6/2022 Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương khoá XIII về "Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và sử dụng đất, tạo động lực đưa nước ta trở thành nước phát triển có thu nhập cao" (Nghị quyết 18); - Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương khoá XII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (Nghị quyết 19); - Nghị quyết số 148/NQ-CP ngày 11/11/2022 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát 	<p>Thống nhất chỉnh sửa bổ sung căn cứ pháp lý.</p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
	<p>triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 23/11/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh Vùng đồng bằng sông Hồng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (Nghị quyết 30); - Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09/01/2023 của Quốc hội khóa XV thông qua Quy hoạch Tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; - Kết luận số 49-KL/TW ngày 28/02/2023 của Bộ Chính trị về định hướng phát triển giao thông vận tải đường sắt Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. 	
XX.3	<p><i>III. Ý kiến cụ thể:</i></p> <p><i>3.1. Về đánh giá thực trạng các nội dung liên quan thôn đến quy hoạch nông thôn</i></p> <p>Đề nghị bổ sung phần đánh giá kết quả đạt được, tồn tại, hạn chế, vướng mắc, thách thức và nguyên nhân đối với hệ thống nông thôn hiện nay và yêu cầu đặt ra đối với hệ thống nông thôn trong thời gian tới.</p> <p>Đề nghị bổ sung mục đánh giá về thực trạng quy hoạch, mặt đạt được, chưa được, tồn tại, hạn chế, vướng mắc về quy hoạch đô thị, nông thôn (cấp xã, huyện) trong thực hiện xây dựng</p>	<p>Về những vướng mắc, thách thức, các vấn đề cần giải quyết và nguyên nhân đối với quy hoạch nông thôn hiện nay đã được bổ sung phần Tổng quan chung và Phân vùng nông thôn (trang 177):</p> <p>Về yêu cầu đối với hệ thống nông thôn trong thời gian tới đã được Dự thảo trình bày tại Phần III/II/ mục 1.3. Tiêu chí cần đạt được của điểm dân cư nông thôn mới.</p> <p>Ngoài ra, tại Phụ lục của Dự thảo cũng có trình bày Báo cáo chuyên đề kết quả thực hiện chương trình mtqg xây dựng nông thôn mới đến năm 2021; phương hướng nhiệm vụ đến năm 2025 và giai đoạn 2016-2030, tầm nhìn đến</p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
	<p>nông thôn mới giai đoạn trước đây (trong việc thực hiện 19 tiêu chí xây dựng nông thôn mới) làm cơ sở đề xuất cho đổi mới công tác quy hoạch, tổ chức thực hiện quy hoạch tại cấp cơ sở (cấp xã, bao gồm cả thôn, bản) trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.</p> <p>Tại Mục 6. Đánh giá chung (Trang 276) của Báo cáo Tổng hợp: đề nghị bổ sung mục đánh giá liên quan đến khu vực nông thôn về những mặt đạt được, tồn tại, hạn chế và nguyên nhân.</p>	<p>2045 (trong việc thực hiện 19 tiêu chí xây dựng nông thôn mới). Trong đó đã đánh giá chung về những mặt được và một số tồn tại, hạn chế (trang 18,19 của Phụ lục).</p>
XX.4	<p><i>3.2 Về phần quan điểm, mục tiêu</i></p> <p>Về các mục tiêu cụ thể, đề nghị: (1) làm rõ mốc thời gian cho các mục tiêu về hệ thống đô thị và hệ thống điểm dân cư nông thôn để thuận tiện cho việc theo dõi, đánh giá triển khai thực hiện quy hoạch; (2) thống nhất về các nội dung trong phần mục tiêu tổng quát, mục tiêu cụ thể giữa các Báo cáo tổng hợp; Báo cáo tóm tắt và Dự thảo Quyết định phê duyệt Quy hoạch của Thủ tướng Chính phủ.</p> <p>Đề nghị bổ sung chủ trương, định hướng trong quy hoạch nông thôn đã được nêu tại Nghị quyết 19-NQ/TW tại Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương khoá XIII:</p> <p><i>“Xây dựng nông thôn hiện đại, phồn vinh, hạnh phúc, dân chủ, văn minh; có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ; môi trường xanh, sạch, đẹp; đời sống văn hoá lành mạnh, phong phú, đậm đà bản sắc dân tộc; an ninh chính trị, trật tự, an toàn</i></p>	<p>Về các mục tiêu cụ thể: đã làm rõ mốc thời gian cho các mục tiêu về hệ thống đô thị và hệ thống điểm dân cư nông thôn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.</p> <p>Tiếp thu, thống nhất các nội dung trong phần mục tiêu tổng quát, mục tiêu cụ thể giữa các Báo cáo tổng hợp; Báo cáo tóm tắt và Dự thảo Quyết định phê duyệt Quy hoạch của Thủ tướng Chính phủ.</p> <p>Thống nhất, tiếp thu, bổ sung chủ trương, định hướng trong quy hoạch nông thôn đã được nêu tại Nghị quyết 19-NQ/TW tại Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương khoá XIII.</p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
	<p><i>xã hội được bảo đảm. [...] Phát triển nông thôn phải gắn với không gian di sản văn hoá vật thể, phi vật thể; bảo vệ các giá trị của nền văn minh lúa nước, bản sắc văn hoá dân tộc cao đẹp. Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội nông thôn cần chú trọng phát triển hài hoà..... Chủ động phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu, bảo đảm cho sản xuất nông nghiệp và an toàn cho nhân dân”.</i></p> <p>Về mục tiêu phát triển cho khu vực nông thôn, đề nghị tham khảo các mục tiêu tổng quát và cụ thể của Nghị quyết 19-NQ/TW để bổ sung như: “<i>Nông dân và cư dân nông thôn có trình độ, đời sống vật chất và tinh thần ngày càng cao, làm chủ quá trình phát triển nông nghiệp, nông thôn. [...] Nông thôn phát triển toàn diện, có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại, cơ cấu kinh tế và hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, môi trường sống an toàn, lành mạnh, giàu bản sắc văn hoá dân tộc”</i></p>	
XX.5	<p><i>3.3 Về tầm nhìn đến năm 2050</i></p> <p>Dự thảo hiện đang tập trung chủ yếu vào khu vực đô thị; tầm nhìn trong phát triển cho khu vực nông thôn chưa được đề cập đầy đủ. Đề nghị bổ sung tầm nhìn trong phát triển dành cho khu vực nông thôn để có được bức tranh toàn cảnh quy hoạch phát triển đô thị, nông thôn đến năm 2045-2050. Có thể tham khảo, cụ thể hóa tầm nhìn của Nghị quyết số 19-NQ/TW của Hội nghị lần thứ năm Ban chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII</p>	Tiếp thu, bổ sung tại Phần Mục tiêu tổng quát.

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
	<p>về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045: “<i>Nông thôn hiện đại, có điều kiện sống tiệm cận với đô thị, môi trường sống xanh, sạch, đẹp, giàu bản sắc văn hoá dân tộc; quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội được bảo đảm vững chắc.</i>”</p> <p>Bên cạnh đó, đề nghị làm rõ mốc thời gian trong xác định tầm nhìn của Quy hoạch giữa Báo cáo tổng hợp, Báo cáo tóm tắt và dự thảo Quyết định phê duyệt Quy hoạch để đảm bảo tính thống nhất, rõ ràng khi triển khai thực hiện.</p>	
XX.6	<p><i>3.4 Về nội dung quy hoạch phát triển đô thị, nông thôn; gắn quy hoạch phát triển đô thị với phát triển nông thôn</i></p> <p>Cập nhật các chủ trương, định hướng, chính sách, tiêu chí theo lĩnh vực ngành có liên quan đến dự thảo Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên cơ sở Quy hoạch Tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Quốc hội khóa XV phê duyệt, thông qua ngày 09/01/2023.</p> <p>Cập nhật chủ trương, định hướng có liên quan đến phát triển ngành nông nghiệp, kinh tế nông thôn, phát triển đô thị đảm bảo kết nối với các vùng nông thôn đã được nêu trong Nghị quyết số 19-NQ/TW và các Nghị quyết khác đã được thông qua tại Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương khoá XIII.</p>	<p>Tiếp thu ý kiến, đã cập nhật các chủ trương, định hướng, chính sách, tiêu chí có liên quan đến khu vực nông thôn và điểm dân cư nông thôn như: Nghị quyết 14/NQ-CP Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 23/11/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng sông Hồng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết 24-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa XIII về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đông Nam Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.</p> <p>Thống nhất, tiếp thu, bổ sung Mục tiêu/ Tầm nhìn đến năm 2050: “<i>Xây dựng nông thôn mới phát triển toàn diện, bền vững gắn với đô thị hoá [...]. Quy hoạch, kiến trúc khu dân cư, công trình, nhà ở phù hợp với truyền thống văn hoá,</i></p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
	<p>Cập nhật chủ trương, định hướng về phát triển các đô thị chức năng, cụm đô thị, hành lang đô thị đã được nêu cụ thể trong các Nghị quyết của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế xã hội, bảo đảm quốc phòng an ninh đối với các vùng của cả nước (Nghị quyết số 30-NQ/TW của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng sông Hồng).</p> <p>Bổ sung định hướng quy hoạch xây dựng nông thôn theo hướng hiện đại gắn với đô thị hóa được khẳng định trong Nghị quyết 19-NQ/TW: <i>“Xây dựng nông thôn mới phát triển toàn diện, bền vững gắn với đô thị hoá [...]. Quy hoạch, kiến trúc khu dân cư, công trình, nhà ở phù hợp với truyền thống văn hoá, cảnh quan, môi trường, điều kiện thực tế từng địa phương và thích ứng với biến đổi khí hậu; ứng dụng khoa học - công nghệ trong thiết kế, quản lý, xây dựng kiến trúc nông thôn. Cải thiện điều kiện sống, nhà ở, đổi mới tư duy, nếp sống, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, thu hẹp khoảng cách phát triển giữa nông thôn và thành thị, giữa các vùng, miền”</i>.</p>	<p>cảnh quan, môi trường, điều kiện thực tế từng địa phương và thích ứng với biến đổi khí hậu; ứng dụng khoa học - công nghệ trong thiết kế, quản lý, xây dựng kiến trúc nông thôn. Cải thiện điều kiện sống, nhà ở, đổi mới tư duy, nếp sống, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá dân.</p>
XXI. VỤ QUY HOẠCH KIẾN TRÚC, BỘ XÂY DỰNG		
XXI.1	<p>Đề nghị rà soát các Nghị quyết quan trọng có tác động đến nội dung Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn: Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 18- NQ/TW</p>	<p>Tiếp thu chỉnh sửa, rà soát các cơ sở chính trị, cơ sở pháp lý liên quan như ý kiến đóng góp. Tiếp thu chỉnh sửa trong Báo cáo tại các Mục: cơ sở pháp lý, hiện trạng, quan điểm, mục tiêu, tầm nhìn quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Các định</p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
	<p>của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XVIII, Hội nghị lần thứ V ngày 16/6/2022 về "Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và sử dụng đất, tạo động lực đưa nước ta trở thành nước phát triển có thu nhập cao"; Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XVIII, Hội nghị lần thứ V ngày 16/6/2022 về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09/01/2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quy hoạch tổng thể không gian biển quốc gia; ...để xác định các khung Quốc gia tác động đến định hướng hệ thống đô thị Quốc gia và nông thôn, đảm bảo phát triển bền vững theo mạng lưới, phân bố hợp lý giữa các vùng (ven biển, đảo, hải đảo, vùng núi, trung du miền núi,...).</p>	<p>hướng phát triển hệ thống đô thị và nông thôn đảm bảo phát triển theo mạng lưới, phân bố hợp lý giữa các vùng (ven biển, hải đảo, vùng trung du miền núi...).</p>
XXI.2	<p>Nghiên cứu xác định các vùng đô thị lớn: vùng Thủ đô Hà Nội, vùng Thành phố Hồ Chí Minh; các vùng, chuỗi đô thị liên kết đảm bảo phù hợp với Nghị quyết số 81/2023/QH15 phê duyệt Quy hoạch tổng thể quốc gia và bổ sung luận chứng rõ tính chất Vùng, sự cần thiết, mục tiêu phát triển.</p>	<p>Tiếp thu ý kiến của quý cơ quan, đề cập tại (BC Tổng hợp - PHẦN THỨ HAI, Chương IV, Mục IV. 2.1.1. Vùng đô thị và cực tăng trưởng).</p> <p>Nội dung này được kế thừa từ Hợp phần quy hoạch đô thị, nông thôn tích hợp trong Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.</p>
XXI.3	<p>Về định hướng khu vực nông thôn:</p> <p>Đề nghị nghiên cứu quan điểm chỉ đạo, mục tiêu, nhiệm vụ tại Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương</p>	<p>Giải trình như sau:</p> <p>Nội dung nghiên cứu về nông thôn đã bám sát tinh thần Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương</p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
	<p>Đảng; Đề án xây dựng nông thôn mới trong quá trình đô thị hóa trên địa bàn cấp huyện giai đoạn 2017-2020 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 676/QĐ-TTg ngày 18/5/2017 để xây dựng định hướng chính phát triển khu vực nông thôn; tập trung làm rõ cấu trúc, định hướng phát triển chính khu vực nông thôn trong đô thị, nông thôn ngoài đô thị, và nông thôn trong tiến trình đô thị hóa.</p>	<p>Đảng; Đề án xây dựng nông thôn mới trong quá trình đô thị hóa trên địa bàn cấp huyện giai đoạn 2017-2020 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 676/QĐ-TTg ngày 18/5/2017 để xây dựng định hướng chính phát triển khu vực nông thôn.</p> <p>Ý kiến về “tập trung làm rõ cấu trúc khu vực nông thôn”.</p> <p>Tư vấn đã phân tích xu thế phát triển tại vùng nông thôn và nhận định có 2 cấu trúc chính: Vùng nông thôn có mức độ đô thị hoá cao và Vùng nông thôn thuần nông gắn với 7 vùng sinh thái nông nghiệp.</p> <p>Ý kiến “định hướng phát triển chính khu vực nông thôn trong đô thị, nông thôn ngoài đô thị, và nông thôn trong tiến trình đô thị hóa”. Tư vấn đã đề xuất các định hướng quy hoạch vùng nông thôn chuyển thành đô thị và vùng nông thôn ngoại vi thành phố lớn, trong vùng đô thị lớn. Các đề xuất này được nghiên cứu dựa trên cơ sở thực tiễn và lý luận do VIUP thực hiện.</p>
XXI.4	<p>Chú trọng nghiên cứu kỹ với một số hình thái đô thị đặc trưng như đô thị sân bay, đô thị đại học, đô thị di sản, đô thị du lịch... gắn với các đầu mối giao thông lớn của quốc gia như cảng hàng không, cảng biển, đường sắt.</p>	<p>Giải trình như sau:</p> <p>Quy hoạch kỳ này, tập trung nghiên cứu mạng lưới trung tâm đô thị cấp quốc gia, cấp vùng, cấp huyện, trung tâm đề xuất danh mục chuyên ngành quốc gia (đô thị trung tâm tài chính, đô thị du lịch, đô thị cảng, đô thị khoa học, đô thị công nghiệp 4.0...); đề xuất quy mô loại đô thị gắn với</p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
		<p>các yêu cầu phát triển phù hợp với bối cảnh quốc tế và trong nước thời đại mới.</p> <p>Ý kiến “Chú trọng nghiên cứu kỹ với một số hình thái đô thị đặc trưng như đô thị sân bay, đô thị đại học, đô thị di sản, đô thị du lịch... gắn với các đầu mối giao thông lớn của quốc gia như cảng hàng không, cảng biển, đường sắt.”, đề nghị được nghiên cứu sâu trong các đề tài, dự án riêng.</p>
XXI.5	Bổ sung nội dung về định hướng kiến trúc, cảnh quan và môi trường đô thị và nông thôn.	Về định hướng kiến trúc, cảnh quan và môi trường đô thị và nông thôn đã được đề cập trong BCTH
XXII. VỤ PHÁP CHẾ - BỘ XÂY DỰNG		
XXII.1	<p>Về căn cứ lập Quy hoạch:</p> <p>Đề nghị bổ sung vào phần căn cứ pháp lý các quy hoạch cao hơn, quy hoạch thời kỳ trước, các văn bản, các tài liệu làm cơ sở để lập Đồ án quy hoạch như:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản quy định về thẩm quyền lập quy hoạch (Nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của BXD); - Các Văn bản quy định về lập quy hoạch (Luật quy hoạch, Luật quy hoạch đô thị); - Quy hoạch ngành đã được phê duyệt; - Quyết định phê duyệt Nhiệm vụ quy hoạch; 	<p>Tiếp thu ý kiến của Vụ Pháp chế; về căn cứ lập quy hoạch, bố cục theo các tiêu mục về: cơ sở chính trị, văn bản pháp luật liên quan, cơ sở pháp lý về lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch, Quy hoạch quốc gia, quy hoạch ngành được phê duyệt, Quyết định phê duyệt Nhiệm vụ quy hoạch; Các văn bản ban hành, công bố các tài liệu, số liệu về kinh tế - xã hội của địa phương và ngành có liên quan.</p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
	<ul style="list-style-type: none"> - Các quy chuẩn về quy hoạch đô thị và quy chuẩn ngành; - Các bản đồ địa hình do cơ quan chuyên môn khảo sát, đo đạc lập; - Các văn bản ban hành, công bố các tài liệu, số liệu về kinh tế - xã hội của địa phương và ngành có liên quan. 	
XXII.2	<p>Các bản vẽ, mô hình, thuyết minh, quy định quản lý đã đảm bảo có sự phù hợp với Nhiệm vụ lập quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.</p>	<p>Thống nhất ý kiến về sự phù hợp Các bản vẽ, mô hình, thuyết minh với Nhiệm vụ lập quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Nội dung Quy hoạch phù hợp với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, chiến lược phát triển ngành, lĩnh vực trong cùng giai đoạn phát triển; Quy hoạch cao hơn; Quy hoạch thời kỳ trước làm căn cứ lập Quy hoạch và cũng có sự tích hợp các nội dung quy hoạch liên quan.</p>
XXIII. CỤC HẠ TẦNG – BỘ XÂY DỰNG		
XXIII.1	<p>1. Phân đánh giá hiện trạng đề nghị rà soát cập nhật</p> <p><i>Về giao thông:</i></p> <p>Tỷ lệ đất dành cho giao thông trung bình đạt từ 10% đến trên 20%, trong đó tỷ lệ đất dành cho bến bãi đỗ xe hầu hết đạt dưới 1%. Tại hai đô thị đặc biệt, tỷ lệ đất dành cho giao thông đô thị</p>	<p>Tiếp thu, bổ sung các thông tin hiện trạng vào các mục tương ứng (giao thông, cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải).</p> <p>Về chất thải rắn: Nội dung chất thải rắn đã có tham khảo Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia.</p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
	<p>trên đất xây dựng đô thị tại Hà Nội khoảng 9,5%, TP. Hồ Chí Minh hiện đạt trên 10% (quy định từ 24%-26%).</p> <p>Nội dung đánh giá các chuyên ngành giao thông cần làm rõ thêm các vấn đề ảnh hưởng và tác động đến phát triển đô thị (trong đó có cập nhật các quy hoạch mới); các vấn đề đã đạt được cần tiếp tục thực hiện, các vấn đề bất hợp lý cần điều chỉnh, các yếu tố mới tác động để điều chỉnh, qua đó có thêm cơ sở cho việc bố trí hệ thống đô thị.</p> <p>Nên bổ sung việc đánh giá và nghiên cứu yếu tố đặc thù theo vùng miền, điều kiện giao thông (ví dụ giao thông thủy đối với vùng đồng bằng sông Cửu Long, các đô thị khu vực ven biển, các trung tâm Logistic ...).</p>	<p>Về nghĩa trang, các thông tin về nghĩa trang vùng, liên vùng đã được trình bày trong báo cáo tổng hợp.</p> <p>Tiếp thu, bổ sung đánh giá các quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật các vùng kinh tế trọng điểm, quy hoạch lưu vực sông liên quan đến cấp nước, thoát nước, xử lý, CTR, ...; các dự án có vai trò quan trọng vùng đã triển khai theo quy hoạch.</p>
XXIII.2	<p><i>Về cấp nước:</i></p> <p>Hiện khu vực đô thị trên cả nước có khoảng 250 doanh nghiệp cấp nước, đang vận hành 750 nhà máy nước và các mạng đường ống cấp nước bao phủ khu vực đô thị, dân cư nông thôn lân cận. Tỷ lệ dân số đô thị được cấp nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung đạt 94,2%, nhiều đô thị từ loại III trở lên được cấp nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung đều đạt bằng hoặc vượt chỉ tiêu đặt ra theo định hướng cấp nước các đô thị Việt Nam như TP Cao Bằng đạt 99%, TP Bắc Giang 99,9%, TP Sông Công đạt 96,8%, TP Lào Cai 95%...;</p>	

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
	<p>Đối với khu vực nông thôn đã có hàng ngàn các doanh nghiệp tham gia đầu tư, vận hành công trình cấp nước, tỷ lệ dân cư nông thôn được cấp nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt khoảng 88,5%; với khoảng 44% người dân nông thôn được cấp nước từ công trình cấp nước tập trung.</p> <p>Tỷ lệ thất thoát thất thu 16,5% năm 2022 (giảm 13,5% so với năm 2010, 9,5% so với năm 2015).</p>	
XXIII.3	<p><i>Về thoát nước và xử lý nước thải:</i></p> <p>Hiện trạng hệ thống thoát nước và xử lý nước thải cần cập nhật số liệu thực trạng (sử dụng số liệu từ những năm 2006 và 2008). Cụ thể, số lượng nhà máy xử lý nước thải đô thị tập trung tính đến 10/2022 đạt 82 nhà máy với tổng công suất thiết kế khoảng 1.466.630 m³/ngày; Dự kiến khoảng 82 nhà máy đang trong giai đoạn lập dự án, thiết kế hoặc đang đầu tư xây dựng với tổng công suất đạt khoảng 2.884.210 m³/ngày và nâng tổng công suất lên khoảng gần 4.350.840 m³/ngày; Lượng nước thải đô thị được thu gom và xử lý đạt quy chuẩn tiêu chuẩn khoảng 15% tổng lượng nước thải phát sinh;... ; Các số liệu trong Báo cáo cần trích dẫn nguồn số liệu, thời điểm tổng hợp,... nhằm đảm bảo số liệu sử dụng trong Báo cáo mang tính chính xác và cập nhật.</p> <p>Hầu hết các đô thị vẫn chưa có hệ thống thoát nước riêng, nước mưa và nước thải chung một hệ thống. Tỷ lệ thu gom nước thải</p>	

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
	<p>của phạm vi phục vụ hệ thống thoát nước đô thị toàn quốc đạt khoảng 64%; có khoảng 70% hộ gia đình đã đầu nối vào hệ thống thoát nước đô thị nhưng hầu hết lượng nước thải được xả thẳng ra hệ thống tiêu thoát nước bề mặt, chỉ có 17% tổng lượng nước thải được thu gom xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn trước khi xả ra môi trường, một số ít đô thị khá cao như TP Lào Cai 40%, Thị xã Sapa 50%, TP Đông Hà 40,9%, TP Thủ Dầu Một 33,3% ... ; còn lại hầu hết các đô thị nước thải chưa được xử lý do chưa được đầu tư xây dựng nhà máy xử lý.</p> <p>Tỷ lệ đường cống thoát nước trên đầu người còn thấp so với các đô thị trên thế giới (trung bình khoảng dưới 0,5 m/người, so với thế giới là 2m/người). Mật độ kênh mương tại các đô thị dao động khá lớn, từ 0,29-18 km cống/km² diện tích đô thị, trung bình các đô thị là 3,3km cống/km².</p>	
XXIII.4	<p><i>Chất thải rắn</i></p> <p>Nội dung đánh giá lĩnh vực chất thải rắn còn khá chung và sơ sài, chưa đánh giá được cụ thể về tình hình triển khai thực hiện các quy hoạch vùng (Quy hoạch các khu xử lý chất thải rắn 3 lưu vực sông Cầu, Nhuệ - Đáy, Đồng Nai; Quy hoạch các khu xử lý chất thải rắn vùng KTTĐ Bắc Bộ, Vùng ĐBSCL và 3 Vùng KTTĐ), các quy hoạch của các khu vực tập trung lượng phát thải lớn (vùng thủ đô Hà Nội và vùng thành phố Hồ Chí Minh). Nhiều nội dung, thực trạng khá cũ so với hiện nay, đặc biệt cần bổ sung đánh giá sau khi các quy định về pháp luật có</p>	

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
	<p>sự thay đổi (Luật Xây dựng, Luật Quy hoạch 2017, Luật Bảo vệ môi trường 2020...).</p> <p>Nội dung thực trạng chất thải rắn đề nghị tham khảo hồ sơ QH BVMT quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo văn bản số 3764/BTNMT-MT ngày 25/5/2023 và cần phải đồng bộ với quy hoạch này.</p>	
XXIII.5	<p><i>Nghĩa trang, cơ sở hỏa táng</i></p> <p>Cần đánh giá bổ sung các nghĩa trang mang tính chất vùng, liên vùng để có cơ sở nghiên cứu, đề xuất định hướng quy hoạch phù hợp; đặc biệt đối với các vùng có quy mô tập trung đông dân cư như Tp. Hà Nội và Tp. Hồ Chí Minh.</p>	
XXIII.6	<p>Đề nghị bổ sung đánh giá các quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật các vùng kinh tế trọng điểm, quy hoạch lưu vực sông liên quan đến cấp nước, thoát nước, xử lý, CTR, ...; các dự án có vai trò quan trọng vùng đã triển khai theo quy hoạch để có cơ sở đề xuất các công trình hạ tầng kỹ thuật đầu mối quan trọng vùng tỉnh, liên tỉnh và cần phải điều chỉnh trong phần định hướng phát triển hạ tầng kỹ thuật quốc gia.</p>	
XXIII.7	<p><i>Về các chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật:</i> Đề nghị rà soát, bổ sung:</p>	<p>Tiếp thu, bổ sung các chỉ tiêu:</p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
	<p>Diện tích cây xanh bình quân trên mỗi người dân đô thị đạt khoảng 6 - 8 m² vào năm 2025, khoảng 8 - 10 m² vào năm 2030.</p> <p>Tỷ lệ đất dành cho bến bãi đỗ xe đạt 1-2%; tỷ lệ vận tải hành khách công cộng đến năm 2030 đạt 20-25%.</p> <p>Tỷ lệ người dân đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung đến năm 2030 đạt 95 - 100%; Tỷ lệ thất thoát, thất thu nước sạch dưới 15%.</p> <p>Tỷ lệ nước thải đô thị được thu gom và xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đến năm 2030 đạt 40 - 45% đối với đô thị loại II trở lên và 25 - 30% đối với đô thị loại III, IV, V.</p> <p>Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng tại các đô thị đặc biệt đạt 90%, các đô thị loại I trung bình khoảng 50%, các đô thị còn lại trung bình đạt 25%.</p> <p>Tỷ lệ chiếu sáng sử dụng nguồn sáng tiết kiệm năng lượng tại các đô thị lớn đạt 50%.</p>	<p><i>Tỷ lệ đất dành cho bến bãi đỗ xe đạt 1-2%; tỷ lệ vận tải hành khách công cộng đến năm 2030 đạt 20-25%.</i></p> <p><i>Tỷ lệ người dân đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung đến năm 2030 đạt 95 - 100%;</i></p> <p><i>Tỷ lệ thất thoát, thất thu nước sạch dưới 15%.</i></p> <p><i>Tỷ lệ nước thải đô thị được thu gom và xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đến năm 2030 đạt 40 - 45% đối với đô thị loại II trở lên và 25 - 30% đối với đô thị loại III, IV, V.</i></p> <p><i>Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng tại các đô thị đặc biệt đạt 90%, các đô thị loại I trung bình khoảng 50%, các đô thị còn lại trung bình đạt 25%.</i></p> <p><i>Tỷ lệ chiếu sáng sử dụng nguồn sáng tiết kiệm năng lượng tại các đô thị lớn đạt 50%.</i></p> <p>Riêng chỉ tiêu về cây xanh không thuộc phạm vi nội dung phần hạ tầng kỹ thuật theo nhiệm vụ được duyệt, xem xét đưa vào chỉ tiêu chung phần đô thị.</p>
XXIII.8	<p><i>Về đề xuất định hướng quy hoạch:</i></p> <p>Về góp ý chung là Định hướng phát triển hạ tầng kỹ thuật quốc gia cần nghiên cứu rà soát, thực hiện theo yêu cầu tại điểm e khoản 3 Điều 1 Quyết định số 294/QĐ-TTg Về việc phê duyệt Nhiệm vụ lập Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ</p>	<p>Hiện nay báo cáo tổng hợp đang tuân thủ theo quyết định 284/QĐ-TTg về việc xác định các công trình đầu mối liên vùng, liên tỉnh, cụ thể là:</p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
	<p>2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050: “Xác định mạng lưới, vị trí, quy mô các công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật có tính liên vùng, liên tỉnh có vai trò quan trọng đối với phát triển hệ thống đô thị và nông thôn quốc gia, bao gồm: giao thông, cung cấp năng lượng, nguồn nước, khả năng thoát nước và xử lý nước thải, quản lý chất thải rắn, nghĩa trang.”</p>	<p>Về giao thông đang tích hợp từ các quy hoạch ngành giao thông quốc gia (đường bộ, đường sắt, cảng biển, sân bay, đường thủy nội địa) đã được phê duyệt.</p> <p>Về cung cấp năng lượng đang tích hợp từ các quy hoạch điện lực quốc gia (điện VIII) đã được phê duyệt và dự thảo quy hoạch năng lượng quốc gia.</p> <p>Về nguồn nước đang tích hợp từ các quy hoạch tài nguyên nước quốc gia và quy hoạch các lưu vực sông đã được phê duyệt.</p> <p>Về chất thải rắn đang tích hợp từ dự thảo quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia trong đó có xác định các cơ sở xử lý chất thải rắn cấp quốc gia, cấp vùng.</p> <p>Về thoát nước và xử lý nước thải: không có công trình đầu mối liên vùng, liên tỉnh.</p> <p>Về nghĩa trang: không có công trình đầu mối liên vùng, liên tỉnh, tuy nhiên có xác định các công trình nghĩa trang lớn có khuyến khích việc cung cấp dịch vụ liên tỉnh.</p> <p>Về cấp nước: đã xác định các công trình đầu mối cấp nước cấp vùng, liên tỉnh trong báo cáo tổng hợp.</p>
XXIII.9	<p><i>Định hướng giao thông</i></p> <p>Đề nghị rà soát tính hợp lý của các chỉ tiêu định hướng quy hoạch (chỉ tiêu đất giao thông trên đất xây dựng đối với các đô</p>	<p>Tiếp thu, rà soát các chỉ tiêu định hướng quy hoạch: chỉ tiêu đất giao thông trên đất xây dựng đối với các đô thị lớn, chỉ tiêu đất bến bãi đỗ xe.</p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
	<p>thị lớn đến năm 2030 đạt 20-26% là không khả thi, như hiện nay tại Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh mới đạt khoảng 10%, chỉ tiêu đất bên bãi đỗ xe đề nghị đơn vị là m²/người để đồng bộ với Quy chuẩn quy hoạch 01:2021).</p> <p>Ngoài ra, cần phân tích và đặt ra các vấn đề trọng tâm cần chú ý để phát triển giao thông đô thị (ví dụ giao thông công cộng, TOD tại các đô thị lớn; giao thông thông minh; bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu trong phát triển giao thông đô thị).</p>	<p>Các nội dung khác như: giao thông công cộng, TOD tại các đô thị lớn; giao thông thông minh; bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu trong phát triển giao thông đô thị đã được đề cập trong báo cáo tổng hợp</p>
XXIII. 10	<p><i>Định hướng cấp nước</i></p> <p>Đề nghị rà soát đối với nông thôn: Đảm bảo 65% dân số nông thôn được sử dụng nước sạch đạt chất lượng theo quy chuẩn tối thiểu 60 l/ng.ngđ. (hiện tại tỷ lệ dân cư nông thôn được cấp nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt khoảng 88,5%; với khoảng 44% người dân nông thôn được cấp nước từ công trình cấp nước tập trung).</p> <p>Đề nghị nghiên cứu bổ sung xác định vị trí, quy mô các công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật (nhà máy, công trình cấp nước) có tính liên vùng, liên tỉnh có vai trò quan trọng đối với phát triển hệ thống đô thị và nông thôn quốc gia phù hợp với nội dung yêu cầu tại Quyết định số 294/QĐ-TTg ngày 24/02/2020 của Thủ tướng Chính phủ.</p>	<p>Tiếp thu, rà soát nội dung về cấp nước nông thôn: Đảm bảo 65% dân số nông thôn được sử dụng nước sạch đạt chất lượng theo quy chuẩn tối thiểu 60 l/ng.ngđ. (hiện tại tỷ lệ dân cư nông thôn được cấp nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt khoảng 88,5%; với khoảng 44% người dân nông thôn được cấp nước từ công trình cấp nước tập trung).</p> <p>Các nội dung vị trí, quy mô các công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật (nhà máy, công trình cấp nước) có tính liên vùng, liên tỉnh đã được trình bày trong báo cáo tổng hợp.</p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
XXIII. 11	<p><i>Định hướng thoát nước và xử lý nước thải</i></p> <p>Về thoát nước và xử lý nước thải: Đến năm 2025 mở rộng phạm vi phục vụ của hệ thống thoát nước đô thị đạt trung bình trên 80% diện tích bao phủ dịch vụ; 50% tổng lượng nước thải tại các đô thị loại II trở lên, 20% đối với các đô thị từ loại V trở lên, 80% lượng nước thải các làng nghề được thu gom và xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trước khi xả vào hệ thống thoát nước đô thị hoặc ra môi trường; 20 - 30% nước thải sau xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật được tái sử dụng tưới cây, rửa đường đô thị và các nhu cầu khác. Đến năm 2030 toàn bộ nước thải được xử lý phải bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.</p> <p>Đề nghị rà soát lại các chỉ tiêu theo mục 3 và cần bổ sung giải pháp (nội dung này mới chỉ nêu các chỉ tiêu).</p>	<p>Tiếp thu, rà soát các chỉ tiêu thoát nước: Đến năm 2025 mở rộng phạm vi phục vụ của hệ thống thoát nước đô thị đạt trung bình trên 80% diện tích bao phủ dịch vụ; 50% tổng lượng nước thải tại các đô thị loại II trở lên, 20% đối với các đô thị từ loại V trở lên, 80% lượng nước thải các làng nghề được thu gom và xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trước khi xả vào hệ thống thoát nước đô thị hoặc ra môi trường; 20 - 30% nước thải sau xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật được tái sử dụng tưới cây, rửa đường đô thị và các nhu cầu khác. Đến năm 2030 toàn bộ nước thải được xử lý phải bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.</p> <p>Các nội dung về giải pháp thoát nước và xử lý nước thải đã được trình bày trong báo cáo tổng hợp.</p>
XXIII. 12	<p><i>Định hướng chất thải rắn</i></p> <p>Cần rà soát và đề xuất định hướng phù hợp với QH BVMT quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (trong này có nội dung đề xuất phân vùng phát triển, vùng hạn chế phát triển (là các lõi đô thị từ loại III trở lên) và các khu xử lý CTR).</p>	<p>Báo cáo tổng hợp đã cập nhật nội dung Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, nội dung đề xuất phân vùng phát triển, vùng hạn chế phát triển không thuộc phạm vi của hạ tầng kỹ thuật về chất thải rắn.</p>
XXIII. 13	<p><i>Định hướng nghĩa trang, cơ sở hỏa táng</i></p>	<p>Đã đảm bảo phù hợp với quy định pháp luật hiện hành. Không xác định việc hình thành nghĩa trang vùng, nghĩa</p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
	<p>Việc xác định chỉ tiêu sử dụng đất nghĩa trang cần tuân thủ các văn bản pháp luật và quy chuẩn kỹ thuật quy hoạch có liên quan nhằm bảo đảm hiệu quả sử dụng đất và bảo vệ môi trường.</p> <p>Nghiên cứu, bổ sung làm rõ hệ thống nghĩa trang cấp vùng, liên tỉnh để có cơ sở triển khai kế hoạch thực hiện; đặc biệt đối với các vùng Hà Nội và vùng thành phố Hồ Chí Minh trên cơ sở đánh giá hiện trạng quản lý, phát triển nghĩa trang. Đồng thời, rà soát bảo đảm đồng bộ, thống nhất với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất các cấp độ.</p>	<p>trang liên tỉnh mà chỉ khuyến khích việc cung cấp dịch vụ liên tỉnh đối với các nghĩa trang lớn.</p>
<p>HIỆP HỘI CÁC ĐÔ THỊ VIỆT NAM <i>(Trả lời công văn số 52/HH-VP ngày 30 / 6 /2023 của Hiệp hội các đô thị Việt Nam)</i> TỔNG THƯ KÝ: NGÔ TRUNG HẢI</p>		
<p><i>Đánh giá chung</i></p>		
XXIV.1	<p>Trước tiên, phải nhận định sự phức tạp do phải tích hợp/lồng ghép nhiều quy hoạch ngành liên quan và mảng nông thôn, đồng thời chưa có kinh nghiệm của việc triển khai các loại hình quy hoạch theo Luật Quy hoạch, trong đó Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn được xác định là quy hoạch cấp quốc gia thuộc Quy hoạch ngành kết cấu hạ tầng. Việc lập Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn (QHHTHTNT) thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 là một yêu cầu của Chính phủ theo Nghị quyết số 11/ NQ-CP của Chính phủ ngày 5/2/2018 về việc thực</p>	<p>Thống nhất ý kiến</p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
	<p>hiện Luật Quy hoạch. Trước đây, theo Quyết định 445/QĐ-TTg, ngày 27/4/2009 của TTCP phê duyệt Quy hoạch tổng thể Hệ thống Đô thị Việt Nam đến năm 2025, Tầm nhìn 2050.</p> <p>Vì vậy, nhìn chung đồ án QHHTĐTNT (theo hồ sơ trình Thẩm định lần này) đã đáp ứng cơ bản những yêu cầu của Nhiệm vụ đã được cơ quan thẩm quyền phê duyệt. Báo cáo tổng hợp (gần 370 trang) gồm 10 Chương từ phân tích đánh giá thực trạng hệ thống đô thị nông thôn, các yếu tố tác động - dự báo và triển vọng, định hướng phát triển hệ thống ĐT-NT, Nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm và Tổ chức thực hiện. Đây là một cố gắng lớn của các cơ quan, nhóm nghiên cứu đồ án nhằm thực hiện trong bối cảnh các Tỉnh đang hoàn chỉnh Quy hoạch Tỉnh/Thành phố cũng như các quy hoạch chung đô thị thuộc phạm vi hành chính, cũng như khá thuận lợi khi QHTT Quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn 2050 đã được Quốc hội thông qua (NQ số 81/2023/QH15 ngày 09/01/2023), nhưng trong các căn cứ pháp lý chưa thấy nêu tuy đã cập nhật những định hướng và nội dung liên quan. Đặc biệt hơn nữa, Nghị quyết 06-NQ/TU ngày 24/1/2022 của Bộ Chính trị đã nhìn nhận vai trò của Hệ thống đô thị trong việc phát triển KTXH và đưa ra các định hướng quan trọng từ đóng góp GDP, tỉ lệ đô thị hóa, đường lối đổi mới trong quá trình phát triển đô thị trong những năm tới.</p>	
XXIV.2	Về Quan điểm, Tầm nhìn, Mục tiêu tổng quát và cụ thể cơ bản đã phù hợp, thống nhất với NQ 06, QHTTQG trong đó đặt mục	Thống nhất ý kiến

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
	<p>tiêu tỉ lệ đô thị hóa thuộc nhóm trung bình cao của khu vực ASEAN và Châu Á theo mô hình mạng lưới đồng bộ, thống nhất và cân đối. Mô hình này đã tiếp nối và phát triển mô hình đã đề xuất trong QH445 (tạm gọi) và nâng cao thành Mạng lưới Xanh, Thông minh và Bền vững và có tập hợp phân nhánh theo ranh giới hành chính, phân loại đô thị, vị thế đô thị và mạng lưới đô thị đặc thù. Cũng lưu ý thêm bản chất mô hình mạng lưới là chia sẻ vai trò chức năng đô thị trong từng vùng dựa trên thế mạnh tránh cạnh tranh không cần thiết và phát huy hỗ trợ nhau trong phát triển.</p> <p>Dự báo phần đầu vào năm 2030, lần đầu tỉ lệ đô thị hóa đạt trên 50% - ghi nhận mốc dân số Việt Nam bước sang thời kì phát triển đô thị với tỉ lệ người dân đô thị cao hơn người dân sống trong khu vực nông thôn nhưng cũng cần ghi nhận thêm sự liên kết chặt chẽ - đôi khi không có ranh giới giữa đô thị và nông thôn khi xu hướng Nông nghiệp CNC và Hiện đại hóa hệ thống hạ tầng, chất lượng sống ở vùng nông thôn được nâng cao và các đô thị được Xanh hóa trong đó những vùng còn giữ đặc thù của một Vùng Xanh gắn với mô hình Nông nghiệp kiểu mới trong khu vực phát triển đô thị - đó cũng là đặc thù của quá trình ĐTH ở Việt Nam trong lịch sử.</p>	
XXIV.3	Về Khung hệ thống ĐT-NT Quốc gia cũng tương đối phù hợp với xu hướng phát triển mạnh về liên kết Vùng Động lực quốc gia mà chùm Đô thị trung tâm sẽ đóng vai trò chính. Nhưng	Căn cứ theo Nghị quyết 81/2023/QH15 về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050, đã xác định 4 vùng đô thị lớn là Vùng đô thị Hà Nội; Vùng

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
	<p>trong QHHTĐTNT chỉ nêu có 2 Cục tăng trưởng (tr.267) là Vùng Thủ đô Hà Nội và Vùng TPHCM, nhưng trong QHTTQG có 4 Vùng Động lực quốc gia bao gồm cả Vùng động lực miền Trung và Vùng động lực ĐBSCL. Vì vậy kiến nghị đề án này cần tính đến 2 Vùng Đô thị đang phát triển mạnh mẽ theo mô hình mạng lưới sẽ làm động lực kích thích các đô thị phát triển đồng đều ở hai Vùng này.</p>	<p>đô thị thành phố Hồ Chí Minh; Vùng đô thị Đà Nẵng và Vùng Đô thị Cần Thơ.</p>
XXIV.4	<p>Việc phát triển hành lang đô thị hóa quốc gia cũng phù hợp với mô hình Hành lang kinh tế theo trục Bắc Nam – Đông Tây trong QHTTQG khi lấy Đô thị làm trung tâm kinh tế động lực. Tuy vậy, tên gọi Hành lang kinh tế và Hành lang đô thị hóa cần hợp nhất có chung khái niệm và chỉ khác nhau việc tập trung vào các chức năng đô thị trên hành lang làm động lực chính.</p> <p>Theo QHTTQG có 2 Hành lang kinh tế chính Bắc Nam và Đông Tây cùng với 6 Hành lang kinh tế thứ cấp nhưng đóng cả vai trò kết nối quốc tế qua các cửa khẩu biên giới. Còn QHHTĐTNT xác định các Hành lang đô thị hóa chưa phù hợp với các Hành lang kinh tế quốc gia. Ví dụ như không thể có các hành lang đô thị hóa qua các đô thị Đảo được vì không dựa trên khái niệm hành lang dựa trên hệ thống giao thông quốc gia.v... Đề nghị nghiên cứu tích hợp các Hành lang đô thị hóa vào hệ thống hành lang kinh tế đã xác định trong QHTTQG cho thống nhất giữa các Quy hoạch quốc gia.</p>	<p>Hành lang đô thị hóa và hành lang kinh tế là hai khái niệm khác nhau. Trong đó, hành lang đô thị hóa là hệ thống đô thị; chùm, chuỗi đô thị dựa trên cơ sở hành lang kinh tế (chủ yếu là giao thông) nhằm lưu thông hàng hóa, phát triển kinh tế. Góp phần cụ thể hóa các hành lang kinh tế trong Nghị quyết 81/2023/QH15.</p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
XXIV.5	<p>Về xác định các Vùng đô thị lớn là hợp lý, rất cần giữ trong cả 2 Quy hoạch TTQG và HTĐTNTOG để có thể tiếp tục các mô hình Hội đồng Vùng hoặc Ủy ban Điều phối Vùng đã được thành lập.</p> <p>Đối với Vùng đô thị Hà Nội cần gọi Vùng Thủ đô Hà Nội để tiếp tục duy trì Tầm nhìn lâu dài và các dự án lớn liên quan đang triển khai, tránh gọi tên khác nhau sẽ rất khó khi triển khai các bước tiếp theo. Ví dụ như các dự án Vành đai 4 và 5 đã và đang triển khai quyết liệt, hiệu quả trong thực tế.</p>	<p>Theo Nghị quyết 81/2023/QH15, định hướng phân bố các vùng đô thị lớn, cả nước có 4 vùng đô thị lớn: Vùng đô thị Hà Nội; Vùng đô thị thành phố Hồ Chí Minh; Vùng đô thị Đà Nẵng và Vùng Đô thị Cần Thơ. Trong đó, vùng đô thị Hà Nội gồm Thủ đô Hà Nội và các đô thị lân cận của các tỉnh xung quanh thuộc vùng đồng bằng sông Hồng và vùng trung du và miền núi phía Bắc.</p>
XXIV.6	<p>Cần xem lại việc gọi Cục đô thị hóa thứ cấp/tiểu vùng đô thị (?) với lập luận chặt chẽ và phân bổ cho hợp lý vì không có các tiểu vùng ĐTH phía Bắc mà chỉ có từ Bắc Trung bộ trở vào phía Nam, không có qui luật nhất định để xác định các tiểu vùng này.</p> <p>Đơn cử làm lẫn giữa đô thị và tỉnh (Tiểu vùng đô thị Huế - Đà Nẵng - Tam kỳ - Quảng Ngãi xem ra lấy đô thị tỉnh lỵ làm tên gọi tiểu vùng nhưng Tiểu vùng: Nghệ An - Nghi Xuân - Hà Tĩnh khá khó hiểu (?). Tóm lại, cần rà soát lại việc phân vùng này cho mạch lạc, thống nhất tiêu chí phân vùng theo tỉ lệ Đô thị hóa hay phân loại đô thị.</p>	<p>Khu vực phía Bắc gồm 2 vùng lớn: Vùng miền núi trung du phía Bắc và Vùng Đồng bằng sông Hồng. Trong đó, Vùng miền núi trung du phía Bắc gồm 3 tiểu vùng: Vùng núi Đông Bắc Bộ; vùng núi Bắc Bộ và vùng núi Tây Bắc Bộ.</p>
XXIV.7	<p>Sau khi phân Vùng, hành lang, cực....việc định hướng chiến lược phát triển, kèm các chỉ tiêu nhận biết toàn diện cần nghiên</p>	<p>Căn cứ quyết định 294/QĐ-TTg ngày 24/02/2020 của Thủ tướng Chính Phủ; Xác định phương án phát triển hệ thống đô thị và nông thôn trên phạm vi cả nước và các vùng lãnh</p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
	<p>cứu thêm mang tính chỉ dẫn cho các Đô thị khi triển khai ý tưởng phát triển.</p> <p>Mục 6.6 Định hướng phát triển các khu vực đô thị tuy có chia từng khu vực từ lõi lan ra ngoại thành nhưng vẫn còn hơi chung chung, khó có thể áp dụng cho từng Vùng miền khác nhau.</p> <p>Đặc biệt mục 6.7 Định hướng nâng cao chất lượng đô thị cần được xác định lại những yếu tố nào liên quan đến chất lượng đô thị - về chất lượng sống của cư dân đô thị hay chất lượng hạ tầng dịch vụ, chất lượng hạ tầng kỹ thuật hoặc nhà ở? Và cần nghiên cứu kỹ phần này vì yếu tố chất lượng đô thị rất quyết định trong việc thay vì nâng cao số lượng đô thị mà không kèm theo chất lượng đô thị.</p>	<p>thỏ: Xác định các chỉ tiêu dự báo, chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật về phát triển đô thị và nông thôn của cả nước và từng vùng lãnh thổ; Đề xuất, lựa chọn khung phát triển đô thị, nông thôn quốc gia bao gồm mạng lưới đô thị và nông thôn trong từng vùng và trên toàn lãnh thổ quốc gia... Các chỉ tiêu mang tính chỉ dẫn cho các đô thị khi phát triển sẽ được cụ thể hóa trong các đề án Quy hoạch Vùng tiếp theo.</p> <p>Mục 6.7 Định hướng nâng cao chất lượng đô thị đã xác định hệ thống các tiêu chí liên quan. Các đô thị muốn nâng cao chất lượng cần thực hiện đồng thời các tiêu chí đó chứ không thể chỉ đáp ứng 1 vài tiêu chí.</p>
XXIV.7	<p>Định hướng phát triển Điểm dân cư nông thôn cũng tương đối rõ ràng với các chỉ số và định hướng gắn với kinh tế phi nông nghiệp và nông nghiệp. Cần lưu ý thêm mô hình Nông nghiệp Công nghiệp cao – sẽ hình thành một số đô thị nông nghiệp ra đời khi hạ tầng Điểm dân cư đó có hạ tầng kỹ thuật và xã hội như các đô thị chỉ khác mỗi bản chất là sản phẩm đầu ra của điểm dân cư là sản phẩm nông nghiệp.</p>	<p>Thống nhất ý kiến góp ý</p>
XXIV.8	<p>Về cơ bản QHHTĐTNT đã được nghiên cứu khá công phu, tiếp thu và chỉnh sửa khá nhiều so với những dự thảo đầu tiên. Kế thừa khá nhiều quy hoạch liên quan và tích hợp vào đề án QH này.</p>	<p>Trong khung định hướng về mạng lưới không gian đô thị và nông thôn bao gồm: không gian hành chính; không gian cấp bậc đô thị (loại đô thị); không gian chức năng đô thị và mạng lưới chòm, chuỗi đô thị.</p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
	<p>Thống nhất cao các quan điểm tăng cường công tác quản trị đô thị theo hướng phân cấp mạnh cho các chính quyền đô thị. Nhưng cần xem lại câu chữ tránh hiểu lầm khi trong định hướng chung về mạng lưới không gian hành chính đô thị - nông thôn (trang 27) có ghi: Nhất thể hóa không gian đô thị - nông thôn nhằm quản lý phát triển KTXH trong phạm vi ranh giới hành chính theo hệ thống tầng bậc 4 cấp: 1) Vùng đô thị; 2) Đô thị cấp tỉnh (Đô thị TW); Đô thị cấp Huyện (Thành phố/Thị xã); đô thị cấp Xã (Thị trấn) – trong đó cần phân biệt Vùng đô thị có cấp quản lý hành chính như một số quốc gia có cơ quan hành chính cấp Vùng như Cộng hòa Pháp có Vùng Ile de France (bao gồm cả thành phố thủ đô Paris).</p> <p>Đồ án QHHTĐTNT đã xây dựng được Khung hệ thống ĐTNT Quốc gia chủ yếu nhưng cần gọt rũa một cách có hệ thống mạch lạc từ phân vùng, khái niệm cho đến các định hướng cụ thể. Cần mạnh dạn bỏ việc lắp ghép các nghiên cứu khác không phù hợp, ví dụ như phần nghiên cứu về thị trường BĐS chẳng hạn đưa ra khái niệm thị trường BĐS truyền thống và hiện đại.</p> <p>Sau khi báo cáo Hội đồng thẩm định và căn cứ vào góp ý và kết luận của Hội đồng, đồ án QHHTĐTNT quốc gia có thể trình TTCP.</p>	
	<i>Một số kiến nghị</i>	

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
XXIV.9	Cần cân nhắc lại 5 Nhiệm vụ trọng tâm theo hướng xây dựng các chiến lược cùng các giải pháp cụ thể, nếu các Nhiệm vụ như hiện nay giống Quan điểm về Đô thị hóa vì Nhiệm vụ là Hành động cụ thể.	Tiếp thu ý kiến góp ý, kiểm tra và làm rõ.
XXIV.10	<p>Nhóm tác giả phải xem lại rất nhiều câu chữ trong quy hoạch này cho chính xác và hợp với ngữ cảnh đang là một quy hoạch quốc gia, ví dụ như xác định về Hành lang Đông – Tây có đoạn:”<i>các vùng nằm trên hành lang này không có tiềm lực kinh tế để trao đổi và xây dựng hành lang, trong khi đó các thể lực lớn không quan tâm tới kết nối này.</i>” – Vậy các thể lực lớn là quốc gia hay nhà đầu tư?</p> <p>Lỗi chính tả rất nhiều không đáng có trong tài liệu gửi cho Hội đồng Thẩm định.</p>	Tiếp thu ý kiến góp ý, đã rà soát và chỉnh sửa các câu chữ và lỗi chính tả trong Báo cáo.

MỤC LỤC

I. BỘ NỘI VỤ	1
<i>(Trả lời công văn số 115/BNV-CQDP ngày 11/01/2023 của Bộ Nội Vụ)</i>	1
<i>(Trả lời công văn số 2459/BNV-CQDP ngày 24/05/2022 của Bộ Nội Vụ)</i>	5
II. BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN	11
<i>(Trả lời công văn số 528/BNN-KH ngày 02/02/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)</i>	11
<i>(Trả lời công văn số 4018/BNN-KH ngày 20/6/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)</i>	11
III. BỘ NGOẠI GIAO	17
<i>(Trả lời công văn số 302/BNG-THKT ngày 30/01/2023 của Bộ Ngoại Giao)</i>	17
<i>(Trả lời công văn số 2430 /BNG-THKT ngày 29/05/2023 của Bộ Ngoại Giao)</i>	23
IV. BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG (2023)	31
<i>(Trả lời công văn số 688/BTNMT-KHTC ngày 13/02/2023 của Bộ Tài Nguyên và Môi trường)</i>	31
<i>(Trả lời công văn số 6127/BTNMT-KHTC ngày 20/11/2019 của Bộ Tài Nguyên và Môi trường)</i>	33
V. BỘ TÀI CHÍNH	43
<i>(Trả lời công văn số 1546/BTC-ĐT ngày 20/02/2023 của Bộ Tài Chính)</i>	43
<i>(Trả lời công văn số 5516 /BTC-ĐT ngày 30 tháng 5 năm 2023 của Bộ Tài Chính)</i>	55
VI. BỘ CÔNG THƯƠNG	59
<i>(Trả lời công văn số 756/BCT-KHTC ngày 17/02/2023 của Bộ Công Thương)</i>	59
<i>(Trả lời công văn số 3363 /BCT-KHTC ngày 31/ 5 /2023 của Bộ Công Thương)</i>	64
VII. BỘ QUỐC PHÒNG	68
<i>(Trả lời công văn số 690/BQP-TM ngày 07/03/2023 của Bộ Quốc phòng)</i>	68
<i>(Trả lời công văn số 1950/BQP-TM ngày 12/6/2023 của Bộ Quốc Phòng)</i>	69
VIII. BỘ LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI	70
<i>(Trả lời công văn số 895 /LĐTBXA-KHTC ngày 14/03/2023 của Bộ Lao động thương binh và xã hội)</i>	70
<i>(Trả lời công văn số 2280/LĐTBXH-KHTC ngày 21/6/2023 của Bộ Lao động thương binh và xã hội)</i>	75

IX. BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG	76
<i>(Trả lời công văn số 810/BTTTT-VCL ngày 14/03/2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông)</i>	76
<i>(Trả lời công văn số 1906/BTTTT-VCL ngày 23/05/2023 của Bộ Thông tin và truyền thông)</i>	82
X. BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO	85
<i>(Trả lời công văn số 1606 /BGDDĐT-KHTC ngày 13/04/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)</i>	85
<i>(Trả lời công văn số 2795/BGDDĐT ngày 7/6/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)</i>	88
XI. BỘ Y TẾ	97
<i>(Trả lời công văn số 2459 /BYT-KT-TC ngày 29/05/2023 của Bộ Y tế)</i>	97
XII. BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH	99
<i>(Trả lời công văn số 2661/BVHTTDL-KHTC ngày 5/7/2023 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)</i>	99
XIII. BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ	103
<i>(Trả lời công văn số 5257/BKHDT-QLQH ngày 5/7/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)</i>	103
XIV. BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	111
<i>(Trả lời công văn số 855/BKHHCN-CNN ngày 30/3/2023 của Bộ Khoa học và Công nghệ)</i>	111
<i>(Trả lời công văn số 1604/BKHHCN-CNN ngày 30/5/2023 của Bộ Khoa học và Công nghệ)</i>	113
XV. BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI	114
XVI. HỘI KIẾN TRÚC SƯ VIỆT NAM	116
<i>(Trả lời công văn số 68/CV-HKTSVN ngày 21/05/2023 của Hội Kiến trúc sư Việt Nam)</i>	125
XVII. HỘI QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VIỆT NAM	143
<i>(Trả lời công văn số 10/2023/CV-VUPDA ngày 21/02/2023 của Hội Quy hoạch phát triển đô thị Việt Nam)</i>	143
<i>(Trả lời công văn số 07/2023/CV-VUPDA ngày 5 /7/ 2023 của Hội Quy hoạch phát triển đô thị Việt Nam)</i>	155
XVIII. TỔNG HỘI XÂY DỰNG VIỆT NAM	158
<i>(Trả lời công văn số 89 /CV-THXDVN ngày 23/05/2023 của Tổng hội Xây dựng Việt Nam)</i>	158

XIX. ỦY BAN TRUNG ƯƠNG MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM	168
XX. BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG BAN KINH TẾ <i>(Trả lời công văn số 3539-CV/BKTTW ngày 15/6/2023 của Ban Chấp hành Trung Ương Ban kinh tế)</i>	168 168
XXI. VỤ QUY HOẠCH KIẾN TRÚC, BỘ XÂY DỰNG	175
XXII. VỤ PHÁP CHẾ - BỘ XÂY DỰNG	178
XXIII. CỤC HẠ TẦNG – BỘ XÂY DỰNG	179
HIỆP HỘI CÁC ĐÔ THỊ VIỆT NAM <i>(Trả lời công văn số 52/HH-VP ngày 30 / 6 /2023 của Hiệp hội các đô thị Việt Nam)</i>	188 188

**BẢN TỔNG HỢP TIẾP THU VÀ GIẢI TRÌNH Ý KIẾN GÓP Ý CỦA CÁC
THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG**

Về dự thảo Quy hoạch hệ thống Đô thị và Nông thôn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050

Bộ Xây dựng đã có công văn số 5985/BXD-PTĐT ngày 30/12/2022; công văn số 1620/BXD-PTĐT ngày 25/04/2023 về việc góp ý nội dung hồ sơ Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn 2050. Trên cơ sở đó, Bộ Xây dựng tổng hợp các ý kiến và tiếp thu giải trình như sau:

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
I. THÀNH PHỐ HÀ NỘI		
SỞ QUY HOẠCH KIẾN TRÚC HÀ NỘI		
<i>(Trả lời công văn 225/QHKT-ĐT VT ngày 13/01/2023 của Sở Quy hoạch Kiến trúc Hà Nội)</i>		
I.1	Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 cần giải quyết được rõ mối quan hệ giữa các <i>Cơ quan quản lý về xây dựng phát triển đô thị và xây dựng phát triển nông thôn mới</i> (khu vực đô thị; khu vực điểm dân cư nông thôn) gắn với mô hình Chính quyền đô thị; Chính quyền địa phương theo ranh giới hành chính. Ví dụ: Cơ quan quản lý xây dựng phát triển hạ tầng “điểm dân cư nông thôn”, hạ tầng “vùng sản xuất nông nghiệp”, hạ tầng	Tiếp thu ý kiến và giải trình như sau: Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 thực hiện theo Quyết định số 294/QĐ-TTg ngày 24/02/2020 của Thủ tướng Chính phủ “V/v phê duyệt Nhiệm vụ lập Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050”, nội dung đề cập chính là định hướng tổ chức và sắp xếp không gian phát triển hệ thống đô thị và khu dân cư nông thôn, liên kết đô thị-nông thôn ...

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
	<p>“đô thị” - trong khu vực phát triển đô thị theo Quy hoạch vùng, khu vực các Huyện phát triển thành Quận, khu vực phát triển đô thị trên 1 địa bàn đơn vị hành chính, thuộc 2 địa bàn đơn vị hành chính trở lên còn chưa rõ.</p>	<p>Về Mối quan hệ giữa các <i>Cơ quan quản lý về xây dựng phát triển đô thị và xây dựng phát triển nông thôn mới</i> là mối quan hệ trong quản lý hành chính được quy định theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật Quy hoạch, Luật Quy hoạch đô thị, Luật Xây dựng... và các Luật khác liên quan đến quản lý hành chính. Do đó, nội dung này thuộc phạm vi nghiên cứu quy hoạch/đề tài/đề án khác.</p>
I.2	<p>Xác định rõ các quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của các “Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật và nông nghiệp”, “Ban Quản lý khu vực phát triển đô thị” các cấp (Trung ương – Địa phương) trong khu vực phát triển đô thị và khu vực nông thôn: Từ khâu chuẩn bị đầu tư – xây dựng, bàn giao hoặc quản lý sau đầu tư còn chưa rõ.</p>	<p>Tiếp thu ý kiến và giải trình như sau: Việc xác định rõ các quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của các “Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật và nông nghiệp”, “Ban Quản lý khu vực phát triển đô thị” các cấp (Trung ương – Địa phương) trong khu vực phát triển đô thị và khu vực nông thôn: Từ khâu chuẩn bị đầu tư – xây dựng, bàn giao hoặc quản lý sau đầu tư thuộc thẩm quyền của chính quyền trung ương và địa phương, tuân thủ các văn bản quy phạm pháp luật về đầu tư và quản lý đầu tư thuộc phạm vi nghiên cứu quy hoạch/đề tài/đề án khác.</p>
I.3	<p>Về công tác quy hoạch đô thị và nông thôn: Xác định vai trò của Ban Quản lý khu vực phát triển đô thị, của Văn phòng nông thôn mới, của Chính quyền địa phương. Có thể giao toàn quyền phê duyệt ở Bước chuẩn bị đầu tư, Quy hoạch chi tiết cho Ban Quản lý khu vực phát triển đô thị, hay Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật và nông nghiệp tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương</p>	<p>Tiếp thu ý kiến và bổ sung nội dung tại (BC Tổng hợp - PHẦN THỨ HAI, Chương IV, Mục II, Chiến lược 5: Quản trị đô thị - nông thôn; (3) Kế hoạch thực hiện)</p> <p>Bổ sung thêm nội dung sau: “Tăng cường tính chủ động cho chính quyền địa phương, phân quyền cho các chủ thể ở địa phương thực hiện theo các văn bản quy phạm pháp luật về hành chính và hướng dẫn của Bộ Nội vụ về phân cấp, phân</p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
		quyền. Đối với các thành phố TW, nâng cao vai trò của Ban Quản lý khu vực phát triển đô thị hoặc Văn phòng nông thôn mới của Chính quyền địa phương chủ động trong công tác phê duyệt ở Bước chuẩn bị đầu tư, Quy hoạch chi tiết.v.v...”
	Thực trạng phân cấp, phân loại đô thị (Tr. 49 – Tr. 87) và Rà soát mô hình, cấu trúc hệ thống đô thị (Tr. 192):	
I.4	Bổ sung đánh giá kỹ thực trạng phân cấp, phân loại đô thị của Thủ đô (thành phố đặc biệt) và Vùng đô thị xung quanh, về sự phù hợp, cần bổ sung điều chỉnh theo Quyết định số 768/QĐ-TTg ngày 06/5/2016	<p>Tiếp thu ý kiến và bổ sung nội dung tại (BC Tổng hợp - PHẦN THỨ HAI, Chương I, Mục IV, 2.1.1. Hiện trạng phân bố đơn vị hành chính đô thị và 2.1.2. Thực trạng phân loại đô thị)</p> <p>Thực trạng phân loại, phân cấp đô thị trên nguyên tắc đánh giá đô thị ở quy mô vùng và quốc gia, không cụ thể ở từng đô thị. Danh mục các đô thị của từng tỉnh đã được bổ sung, thống kê và đưa vào phụ lục xếp theo Phân loại đô thị.</p>
I.5	Hệ thống đô, thị trên địa bàn thành phố Hà Nội bao gồm: Đô thị trung tâm là Đô thị Loại đặc biệt; Đô thị Hòa Lạc là Đô thị Loại II; Đô thị vệ tinh Sơn Tây, Sóc Sơn, Xuân Mai, Phú Xuyên là Đô thị Loại III; 03 Thị trấn: Phúc Thọ, Quốc Oai, Chúc Sơn là Đô thị Loại IV; 11 Thị trấn thuộc Huyện (còn lại) là Đô thị loại V. Mô hình, cấu trúc hệ thống đô thị Thành phố Hà Nội gồm nội thành và ngoại thành, hay gồm đô thị và nông thôn. Trong hệ thống đô thị Quốc gia, Thủ đô Hà Nội được coi là 01 đô thị loại đặc biệt, hay là 01 thành phố bao gồm 20 đô thị (từ loại đặc biệt đến loại V) như hiện nay còn chưa rõ. Yếu	<p>Trong hệ thống đô thị Quốc gia, Thủ đô Hà Nội là chùm đô thị từ đô thị loại đặc biệt đến loại V.</p> <p>Tiếp thu ý kiến và bổ sung nội dung tại (BC Tổng hợp - PHẦN THỨ HAI, Chương I, Mục IV, 2.1.2. Thực trạng phân loại đô thị; và Chương IV, Mục IV, 2.2.2, Định hướng cấp loại đô thị)</p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
	tổ này rất quan trọng và cần khẳng định trong Quy hoạch này, làm định hướng cho Quy hoạch Thủ đô và Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô	
	Hiện trạng hạ tầng và môi trường đô thị - nông thôn (Tr. 121 – Tr. 192):	
I.6	Tại Thủ đô Hà Nội, có các huyện: Hoài Đức, Gia Lâm, Đông Anh, Thanh Trì, Đan Phượng dự kiến thành lập quận, thì sẽ áp dụng tiêu chuẩn, tiêu chí của “Đô thị loại đặc biệt” để đánh giá đối với các tiêu chuẩn, tiêu chí còn chưa đạt; Hiện trạng được đánh giá theo “Ranh giới hành chính huyện”, hay đánh giá trong “Khu vực đô thị trung tâm thuộc huyện”, hay đánh giá riêng theo 02 khu vực (đô thị/nông thôn).	<p>Tiêu chuẩn, tiêu chí để phân loại đô thị được thực hiện theo quy định tại nghị quyết số 1210/2016/ UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về phân loại đô thị và Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 ngày 21 tháng 9 năm 2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị quyết số 1210/2016/ UBTVQH13.</p> <p>Hiện trạng được đánh giá theo “Ranh giới hành chính huyện” trọng tâm phát triển đô thị là “Khu vực đô thị trung tâm thuộc huyện”, phần còn lại là khu vực sinh thái và làng xóm đô thị hoá được kiểm soát phát triển.</p>
I.7	Các vấn đề hiện trạng hạ tầng kỹ thuật khác: đề nghị bổ sung đầy đủ hơn	Nội dung hiện trạng hạ tầng kỹ thuật đã được tập trung làm rõ ở các lĩnh vực chính: giao thông, chuẩn bị kỹ thuật đất xây dựng, thoát nước mặt, cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải, chất thải rắn, nghĩa trang, cấp năng lượng, chiếu sáng đô thị và hạ tầng bưu chính, viễn thông. Theo nhiều ý kiến góp ý khác ở mức độ quy hoạch trên toàn quốc, các nội dung về hạ tầng kỹ thuật không đi quá chi tiết vào các nội dung cụ thể mà tập trung vào xác định các định hướng, chiến lược phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật (có tính đến liên kết

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
		vùng, liên kết giữa các đô thị và liên kết đô thị nông thôn), các công trình đầu mối cấp quốc gia, vùng và nguyên tắc phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị, nông thôn
I.8	Xem xét kỹ lưỡng về đánh giá “Hà Nội nằm trong số 10 thủ đô ô nhiễm nhất thế giới - một phần là do thành công của nền kinh tế Việt Nam.” (Tr.192). Đề nghị bỏ những đánh giá không thuộc ngành, hoặc đánh giá từ các tổ chức nước ngoài khác.	Tiếp thu ý kiến và chỉnh sửa nội dung tại (BC Tổng hợp - PHẦN THỨ HAI, Chương I, Mục IV, 5. Hiện trạng môi trường đô thị - nông thôn)
	Dự báo nâng loại đô thị (Tr. 229):	
I.9	Quy hoạch này cần bổ sung số liệu dự báo về: dân số, đất đai đô thị, tỷ lệ đô thị hóa,...đối với: Vùng đồng bằng sông Hồng, Vùng KTTĐ Bắc Bộ, Khu vực Hà Nội, và riêng cho Thành phố Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050, làm cơ sở cho Quy hoạch Thủ đô và Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô thời gian tới.	<p>Đề án đã có tính toán dự báo quy mô dân số cho riêng TP. Hà Nội và Vùng Đồng bằng sông Hồng cũng như cho từng tỉnh/thành trên cả nước, được trình bày tại (BC Tổng hợp - PHẦN THỨ HAI, Chương IV, Mục IV, 7.1.1. Dự báo phân bố dân cư các vùng lãnh thổ - Phụ lục II. Dự báo Dân số - Đất đai). Dự báo này có tính chất tham khảo, là 1 trong các luận cứ dự báo dân số, đất đai đô thị, tỷ lệ đô thị hóa cho Quy hoạch Thủ đô và Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô.</p> <p>Theo đó, tỷ lệ đô thị hóa của TP. Hà Nội được dự báo đến năm 2025 là khoảng 60% và đến năm 2030 là khoảng 65% - phù hợp với Chương trình hành động số 16 – CTR/TU ngày 26/08/2022 của Thành ủy.</p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
I.10	<p>Quy hoạch này cần kế thừa, bổ sung dự báo rõ về nâng loại đô thị tại Thành phố Hà Nội, định hướng nghiên cứu tăng tỉ lệ đất phát triển đô thị và xây dựng mô hình “Thành phố trực thuộc Thủ đô” tại khu vực phía Bắc (vùng Đông Anh, Mê Linh, Sóc Sơn) và phía Tây (vùng Hoà Lạc, Xuân Mai) như thế nào để thực hiện Nghị quyết số 15-NQ/TW ngày 05/5/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.</p>	<p>Tiếp thu ý kiến và bổ sung nội dung tại (BC Tổng hợp - PHẦN THỨ HAI, Chương IV, Mục IV, 2.2.2, Định hướng cấp loại đô thị và phụ lục IV; II. Bản đồ quy hoạch phân loại đô thị giai đoạn 2021-2030)</p> <p>Tuy nhiên, quy hoạch cấp quốc gia đề cập các nguyên tắc quy hoạch đất xây dựng đô thị, chỉ tiêu quy hoạch đất đai cụ thể cũng như mô hình phát triển đô thị của Thành phố Hà Nội cần được luận chứng phù hợp trong đồ án Điều chỉnh quy hoạch chung Thành phố Hà Nội.</p>
I.11	<p>Lưu ý: Đối với Thủ đô Hà Nội, đơn vị hành chính đặc biệt: Việc phân loại đô thị phải đảm bảo phù hợp với yêu cầu, đặc điểm và nhiệm vụ của Thủ đô đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 theo Luật Thủ đô, Nghị quyết của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thủ đô, Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội và Quy hoạch tổng thể các đơn vị hành chính theo mô hình chính quyền đô thị được duyệt và các Nghị quyết của Thành ủy Hà Nội và các Đề án đầu tư, xây dựng huyện thành quận của UBND Thành phố.</p>	<p>Tiếp thu ý kiến và bổ sung nội dung tại (BC Tổng hợp - PHẦN THỨ HAI, Chương IV, Mục IV, 2.1.2, Thành phố trực thuộc trung ương).</p> <p>Xem xét áp dụng mô hình thành phố/đô thị trong thành phố trực thuộc trung ương một cách phù hợp với yêu cầu phát triển và định hướng phát triển không gian của từng địa phương và đề xuất các cơ quan chuyên ngành bổ sung các nghiên cứu, đề xuất điều chỉnh, bổ sung văn bản pháp luật hiện hành để tạo thuận lợi cho việc phát huy ưu điểm của mô hình tổ chức chính quyền đô thị mới này (nếu vẫn giữ như hiện nay thì có thể có tác dụng ngược là việc quản lý đô thị khó khăn hơn do bộ máy hành chính vẫn ở quy mô cấp huyện – đô thị thuộc tỉnh, nhưng quy mô thì lớn hơn và vấn đề phức tạp hơn rất nhiều).”</p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
I.12	<p>Tác động của thiên tai và BĐKH đến tổ chức không gian lãnh thổ (Tr. 236): Số liệu của Tổng điều tra dân số năm 1999, cần cập nhật số liệu mới nhất để đánh giá thêm về tác động của thiên tai và BĐKH đến tổ chức không gian lãnh thổ.</p>	<p>Tiếp thu ý kiến và bổ sung nội dung tại (BC Tổng hợp - PHẦN THỨ HAI, Chương II, Mục II, 3.2. b) Tác động của thiên tai và BĐKH đến tổ chức không gian lãnh thổ)</p> <p>Đã cập nhật dữ liệu mới nhất của Tổng điều tra dân số năm 2019 thêm nội dung đánh tác động của thiên tai và BĐKH đến tổ chức không gian lãnh thổ.</p>
I.13	<p>Đề xuất các kịch bản phát triển (Tr. 256):</p> <p>Thống nhất với kịch bản phát triển đô thị Việt Nam đến năm 2030 được đề xuất lựa chọn là "Kịch bản phát triển theo mạng lưới" (KB3) nhưng được chia giai đoạn để tối ưu hóa.</p>	<p>Theo Kịch bản thứ 3: Mô hình mạng lưới đô thị, phát triển theo 3 giai đoạn: giai đoạn 1 phát triển tại các cực tăng trưởng, và các chùm, chuỗi, cụm đô thị thuộc các vùng đô thị hóa quốc gia, giai đoạn 2 phát triển các hành lang đô thị hóa, liên kết các chùm, chuỗi và cụm đô thị và giai đoạn 3 phát triển mạng lưới đô thị và nông thôn quốc gia. 3 giai đoạn phát triển của mô hình mạng lưới đô thị không nhất thiết phát triển tuần tự theo khung thời gian mà từng giai đoạn có thể khác nhau về thời gian và không gian giữa các vùng miền, phía bắc, phía nam và miền trung, và trong từng vùng, do tùy thuộc vào điều kiện phát triển về KT-XH và nội lực của vùng và đô thị.</p>
I.14	<p>Đối với Thủ đô Hà Nội: Bổ sung, xác định rõ kịch bản phát triển hệ thống đô thị trong Thành phố Hà Nội (đô thị trung tâm; thành phố trực thuộc Thủ đô; các đô thị vệ tinh và thị trấn) theo Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 và Nghị quyết số 15- NQ/TW ngày 05/5/2022 về phương hướng,</p>	<p>Tiếp thu ý kiến và giải trình như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - phạm vi quy hoạch cấp quốc gia đề cập kịch bản phát triển hệ thống đô thị toàn quốc. - phạm vi quy hoạch đô thị đề cập kịch bản phát triển hệ thống đô thị trong Thành phố Hà Nội.

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
	<p>nhiệm vụ phát triển Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.</p>	
I.15	<p>Các cực và hành lang đô thị hoá quốc gia (Tr. 274): Bổ sung cơ sở khoa học và thực tiễn để khắc phục các tồn tại, hạn chế do tính tương tác quy định pháp luật và tổ chức thực hiện chưa đồng bộ, một số vấn đề nổi cộm đối với công tác quản lý quy hoạch và phát triển các cực và hành lang đô thị hoá quốc gia hiện nay, như:</p> <p>Quy định pháp luật và tổ chức thực hiện quản lý đơn vị hành chính với quản lý quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng nông thôn và cơ chế phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị còn chưa rõ nét; các cơ quan, đơn vị đầu mối (quản lý ngành và quản lý vùng, lãnh thổ) các cấp còn chưa thường xuyên và bao quát toàn diện các hoạt động liên kết vùng trong lĩnh vực,</p> <p>Chậm thiết lập sự liên kết về Giao thông và liên kết về Kinh tế. Các đường vành đai III, IV, V và các đường cao tốc nối trực tiếp chậm thực hiện, dẫn đến các điều kiện liên kết hợp tác giữa các tỉnh/thành phố trong vùng, giữa đô thị trung tâm với các đô thị vệ tinh bị hạn chế, thiếu sức hấp dẫn để thu hút các nguồn lực đầu tư cho phát triển bền vững.</p> <p>Thiếu chính sách hạn chế sự phát triển lan tỏa (từ các đô thị trung tâm), thiếu chính sách khuyến khích thu hút đầu tư, kích thích phát triển cho các đô thị vệ tinh, các đô thị trong vùng và tại các cực phát triển mới như đô thị vệ tinh Hòa Lạc, Sóc</p>	<p>Tiếp thu chỉnh sửa tại Mục Giải pháp về tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện theo quy hoạch bao gồm: công bố và cung cấp thông tin quy hoạch, xây dựng kế hoạch thực hiện, tổ chức lập, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn, các chính sách, giải pháp thực hiện quy hoạch, nguồn lực thực hiện, đánh giá thực hiện và bộ máy quản lý phát triển đô thị.</p> <p>Góp ý của quý cơ quan hữu ích trong công tác xây dựng văn bản Luật quy hoạch đô thị, nông thôn; Luật quản lý phát triển đô thị.</p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
	Son, Phú Xuyên....	
I.16	<p>Bổ sung rõ đối với Thủ đô Hà Nội: “Tập trung hình thành một số cực tăng trưởng mới; từng bước tạo ra chùm đô thị, các đô thị vệ tinh, mô hình phát triển đô thị theo định hướng giao thông (TOD) đi đôi với quản lý chặt chẽ việc phát triển nhà ở cao tầng và gia tăng dân số tại khu vực đô thị trung tâm. Phân đầu đến năm 2025 có 3 - 5 huyện và đến năm 2030 có thêm 1 - 2 huyện phát triển thành quận.” (Nghị quyết số 15- NQ/TW ngày 05/5/2022 của Bộ Chính trị).</p>	<p>Tiếp thu, giải trình như sau: các định hướng phát triển Thủ đô được nêu trong Nghị quyết số 15- NQ/TW ngày 05/5/2022 của Bộ Chính trị đã được nghiên cứu trong nhiều thời kỳ lập quy hoạch Hà Nội. Tuy nhiên sau nhiều năm thực hiện quy hoạch Hà Nội, vẫn chưa hình thành cực tăng trưởng mới, chưa hình thành mô hình phát triển đô thị theo định hướng giao thông (TOD). Giải quyết vấn đề này trong phạm vi quy hoạch đô thị hoặc các quy hoạch chuyên ngành khác.</p>
I.17	<p>Định hướng phát triển mạng lưới đô thị - nông thôn quốc gia (Tr. 276):</p> <p>Mạng lưới không gian hành chính đô thị - nông thôn: “Thành phố trực thuộc Thủ đô” ở vị trí nào trong Hệ thống tầng bậc 5 cấp (?) Còn chưa rõ!</p>	<p>Tiếp thu ý kiến và bổ sung nội dung tại (BC Tổng hợp - PHẦN THỨ HAI, Chương IV, Mục IV, 2.1.2, Thành phố trực thuộc trung ương).</p> <p>Giải trình như sau: Mạng lưới trung tâm đô thị các cấp bao gồm đô thị trung tâm cấp quốc gia, đô thị trung tâm cấp vùng, đô thị trung tâm cấp tỉnh, đô thị trung tâm cấp huyện, và đô thị trung tâm cấp xã.</p> <p>Thành phố trực thuộc Thủ đô tùy thuộc vào quy mô, tính chất, chức năng, vị thế địa kinh tế sẽ được sắp xếp vào các vị trí sau:</p> <p>(1) đô thị trung tâm cấp quốc gia: khi thành phố trực thuộc Thủ đô nằm trong không gian khu vực đô thị trung tâm (liền kề với khu vực quận). Ví dụ: thành phố Thủ Đức hoặc thành phố Thủy Nguyên-Hải Phòng;</p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
		<p>(2) đô thị trung tâm cấp vùng: khi thành phố trực thuộc Thủ đô không nằm trong không gian khu vực đô thị trung tâm; có tính chất, chức năng đô thị đáp ứng vai trò đô thị cấp vùng hoặc đô thị chuyên ngành quốc gia. Ví dụ: đô thị Hoà Lạc.</p> <p>(3) đô thị trung tâm cấp tỉnh: khi thành phố trực thuộc Thủ đô không nằm trong không gian khu vực đô thị trung tâm. Ví dụ: Sơn Tây.</p>
I.18	<p>Quy hoạch xác định “Vùng lõi đô thị Hà Nội” (Tr. 279) với quy mô dân số 12.967.820 người (dân số đô thị 5.308.023) là như thế nào (?) có trùng với ranh giới “Đô thị trung tâm” theo định hướng Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô, hay phải mở rộng (?); Mật độ dân số; Số lượng đô thị (?) như thế nào chưa rõ!</p>	<p>Tiếp thu ý kiến và giải trình như sau: “vùng lõi đô thị Hà Nội” khác với “đô thị trung tâm” theo định hướng Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khái niệm và phạm vi “Vùng lõi đô thị Hà Nội” sử dụng trong quy hoạch cấp quốc gia là vùng lõi của vùng đô thị lớn Hà Nội – Hải Phòng có mối quan hệ mật thiết với “Đô thị trung tâm Hà Nội”; dự kiến ranh giới các tỉnh/thành phố Hà Nội, Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, Hưng Yên, Hà Nam. - Quy hoạch vùng ĐBSH sẽ định hướng phát triển dân số và đô thị trong “Vùng lõi đô thị Hà Nội”. Khái niệm “Vùng lõi đô thị Hà Nội” chưa có trong Quyết định số 768/QĐ-TTg ngày 06/05/2016 về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch xây dựng Vùng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050.

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
		<ul style="list-style-type: none"> - Thuật “Đô thị trung tâm” theo định hướng Quy hoạch chung xây dựng Thủ Đô là khu vực tập trung liên mạch các quận nội thành và thành phố trực thuộc.
I.19	<p>Đô thị cấp tỉnh (đô thị TW)– Tr. 281: Mối quan hệ của Thành phố Hà Nội với Thành phố trực thuộc Thủ đô như thế nào (?); Phân loại đô thị đối với Thành phố trực thuộc Thủ đô thế nào (?), hay phân loại đô thị như “Thành phố trực thuộc tỉnh” (?)</p>	<p>Tiếp thu ý kiến và giải trình như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Về mối quan hệ của Thành phố Hà Nội với Thành phố trực thuộc Thủ đô: xác định trong đề án Điều chỉnh quy hoạch chung Thủ đô Hà nội đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2060. - Về phân loại đô thị đối với Thành phố trực thuộc Thủ đô: thực hiện theo Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 và Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15.
I.20	<p>Mạng lưới không gian theo phân loại đô thị (Tr. 282 – Tr. 286): Đề xuất sửa đổi phân loại đô thị đối với Thành phố Hà Nội như thế nào (?) Nếu loại đô thị là “Loại đặc biệt” (gồm Toàn đô thị và Nội thị), thì Toàn đô thị và Nội thị đều là “Loại đặc biệt” hay trong Thành phố Hà Nội còn có các đô thị lớn và cực lớn (Loại I), đô thị vừa (Loại II, Loại III), đô thị nhỏ (Loại IV, Loại V) theo Quyết định số 768/QĐ-TTg ngày 06/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ (?). Bổ sung cụ thể các chỉ tiêu phát triển theo Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt</p>	<p>Tiếp thu ý kiến và giải trình như sau:</p> <p>Về phân loại đô thị đối với Thành phố Hà Nội: Quy hoạch kỳ này kiến nghị sửa đổi Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 và Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 đối với đô thị đặc biệt và đô thị loại 1 trực thuộc TW.</p> <p>Về bổ sung cụ thể các chỉ tiêu phát triển theo Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022.</p> <p>Tiếp thu ý kiến và bổ sung nội dung tại (BC Tổng hợp - PHẦN THỨ HAI, Chương IV, Mục IV, 3.2. Mục tiêu cụ thể)</p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
	<p>Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Số lượng đô thị (đến năm 2030 là 1.179 đô thị so với NQ06 là từ 1.000 – 1.200 đô thị và so với số liệu tổng hợp từ các QHT tính đến nay là 1.179 đô thị) ; - Tỷ lệ đô thị hóa (đến năm 2030 là khoảng 55 – 57% so với mục tiêu của NQ là $\geq 50\%$); - Tỷ lệ đất xây dựng đô thị/ tổng diện tích tự nhiên (đến năm 2030: 1,9 – 2,3% so với NQ06 là 1,9 – 2,3%); - Đến năm 2030: 100% các đô thị có QH tổng thể, QHPK, chương trình cải tạo chỉnh trang, tái thiết và phát triển đô thị - Tỷ lệ đất giao thông trên đất XDĐT: đến năm 2030 là khoảng 16 – 26% (so với NQ06 là 16 – 26%); <p>Vì đây là đồ án quy hoạch tổng thể trên phạm vi quốc gia nên các mục tiêu đưa ra cũng là các mục tiêu phát triển chung cho quốc gia.</p>
I.21	<p>Định hướng cụ thể Thành phố Hà Nội: Đề nghị rà soát, bổ sung đầy đủ và thống nhất các Mục tiêu phát triển, Định hướng phát triển theo đúng Nghị quyết số 15- NQ/TW ngày 05/5/2022 về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Đề nghị bỏ phần “Các vấn đề tồn tại” trong phần “Định hướng” — Tr. 285 (hoặc sắp xếp các vấn đề tồn tại về phần đánh giá hiện trạng.</p>	<p>Nhất trí.</p> <p>Tiếp thu ý kiến và bổ sung nội dung tại (BC Tổng hợp - PHẦN THỨ HAI, Chương I, Mục IV, 2.1.2. Thực trạng phân loại đô thị và Chương IV, Mục IV, 3 Mục tiêu)</p> <p>Về nội dung “các vấn đề tồn tại” chuyển sang phần đánh giá hiện trạng.</p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
I.22	<p>Mạng lưới phân bố đô thị chức năng quốc gia (Tr. 295) và Phát triển vùng đô thị Hà Nội (Tr. 298):</p> <p>- Đề nghị bổ sung: Thủ đô Hà Nội là đô thị trung tâm hành chính, chính trị quốc gia; có vị trí, vai trò là "Trung tâm đầu não chính trị - hành chính quốc gia, trung tâm lớn về văn hoá, khoa học, giáo dục, kinh tế và giao dịch quốc tế, một động lực phát triển của vùng đồng bằng Sông Hồng và cả nước" (Nghị quyết số 15-NQ/TW ngày 05/5/2022 của Bộ Chính trị).</p>	<p>Nhất trí</p> <p>Có ý kiến giải trình như sau: phát triển vùng đô thị lớn và cực tăng trưởng; vùng Hà nội và mạng lưới phân bố đô thị chức năng quốc gia là những định hướng quan trọng về phát triển hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn 2050, trong đó đã nêu rõ những vị thế và vai trò chiến lược của Thành phố Hà Nội trong thời kỳ mới như cực tăng trưởng quốc gia vùng đô thị lớn phía Bắc kết nối TP Hải Phòng và Quảng Ninh phía đông bắc phát triển không gian gắn thương mại hàng hải quốc tế và tiếp tục khẳng định những vị thế đã có là "Trung tâm đầu não chính trị - hành chính quốc gia, trung tâm lớn về văn hoá, khoa học, giáo dục, kinh tế và giao dịch quốc tế, một động lực phát triển của vùng đồng bằng Sông Hồng và cả nước" (Nghị quyết số 15-NQ/TW ngày 05/5/2022 của Bộ Chính trị).</p>
I.23	<p>Đề nghị xác định rõ về Vùng đô thị Hà Nội gồm các đô thị nào (?), số lượng và quy mô ra sao (?).</p>	<p>Vùng đô thị Hà nội có giới hạn gồm 12 tỉnh thành vùng KTTĐ Bắc Bộ mở rộng thêm các tỉnh xung quanh thủ đô Hà Nội: Hải Phòng, Quảng Ninh, Hưng Yên, Hải Dương, Bắc Ninh, Vĩnh Phúc, Hà Nam, Bắc Giang, Thái Nguyên, Hoà Bình và Phú Thọ.</p> <p>Hệ thống đô thị được định hướng theo Phụ lục IV.</p>
I.24	<p>Các hình thái không gian đô thị - nông thôn chủ đạo (Tr. 304) và Định hướng các vùng đô thị hoá cao (Tr. 305):</p>	<p>Căn cứ theo QĐ số 294/QĐ-CP về Nhiệm vụ quy hoạch được phê duyệt về nội dung quy hoạch tại điểm e, mục 3, điều 1 là</p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
	<p>Chùm đô thị lớn Hà Nội/Chuỗi đô thị: Bổ sung rõ hình thái không gian đô thị - nông thôn chủ đạo của Thủ đô Hà Nội (Chùm đô thị – Chuỗi đô thị) theo Nghị quyết số 15-NQ/TW ngày 05/5/2022 của Bộ Chính trị. Ví dụ:</p> <p>+ Hệ thống Đô thị: Phát triển đô thị Hà Nội thông minh, hiện đại, có bản sắc, tạo hiệu ứng lan toả, liên kết vùng đô thị phía Bắc và cả nước. Tập trung hình thành một số cực tăng trưởng mới; từng bước tạo ra chùm đô thị, các đô thị vệ tinh, mô hình phát triển đô thị theo định hướng giao thông (TOD) đi đôi với quản lý chặt chẽ việc phát triển nhà ở cao tầng và gia tăng dân số tại khu vực đô thị trung tâm. Phấn đấu đến năm 2025 có 3 - 5 huyện và đến năm 2030 có thêm 1 - 2 huyện phát triển thành quận. Cải tạo, chỉnh trang, tái thiết đô thị gắn với bảo tồn, phát huy giá trị và khai thác hiệu quả, bền vững các công trình, không gian lịch sử văn hoá tại khu vực nội đô lịch sử. Xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù, thực hiện hiệu quả việc cải tạo, xây dựng lại chung cư cũ; di dời các cơ sở công nghiệp gây ô nhiễm môi trường, cơ sở giáo dục đại học, bệnh viện theo quy hoạch ra khỏi khu vực nội thành; ưu tiên sử dụng quỹ đất sau di dời để xây dựng công trình công cộng, phúc lợi xã hội.</p> <p>Lưu ý: Cụ thể hóa hơn về Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 về hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm quy nhìn đến năm 2045 đối với Thủ đô Hà Nội - “Trái tim của cả nước”. Ví dụ:</p>	<p>xác định phương án phát triển hệ thống đô thị và nông thôn trên phạm vi cả nước và các vùng lãnh thổ.</p> <p>Do đó các góp ý của quý cơ quan thuộc phạm vi nghiên cứu của quy hoạch cấp dưới.</p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
	Chuỗi đô thị trên hành lang đô thị hoá (dọc các Vành đai IV, Vành đai V; dọc các đường cao tốc, quốc lộ)...; Chuỗi đô thị dọc lưu vực sông lớn (Sông Hồng, Sông Đuống, Sông Cà Lồ),...	
I.25	Khu vực Nông thôn: Tập trung cơ cấu lại, nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp, phát triển nông nghiệp sinh thái, công nghệ cao; phấn đấu trở thành địa phương đi đầu trong phát triển nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh, gắn với bảo tồn, phát huy các giá trị văn hoá, lịch sử truyền thống dân tộc. Ưu tiên xây dựng vành đai xanh, bảo đảm môi trường sống. Chú trọng phát triển công nghệ giống, công nghệ bảo quản, chế biến sau thu hoạch, gắn với phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm. Quan tâm đầu tư đúng mức để phát triển văn hoá, từng bước thu hẹp khoảng cách về hưởng thụ văn hoá giữa thành thị và nông thôn. Tăng cường tổ chức các sự kiện văn hoá, thể thao, du lịch, triển lãm và phát triển các sản phẩm văn hoá, du lịch có thương hiệu mang tầm quốc tế.	Căn cứ theo QĐ số 294/QĐ-CP về Nhiệm vụ quy hoạch được phê duyệt về nội dung quy hoạch tại điểm e, mục 3, điều 1 là xác định phương án phát triển hệ thống đô thị và nông thôn trên phạm vi cả nước và các vùng lãnh thổ. Do đó các góp ý của quý cơ quan thuộc phạm vi nghiên cứu của quy hoạch cấp dưới.
I.26	Định hướng nâng cao chất lượng đô thị (Tr. 316) và Định hướng nâng cao chất lượng điểm DCNT (Tr. 319); Đô thị - nông thôn mang bản sắc văn hoá (Tr. 357): Đề nghị bổ sung: Quy chế quản lý kiến trúc (theo Luật Kiến trúc) tại đô thị và điểm dân cư nông thôn đảm bảo tương thích với quy hoạch chung, định hướng phát triển các khu vực đô	Đề án đã tiếp thu ý kiến và bổ sung (BC Tổng hợp - PHẦN THỨ HAI, Chương IV, Mục IV, 5. Định hướng phát triển kiến trúc, cảnh quan đô thị và Mục V, 5. Định hướng phát triển kiến trúc, cảnh quan nông thôn)

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
	<p>thị và nông thôn, là công cụ quản lý, kiểm soát phát triển cấp bách tại các đô thị lớn, các khu vực trọng điểm, các khu vực đang bị tác động mạnh trong quá trình đô thị hóa, đặc biệt là khu vực giáp ranh nội thành / ngoại thành, khu vực chuẩn bị chuyển đổi từ huyện thành quận.</p>	.
I.27	<p>Định hướng phát triển hạ tầng điểm DCNT (Tr. 322 - 325) và Định hướng quy hoạch hạ tầng giao thông (Tr. 329), Định hướng chuẩn bị kỹ thuật (Tr. 332-342):</p> <p>Đề nghị bổ sung: Mối quan hệ giữa phát triển xây dựng đô thị với phát triển xây dựng nông thôn mới (?) phát triển hạ tầng điểm dân cư nông thôn với phát triển hạ tầng sản xuất nông nghiệp (?); - Quy chuẩn và tiêu chuẩn thiết kế quy hoạch hạ tầng giao thông, định hướng chuẩn bị kỹ thuật tại khu vực giáp ranh giữa đô thị và nông thôn (thuộc 1 hoặc 2 đơn vị hành chính: huyện/xã) như thế nào (?) còn chưa rõ, cần bổ sung.</p>	<p>Đề án đã tiếp thu ý kiến và bổ sung (BC Tổng hợp - PHẦN THỨ HAI, Chương IV, Mục V, 1.3. Yêu cầu phát triển hạ tầng KDCNT)</p> <p>Bổ sung: Đổi mới đồng bộ giữa liên kết hạ tầng nơi cư trú với hạ tầng sản xuất, giữa phát triển hạ tầng làng xã với đổi mới phương thức phát triển sản xuất. Đảm bảo tính tương thích giữa mô hình phát triển kinh tế và mô hình cư trú nông thôn. Phát triển hạ tầng điểm dân cư nông thôn với phát triển hạ tầng sản xuất nông nghiệp.</p> <p>Hiện nay, chưa có Quy chuẩn và tiêu chuẩn thiết kế quy hoạch hạ tầng giao thông, định hướng chuẩn bị kỹ thuật tại khu vực giáp ranh giữa đô thị và nông thôn.</p> <p>Do đó bổ sung:</p> <p>Khi lập quy hoạch phát triển khu dân cư nông thôn mới bên cạnh các làng, xóm hiện hữu cần chú ý đảm bảo kết nối hệ thống giao thông, kết nối các chức năng công cộng, dịch vụ, văn hóa, vui chơi giải trí, đặc biệt chú ý bảo tồn gìn giữ các không gian lịch sử, các công trình di sản văn hóa kiến trúc</p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
		<p>và nhà ở truyền thống có giá trị. Chú ý tổ chức các không gian mặt nước, cây xanh đảm bảo điều kiện môi trường sống, không gian xanh tại các khu dân cư nông thôn mới.</p> <p>Xây dựng quy chuẩn và tiêu chuẩn thiết kế quy hoạch hạ tầng giao thông, định hướng chuẩn bị kỹ thuật tại khu vực giáp ranh giữa đô thị và nông thôn (thuộc 1 hoặc 2 đơn vị hành chính: huyện/xã).</p>
I.28	<p><i>Các định hướng giải pháp nhiệm vụ trọng tâm:</i></p> <p>Hiện nay, ngành xây dựng và ngành nội vụ chưa có văn bản mang tính hướng dẫn chung để các thành phố lớn áp dụng thống nhất các quy định pháp luật và tổ chức thực hiện quản lý đơn vị hành chính và quản lý đô thị; giữa “quy hoạch tổng thể hệ thống đô thị” với “quy hoạch tổng thể đơn vị hành chính” theo từng giai đoạn. Đây là nội dung rất quan trọng, cần thiết có sự phối hợp giữa Bộ Xây dựng và Bộ Nội vụ để sớm xây dựng và ban hành Thông tư liên tịch hướng dẫn chung về nội dung này.</p>	<p>Tiếp thu ý kiến và bổ sung (BC Tổng hợp - PHẦN THỨ HAI, Chương IV, Mục II, Chiến lược 5: Quản trị đô thị - nông thôn (1) Cải cách hoàn thiện thể chế phát triển đô thị - nông thôn)</p> <p>Bổ sung: Cải cách thể chế quản lý cư dân đô thị - nông thôn: ban hành Thông tư liên tịch hướng dẫn sự phối hợp giữa Bộ Xây dựng và Bộ Nội vụ về các quy định pháp luật và tổ chức thực hiện quản lý đơn vị hành chính và quản lý đô thị; giữa “quy hoạch tổng thể hệ thống đô thị” với “quy hoạch tổng thể đơn vị hành chính” theo từng giai đoạn quy hoạch.</p>
I.29	<p>Quy định pháp luật hiện hành cần tiếp tục hoàn thiện để đảm bảo tương thích và đồng bộ giữa các quy hoạch (quy hoạch tổng thể đơn vị hành chính với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn), làm cơ sở phân loại đô thị theo từng giai đoạn. Riêng với Thủ đô, cần áp dụng Luật Thủ đô và Quy hoạch chung xây dựng Thủ</p>	<p>Tiếp thu ý kiến và bổ sung (BC Tổng hợp - PHẦN THỨ HAI, Chương IV, Mục II, Chiến lược 5: Quản trị đô thị - nông thôn (1) Cải cách hoàn thiện thể chế phát triển đô thị - nông thôn).</p> <p>Cụ thể:</p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
	<p>đô làm nền tảng cho Phân loại đô thị, đảm bảo tính đồng bộ và khả thi. Xác định rõ quy trình, rõ trách nhiệm của các cấp ngành. Do vậy: Đề nghị bổ sung Giải pháp nhiệm vụ trọng tâm để giải quyết vấn đề này.</p>	<p>Thúc đẩy, hoàn thiện thể chế quản lý và phát triển đô thị: Sửa đổi bổ sung Luật quy hoạch đô thị - nông thôn; Xây dựng mới Luật quản lý đô thị; Phát triển bộ máy quản lý vùng đô thị. Đối với thủ đô Hà Nội, sửa đổi Luật Thủ đô tạo cơ chế vượt trội giải quyết các bất cập phát triển thành phố, và thực hiện Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô làm nền tảng cho Phân loại đô thị, đảm bảo tính đồng bộ và khả thi.</p>
I.30	<p><i>Tổ chức thực hiện (Tr. 361):</i></p> <p>Xây dựng và hoàn thiện pháp luật QL quy hoạch và phát triển đô thị – nông thôn (Tr.371):</p> <p>Đề Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 mang tính thực tiễn, vấn đề nhất thiết cần sớm sửa đổi, bổ sung đồng bộ đối với cả Luật Quy hoạch (2017), Luật Xây dựng (2013) và Luật Quy hoạch đô thị (2019).</p>	
<p>VIỆN NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI HÀ NỘI <i>(Trả lời công văn số 33/VNC-TQH ngày 31/01/2023 của Hội Quy hoạch phát triển đô thị Việt Nam)</i></p>		
I.31	<p>Về vấn đề đô thị hóa: Nội dung 2.3.1. Tổng quan quá trình đô thị hóa từ “Đổi mới” đến giai đoạn 2011 - 2020 (trang 44): Cần đánh giá cụ thể hơn về tác động của quá trình đô thị hóa bao gồm cả các ảnh hưởng tích cực và tiêu cực diễn ra trong quá trình đô thị hóa ở Việt Nam, trong đó chú trọng những tác động của quá trình đô thị hóa tới khu vực nông thôn.</p>	<p>Tiếp thu ý kiến và giải trình như sau:</p> <p>Mục 2.3.1. Là nội dung tổng quan quá trình đô thị hóa. Các đánh giá cụ thể về tác động của quá trình đô thị hóa đặc biệt đối với khu vực nông thôn được bổ sung tại các mục chi tiết của nội dung Đánh giá hiện trạng hệ thống đô thị - nông thôn (BC Tổng hợp - PHẦN THỨ HAI, Chương I, Mục VI)</p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
I.32	<p>Nội dung 2.3.3. Thực trạng phân cấp, phân loại đô thị Các thành phố trực thuộc TW (trang 52): Bổ sung thêm các đặc trưng về vị trí địa lý, địa chính trị, địa kinh tế cũng như tổ chức không gian của Thành phố Hà Nội tương tự như đối với các thành phố khác để có cái nhìn toàn diện hơn về 05 thành phố trực thuộc TW (ví thể Thủ đô; nằm ở phía Tây Bắc của vùng Đồng bằng sông Hồng, tiếp giáp với 8 tỉnh trong vùng; diện tích đất tự nhiên thuộc khu vực nông thôn lớn;...).</p>	<p>Tiếp thu ý kiến và bổ sung (BC Tổng hợp - PHẦN THỨ HAI, Chương I, Mục IV, 2.1.2. Thực trạng phân loại đô thị).</p>
I.33	<p>Thực trạng phân loại đô thị (trang 64): Cần đánh giá sơ bộ về tình độ phát triển của hệ thống đô thị Việt Nam hiện đã đạt mức nào so với tiêu chuẩn phân loại đô thị tại Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị hay chưa nhằm phản ánh đúng trình độ phát triển đô thị, đô thị hóa; làm căn cứ cho công tác quy hoạch, xây dựng, quản lý, hoạch định chính sách phát triển đô thị.</p>	<p>Thống nhất bổ sung tại (BC Tổng hợp - PHẦN THỨ HAI, Chương I, Mục IV, 2.1.2. Thực trạng phân loại đô thị)</p> <p>Về nội dung Đánh giá về trình độ phát triển của hệ thống đô thị Việt nam theo tiêu chuẩn phân loại đô thị tại Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/ 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị và Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 sẽ được làm rõ trong Chương trình phát triển đô thị quốc gia.</p>
I.34	<p>Về tổ chức không gian đô thị và nông thôn: Nội dung 2.4.2. Đặc điểm xã hội nông thôn (trang 105): Dự thảo mới chỉ ra hiện trạng quy hoạch các điểm dân cư nông thôn và cảnh quan, diện mạo vùng, đề xuất nghiên cứu đánh giá cụ thể thêm về tổ chức không gian và kiến trúc nhà ở nông thôn. Cần chỉ rõ việc tổ chức điểm dân cư nông thôn hiện nay</p>	<p>Tiếp thu ý kiến đóng góp của quý cơ quan; đồ án đã bổ sung nội dung tại (BC Tổng hợp - PHẦN THỨ HAI, Chương I, Mục V, 2.1.2. Thực trạng phân loại đô thị)</p> <p>Về đánh giá nguyên nhân sự thay đổi về tổ chức không gian đô thị và nông thôn trong quá trình đô thị hóa được trình bày</p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
	<p>hầu như mới chỉ tập trung giải quyết yếu tố kỹ thuật, hạ tầng mà chưa chú ý đầy đủ tới chất lượng, bản sắc không gian ở. Điều này tạo nên sự đối lập về cấu trúc, hình ảnh, bản sắc trong không gian ở điểm dân cư nông thôn; gây nên sự thiếu liên kết trong bản thân cộng đồng nông thôn và giữa không gian nông thôn với không gian đô thị. Đề xuất nêu thêm một số nguyên nhân dẫn đến sự thay đổi về tổ chức không gian đô thị và nông thôn trong quá trình đô thị hóa bao gồm: quá trình phát triển nông thôn và xây dựng lối sống thành thị ở khu vực nông thôn (hình thức nhà cửa, cách sống, phong cách sinh hoạt...); phát triển khu vực ngoại vi của thành phố do ảnh hưởng của cơ sở hạ tầng, phát triển công nghiệp... tạo ra các cụm liên đô thị, đô thị... quá trình đô thị hóa nông thôn, quá trình phát triển thành phố do sự gia tăng dân số quá mức và tỷ lệ di dân từ nông thôn đến khu vực thành thị lớn là những nguyên nhân chính</p>	<p>cụ thể tại (mục 2.4. Phân vùng nông thôn; 2.4.1. Phân vùng nông thôn theo mức độ đô thị hoá)</p>
I.35	<p>Về quan điểm và mục tiêu (trang 262): về quan điểm phát triển khu vực đô thị, cần lưu ý phát triển đô thị phải trở thành động lực thúc đẩy, lan tỏa và hỗ trợ liên kết vùng cho các khu vực, các địa phương lân cận, đặt biệt đối với các khu vực đô thị trung tâm, đô thị có lợi thế phải các cực phát triển cho toàn bộ khu vực về nhiều mặt (kinh tế, văn hóa – xã hội, cơ sở hạ tầng ...)</p>	<p>Tiếp thu ý kiến đóng góp của quý cơ quan; đề án đã bổ sung nội dung tại (BC Tổng hợp - PHẦN THỨ HAI, Chương VI, Mục I, Quan điểm phát triển)</p> <p>Cụ thể: Phát triển đô thị phải trở thành động lực thúc đẩy, lan tỏa và hỗ trợ liên kết vùng. Các khu vực đô thị trung tâm quốc gia, đô thị trung tâm vùng là những cực phát triển về nhiều mặt (kinh tế, văn hóa – xã hội, môi trường, ANQP)</p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
VIỆN QUY HOẠCH XÂY DỰNG HÀ NỘI <i>(Trả lời công văn số 77/VQH-NCĐTQT ngày 10/01/2023 của Viện Quy hoạch xây dựng Hà Nội)</i>		
I.36	<p>Về số liệu, tài liệu: Quy hoạch xác định thời kỳ lập quy hoạch là giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 vì vậy các số liệu cần được thu thập đến thời điểm năm 2020. Cụ thể: số liệu về diện tích tự nhiên dự thảo Quy hoạch lấy theo Niên giám thống kê toàn quốc năm 2018, đề nghị thống nhất theo Niên giám thống kê năm 2020; theo đó diện tích tự nhiên toàn quốc khoảng 331.236 km² có chênh lệch so với năm 2018 (tr.14). Đề nghị đơn vị tư vấn rà soát các số liệu liên quan khác để đảm bảo tính thống nhất và đồng bộ.</p>	<p>Thống nhất cập nhật số liệu năm 2020.</p>
I.37	<p>Về Phân tích, đánh giá điều kiện thực trạng hệ thống đô thị - nông thôn (tr.16):</p> <p>Phần lớn các nội dung chính đều ở dạng liệt kê các số liệu, thiếu các nhận xét chi tiết cho từng mục để phục vụ nội dung đánh giá tổng hợp (tr. 200), nhất là ở các mục 2.3.3.2 Thực trạng phân loại đô thị (tr. 64-86), mục 2.3.3.3. Hiện trạng phân bố trung tâm đô thị cấp quốc gia, cấp vùng (tr.88-92), mục 2.3.4. Thực trạng phân bố dân cư đô thị - nông thôn (tr. 92-98), mục 2.3.5. Thực trạng đất đai đô thị - nông thôn (tr.99)...</p>	<p>Nhất trí, đồ án đã hoàn thiện, bổ sung các đánh giá đối với các nội dung Thực trạng hệ thống đô thị - nông thôn</p>
I.38	<p>Về thực trạng phân loại đô thị:</p> <p>Rà soát và làm rõ cơ sở lập các sơ đồ về đô thị hóa, dân cư đối với các đô thị đặc biệt và đô thị loại I trực thuộc Trung ương</p>	<p>Tiếp thu ý kiến và giải trình như sau:</p> <p>Cơ sở lập các sơ đồ về đô thị hóa, dân cư đối với các đô thị đặc biệt và đô thị loại I trực thuộc Trung ương dựa trên số</p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
	(tr.67-71	liệu thống kê quốc gia, theo nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về phân loại đô thị và Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 ngày 21 tháng 9 năm 2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13
I.39	Về thực trạng khu vực dân cư nông thôn: Đề nghị bổ sung thêm các phân tích, đánh giá, nhận định về vai trò của khu vực nông thôn (tr.104) do đặc điểm Việt Nam là nước nông nghiệp, vai trò của nông thôn và nông dân cần được xem xét và đánh giá tương xứng trong suốt quá trình phát triển lâu dài của đất nước. Bổ sung những đặc điểm cơ bản của Vùng nông thôn thuần nông (tr.117–120) trong nội dung 2.4.6. Đặc điểm khu dân cư nông thôn theo 6 vùng KTXH (tr.114), tại dự thảo Quy hoạch mới liệt kê các số liệu mà chưa đưa ra được nhận xét về đặc điểm cơ bản của các vùng nông thôn này.	<p>Thống nhất bổ sung tại (BC Tổng hợp - PHẦN THỨ HAI, Chương I, Mục V)</p> <p>Đã có đánh giá vùng nông thôn thuần nông và vùng nông thôn theo các vùng sinh thái nông nghiệp</p>
I.40	Về rà soát đánh giá tổng quát thực hiện quy hoạch đã có: dự thảo Quy hoạch nhận định thực tiễn phát triển đô thị chưa đạt được như dự báo theo Quyết định số 445/QĐ-TTg (tr. 193), vì vậy đề nghị bổ sung đánh giá kỹ hơn về những vùng chưa phát triển được thành đô thị theo quy hoạch, phân tích nguyên nhân, đánh giá lại tiềm năng để tiếp tục đề xuất hoặc kiến nghị nghiên cứu giải pháp thích hợp. Cần có quan điểm về việc kế thừa những ưu điểm của mô hình, cấu trúc của quy hoạch đã được phê duyệt trước đây.	Nhất trí. Đã bổ sung các đánh giá và nhận định các yếu tố kế thừa từ đồ án quy hoạch theo quyết định số 445/QĐ-TTg tại mục Rà soát đánh giá tổng quát thực hiện quy hoạch đã có.

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
I.41	Về nội dung đánh giá thực trạng các mối liên kết vùng (tr.197-199): Nội dung còn chung chung, chưa làm rõ được yếu tố vùng đã được các tỉnh, thành phố coi trọng ra sao trong quá trình phát triển và đã đạt được những thành tựu gì từ sự phát triển hỗ trợ nhau giữa các đô thị trong vùng và liên vùng.	Thống nhất bổ sung tại (BC Tổng hợp - PHẦN THỨ HAI, Chương III, Mục I)
I.42	Về dự báo nâng loại đô thị (mục 4.2.3 – tr.229): Cơ bản thực hiện theo Quyết định số 241/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, tuy nhiên cần phân tích thêm, làm rõ về cơ sở thực tiễn, liên quan đến các phân tích về thực trạng đã nêu ở trên, đảm bảo tính khả thi của các đô thị khi nâng hạng để phân kỳ	<p>Nội dung rà soát dự báo nâng loại đô thị theo QĐ 241/QĐ-TTg - là quyết định hiện hành về nâng loại đô thị và không phải là đề xuất của quy hoạch kỳ này.</p> <p>Các báo cáo này phân tích hiện trạng pháp lý (QĐ 241/QĐ-TTg), cơ sở thực tiễn (Hiện nay, đa số các tỉnh/thành phố đã hoàn thiện dự thảo báo cáo Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050), các kịch bản phát triển kinh tế - xã hội và phát triển hệ thống đô thị của từng địa phương; tiềm năng và cơ hội phát triển của hệ thống đô thị. Từ đó đề xuất dự báo nâng loại đô thị.</p> <p>Thống nhất bổ sung làm rõ tại (BC Tổng hợp - PHẦN THỨ HAI, Chương IV, Mục IV, 2.2. Phân loại đô thị)</p>
I.43	Về đề xuất các kịch bản phát triển (mục 4.3.3 – tr.256): Bổ các luận sung cứ cho kịch bản 3 (phát triển đô thị theo mạng lưới). Làm rõ nội hàm của mạng lưới đô thị, phân biệt với kịch bản 2 về bản chất kết quả của sự phát triển. Làm rõ cơ sở khoa học trong việc lập sơ đồ phân tích các kịch bản (tr. 260).	<p>Tiếp thu ý kiến và giải trình như sau:</p> <p>Sự khác biệt của Kịch bản 3 là đề xuất Quốc gia sẽ đẩy mạnh phương thức liên kết phát triển và chia sẻ lợi ích, trách nhiệm của các địa phương, vùng lãnh thổ tạo ra những hình thái phát triển vùng đô thị (gồm nhiều đô thị tương hỗ và chia sẻ chức năng cho nhau và có không gian liên kết chặt chẽ bởi</p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
		<p>cấu trúc hạ tầng kỹ thuật, môi trường vùng lãnh thổ, không bị cản trở do quản lý theo ranh giới hành chính giữa tỉnh này với tỉnh khác, giữa TP trực thuộc trung ương với các tỉnh).</p> <p>Về bổ sung các luận cứ cho kịch bản 3, được làm rõ tại (BC Tổng hợp - PHẦN THỨ HAI, Chương II, Mục II, 1. Các kịch bản phát triển hệ thống đô thị và nông thôn.</p>
I.44	<p>Về định hướng phát triển cho Thủ đô Hà Nội (mục 6.2.3 – tr.285): Dự thảo Quy hoạch xây dựng mục tiêu phát triển đến năm 2030 và năm 2045 xác định theo Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 đã được phê duyệt tại Quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ. Theo đó, Thủ đô Hà Nội là thành phố “Xanh – Văn hiến - Văn minh – Hiện đại”, tuy nhiên tại Nghị quyết số 15-NQ/TW ngày 05/5/2022 của Bộ Chính trị định hướng Phát triển Thủ đô Hà Nội "Văn hiến - Văn minh - Hiện đại". Do đó, đề nghị đơn vị tư vấn lập quy hoạch nghiên cứu cập nhật. Yếu tố “Xanh” cần phải có luận chứng cụ thể để bổ sung</p>	<p>Nghị quyết số 15-NQ/TW ngày 05/5/2022 của Bộ Chính trị định hướng Phát triển Thủ đô Hà Nội "Văn hiến - Văn minh - Hiện đại" khác với Quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ về Thủ đô Hà Nội là thành phố “Xanh – Văn hiến - Văn minh – Hiện đại”,</p> <p>Giải trình về yếu tố “Xanh”:</p> <p>Xanh là biểu tượng của khung thiên nhiên, cội nguồn hình thành cấu trúc và hình thái không gian phát triển Thủ đô, được ví như là “nơi lắng hồn núi sông ngàn năm”. Vua Lý Công Uẩn đã tựa vào khung thiên nhiên để lựa chọn vùng đất Thăng Long định đô. Do đó gìn giữ, bảo vệ được khung thiên nhiên thì mới gìn giữ và phát huy các giá trị nghìn năm văn hiến của Hà Nội; bởi khung thiên nhiên là “nơi kết nối những mạch nguồn lịch sử và tinh hoa của dân tộc Việt Nam”</p> <p>Yếu tố “Xanh” của khung thiên nhiên trong cấu trúc và hình thái không gian phát triển Thủ đô càng được phát huy, thì yếu tố Văn Minh – Hiện Đại càng được khẳng định; phù hợp</p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
		<p>với xu thế quốc tế về phát triển đô thị tiết kiệm năng lượng và thích ứng với BĐKH.</p> <p>Trong quá trình phát triển, dưới tác động của nền kinh tế thị trường và đô thị hoá nhanh chóng đã làm cho cấu trúc khung thiên nhiên của Hà Nội đứng trước nguy cơ bị xâm phạm lớn. Quy hoạch thời kỳ 2021-2030 đề nghị yếu tố “Xanh” đóng vai trò quan trọng trong phát triển đô thị Hà Nội.</p> <p>Thống nhất bổ sung làm rõ tại (BC Tổng hợp - PHẦN THỨ HAI, Chương IV, Mục IV, 2.1.2. Thành phố trực thuộc Trung ương)</p>
I.45	<p>Bổ sung các nội dung còn thiếu. Theo quan điểm của Viện QHXD, đối với nội dung lấy ý kiến lần 1 có thể tập trung vào một số vấn đề phân tích, đánh giá, rà soát các quy hoạch liên quan, thực trạng phát triển đô thị, nguyên nhân và hạn chế, các dự báo phát triển, xây dựng quan điểm, mục tiêu, nhưng nội dung đầy đủ, mạch lạc, tránh chỉ có đầu mục mà không có nội dung nghiên cứu, thiếu các số liệu, bảng biểu, sơ đồ, biểu đồ phân tích.</p>	<p>Đồ án đã tiếp thu ý kiến và bổ sung đầy đủ các nội dung trong báo cáo của kỳ tiếp theo.</p>
<p><i>(Trả lời công văn số 1849/UBND-ĐT ngày 19/6/2023 góp ý lần 2 của UBND thành phố Hà Nội)</i></p>		
I.46	<p>Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội nhận được Văn bản số 1620/BXD-PTĐT ngày 25/4/2023 của Bộ Xây dựng về việc góp ý nội dung hồ sơ Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn</p>	<p>Thống nhất ý kiến</p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
	<p>thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Về việc này, UBND Thành phố có ý kiến như sau:</p> <p>Cơ bản thống nhất với nội dung hồ sơ Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo đề nghị của Bộ Xây dựng tại Văn bản số 1620/BXD-PTĐT ngày 25/4/2023 nêu trên.</p>	
I.47	<p>Một số nội dung góp ý nghiên cứu bổ sung. Về thời kỳ, thời hạn và tầm nhìn quy hoạch:</p> <p>Đề nghị nghiên cứu bổ sung trong Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 có bao gồm giải pháp, định hướng để thống nhất đồng bộ với thời hạn, tầm nhìn của các quy hoạch được lập theo quy định của Luật Quy hoạch đô thị 2009, Luật Xây dựng 2014 và pháp luật về quy hoạch có liên quan (đồng bộ trong quá trình xây dựng Luật điều chỉnh về Quy hoạch đô thị và nông thôn); đồng thời có những nội dung, điều khoản thống nhất, đồng bộ giữa Quy hoạch Thủ đô Hà Nội thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Điều chỉnh quy hoạch chung Thủ đô đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065 và kiến nghị giải pháp đồng bộ đối với các quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch chuyên ngành, ngành, lĩnh vực, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh đang được nghiên cứu lập để đảm bảo phù hợp thực tiễn và khả thi khi triển khai quy hoạch, hạn chế phải điều chỉnh quy hoạch.</p>	<p>Giải trình: Nhất trí với góp ý của quý cơ quan. Nội dung này sẽ được các cơ quan của Bộ Xây dựng tiếp thu và cụ thể hoá trong các Luật chuyên ngành do BXD phụ trách.</p> <p>Về nguyên tắc thời kỳ, thời hạn và tầm nhìn quy hoạch được quy định trong Hệ thống luật, cụ thể đối với đồ án Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn Luật Quy hoạch quy định thời kỳ quy hoạch là 10 năm và tầm nhìn đến 30 năm. Do vậy, tên của đồ án được xác định tại QĐ 294 của Thủ tướng chính phủ là: Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.</p> <p>Đối với Luật quy hoạch đô thị 2009, Luật xây dựng 2014 quy định về thời hạn quy hoạch đô thị là khoảng thời gian được xác định để làm cơ sở dự báo, tính toán các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật cho việc lập đồ án quy hoạch đô thị và cụ thể đối với từng cấp loại đô thị, trong đó đối với quy hoạch chung thành phố trực thuộc trung ương Thời hạn quy hoạch từ 20 đến 25 năm, tầm nhìn đến 50 năm.</p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
		<p>Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Quy hoạch Thủ đô Hà Nội thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 do Luật quy hoạch quy định thời hạn quy hoạch.</p> <p>Đối với đồ án Điều chỉnh quy hoạch chung Thủ đô đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065 thì do Luật quy hoạch đô thị quy định. Như vậy là có 2 hệ thống quy định về thời kỳ quy hoạch giữa Luật quy hoạch và Luật quy hoạch đô thị, hoàn toàn không mâu thuẫn, chòng chéo.</p>
I.48	<p>Một số nội dung liên quan đến quy hoạch vùng. Triển khai <u>Luật Quy hoạch 2017</u>, Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Quốc hội thông qua tại Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09/01/2023; trong đó đã định hướng phát triển không gian kinh tế - xã hội và liên kết vùng, phân vùng quốc gia làm 06 kinh tế - xã hội. Trong đó, Thủ đô Hà Nội thuộc Vùng 2 (Vùng đồng bằng sông Hồng; gồm 11 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương: Hà Nội, Hải Phòng, Hải Dương, Hưng Yên, Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, Thái Bình, Nam Định, Hà Nam, Ninh Bình và Quảng Ninh).</p> <p>Triển khai thực hiện <u>Luật Xây dựng 2014</u>, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch xây dựng Vùng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 768/QĐ-TTg ngày 05/6/2016 (gồm toàn bộ ranh giới của Thủ đô Hà Nội và 09 tỉnh xung quanh là Vĩnh Phúc, Bắc</p>	<p>Tiếp thu ý kiến và giải trình như sau:</p> <p>Với vai trò, vị thế đặc biệt quan trọng, là Thủ đô Hà nội, trung tâm chính trị kinh tế văn hoá và nhiều mặt của cả nước, Thủ đô luôn luôn có vị trí, vai trò đầu tàu, quan trọng trong định hướng phát triển quốc gia, vùng lãnh thổ qua các thời kỳ. Trong giai đoạn hiện nay Thủ đô Hà Nội được xác định vai trò và vị thế cụ thể tại Nghị quyết số 81/NQ-QH về việc phê duyệt QHTTQG, Nghị quyết số 30-NQ/TU về phát triển KT_XH và đảm bảo an ninh, quốc phòng Vùng đồng bằng sông Hồng đến năm 2030, tầm nhìn 2045, Nghị quyết số 15-NQ/TW của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.</p> <p>Căn cứ Luật xây dựng thời hạn quy hoạch đối với quy hoạch xây dựng vùng từ 20 năm đến 25 năm, tầm nhìn 50 năm;</p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
	<p>Ninh, Hải Dương, Hưng Yên, Hà Nam, Hòa Bình, Phú Thọ, Thái Nguyên và Bắc Giang); trong đó, mục tiêu làm cơ sở cho lập và Điều chỉnh các quy hoạch xây dựng vùng tỉnh, các vùng và khu chức năng đặc thù, quy hoạch chung các đô thị, quy hoạch xây dựng nông thôn mới và các quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật; Đồng thời cũng xác định các Chỉ tiêu cụ thể về dân số - lao động, đô thị hóa, đất xây dựng đô thị và nông thôn. Đây là cơ sở pháp lý hiện hữu để các tỉnh và thành phố Hà Nội thực hiện điều chỉnh quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng.</p>	<p>Đối với định hướng phát triển không gian Vùng đô thị, có Quyết định số 768/QĐ-TTg ngày 05/6/2016 về việc phê duyệt phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch xây dựng Vùng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050.</p> <p>Để cụ thể hoá đề án điều chỉnh Quy hoạch xây dựng Vùng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 cần thiết lập các quy hoạch cấp dưới theo Luật xây dựng để có sở pháp lý quản lý thực hiện quy hoạch theo quy định.</p> <p>Tuy nhiên do Luật Quy hoạch ban hành (2017) có tác động và làm thay đổi quy định về tính tầng bậc của hệ thống quy hoạch trong đó có quy hoạch xây dựng. Do đó thống nhất quan điểm với quý cơ quan đã góp ý, cần thiết bổ sung rà soát điều chỉnh quy hoạch cụ thể hoá QH 758 cho phù hợp với quy định mới nhưng không bị gián đoạn quá trình triển khai thực hiện quy hoạch.</p>
I.49	<p>Đồng thời, triển khai thực hiện <u>Luật Thủ đô 2012</u>, Chính phủ ban hành Nghị định số 91/2021/NĐ-CP ngày 21/10/2021 quy định về cơ chế phối hợp giữa các tỉnh, thành phố trong Vùng Thủ đô; Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 986/QĐ-TTg ngày 16/8/2022 thành lập ban hành quy chế hoạt động Hội đồng điều phối Vùng Thủ đô.</p> <p>Do đó, đề nghị nghiên cứu bổ sung đầy đủ các nội dung nêu trên trong Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đảm bảo tính pháp lý đồng</p>	<p>Tiếp thu, chỉnh sửa bổ sung nội dung đánh giá thực trạng về cơ chế liên kết vùng Thủ đô như ý kiến góp ý đã nêu.</p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
	bộ, thống nhất.	
I.49	<p>Một số nội dung liên quan đến quy hoạch Thủ đô Hà Nội:</p> <p>Thực hiện Nghị quyết số 15-NQ/TW ngày 05/5/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; triển khai Luật Quy hoạch đô thị 2009, Luật Quy hoạch 2017 và chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, UBND Thành phố đã tổ chức lập Nhiệm vụ điều chỉnh Quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065 và Nhiệm vụ lập Quy hoạch Thủ đô Hà Nội thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại các Quyết định số 700/QĐ-TTg ngày 16/6/2023 và Quyết định số 313/QĐ-TTg ngày 07/3/2022; trong đó đã thể hiện đầy đủ các căn cứ chính trị, căn cứ pháp lý và những nội dung liên quan về hệ thống quy hoạch đô thị và nông thôn của Thủ đô; Do đó, đề nghị nghiên cứu cập nhật, đảm bảo tính thống nhất đồng bộ.</p>	<p>Tiếp thu ý kiến và giải trình như sau:</p> <p>Căn cứ theo Luật quy hoạch, hệ thống quy hoạch quốc gia bao gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Quy hoạch cấp quốc gia, bao gồm quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia, quy hoạch ngành quốc gia. 2. Quy hoạch vùng. 3. Quy hoạch tỉnh. 4. Quy hoạch đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt. 5. Quy hoạch đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt do Quốc hội quy định. 6. Quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn. <p>Trong đó, quy hoạch hệ thống đô thị nông thôn là quy hoạch ngành quốc gia thuộc loại 1. Quy hoạch cấp quốc gia.</p> <p>Loại 5. Quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn thực hiện theo Luật quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng.</p> <p>Ngoài ra Thủ đô Hà nội còn bị chi phối bởi Luật Thủ đô.</p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
		<p><i>Do vậy tính pháp lý về hệ thống quy hoạch của Thủ đô là sự điều phối của hệ thống Luật; Luật quy hoạch; Luật quy hoạch đô thị; Luật xây dựng và Luật Thủ đô.</i></p> <p>Các nội dung đề xuất của QH đều tuân thủ đầy đủ các Căn cứ pháp lý như NQ81/NQ-QH về phê duyệt QHTTQG và QD 294/QĐ-TTg NVQH lập Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, và chủ trương, cơ sở chính trị quan trọng như Nghị quyết số 06-NQ/TU về Quy hoạch xây dựng phát triển đô thị Việt nam bền vững đến 2030, tầm nhìn 2045, đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ các căn cứ pháp lý.</p>
I.50	<p>Về phân loại đô thị: Thủ đô Hà Nội là đô thị đặc biệt; theo nghiên cứu triển khai lập quy hoạch nêu trên, nội hàm trong quy hoạch Thủ đô có nhiều cấp, loại đô thị (loại 1, loại 2, loại 3...) là đô thị khu vực nội đô lịch sử, đô thị trung tâm, các đô thị vệ tinh, thành phố thuộc Thủ đô, các đô thị sinh thái, các thị trấn, các huyện dự kiến phát triển thành quận và khu vực nông thôn; Do đó, đề nghị nghiên cứu, cụ thể hóa những nội dung này về <u>phân loại đô thị</u> trong Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.</p> <p>Về quy hoạch nông thôn: Đề nghị nghiên cứu bổ sung làm rõ hơn về tiêu chí phân loại nông thôn, giải pháp quy hoạch khu vực nông thôn, điểm dân cư nông thôn, dịch vụ nông thôn; giải pháp ứng xử đối với khu vực dân cư nông thôn thuộc bãi</p>	<p>Tiếp thu ý kiến và giải trình như sau:</p> <p>Phân loại đô thị của đô thị đặc biệt như Thủ đô Hà Nội sẽ theo quy hoạch thủ đô (Luật quy hoạch) và quy hoạch chung đô thị (Luật quy hoạch đô thị).</p> <p>Quy hoạch đô thị, nông thôn quốc gia đề cập đến định hướng phát triển vùng nông thôn ngoại vi các thành phố lớn và vùng nông thôn chuyển đổi sang đô thị. Đây là nguyên tắc chung, cơ sở để Quy hoạch Thủ đô và Quy hoạch chung Thủ đô nghiên cứu về quy hoạch nông thôn các huyện ngoại thành của Thủ đô Hà Nội</p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
	<p>sông, hành lang thoát lũ, khu vực bãi sông có điều kiện phát triển sinh thái, du lịch, dịch vụ ...; giải pháp về quản lý phát triển dân cư nông thôn, sự gia tăng nhu cầu xây dựng nhà ở nông thôn; giải pháp về quản lý lao động, chuyển đổi việc làm; giải pháp về quản lý, bảo vệ môi trường, biến đổi khí hậu; nghiên cứu xác định về bộ máy quản lý, phát triển khu vực nông thôn; mối liên hệ giữa chính quyền đô thị và nông thôn; xác định các chỉ tiêu về cấu trúc, liên kết giữa đô thị - nông thôn;</p>	
I.51	<p><u>Về kiểm soát dân số:</u> Đây là một nội dung rất quan trọng đối với Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn. Đối với Thủ đô Hà Nội, thực tiễn quy mô gia tăng dân số luôn vượt quá dự báo, vượt quá năng lực đầu tư xây dựng phát triển hạ tầng đô thị và nông thôn; do vậy, thực tế luôn đòi hỏi phải có một biện pháp quản lý hiệu quả về chính sách dân số, nhất là dân số nhập cư. Do vậy, kiến nghị trong nghiên cứu Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 cần xây dựng được <u>quy định cụ thể, có giải pháp đề xuất hiệu quả đối với các quy định pháp luật về cư trú</u> để khả thi trong kiểm soát dân số đô thị và nông thôn, tránh mất kiểm soát trong quá trình triển khai thực hiện quy hoạch.</p>	<p>Tiếp thu ý kiến và giải trình như sau:</p> <p>Đề án Quy hoạch Hệ thống Đô thị Nông thôn và quy hoạch xây dựng nói chung nghiên cứu dự báo xu hướng phát triển, đề xuất các giải pháp để đáp ứng nhu cầu phát triển cũng như góp phần định hướng phát triển phù hợp với các mục tiêu đã xác định cho công tác quy hoạch.</p> <p>Việc quy định pháp luật về cư trú để kiểm soát quy mô dân số đô thị và nông thôn không thuộc nội dung nghiên cứu của đề án và Đề án kiến nghị các đề xuất thuộc lĩnh vực này, nếu có, thì cần đảm bảo phù hợp với Hiến pháp và các quy định pháp luật hiện hành.</p> <p>Tại thành phố Hà nội có nhiều khu đô thị đã xây dựng xong hạ tầng nhưng tỷ lệ đưa vào khai thác sử dụng, đáp ứng nhu cầu phát triển chưa cao, đề nghị Thành phố rà soát tìm nguyên nhân và có những điều chỉnh phù hợp để phát huy</p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH																																												
		được giá trị quỹ đất đã có hạ tầng. Trong đó, đề nghị lưu ý đến sự đa dạng và phù hợp của các sản phẩm nhà ở đối với nhu cầu thực tế.																																												
II. THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG <i>(Trả lời công văn số 133/SXD-QHKT ngày 16/01/2023 của UBND thành phố Hải Phòng)</i>																																														
II.1	Về khái quát lịch sử phát triển đô thị, liên quan đến lịch sử phát triển thành phố Hải Phòng (tại các trang từ 36 - 43), dự thảo có thể nghiên cứu, tham khảo thêm bộ lịch sử Hải Phòng được thành phố đăng tải tại trang web " https://thanhphohaiphong.gov.vn/lich-su-hai-phong-tron-bo-4-tap.html ".	<p>Tiếp thu ý kiến và giải trình như sau:</p> <p>Khái quát lịch sử phát triển đô thị được đề cập trong báo cáo là lịch sử phát triển hệ thống đô thị toàn quốc.</p> <p>Lịch sử phát triển thành phố Hải Phòng được đề cập trong đồ án Quy hoạch thành phố Hải Phòng.</p>																																												
II.2	<p>Về một số chỉ tiêu phân loại đô thị thành phố Hải Phòng: Tại dự thảo có nêu một số thông tin, như: Mật độ dân số nội thị : tỷ lệ đô thị hóa 34,4% (Trang 56-57); Mật độ dân số nội thị: Thành phố Hồ Chí Minh và thành phố Hà Nội đạt chỉ tiêu cho đô thị loại đặc biệt. Thành phố Hải Phòng, Đà Nẵng, Cần Thơ không đạt tiêu chí (trang 58);</p> <p>Liên quan đến nội dung nêu về một số chỉ tiêu phân loại đô thị trên địa bàn thành phố nêu trên, thành phố Hải Phòng báo cáo, chỉnh lý như sau: theo kết quả rà soát, phân loại đô thị trên địa bàn thành phố Hải Phòng năm 2021 và theo công thức tính tỷ lệ đô thị hóa tại Thông tư số 06/2018/TT-BXD ngày 08/8/2018 của Bộ Xây dựng, quy định: tỷ lệ đô thị hóa là số</p>	<p>Thống nhất bổ sung làm rõ tại (BC Tổng hợp - PHẦN THỨ HAI, Chương I, Mục IV, 2.1.2. Thực trạng phân loại đô thị)</p> <p>Bảng dưới đây phân tích hiện trạng một số chỉ tiêu 3 đô thị loại I trực thuộc TW (Hải Phòng, Đà Nẵng, Cần Thơ) so với cả nước lấy theo nguồn số liệu Tổng cục thống kê.</p> <table border="1" data-bbox="1245 1098 2063 1347"> <thead> <tr> <th rowspan="2">STT</th> <th rowspan="2">Đô thị</th> <th rowspan="2">Tỉnh/thành</th> <th rowspan="2">Dân số 2020 (người)</th> <th colspan="2">Dân số nội thị/nội thị (2020)</th> <th rowspan="2">Dân số Nông thôn (2020)</th> </tr> <tr> <th>Tổng</th> <th>Tỷ lệ (%)</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td colspan="4" style="text-align: center;"><i>Toàn quốc</i></td> <td style="text-align: right;">35.932.660</td> <td style="text-align: center;">100</td> <td></td> </tr> <tr> <td colspan="3">Đô thị loại I TW</td> <td style="text-align: right;">4.463.632</td> <td style="text-align: right;">2.821.826</td> <td style="text-align: center;">8</td> <td style="text-align: right;">1.641.806</td> </tr> <tr> <td>1</td> <td>Thành phố Hải Phòng</td> <td>Hải Phòng</td> <td style="text-align: right;">2.053.492</td> <td style="text-align: right;">932.547</td> <td></td> <td style="text-align: right;">1.120.945</td> </tr> <tr> <td>2</td> <td>Thành phố Đà Nẵng</td> <td>Đà Nẵng</td> <td style="text-align: right;">1.169.440</td> <td style="text-align: right;">1.020.440</td> <td></td> <td style="text-align: right;">149.000</td> </tr> <tr> <td>3</td> <td>Thành phố Cần Thơ</td> <td>Cần Thơ</td> <td style="text-align: right;">1.240.700</td> <td style="text-align: right;">868.839</td> <td></td> <td style="text-align: right;">371.861</td> </tr> </tbody> </table>	STT	Đô thị	Tỉnh/thành	Dân số 2020 (người)	Dân số nội thị/nội thị (2020)		Dân số Nông thôn (2020)	Tổng	Tỷ lệ (%)	<i>Toàn quốc</i>				35.932.660	100		Đô thị loại I TW			4.463.632	2.821.826	8	1.641.806	1	Thành phố Hải Phòng	Hải Phòng	2.053.492	932.547		1.120.945	2	Thành phố Đà Nẵng	Đà Nẵng	1.169.440	1.020.440		149.000	3	Thành phố Cần Thơ	Cần Thơ	1.240.700	868.839		371.861
STT	Đô thị	Tỉnh/thành					Dân số 2020 (người)	Dân số nội thị/nội thị (2020)		Dân số Nông thôn (2020)																																				
			Tổng	Tỷ lệ (%)																																										
<i>Toàn quốc</i>				35.932.660	100																																									
Đô thị loại I TW			4.463.632	2.821.826	8	1.641.806																																								
1	Thành phố Hải Phòng	Hải Phòng	2.053.492	932.547		1.120.945																																								
2	Thành phố Đà Nẵng	Đà Nẵng	1.169.440	1.020.440		149.000																																								
3	Thành phố Cần Thơ	Cần Thơ	1.240.700	868.839		371.861																																								

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
	<p>phần trăm dân sống trong khu vực nội thành, nội thị và thị trấn (thuộc địa giới hành chính phường, thị trấn) so với tổng dân số của một phạm vi vùng lãnh thổ (toàn quốc, các tỉnh/ thành phố trực thuộc Trung ương, các đô thị), thị tỷ lệ đô thị hóa trên địa bàn thành phố Hải Phòng đến năm 2021 là 45, 51% (trong đó, dân số trung bình khu vực các quận, thị trấn trên địa bàn thành phố theo thống kê là 943.200 người/tổng dân số toàn thành phố Hải Phòng là 2.072.400 người).</p> <p>Ngoài ra, theo kết quả rà soát phân loại đô thị thành phố Hải Phòng năm 2021 theo Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13, thành phố Hải Phòng hiện đạt đủ 05/05 tiêu chí của đô thị loại 1 (Thành phố Hải Phòng đã có văn bản số 3014/UBND-QH ngày 09/5/2022 báo cáo Bộ Xây dựng về sơ bộ các tiêu chí, tiêu chuẩn phân loại đô thị trên địa bàn thành phố Hải Phòng năm 2021), còn 03/57 tiêu chuẩn đang tập trung hoàn thiện là:</p> <ul style="list-style-type: none"> - “Tỷ lệ tăng dân số hàng năm (bao gồm tăng tự nhiên và tăng cơ học)”, mới đạt 1,19 % (yêu cầu tiêu chuẩn từ 1,6-2,0 %); - "Mật độ đường giao thông đô thị (trên 7,5m) tính trên diện tích đất xây dựng đô thị tại khu vực 07 quận nội thành, nội thị thành phố Hải Phòng”, mới đạt 8,82 km/km2 (yêu cầu từ 10-13 km/km); - “Tỷ lệ cây xanh sử dụng công cộng khu vực 07 quận nội thành, nội thị thành phố Hải Phòng, mới đạt 3,41 	<p>Về kết quả rà soát phân loại đô thị thành phố Hải Phòng năm 2021 theo Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 đề cập trong Chương trình phát triển thành phố Hải Phòng, không đề cập trong báo cáo quy hoạch quốc gia.</p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
	<p>mỏ người (yêu cầu từ 5-6 mỏ người)</p> <p>Thành phố Hải Phòng đang đẩy mạnh triển khai hoàn thiện các tiêu chuẩn nêu trên và đang lập Chương trình phát triển đô thị thành phố Hải Phòng, phê duyệt sau khi đồ án điều chỉnh quy hoạch chung kỳ này được cấp thẩm quyền phê duyệt thực hiện rà soát, phân loại lại theo yêu cầu Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 điều chỉnh, bổ sung Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13.</p>	
II.3	<p>Về phát triển kinh tế chưa tương xứng với vị trí, tiềm năng, lợi thế (Trang 287): Về nội dung này, thành phố Hải Phòng cung cấp thêm thông tin như sau, theo thống kê, báo cáo năm 2022, kinh tế thành phố Hải Phòng tiếp tục duy trì đà tăng trưởng với tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) tăng 12,32% so với cùng kỳ, gấp khoảng 1,5 lần bình quân chung cả nước, thuộc nhóm các địa phương dẫn đầu cả nước về tăng trưởng kinh tế. Trong bối cảnh khó khăn, thách thức nhiều hơn, với quy mô kinh tế của thành phố đứng thứ 6 cả nước, thành phố luôn duy trì được tốc độ tăng trưởng kinh tế ở mức hai con số trong 7 năm liên tục (từ năm 2015 đến nay) là sự nỗ lực, phấn đấu của toàn Đảng bộ, chính quyền, quân và dân thành phố.</p>	<p>Các chỉ số phát triển kinh tế Hải Phòng trong những năm qua duy trì đà tăng trưởng cao so với các tỉnh thành trong cả nước.</p> <p>Nhận định “phát triển kinh tế Hải Phòng chưa tương xứng với vị trí, tiềm năng, lợi thế” được khẳng định trong nhiều báo cáo của thành phố trong kỳ họp hàng năm.</p> <p>Hải Phòng là thành phố trực thuộc Trung Ương, có lợi thế về vị trí, có tiềm năng tài nguyên, thiên nhiên, con người, hạ tầng... nên Hải Phòng còn có nhiều cơ hội phát triển hơn nữa nếu có các cơ chế hỗ trợ, khuyến khích.</p>
II.4	<p>Về mục tiêu phát triển thành phố Hải Phòng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2040 (Trang 288), nhóm nghiên cứu, soạn thảo cần cập nhật các định hướng về xây dựng và phát triển thành phố Hải Phòng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045</p>	<p>Tiếp thu, chỉnh sửa mục tiêu phát triển thành phố Hải Phòng theo Nghị quyết số 45-NQ/TW ngày 24/01/2019.</p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
	<p>đã được Bộ Chính trị ban hành tại Nghị quyết số 45-NQ/TW ngày 24/01/2019.</p>	<p>(BC Tổng hợp - PHẦN THỨ HAI, Chương IV, Mục IV, 2.1.2. Thành phố trực thuộc Trung ương)</p>
<p>II.5</p>	<p>Bổ sung một số thông tin về hiện trạng và định hướng quy hoạch, phát triển hệ thống đô thị tại thành phố Hải Phòng, như sau: Về hiện trạng hệ thống đô thị trên địa bàn thành phố Hải Phòng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành phố Hải Phòng được Thủ tướng Chính phủ công nhận là đô thị loại I tại Quyết định số 92/2003/QĐ-TTg ngày 9/5/2003; trong đó, bao gồm cả khu vực nội thành, ngoại thành của thành phố Hải Phòng theo quy định tại khoản 1, Điều 3, Luật quy hoạch đô thị 2009; - Hiện trạng hệ thống đô thị trên địa bàn thành phố Hải Phòng, như sau: - Khu vực đô thị trung tâm (nội thành, nội thị) hiện gồm: 07 quận là: Hồng Bàng, Lê Chân, Ngô Quyền, Hải An, Kiến An, Dương Kinh, Đồ Sơn. - Các Thị trấn (hiện gồm 10 thị trấn): thị trấn Núi Đèo (Thủy Nguyên); Minh Đức (Thủy Nguyên); An Lão (An Lão); Tiên Lãng (Tiên Lãng); Núi Đồi (Kiến Thụy); Cát Bà (Cát Bà); Cát Hải (Cát Bà); Vĩnh Bảo (Vĩnh Bảo); Trường Sơn (An Lão); An Dương (An Dương). Theo quy tại Điều 4, Luật quy hoạch đô thị 2009, quy định “Thị trấn phải là đô thị loại IV hoặc loại 	<p>tại (BC Tổng hợp - PHẦN THỨ HAI, Chương I, Mục IV, 2.1.2. Thực trạng phân loại đô thị) đã thống kê toàn bộ các đô thị từ loại đặc biệt đến loại V, trong đó có đầy đủ các đô thị của thành phố Hải Phòng.</p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
	<p>V”, hiện nay theo quy định tại điều 140, Luật tổ chức Chính quyền địa phương 2015 (sửa đổi, bổ sung Điều 4, Luật Quy hoạch đô thị năm 2009), thành phố Hải Phòng sẽ tập trung phân loại, nâng loại cho các thị trấn đạt các đô thị loại V, IV theo quy định tại Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 (có hiệu lực từ ngày 01/01/2023) và theo Kế hoạch phân loại đô thị quốc gia được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24/02/2021, sau khi đồ án điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Hải Phòng (kỳ này) được cấp thẩm quyền phê duyệt theo quy định.</p>	
II.6	<p>Về định hướng quy hoạch, phát triển đô thị trên địa bàn thành phố Hải Phòng:</p> <p>Về đồ án điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Hải Phòng (kỳ này) đã được Bộ Xây dựng thẩm định, trình Chính phủ phê duyệt, đề nghị nhóm soạn thảo Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn của Bộ Xây dựng nghiên cứu, bổ sung, cập nhật theo quy định;</p> <p>Về đồ án Quy hoạch tỉnh (Quy hoạch thành phố Hải Phòng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050) đang được thành phố triển khai, tổ chức lập - theo Nhiệm vụ được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ tại Quyết định số 294/QĐ-TTg ngày 24/02/2020.</p> <p>Về định hướng quy hoạch, xây dựng phát triển nông thôn</p>	Nhất trí

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
	<p>Thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia về nông thôn mới, giai đoạn 2021-2025, hiện thành phố Hải Phòng đang giao Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn thành phố Hải Phòng nghiên cứu, xây dựng Đề án nông thôn mới thành phố Hải Phòng giai đoạn 2021-2025, chưa được phê duyệt. Trên đây là một số ý kiến tham gia góp ý của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng, kính đề nghị Bộ Xây dựng tổng hợp, hoàn thiện dự thảo theo quy định./.</p>	
<p><i>(Trả lời công văn số 1174/UBND-QH ngày 26/05/2023 của UBND thành phố Hải Phòng)</i></p>		
II.7	<p>Về thể thức văn bản: nhóm soạn thảo nghiên cứu, chỉnh lý về mặt thể thức dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050 cho phù hợp với quy định tại Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ về công tác văn thư, hoàn thiện dự thảo.</p>	Tiếp thu ý kiến góp ý
II.8	<p>Về mối liên hệ vùng với các tỉnh lân cận để phát triển kinh tế - xã hội:</p> <p>Hiện nay, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 23/11/2022 về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng Sông Hồng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 14-NQ/CP ngày 08/2/2023 ban hành chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 23/11/2022, cụ thể: “Tổ</p>	<p>Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 23/11/2022 về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng Sông Hồng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã được quy hoạch này cập nhật trong nhiều Chương, Mục liên quan đến phát triển đô thị - nông thôn vùng ĐBSH.</p> <p>Về ý kiến “Nghiên cứu, xây dựng thí điểm các mô hình, cơ chế, chính sách mới, đặc thù cho vùng, trong đó có các cơ chế, chính sách tạo đột phá để tiếp tục phát triển Thủ đô Hà</p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
	<p>chức không gian phát triển vùng bảo đảm cân bằng, bền vững gắn với việc phát triển các hành lang kinh tế, gồm: Hành lang kinh tế Bắc - Nam; Hành lang kinh tế Côn Minh (Trung Quốc) - Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh; Hành lang kinh tế Nam Ninh (Trung Quốc) - Lạng Sơn - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh; Hành lang kinh tế ven biển Quảng Ninh - Hải Phòng - Thái Bình - Nam Định - Ninh Bình; phát triển các chuỗi đô thị hiện đại và kết cấu hạ tầng kinh tế- xã hội, giao thông đồng bộ, kết nối giữa các cực tăng trưởng trong vùng (Hà Nội - Hải Phòng Quảng Ninh), nội vùng, liên vùng, các đầu mối trung tâm kinh tế trên toàn tuyến, hành lang kinh tế”.</p> <p>“Thúc đẩy phát triển các hành lang công nghiệp Hà Nội - Hải Phòng, Hà Nội - Nội Bài - Hạ Long, Hà Nội - Việt Trì qua thành phố Vĩnh Yên, Hà Nội - Lạng Sơn và vành đai kinh tế ven biển Quảng Ninh - Hải Phòng - Thái Bình - Nam Định - Ninh Bình”.</p> <p>“Nghiên cứu, xây dựng thí điểm các mô hình, cơ chế, chính sách mới, đặc thù cho vùng, trong đó có các cơ chế, chính sách tạo đột phá để tiếp tục phát triển Thủ đô Hà Nội, tam giác động lực tăng trưởng Hà Nội - Hải Phòng Quảng Ninh.”</p> <p>Do vậy, đề nghị nhóm soạn thảo nghiên cứu, cập nhật dự thảo.</p>	<p>Nội, tam giác động lực tăng trưởng Hà Nội - Hải Phòng Quảng Ninh.”. Tiếp thu và bổ sung tại (BC Tổng hợp - PHẦN THỨ HAI, Chương IV, Mục II, Chiến lược 5: Quản trị đô thị - nông thôn (3) Kế hoạch thực hiện)</p>
II.9	<p>Về định hướng quy hoạch, phát triển đô thị thành phố Hải Phòng: Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Hải Phòng đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050 hiện đã được</p>	<p>Tiếp thu ý kiến và giải trình như sau: Tiếp thu chỉnh sửa trên nguyên tắc các căn cứ pháp lý tăng bậc từ trung ương tới địa phương đảm bảo nguyên tắc thống</p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
	<p>Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 323/QĐ-TTg ngày 30/3/2023, trong đó đã cụ thể định hướng quy hoạch, phát triển đô thị trên địa bàn thành phố, ngoài ra theo nhiệm vụ phát triển hệ thống đô thị (theo mô hình TOD) bền vững và kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội hiện đại nêu tại Nghị quyết số 14/NQ-CP ngày 08/02/2023, đề ra nhiệm vụ, giải pháp “Thành phố Hải Phòng phấn đấu trở thành đô thị loại đặc biệt, xanh thông minh, đi đầu cả nước trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa hình thành một số trung tâm đô thị cấp quốc gia, cấp vùng với các chỉ tiêu y tế, giáo dục, đào tạo đạt mức bình quân của đô thị thuộc 4 nước dẫn đầu ASEAN”, do vậy đề nghị nhóm soạn thảo cần nghiên cứu, cập nhật theo đề án điều chỉnh quy hoạch được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và định hướng phát triển hệ thống đô thị vùng Đồng bằng sông Hồng nêu trên và các quy định có liên quan, nghiên cứu, đề ra các giải pháp cụ thể và hoàn thiện dự thảo theo quy định.</p>	<p>nhất, nhất quán. Cụ thể đối với các căn cứ chính trị từ cấp quốc gia, tới vùng lãnh thổ và địa phương bao gồm: Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09/01/2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 23/11/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng Sông Hồng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Nghị quyết số 14/NQ-CP ngày 8/02/2023 của Chính phủ ban hành chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 23/11/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng Sông Hồng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Căn cứ theo QĐ số 294/QĐ-CP về Nhiệm vụ quy hoạch được phê duyệt về nội dung quy hoạch tại điểm e, mục 3, điều 1 là xác định phương án phát triển hệ thống đô thị và nông thôn trên phạm vi cả nước và các vùng lãnh thổ. Do đó các nội dung liên quan đối với đề án sẽ được cập nhật, bổ xung phù hợp theo quy định.</p>
II.10	<p>Về dự báo dân số: Tại Phụ biểu quy hoạch dân số đô thị của các tỉnh thành phố đến năm 2030 và Phụ lục II: NỘI DUNG KỊCH BẢN & DỰ</p>	<p>Tiếp thu ý kiến và giải trình như sau: Tổng quy mô dân số được hiểu bao gồm 3 thành phần dân số như sau:</p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
	<p>BÁO QUY MÔ ĐÔ THỊ, thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050 (trang 14), dự báo dân số thành phố Hải Phòng thấp hơn đến năm 2030 là 2,184 triệu người và 1.638 triệu dân số thành thị, hiện dự báo dân số thành phố Hải Phòng theo Quyết định số 323/QĐ-TTg ngày 30/3/2023 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Hải Phòng đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050, cụ thể đề án đã dự báo quy mô dân số đến năm 2030 khoảng (2.8-3,0) triệu người, dân số đô thị khoảng (2,0-2,2) triệu người, tỷ lệ đô thị hoá 74-76%, do vậy, dự thảo cần nghiên cứu, cập nhật cho đồng bộ với dự báo quy mô dân số đề án quy hoạch đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - “Dân số chính thức” là dân số thường trú hoặc tạm trú trên 6 tháng, trên địa bàn tỉnh/thành phố, được thống kê định kỳ và được công bố hàng năm tại Niên giám thống kê các tỉnh, thành. Dân số chính thức trong đề án được dự báo tương đương với dự báo phân bố dân số cho 63 tỉnh/thành của Quy hoạch Tổng thể Quốc gia. Dân số chính thức là căn cứ để tính toán tỷ lệ đô thị hóa theo hướng dẫn tại Thông tư 06/2018/TT-BXD ngày 08/08/2018 của Bộ Xây dựng về việc Ban hành hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành xây dựng. - “Dân số không chính thức” là dân số có sở hữu hoặc chia sẻ thời gian sử dụng nhà ở trong các khu dân cư, nhưng không/chưa được đưa vào thống kê dân số chính thức tại vị trí đó – đã được thống kê dân số chính thức ở địa bàn khác. - “Dân số quy đổi” là thành phần dân số được quy đổi từ khách du lịch, khách vắng lai, lao động con lắt theo công thức được quy định tại Nghị quyết 1210/2016/UBTVQH13 và Nghị quyết 26/2022/UBTVQH15. <p>Đối với dự báo dân số của Hải Phòng theo đề án: đến năm 2030 là 2,184 triệu người, trong đó 1,638 triệu dân số thành thị. Đây là dân số chính thức của toàn thành phố và dân số chính thức của khu vực thành thị. Theo đó, tỷ lệ đô thị hóa của TP. Hải Phòng đến năm 2030 là 75% - phù hợp với đề</p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
		<p>án Điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Hải Phòng đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050.</p> <p>Đối với dự báo dân số của đề án Điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Hải Phòng đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050, quy mô dân số đến năm 2030 khoảng (2.8-3,0) triệu người, dân số đô thị khoảng (2,0-2,2) triệu người. Đây là tổng quy mô dân số của toàn thành phố và tổng quy mô dân số của khu vực thành thị, bao gồm: dân số chính thức, dân số không chính thức và dân số quy đổi.</p> <p>Như vậy, dự báo quy mô dân số của 2 đề án không mâu thuẫn nhau và vẫn đảm bảo tính linh hoạt của đề án Điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Hải Phòng đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050 đã được phê duyệt.</p>
II.11	<p>Về danh mục các khu xử lý chất thải tập trung cấp quốc gia, cấp vùng: (trang 521- trang 523 dự thảo): “Khu xử lý chất thải An Sơn - Lại Xuân, huyện Thủy Nguyên (80ha) và Khu xử lý chất thải Nam Cầu Kiền (05ha) là khu xử lý chất thải cấp vùng”. Về nội dung này, hiện Quy hoạch thành phố Hải Phòng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đang dự kiến: “Khu xử lý chất thải rắn phía Bắc huyện Thủy Nguyên (80ha) là khu xử lý chất thải rắn cấp tỉnh liên huyện; Khu xử lý chất thải Nam Cầu Kiền là khu xử lý chất thải rắn công nghiệp và nguy hại”. Do vậy, đề nghị đơn vị soạn thảo, xem xét, rà soát, thống nhất nội dung.</p>	<p>Tiếp thu ý kiến và giải trình như sau:</p> <p>Danh mục các khu xử lý chất thải tập trung cấp quốc gia, cấp vùng cập nhật cơ sở dữ liệu tại dự thảo Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đang trình TTCP phê duyệt.</p> <p>Đề nghị quý cơ quan gửi văn bản đến Bộ TNMT giải quyết vấn đề này.</p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
II.12	<p>Về Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông: Đề nghị đơn vị soạn thảo, xem xét bổ sung về định hướng phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông (Bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin...) trong dự thảo quy hoạch theo quy định tại Điều 57 Luật Viễn thông; Điều 7, Nghị định số 72/262/NĐ ngày 24/9/2012 và nghiên cứu bổ xung định hướng phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động (nhà, trạm viễn thông, cột ăng ten, cột treo cáp, công trình hạ tầng kỹ thuật ngầm như: cống, bể, hào và tụy nen kỹ thuật, v.v); Nghiên cứu bổ sung định hướng phát triển công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung (Cột ăng ten; cột treo cáp (dây dẫn); cống cáp; hào và tụy nen kỹ thuật...).</p>	<p>Giải trình như sau:</p> <p>Các nội dung theo góp ý của quý cơ quan được đề cập trong Quy hoạch phát triển hạ tầng viễn thông thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050,</p> <p>Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050 chỉ tích hợp các nội dung có liên quan đến đô thị - nông thôn (theo đề nghị của Bộ Thông tin truyền thông). Nội dung về công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung được nêu tại phần các hạ tầng kỹ thuật khác.</p>
II.13	<p>Mục h (trang 286), về Báo cáo Quy hoạch đề cập về lĩnh vực du lịch, tuy nhiên tiêu đề lại là "Chiến lược phát triển kinh tế biển", do vậy cần nghiên cứu điều chỉnh thành "Phát triển du lịch" cho phù hợp với nội dung.</p>	<p>Tiếp thu ý kiến góp ý, đã không còn tiêu đề "Chiến lược phát triển kinh tế biển" trong báo cáo</p>
II.14	<p>Mục (3) Thành phố Hải Phòng, tại khổ thứ tư về định hướng phát triển (trang 358), xem xét chỉnh sửa thành: "Phát triển mạnh các thành phần kinh tế để tạo đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội của thành phố Hải Phòng, đặc biệt là trong các ngành kinh tế mũi nhọn, có lợi thế như công nghiệp công nghệ cao, cảng biển – logictics, du lịch – thương mại". (do nội dung này đã đề cập trong Quy hoạch thành phố Hải Phòng thời kỳ</p>	<p>Tiếp thu ý kiến góp ý, đã chỉnh sửa tại (BC Tổng hợp - PHẦN THỨ HAI, Chương IV, Mục IV, 2.1.2. Thành phố trực thuộc Trung ương; (3) Thành phố Hải Phòng)</p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
	2021-2030, tầm nhìn đến 2050 hiện đang hoàn thiện, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt).	
II.15	Đề nghị rà soát lại các cụm từ “đô thị du lịch” (từ trang 366 đến trang 368, trang 404), “tuyến du lịch” (trang 438) cho phù hợp với Luật Du lịch năm 2017, do Luật Du lịch 2017 không còn khái niệm “đô thị du lịch” và tuyến du lịch”.	Giải trình như sau: Luật Du lịch năm 2017, không còn khái niệm “đô thị du lịch” và tuyến du lịch”, Tiếp thu ý kiến sửa trong toàn bộ hồ sơ “đô thị du lịch” thành “trung tâm đô thị du lịch” hoặc “đô thị trung tâm du lịch”; và “tuyến du lịch” thành “tuyến không gia du lịch”.
II.16	Mục 4.1 Những giải pháp phát triển hạ tầng điểm dân cư nông thôn (trang 419), tại khổ thứ nhất, đề nghị sửa thành: “Nâng cấp và hiện đại hóa kết cấu hạ tầng nông thôn đảm bảo kết nối nông thôn - đô thị. Tập trung xây dựng, hoàn thiện, bảo trì hạ tầng thiết yếu phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, ưu tiên đầu tư phát triển hệ thống giao thông, thủy lợi, hạ tầng công nghệ thông tin, thương mại, y tế giáo dục, văn hóa, thể thao, du lịch; khuyến khích...vốn đầu tư công” để phù hợp với lĩnh vực ưu tiên đầu tư phát triển du lịch gắn với xây dựng nông thôn mới theo Quyết định số 922/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025.	Tiếp thu, chỉnh sửa (BC Tổng hợp - PHẦN THỨ HAI, Chương IV, Mục V, 1.3. Yêu cầu phát triển hạ tầng KDCNT)

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
II.17	<p>Về báo cáo Đánh giá môi trường chiến lược Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050: Tại Điểm b, Mục 22.2.1 (trang 72,73), tại khổ thứ ba, có trích dẫn nội dung: “...Một số khu vực, thảm cỏ biển hầu như không có cơ hội để phục hồi tự nhiên do có quá nhiều tác động từ hoạt động du lịch nuôi ở khu vực này (Cát Bà, Hạ Long, Quảng Nam...)...”, do đó đề nghị đơn vị soạn thảo xem xét, có trích nguồn hoặc phân tích, giải thích nhận định nêu trên, làm cơ sở hoạch định quy hoạch phù hợp.</p>	<p>Tiếp thu, chỉnh sửa tại mục 2.2.2. Di sản thiên nhiên – Hệ sinh thái thảm cỏ biển.</p>
II.18	<p>Về đô thị hoá và nhu cầu phân bổ vốn đầu tư: Tại Bảng 1.2, Điểm 1.2, Khoản 1, Mục II, Phần thứ nhất - Thực trạng tăng trưởng đô thị và tỷ lệ đô thị hoá toàn quốc: tỷ lệ đô thị hóa năm 2010 là 30,39%, năm 2020 là 36,82%, tức là tăng 6,43%/10 năm. Tại Khoản 4, Mục IV, Phần II</p> <p>Mục tiêu cụ thể: tỷ lệ đô thị hóa đến năm 2030 là trên 50%, tức là tăng 13,18%/10 năm, như vậy tốc độ đô thị hóa giai đoạn 2021-2030 bằng 2 lần giai đoạn 2011-2020. Với mục tiêu tỷ lệ đô thị hóa giai đoạn 2021-2030 cao như trên, cần nguồn vốn đầu tư rất lớn. Tuy nhiên, tại Khoản 2, Phần IV - giải pháp huy động và phân bổ vốn đầu tư, báo cáo đánh giá chưa nêu rõ được có khả năng huy động vốn đáp ứng tỷ lệ đô thị hóa theo mục tiêu hay không, do vậy cũng đề nghị đơn vị nghiên cứu, soạn thảo xem xét, nghiên cứu bổ sung về số liệu GDP chi tiêu từ đầu tư cá nhân, doanh nghiệp, ngân sách nhà nước giai đoạn</p>	<p>Tiếp thu ý kiến và giải trình như sau:</p> <p>Góp ý của quý cơ quan rất xác đáng. Tỷ lệ đô thị hóa đến năm 2030 là trên 50%, tức là tăng 13,18%/10 năm, và tốc độ đô thị hóa giai đoạn 2021-2030 bằng 2 lần giai đoạn 2011-2020; do đó giải pháp huy động và phân bổ vốn đầu tư rất cần thiết và tại (BC Tổng hợp - PHẦN THỨ HAI, Chương V, Mục 2: Giải pháp về huy động và phân bổ vốn đầu tư) đã đề cập nhiều nội dung này.</p> <p>Về góp ý: “cần nghiên cứu số liệu GDP chi tiêu từ đầu tư cá nhân, doanh nghiệp, ngân sách nhà nước giai đoạn 2011-2020; số liệu dự kiến GDP chi tiêu từ đầu tư cá nhân, doanh nghiệp, ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2030..., đề từ đó đánh giá, dự báo, xác định khả năng huy động nguồn lực, vốn đáp ứng, phù hợp với mục tiêu tỷ lệ đô thị hóa đô thị phù</p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
	2011-2020; số liệu dự kiến GDP chi tiêu từ đầu tư cá nhân, doanh nghiệp, ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2030..., đề từ đó đánh giá, dự báo, xác định khả năng huy động nguồn lực, vốn đáp ứng, phù hợp với mục tiêu tỷ lệ đô thị hóa đô thị phù hợp với từng giai đoạn.	hợp với từng giai đoạn” sẽ được nghiên cứu chuyên sâu trong các đề tài, dự án, đề án khác.
III. THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG <i>(Trả lời công văn số 2222/SXD-QHKT&PTĐT ngày 05/04/2023 của Sở Xây dựng thành phố Đà Nẵng)</i>		
III.1	<p>Điều chỉnh ý (3) điểm b Mục 4.3.5 (trang 257). Thành phố Đà Nẵng và vùng phụ cận phù hợp với Nghị quyết 43-NQ/TW ngày 24/01/2019 của Bộ Chính trị về xây dựng thành phố Đà Nẵng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Cụ thể:</p> <p><i>Mục tiêu đến năm 2030</i> - Mục tiêu tổng quát: Xây dựng thành phố Đà Nẵng trở thành một trong những trung tâm kinh tế - xã hội lớn của cả nước và Đông Nam Á với vai trò là trung tâm về khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, du lịch, thương mại, tài chính, logistics, công nghiệp công nghệ cao, công nghệ thông tin, công nghiệp hỗ trợ; là một trong những trung tâm văn hóa - thể thao, giáo dục - đào tạo, y tế chất lượng cao, khoa học - công nghệ phát triển của đất nước; trung tâm tổ chức các sự kiện tầm khu vực và quốc tế; thành phố cảng biển, đô thị biển quốc tế với vị trí là hạt nhân của chuỗi đô thị và cực tăng trưởng của vùng kinh tế trọng điểm miền Trung - Tây Nguyên; trở thành đô thị sinh thái, hiện đại và thông minh, thành phố đáng sống, có tổ chức đảng và hệ thống chính trị vững mạnh, chính</p>	Tiếp thu ý kiến và giải trình tại (BC Tổng hợp - PHẦN THỨ HAI, Chương IV, Mục IV, 2.1.2. Thành phố trực thuộc Trung ương). Nội dung “Hoàn thành xây dựng đô thị thông minh kết nối đồng bộ với các mạng lưới đô thị thông minh trong nước và khu vực ASEAN” chuyển từ Mục tiêu sang Định hướng phát triển; phù hợp với đề án xây dựng thành phố thông minh giai đoạn 2018-2025, định hướng đến năm 2030

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
	<p>quyền tiên phong trong đổi mới và phát triển, người dân có mức sống thuộc nhóm địa phương dẫn đầu cả nước với chất lượng cuộc sống tốt, thân thiện, hạnh phúc và sáng tạo; quốc phòng, an ninh và chủ quyền biển, đảo được bảo đảm vững chắc.</p> <p>Tầm nhìn đến năm 2045: Thành phố Đà Nẵng trở thành đô thị lớn, sinh thái và thông minh, là trung tâm khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo và thành phố biển đáng sống đạt đẳng cấp khu vực Châu Á.</p>	
III.2	Tích hợp vào Quy hoạch đô thị và nông thôn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050: “Quy hoạch chung đô thị Hòa Vang và phân loại đô thị huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng đạt đô thị loại IV giai đoạn 2020-2025”	Tiếp thu, cập nhật tại (BC Tổng hợp - PHẦN THỨ HAI, Chương IV, Mục IV. 2.1.2. Trung tâm đô thị cấp quốc gia - thành phố trực thuộc Trung ương)
III.3	<p>Lồng ghép nội dung định hướng quy hoạch thành phố Đà Nẵng tập trung phát triển theo 3 trụ cột như sau:</p> <p>Trụ cột thứ nhất là du lịch gắn với bất động sản nghỉ dưỡng, trung tâm tổ chức sự kiện quốc tế và yếu tố văn hóa, tạo nên sự độc đáo, khác biệt. Trong đó, tích hợp đồng bộ yếu tố văn hóa vào sự phát triển du lịch trở thành một trụ cột quan trọng của thành phố.</p> <p>Trụ cột thứ 2 là định hình sự phát triển của thành phố Đà Nẵng trong thời kỳ đến là kinh tế tri thức với 2 mũi nhọn là công nghiệp công nghệ cao gắn với xây dựng đô thị sáng tạo, khởi</p>	<p>Tiếp thu ý kiến và giải trình như sau:</p> <p>Nội dung góp ý của quý cơ quan thuộc phạm vi của Quy hoạch thành phố Đà Nẵng thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050.</p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
	<p>ngành; công nghiệp công nghệ thông tin, điện tử, viễn thông gắn với nền kinh tế số.</p> <p>Trụ cột thứ ba là trung tâm dịch vụ chất lượng cao với 2 mũi nhọn là cảng biển, cảng hàng không gắn với dịch vụ logistics và trung tâm tài chính quốc tế quy mô khu vực</p>	
III.4	Đề nghị sử dụng bản đồ hành chính thành phố Đà Nẵng đảm bảo nguồn dữ liệu (hiện bản đồ sử dụng trong dự thảo không có Huyện đảo Hoàng Sa).	Tiếp thu ý kiến, đã bổ sung huyện đảo Trường Sa vào bản đồ.
III.5	<p><i>Mục 2.3.3. Thực trạng phân cấp, phân loại đô thị (trang 48):</i></p> <p>Tại bảng phân tích, có phân tích về thực trạng phân cấp đô thị tại các khu vực, vùng, miền, tỉnh. Sau đó phân tích kỹ ở mục a: cho các thành phố trực thuộc TW và mục b: cho các tỉnh có xu hướng lên thành phố TW. Tuy nhiên, cơ quan soạn thảo cần biên tập lại mục này cho phù hợp và chú trọng hơn cho việc phân tích về thực trạng phân cấp đô thị tại các khu vực, vùng, miền, tỉnh.</p>	<p>Về ý kiến “cần biên tập lại mục thực trạng phân cấp đô thị và chú trọng hơn cho việc phân tích về thực trạng phân cấp đô thị tại các khu vực, vùng, miền, tỉnh”.</p> <p>Tiếp thu ý kiến và giải trình như sau:</p> <p>Thực trạng phân cấp đô thị tại các khu vực, vùng, miền, tỉnh đã được làm rõ trong báo cáo. Việc phải chú trọng hơn cho việc phân tích về thực trạng phân cấp đô thị tại các khu vực, vùng, miền, tỉnh sẽ được thực hiện tại Hợp phần quy hoạch đô thị - nông thôn trong các Quy hoạch vùng và Quy hoạch tỉnh theo những Nghị định và Thông tư hướng dẫn của Luật quy hoạch.</p>
III.6	<p><i>Mục 2.3.3.2. Thực trạng phân loại đô thị (trang 63)</i></p> <p>Thành phố Cần Thơ. Tuy nhiên, hình: Đặc điểm hiện trạng hình thái đô thị và phân bố dân cư thành phố Đà Nẵng. Đề</p>	Thống nhất. Đã chỉnh sửa

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
	nghị điều chỉnh thành Đặc điểm hiện trạng hình thái đô thị và phân bố dân cư thành phố Cần Thơ.	
III.7	<p><i>Tại điểm a Mục 2.5.2. Thực trạng cao độ nền (trang 128 - 129).</i></p> <p>Tại phần: “Vùng Bắc Trung Bộ và Duyên Hải Miền Trung”: Bổ sung các thành phố, thị xã ... Chính vì sự phát triển mạnh mẽ đó mà quá trình xây dựng không được kiểm soát một cách chặt chẽ. Do vậy, san lấp mặt bằng, khu dân cư công trình đường giao thông,... không tuân thủ theo một nguyên tắc nhất định nên ảnh hưởng đến việc thoát nước, gây ngập úng</p>	Tiếp thu: thống nhất bổ sung tại (BC Tổng hợp - PHẦN THỨ HAI, Chương I, Mục IV, 4.2.1. Hiện trạng cao độ nền và công trình phòng chống thiên tai; hiện trạng tiêu thụ lợi và thoát nước mặt đô thị)
III.8	<p><i>Tại điểm a Mục 2.5.3. Nguồn nước (trang 137):</i></p> <p>Bổ sung tài nguyên nước sử dụng ... Việc cấp nước và duy trì dòng chảy môi trường hạ du còn chưa được thực hiện đúng theo yêu cầu; quy trình vận hành liên hồ chứa thủy điện trên một số lưu vực sông chưa phù hợp, cần phải điều chỉnh, khai thác nước ...</p>	Tiếp thu: thống nhất bổ sung tại (BC Tổng hợp - PHẦN THỨ HAI, Chương I, Mục IV, 4.3.2. Nguồn nước)
III.9	<p><i>Tại Mục 2.5.4. Hiện trạng cung cấp năng lượng (trang 143 đến 149):</i></p> <p>Đề nghị rà soát, bổ sung nội dung cụ thể liên quan đến hiện trạng cung ứng, dự trữ xăng dầu - khí đốt (nội dung này hoàn toàn chưa được đề cập).</p>	<p>Giải trình như sau:</p> <p>Hạ tầng dầu và khí đã đề cập tại (BC Tổng hợp - PHẦN THỨ HAI, Chương I, Mục IV, 4.4.1. Hạ tầng cung cấp năng lượng)</p>
<i>Định hướng phát triển hạ tầng và môi trường đô thị - nông thôn</i>		

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
III.10	<p><i>8.1.1. Định hướng hạ tầng giao thông (trang 318)</i></p> <p>Điều chỉnh (trang 319): “- Xây dựng và triển khai ... - Tập trung đầu tư xây dựng phát triển ...: Rà soát quy hoạch, xây dựng chương trình cải tạo nội đô các đô thị cũ theo lộ trình đảm bảo đáp ứng về mật độ và tỷ lệ đất giao thông theo quy định”.</p> <p>Thành: “- Xây dựng và triển khai ... - Tập trung đầu tư xây dựng phát triển ...: Chú trọng công tác quy hoạch hạ tầng giao thông, rà soát quy hoạch, xây dựng chương trình cải tạo nội đô các đô thị cũ theo lộ trình đảm bảo đáp ứng về mật độ và tỷ lệ đất giao thông theo quy định.”</p>	<p>Tiếp thu, chỉnh sửa tại (BC Tổng hợp - PHẦN THỨ HAI, Chương IV, Mục VI, 1.1.2. Định hướng quy hoạch giao thông đô thị)</p>
III.11	<p>Tại mục 8.2.2. Định hướng bảo vệ môi trường và ứng phó với BĐKH ở ĐDC NT (trang 332)</p> <p>Điều chỉnh “Khoanh vùng trồng lại rừng phòng hộ và đặc dụng, các khu bảo tồn thiên nhiên, di tích lịch sử... Thực hiện chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng cho các khu vực có rừng, tạo sinh kế cho người dân” (dòng 1 trang 344)</p> <p>Thành “Tăng cường công tác trồng rừng thay thế, khoanh vùng trồng lại rừng phòng hộ và đặc dụng, các khu bảo tồn thiên nhiên, di tích lịch sử... Thực hiện chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng cho các khu vực có rừng, tạo sinh kế cho người dân”.</p>	<p>Tiếp thu, chỉnh sửa tại (BC Tổng hợp - PHẦN THỨ HAI, Chương IV, Mục VII, 2.2.2. Định hướng bảo vệ môi trường và ứng phó với BĐKH ở ĐDC nông thôn)</p> <p>Tiếp thu ý kiến, đã chỉnh sửa theo ý kiến góp ý tại nội dung định hướng này “Định hướng bảo vệ môi trường và ứng phó với BĐKH ở ĐDC NT”</p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
<i>Định hướng phát triển hệ thống đô thị và nông thôn</i>		
III.12	<p><i>Tại Mục 6.4. Các mô hình hình thái đô thị và nông thôn (trang 292):</i></p> <p>Cần phân tích mối liên kết hữu cơ giữa đô thị và nông thôn. Làm rõ mối liên kết để thấy sự phát triển đô thị và nông thôn thành hệ thống và có sự bổ trợ nhau trong các chuỗi cung ứng (lao động, sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, đầu vào sản xuất,...)</p>	<p>Tiếp thu, chỉnh sửa, bổ sung tại (BC Tổng hợp - PHẦN THỨ HAI, Chương III, Mục I, 1. Sự phối hợp, kết hợp giữa các địa phương trong phát triển đô thị, nông thôn trên phân vùng lãnh thổ; sự liên kết giữa phát triển đô thị và nông thôn).</p>
III.13	<p><i>Tại Mục 6.2.3. Mạng lưới phân bố trung tâm đô thị quốc gia. (4) Thành phố Đà Nẵng (trang 290):</i></p> <p>Bổ sung: thực hiện tốt công tác quy hoạch ... thực hiện có hiệu quả “Đề án xây dựng thành phố thông minh”, “Đề án Xây dựng Đà Nẵng – Thành phố môi trường”, “Thành phố an toàn trong thiên tai”</p>	<p>Tiếp thu ý kiến của quý cơ quan tại (BC Tổng hợp - PHẦN THỨ HAI, Chương IV, Mục IV, 2.1.2. Thành phố trực thuộc Trung ương).</p>
III.14	<p>Theo Quy hoạch tổng thể quốc gia, cả nước được định hướng quy hoạch 6 vùng như sau (trang 300-304):</p> <p>Như vậy, quy hoạch nội vùng cần thể hiện sự thống nhất trong hệ thống của đô thị và nông thôn theo vùng địa lý, sinh thái, kinh tế, văn hóa đặc trưng của từng vùng. Báo cáo này cần làm rõ những đặc trưng này nhằm hướng tới sự thống nhất và cấu thành hệ thống đô thị và nông thôn trên cả nước. Mặt khác, cần thống nhất từ ngữ đối với các vùng này, tránh sử dụng từ viết tắt.</p>	<p>Tiếp thu ý kiến và giải trình như sau:</p> <p>Quy hoạch tổng thể quốc gia có 6 vùng KT-XH. Mỗi vùng KT-XH đều có Nghị quyết riêng của Trung ương. Nguyên lý tổ chức sắp xếp hệ thống đô thị, nông thôn trong mỗi vùng KT-XH phải phù hợp với điều kiện địa lý, sinh thái, kinh tế, văn hóa đặc trưng của từng vùng.</p> <p>Quy hoạch này đáp ứng sự thống nhất và cấu thành hệ thống đô thị và nông thôn trên cả nước; mỗi vùng KT-XH sẽ có</p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
		nghiên cứu hệ thống đô thị và nông thôn riêng thuộc Quy hoạch vùng (Luật quy hoạch)
<i>Định hướng phát triển hạ tầng và môi trường đô thị - nông thôn</i>		
III.15	Cần tách riêng 02 nội dung “định hướng phát triển hạ tầng và môi trường đô thị” và “định hướng phát triển hạ tầng và môi trường nông thôn” cho phù hợp với định hướng phát triển của đô thị và định hướng phát triển của nông thôn.	Tiếp thu ý kiến và giải trình như sau: Nội dung nghiên cứu đã bám sát Nhiệm vụ TTCP phê duyệt tại QĐ 294. Mặt khác xin làm rõ thêm: Các ngoại ứng về môi trường của quá trình phát triển thường không có ranh giới hành chính kiểu ranh giới hành chính đô thị và nông thôn. Chẳng hạn ô nhiễm môi trường nước lưu vực sông đi qua cả khu vực đô thị và nông thôn, ô nhiễm môi trường nước biển ven bờ một khu vực nào đó thường bao gồm cả khu vực đô thị và khu vực nông thôn, cảnh quan sinh thái có giá trị tầm quốc gia và vùng thường đi qua các vùng lãnh thổ bao gồm cả đô thị và nông thôn. Nguyên nhân ô nhiễm môi trường tại một địa điểm cụ thể là kết quả tích lũy tác động các hoạt động phát triển cả ở đô thị và nông thôn. Do đó, không nhất thiết phải tách 2 mục riêng biệt đối với môi trường ở đô thị và môi trường ở nông thôn. Mặc dù vậy, trong nghiên cứu đã làm nổi trội, so sánh một số khía cạnh môi trường đô thị và môi trường nông thôn cũng như phân tích nguyên nhân liên quan.
III.16	Chưa có nội dung đề cập rõ nét hiện trạng và quan điểm, định hướng phát triển của một số kết cấu hạ tầng lĩnh vực công thương (hạ tầng thương mại, hạ tầng cấp điện, hạ tầng dự trữ,	Tiếp thu ý kiến và giải trình như sau:

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
	<p>cung ứng xăng dầu - khí đốt) ở khu vực đô thị, nông thôn; nếu có đề cập đến (ví dụ về phát triển thương mại ở cấp huyện, cấp xã (từ trang 324 đến trang 326) thì cũng còn rất sơ sài, thiếu tính hệ thống.</p>	<p>Góp ý của quý cơ quan thuộc phạm vi nghiên cứu của Quy hoạch ngành công thương hoặc quy hoạch đô thị (Luật quy hoạch đô thị)</p>
III.17	<p>Bố cục nội dung trình bày của từng tiêu mục trong Mục VIII (Định hướng phát triển hạ tầng và môi trường đô thị nông thôn) chưa có sự đồng bộ, thống nhất về dàn ý trình bày, hàm lượng nội dung giữa các tiêu mục chưa cân xứng, trong đó Mục 8.1.4 về Định hướng hạ tầng cung cấp năng lượng, cấp điện và chiếu sáng (trang 335) hầu như chưa có nội dung gì tương ứng với đề mục (chưa được 3 dòng; chỉ đề cập hệ thống chiếu sáng, tiết kiệm điện, sử dụng năng lượng tái tạo). Đề nghị rà soát, nghiên cứu, bổ sung đầy đủ đối với nội dung này, trong đó làm rõ định hướng phát triển về nguồn điện, lưới điện, định hướng phát triển hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu - khí đốt...</p>	<p>Tiếp thu ý kiến của quý cơ quan tại (BC Tổng hợp - PHẦN THỨ HAI, Chương IV, Mục VI: Định hướng phát triển hạ tầng đô thị - nông thôn. 1.4. Định hướng hạ tầng cung cấp năng lượng, cấp điện và chiếu sáng)</p> <p>Nội dung hạ tầng cấp điện đã có và bổ sung hạng mục dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt.</p> <p>Các hạng mục hạ tầng không thể hoàn toàn giống nhau vì có những hạ tầng có sự liên kết mạnh: giao thông, cấp điện... có những hạ tầng liên kết yếu hơn hoặc không có liên kết...</p>
<p><i>Các định hướng giải pháp nhiệm vụ trọng tâm</i></p>		
III.18	<p>Nhiệm vụ 4: Đô thị hoá đảm bảo công bằng và bản sắc (trang 346). Điều chỉnh: a) Phát triển đô thị - nông thôn vì xã hội công bằng</p>	<p>Tiếp thu ý kiến của quý cơ quan tại (BC Tổng hợp - PHẦN THỨ HAI, Chương IV, Mục II, Chiến lược 4: Văn hoá – xã hội khu vực đô thị, nông thôn; (1) Phát triển đô thị - nông thôn vì xã hội công bằng.</p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
	<p>Định hướng công bằng giữa các khu vực đô thị thông qua cơ hội tiếp cận... để gia tăng hiệu quả tham gia cộng đồng trong phát triển đô thị” (trang 357).</p> <p>Thành: “Định hướng công bằng giữa các khu vực đô thị thông qua cơ hội tiếp cận: Quy hoạch và phát triển cấp thành phố đảm bảo cấu trúc hạ tầng kỹ thuật và xã hội cấp I, II thuận lợi, thông suốt tới mọi khu vực. Quy hoạch và phát triển cấp khu dân cư đảm bảo hạ tầng cấp III, không xây dựng đường giao thông quá lớn trong khu dân cư và chi phí hạ tầng quá mức ở nội bộ khu ở. Khuyến khích không phát triển đô thị “dạng phòng ngủ”, thúc đẩy phát triển các khu đô thị, khu ở đa chức năng, đa thành phần, bằng các giải pháp thiết kế đô thị như: đường nhỏ, chia ô dày đặc, lô đất chức năng đa dạng, kiến trúc đa dạng, công năng đa dạng. Khuyến khích phát triển hệ thống kinh tế phi chính quy, bằng cách tăng tỷ lệ vỉa hè, đa dạng hoá công năng vỉa hè, hạn chế các lô đất quá lớn, tăng tỷ lệ nhà có mặt đường, mặt ngõ, tạo ra các quảng trường, sân hội tụ cộng đồng. Xây dựng cơ chế tạo nguồn lực tái thiết các khu dân cư cũ, tập trung cải tạo, nâng cấp các khu xóm nghèo, “khu ổ chuột”, khu dân cư tự phát không thuận lợi về giao thông, nhưng không định hướng giải tỏa. Đảm bảo tối đa quyền sử dụng đất hợp pháp cho người dân, để cư bản địa tự đầu tư cải thiện môi trường sống của mình. Tổ chức quản lý cộng đồng, tham gia cộng đồng vào các giải pháp quy hoạch và phát triển cục bộ không gian sống, áp dụng các công nghệ đô thị thông</p>	

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
	minh để gia tăng hiệu quả tham gia cộng đồng trong phát triển đô thị”	
III.19	Phần X. Tổ chức thực hiện (trang 351) - Cần bổ sung mục: Định hướng quản lý phát triển hệ thống đô thị và nông thôn. Trong đó thống nhất sự phát triển hệ thống đô thị và nông thôn 3 cấp quốc gia, vùng, tỉnh/thành	Tiếp thu ý kiến của quý cơ quan tại (BC Tổng hợp - PHẦN THỨ HAI, Chương V, Mục 5. Giải pháp về tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch. 5.7. Bộ máy phát triển đô thị)
III.20	<p><i>Mục 10.2. Định hướng liên kết vùng và liên kết ngành (trang 354):</i></p> <p>+ Tại mục a) Liên kết môi trường sinh thái tự nhiên và không gian đô thị và nông thôn có thể sửa lại là: Liên kết không gian sinh thái và liên kết không gian giữa đô thị và nông thôn. Trong đó, làm rõ các định hướng hiện nay trên toàn quốc về định hướng của các mối liên kết này.</p> <p>+ Tại mục b) Liên kết vùng đô thị - nông thôn: Ngoài 2 nội dung liên kết hạ tầng và Liên kết hoạt động, cần bổ sung thêm Liên kết kinh tế, chuỗi cung ứng</p>	<p>Tiếp thu ý kiến của quý cơ quan tại (BC Tổng hợp - PHẦN THỨ HAI, Chương IV, Mục IX. Định hướng liên kết vùng và liên kết ngành)</p> <p>Định hướng liên kết ngành, đã bổ sung thêm các nội dung liên kết ngành giao thông; liên kết ngành công thương; liên kết ngành nông nghiệp phát triển nông thôn; liên kết ngành văn hóa, thể thao, du lịch; liên kết thông tin, truyền thông về chuỗi cung ứng dịch vụ số.</p>
III.21	<p><i>Tại mục X.10.4 (trang 361). liên quan đến tài chính và nguồn lực đô thị:</i></p> <p>cần đưa ra các giải pháp cụ thể hơn; trong đó đề xuất cơ chế, định hướng rõ ràng trong việc khuyến khích đầu tư, thu hút các nguồn vốn phát triển đô thị, mở rộng nguồn thu và phương thức thu tại các đô thị nhằm tạo điều kiện cho các dự án phát</p>	<p>Tiếp thu ý kiến và giải trình như sau:</p> <p>Vấn đề tài chính và nguồn lực đô thị là nội dung quan trọng đảm bảo tính khả thi phát triển đô thị - nông thôn.</p> <p>Ý kiến của quý cơ quan “cần đưa ra các giải pháp cụ thể hơn; trong đó đề xuất cơ chế, định hướng rõ ràng trong việc khuyến khích đầu tư, thu hút các nguồn vốn phát triển đô thị,</p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
	<p>triển đô thị có tính khả thi cao, đảm bảo hài hòa lợi ích giữa nhà đầu tư, nhà nước và người dân</p>	<p>mở rộng nguồn thu và phương thức thu tại các đô thị nhằm tạo điều kiện cho các dự án phát triển đô thị có tính khả thi cao, đảm bảo hài hòa lợi ích giữa nhà đầu tư, nhà nước và người dân”: thuộc phạm vi nghiên cứu khác. Quy hoạch này đã đề cập định hướng tổng quát về tài chính và nguồn lực đô thị.</p>
III.22	<p><i>Bổ sung thêm vào mục định hướng liên kết ngành giao thông (điểm a – mục 10.2.2, trang 366):</i></p> <p>Hình thành mô hình đô thị sân bay gắn với cảng hàng không quốc tế Đà Nẵng; phát triển kinh tế hàng không với đầu mối giao thông đa phương thức kết nối Đà Nẵng và các tỉnh vùng kinh tế trọng điểm miền Trung.</p> <p>Hình thành mô hình đô thị hàng hải gắn với cảng biển quốc tế Liên Chiểu; kết hợp phát triển kinh tế hàng hải với đầu mối giao thông đa phương thức tại khu vực.</p>	<p>Tiếp thu ý kiến của quý cơ quan tại (BC Tổng hợp - PHẦN THỨ HAI, Chương IV, Mục IX. Định hướng liên kết vùng và liên kết ngành; 2.2. Liên kết ngành giao thông)</p>
III.23	<p>Bổ sung các yêu cầu liên kết ngành Tài nguyên và môi trường: Liên quan đến các mục tiêu quản lý đánh giá môi trường chiến lược, công tác quản lý đất đai, công tác bảo vệ môi trường trong việc định hướng và thực hiện Quy hoạch Đô thị và Nông thôn.</p>	<p>Tiếp thu ý kiến của quý cơ quan tại (BC Tổng hợp - PHẦN THỨ HAI, Chương IV, Mục IX. Định hướng liên kết vùng và liên kết ngành; 2.1. Liên kết ngành tài nguyên môi trường)</p>
III.24	<p>Tại nội dung các yêu cầu liên kết ngành công thương (trang 368 - 370):</p>	

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
	<p>+ Đề nghị xem xét lại quan điểm: “Trong khu vực lõi đô thị lớn và cực lớn, chuyển đổi và nâng cấp các khu cụm công nghiệp truyền thống có giá trị gia tăng thấp, loại bỏ các công nghiệp gây ô nhiễm có năng lực sản xuất lạc hậu ra bên ngoài đến các đô thị vừa và nhỏ”, vì đối với “công nghiệp gây ô nhiễm có năng lực sản xuất lạc hậu”, nên chẳng là loại bỏ, thay vì chuyển ra các đô thị vừa và nhỏ.</p>	<p>Tiếp thu ý kiến của quý cơ quan tại (BC Tổng hợp - PHẦN THỨ HAI, Chương IV, Mục IX. Định hướng liên kết vùng và liên kết ngành; 2.3. Liên kết ngành công thương)</p>
III.25	<p>Đề nghị làm rõ hơn định hướng phát triển cụm liên kết, chuỗi giá trị trong sản xuất, cung ứng giữa các vùng, giữa các địa phương trong từng vùng, để đảm bảo có sự phát triển tương hỗ, tránh sự chồng lấn, lãng phí nguồn lực</p>	
III.26	<p>Tại mục X.10.3. Về các chương trình chiến lược ưu tiên (trang 371):</p> <p>đối với Chương trình nâng cấp đô thị vừa và nhỏ, cải tạo các khu nghèo đô thị, phát triển nhà ở xã hội cần nêu rõ định hướng cơ chế, chính sách có liên quan trong việc đầu tư, kêu gọi đầu tư phát triển đô thị, quy hoạch tái thiết đô thị để các địa phương thực hiện; trường hợp cần thiết đề xuất Chính phủ bổ sung các quy định để có cơ sở triển khai đảm bảo quy định pháp luật nhưng vẫn phù hợp với đặc thù, tính chất và thực trạng của từng khu vực.</p> <p>- Đề nghị nghiên cứu bổ sung nội dung “Hình thành các khu phi thuế quan, khu thương mại tự do hiện đại, theo xu hướng</p>	<p>Tiếp thu ý kiến của quý cơ quan tại (BC Tổng hợp - PHẦN THỨ HAI, Chương IV, Mục VIII. 2. Danh mục các dự án)</p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
	mô hình khu phi thuế quan thương mại - dịch vụ phù hợp với thể mạnh, tiềm năng của mỗi địa phương nhằm tối ưu hóa không gian kinh tế đô thị”	
<i>Ý kiến khác</i>		
III.27	Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về phân loại đô thị đã được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 (có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2023). Đề nghị đơn vị soạn thảo kiểm tra, rà soát, cập nhật, bổ sung phù hợp.	Đã kiểm tra, rà soát, cập nhật
III.28	Rà soát, bổ sung đầy đủ các nội dung nhiệm vụ lập Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 294/QĐ-TTg ngày 24/02/2020 vào trong dự thảo báo cáo.	Đã kiểm tra, rà soát, cập nhật
III.29	Rà soát, chỉnh sửa, bổ sung các nội dung, quan điểm mục tiêu, chỉ tiêu,...về bảo vệ môi trường theo Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 13/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 cho phù hợp	Tiếp thu ý kiến, đã rà soát, chỉnh sửa, bổ sung các nội dung về quan điểm, mục tiêu của Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn này gắn kết với quan điểm, mục tiêu về bảo vệ môi trường trong Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 13/4/2022
<i>Một số lỗi về chính tả</i>		

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
III.30	Trình bày các căn cứ lập quy hoạch theo thứ tự, gồm: Căn cứ chính trị (Nghị quyết Đại hội XIII, các Nghị quyết, Kết luận của Đảng có liên quan), căn cứ pháp lý (Luật, Nghị quyết của Quốc hội; Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Nghị định, Nghị quyết của Chính phủ,...) và căn cứ thực tiễn	Đề án đã tiếp thu ý kiến và bổ sung sắp xếp lại các căn cứ lập quy hoạch.
III.31	Trang 219: sửa lại 2021 - 2030; Trang 355: gạch đầu dòng thứ 2 sửa lại “hệ thống đô thị” thành “hệ thống đô thị”; Trang 360 sửa lại: Hạ tầng nông thôn đảm bảo lưu thông hàng hóa hiệu quả: Từ viết tắt cần làm rõ: “ĐDC” tại mục VII. PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN ĐDC NÔNG THÔN. Sửa lại thành: VII. PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN ĐIỂM DÂN CƯ NÔNG THÔN. Các từ viết tắt khác trong văn bản cần đưa vào Danh mục từ viết tắt	Tiếp thu: đưa các từ viết tắt vào Danh mục từ viết tắt.
III.32	Một số nội dung trùng lặp (ví dụ: đoạn “Để rút ngắn được quá trình CNH, HĐH và tăng trưởng kinh tế bền vững thì việc lựa chọn ‘đúng và trúng’ vị trí chiến lược phát triển cho các hoạt động kinh tế rất quan trọng. Đô thị lớn là nơi hội tụ các lợi thế về vị trí địa kinh tế, quy mô dân số và mật độ hoạt động kinh tế, cơ sở hạ tầng, lao động chất lượng cao cũng như khả năng kết nối nhanh và hiệu quả với khu vực, quốc tế, thông quan hệ thống cảng biển, cảng hàng không quốc tế, trung tâm logistics đa phương tiện.” bao gồm phần chú thích, lặp lại hai lần ở trang 305 và trang 369),	Đã chỉnh sửa các nội dung trùng lặp

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
III.33	Hoặc viết lẫn vào nội dung thuộc đề mục khác (ví dụ: nội dung về cấp nước đô thị, quản lý thu gom và xử lý chất thải rắn, thoát nước và xử lý nước thải lại nằm trong nội dung nhận định về thực trạng cung cấp năng lượng của Mục 2.5.4 - Hiện trạng cung cấp năng lượng trang 143-149)...	Phần nội dung viết lẫn Tiếp thu: Đã viết lại mục 2.5.4 - Hiện trạng cung cấp năng lượng
<i>(Trả lời công văn số 4336/SXD-QHKT&PTĐT ngày 15/6/2023 của Sở Xây dựng TP Đà Nẵng)</i>		
1	<p><i>1. Về các ý kiến góp ý lần 1 tại Công văn số 2222/SXD-QHKT&PTĐT ngày 05/4/2023 của Sở Xây dựng</i></p> <p>Hồ sơ báo cáo lấy ý kiến lần 2 Quy hoạch đô thị và nông thôn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 chưa cập nhật, hoàn chỉnh nội dung theo ý kiến góp ý của Sở Xây dựng tại Công văn số 2222/SXD-QHKT&PTĐT ngày 05/4/2023 (mặc dù Viện Quy hoạch Đô thị và Nông thôn Quốc gia đã có bảng giải trình là tiếp thu hoàn chỉnh hồ sơ theo các ý kiến tại Công văn nêu trên).</p> <p>Đề nghị lưu ý tích hợp vào Quy hoạch đô thị và nông thôn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050: Quy hoạch chung đô thị Hòa Vang và phân loại đô thị huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng đạt đô thị loại IV giai đoạn 2020-2025. Nội dung này trước đây UBND thành phố Đà Nẵng đã báo cáo Bộ Xây dựng tại Công văn 4150/UBND-SXD ngày 29/7/2022, Công văn số 7108/UBND-SXD ngày 26/12/2022 và Công văn số 2222/SXD-QHKT&PTĐT ngày 05/4/2023 nêu trên.</p>	Tiếp thu, cập nhật tại (BC Tổng hợp - PHẦN THỨ HAI, Chương IV, Mục IV. 2.1.2. Trung tâm đô thị cấp quốc gia - thành phố trực thuộc Trung ương)

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
2	<p>2. Ý kiến góp ý bổ sung</p> <p>a) Đối với dự thảo báo cáo tổng hợp quy hoạch</p> <p>Hiện nay, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (gọi tắt là Quy hoạch điện VIII) tại Quyết định số 500/QĐ-TTg ngày 15/5/2023. Do đó, đề nghị đơn vị lập quy hoạch nghiên cứu, cập nhật Quy hoạch điện VIII đã phê duyệt để hiệu chỉnh, bổ sung nội dung định hướng quy hoạch nguồn điện (tại trang 508-509) của dự thảo Quy hoạch đô thị và nông thôn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 cho phù hợp (trong đó, chỉnh sửa lại cách viết số thứ tự của Quy hoạch điện VII, Quy hoạch điện VIII, dự thảo viết là IIV, IIIV).</p>	<p>Nhất trí, đã sửa lỗi sai.</p>
3	<p>Tại trang 395, có nội dung: “3) Chuỗi đô thị HLKT Cầu Treo – Vũng Áng & Lao Bảo – Đông Hà – Đà Nẵng Là tuyến nối miền trung Việt Nam về phía tây, qua Lào, Thái Lan, Mianma, gồm 3 nhánh: cửa khẩu Cầu Treo – cảng Vũng Áng, cửa khẩu Lệ Thanh – cảng Quy Nhơn, cửa khẩu Lao Bảo – cảng Đà Nẵng.</p> <p>Những hành lang kinh tế này có thể có ý nghĩa chiến lược lâu dài để Việt Nam thông thương sang phía Tây, hoàn thiện hạ tầng liên vùng ĐNA. Trong giai đoạn trước mắt, các vùng nằm trên hành lang này không có tiềm lực kinh tế để trao đổi và xây dựng hành lang, trong khi đó các thế lực lớn không quan tâm</p>	<p>Tiếp thu giải trình, tại (BC Tổng hợp - PHẦN THỨ HAI, Chương IV, Mục IV. 3.1.2. Chuỗi đô thị trên HLKT Đông – Tây).</p> <p>Cụ thể, sửa như sau: “Là tuyến nối miền trung Việt Nam về phía tây, qua Lào, Thái Lan, Mianma, gồm 3 nhánh: cửa khẩu Cầu Treo – cảng Vũng Áng, cửa khẩu Lệ Thanh – cảng Quy Nhơn, cửa khẩu Lao Bảo – cảng Đà Nẵng. Những hành lang kinh tế này có ý nghĩa chiến lược lâu dài để Việt Nam thông thương sang phía Tây, hoàn thiện hạ tầng liên vùng ĐNA. Khi nhà nước chưa có nguồn lực đầu tư, các vùng nằm trên hành lang này chưa có nhiều điều kiện phát triển, các địa</p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
	<p>tới kết nối này. Vì vậy trước mắt chưa thể dàn trải đầu tư vào những hành lang này”: Quan điểm này là không đúng, đề nghị xem xét lại, nhất là định hướng đối với nhánh cửa khẩu Lao Bảo – Cảng Đà Nẵng; làm rõ hơn “trước mắt” là giai đoạn nào; và xem xét lại cách dùng từ “các thế lực lớn” trong đoạn viết này.</p>	<p>phương trên tuyến hành lang kinh tế chủ động quy hoạch đô thị và khu dân cư nông thôn kết hợp với Chương trình hợp tác quan hệ trên các lĩnh vực giao lưu văn hoá, thương mại, du lịch”</p>
4	<p>Tại trang 538, đề nghị điều chỉnh tiêu đề gạch đầu dòng thứ 2: “Vùng biển và ven biển Bắc Trung Bộ (6 tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên – Huế)” là: “Vùng biển và ven biển Trung Bộ” hoặc: “Vùng biển và ven biển Bắc Trung bộ, duyên hải Miền Trung” đề phù hợp với nội dung cụ thể trình bày trong đoạn này.</p>	<p>Tiếp thu, đã sửa theo góp ý của quý cơ quan</p>
5	<p>Một số nội dung khác</p> <p>Tại Phần Mở đầu, thời kỳ lập Quy hoạch này được xác định là: “thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050” (trang 18). Tuy nhiên, tại Mục IV. Quan điểm và Mục tiêu, chỉ xác định Mục tiêu cụ thể đến “Tầm nhìn đến năm 2045” (điểm c, trang 323 dự thảo Báo cáo tổng hợp Quy hoạch). Tương tự, tại nội dung về Định hướng phát triển hệ thống đô thị (Mục I Phần III, trang 340-414, cũng chỉ đề cập đến “tầm nhìn đến năm 2045” đối với các thành phố trực thuộc Trung ương hiện hữu và dự kiến mới và nói chung chung với định hướng phát triển các loại hình/ mô hình đô thị (không xác định mục tiêu cụ thể</p>	<p>Tiếp thu, đã sửa theo góp ý của quý cơ quan</p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
	theo từng giai đoạn). Đề nghị đơn vị lập Quy hoạch rà soát, cập nhật, bổ sung.	
6	Đề nghị rà soát, xem xét lại từ “nông thôn” trong tiêu đề khoản 1 Mục I Phần III (dự thảo ghi: “Phát triển hệ thống đô thị nông thôn trong mối quan hệ khu vực”, trong khi nội dung ở đây là về “hệ thống đô thị”); chuyển nội dung về Thành phố Cần Thơ (trang 363-364) lên trên nội dung về Thành phố Thừa Thiên Huế (trang 361-363) vì Cần Thơ là “thành phố trực thuộc Trung ương hiện hữu”, còn Thừa Thiên Huế chỉ đang là “thành phố trực thuộc Trung ương dự kiến mới”; mặt khác, cần bổ sung thêm nội dung về thành phố Khánh Hoà vì Khánh Hoà cũng là “thành phố trực thuộc Trung ương dự kiến mới” tương tự như Thừa Thiên Huế theo xác định tại trang 354 của dự thảo Báo cáo tổng hợp Quy hoạch.	Tiếp thu ý kiến và giải trình như sau: Thành phố Cần Thơ là đô thị trực thuộc Trung ương hiện hữu. Thừa Thiên Huế tuy chưa chính thức là thành phố trực thuộc Trung ương, nhưng tại Quyết định số 445/QĐ-TTg ngày 7 tháng 4 năm 2009 về Điều chỉnh định hướng Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống đô thị Việt Nam đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2050; Thừa Thiên Huế là đô thị trung tâm cấp quốc gia.
7	Căn cứ Quyết định số 445/QĐ-TTg ngày 07/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt điều chỉnh định hướng Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống đô thị Việt Nam đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2050, Quyết định số 294/QĐTTg ngày 24/02/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Nhiệm vụ lập Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, đề nghị đơn vị lập Quy hoạch	Tiếp thu ý kiến và giải trình như sau: Góp ý “đề nghị đơn vị lập Quy hoạch nghiên cứu, bổ sung cụm từ “Việt Nam” vào tên gọi đối với Báo cáo Đánh giá tác động môi trường chiến lược của Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 cho đầy đủ ý nghĩa và phù hợp”, tư vấn thực hiện theo quy định.

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
	<p> nghiên cứu, bổ sung cụm từ “Việt Nam” vào tên gọi đối với Báo cáo Đánh giá tác động môi trường chiến lược của Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 cho đầy đủ ý nghĩa và phù hợp.</p>	
8	<p> Một số nội dung tại dự thảo Báo cáo tổng hợp còn đang cập nhật (như nội dung liên quan Quy hoạch hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu – khí đốt Quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050) hoặc chỉ nêu tiêu đề, chưa có nội dung chi tiết (như về Tiêu chí và Phân kỳ thực hiện đối với các Dự án trọng điểm quốc gia tại Mục VIII Phần III), vì vậy chưa thể tham gia ý kiến cụ thể liên quan lĩnh vực ngành (gửi kèm dự thảo (lần 9) Báo cáo “Hiện trạng phát triển giai đoạn 2011-2020 và phương án phát triển kết cấu hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt thành phố Đà Nẵng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050” để đơn vị lập Quy hoạch tham khảo, nghiên cứu bổ sung).</p>	<p> Tiếp thu ý kiến và giải trình như sau: Các tiêu đề có tên nhưng thiếu nội dung, đã có đầy đủ; Về kết cấu hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt thuộc phạm vi nghiên cứu quy hoạch của ngành công thương. Tuy vẫn không đề cập đến nội dung này nữa.</p>
9	<p> Cần làm rõ định nghĩa của một số cụm từ như “đô thị xanh”, “cực tăng trưởng”...; trong dự thảo có định hướng “phát triển đô thị xanh” và sử dụng nhiều cụm từ “lối sống xanh”, “công trình xanh”, “tăng trưởng xanh”... nhưng chưa đưa ra được khái niệm/tiêu chí để trở thành một “đô thị xanh”.</p>	<p> Tiếp thu ý kiến và giải trình như sau: khái niệm/tiêu chí để trở thành một “đô thị xanh đã có dự án riêng nghiên cứu. Cực tăng trưởng là khái niệm được nêu trong QHTTQG, làm rõ định nghĩa “cực tăng trưởng” trong dự án khác.</p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
10	Về định hướng liên kết ngành văn hóa, thể thao, du lịch, đề nghị bổ sung “kết nối các không gian thể thao, sự kiện với phát triển du lịch”.	Nhất trí, đã bổ sung.
11	Cần bổ sung các văn bản pháp lý và những nội dung có liên quan vào hồ sơ quy hoạch Đô thị và Nông thôn thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050 nhằm tránh chồng chéo giữa quy hoạch tổng thể Quốc gia với quy hoạch vùng, chồng chéo giữa định hướng phát triển của khu vực Miền Trung – Tây Nguyên với định hướng phát triển tổng thể Quốc gia.	<p>Tiếp thu ý kiến và giải trình như sau:</p> <p>Quy hoạch này đã có các văn bản pháp lý liên quan đến nội dung quy hoạch.</p> <p>Quy hoạch đô thị, nông thôn quốc gia không chỉ dựa trên các chủ trương được nêu trong Quy hoạch tổng thể Quốc gia, mà còn dựa trên các chủ trương được nêu trong quy hoạch vùng và khu vực Miền Trung – Tây Nguyên.</p>
12	<p>Tại mục 1.4.2.3. Định hướng phát triển hạ tầng kỹ thuật đô thị - nông thôn; (1.4.2. Phương án phát triển hệ thống đô thị nông thôn quốc gia (trang 30): Đề nghị bổ sung các mục tiêu đảm bảo nội dung quy định tại Khoản 12, Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng chống thiên tai và Luật Đê điều số 60/2020/QH14</p> <p>Đối với định hướng phát triển hạ tầng kỹ thuật đô thị (Điều 3, Mục 3, a), “<i>phát triển vận tải ở các đô thị theo hướng sử dụng vận tải công cộng là chính</i>”, bên cạnh “<i>đảm bảo hiện đại, an toàn, tiện lợi</i>”, còn cần <i>đảm bảo thuận tiện, có các chính sách về giá vé đối với các đối tượng sử dụng khác nhau, và đưa ra mức giá áp dụng hợp lý.</i></p>	<p>Đã bổ sung “Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng chống thiên tai và Luật Đê điều số 60/2020/QH14” trong Mục “Căn cứ pháp lý”</p> <p>Về ý kiến “<i>phát triển vận tải ở các đô thị theo hướng sử dụng vận tải công cộng...</i>” đã được đề cập trong quy hoạch</p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
13	Đối với liên kết đô thị - nông thôn, liên kết vùng và liên kết ngành (Điều 4, Mục 3), về liên kết ngành văn hóa, thể thao, du lịch, bổ sung nội dung bảo tồn, và phát huy các giá trị văn hóa đã được UNESCO công nhận.	Quy hoạch đã đề cập nội dung này
14	b) Đối với dự thảo Quyết định phê duyệt quy hoạch: Tại Mục tiêu (trang 3-4): cần bổ sung, xác định rõ mục tiêu tổng quát và cụ thể cho từng giai đoạn trong thời kỳ Quy hoạch.	Nhất trí, đã làm rõ nội dung góp ý của quý cơ quan
15	Tại điểm d1 (Hạ tầng cung cấp năng lượng, cấp điện và chiếu sáng), khoản 3 Điều 3 (trang 24-25): đề nghị nghiên cứu, cập nhật Quy hoạch điện VIII đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 500/QĐ-TTg ngày 15/5/2023 để hiệu chỉnh, bổ sung nội dung định hướng quy hoạch nguồn điện cho phù hợp; đồng thời, đề nghị cập nhật, bổ sung nội dung về hạ tầng cung ứng, dự trữ xăng dầu – khí.	Tiếp thu ý kiến và giải trình như sau: Nội dung này thuộc Quy hoạch của ngành công thương quản lý, tư vấn đề nghị không đưa vào dự thảo Quyết định phê duyệt quy hoạch:
16	Đề nghị rà soát các nội dung đã góp ý tại Mục a Công văn này, để bổ sung, điều chỉnh phù hợp vào các nội dung tương ứng tại dự thảo Quyết định.	Nhất trí
17	c) Nội dung khác Quá trình hoàn thiện hồ sơ quy hoạch trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, đề nghị bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ giữa hệ thống các quy hoạch ngành, quy hoạch thành phố; không làm	Nhất trí

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
	<p>ảnh hưởng đến thể trận khu vực phòng thủ; công tác quản lý, sử dụng đất quốc phòng; quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự trên địa bàn thành phố.</p> <p>Điều chỉnh tên Quy chuẩn QCXDVN 01:2018 (trang 31-32) thành Quy chuẩn QCXDVN 01:2008. Trên đây là góp ý về dự thảo Quy hoạch đô thị và nông thôn thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (lần 2).</p>	
<p>IV. THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH <i>(Trả lời công văn số 114/SXD-QHKT ngày 16/01/2023 của Sở Xây dựng thành phố Hồ Chí Minh)</i></p>		
	Về nội dung dự thảo	
IV.1	<p>Về kịch bản phát triển hệ thống đô thị: Từ thực trạng hệ thống đô thị và phát triển đô thị quốc gia (được nêu tại Nghị Quyết 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị) việc Dự thảo xây dựng các kịch bản, lựa chọn phát triển đô thị theo mạng lưới (thay cho phát triển theo cấp, loại đô thị) lấy các đô thị lớn, chuỗi đô thị động lực dẫn dắt, tạo hiệu ứng lan tỏa là phù hợp. Tuy nhiên, để tránh tình trạng các đô thị, chuỗi đô thị trong vùng phát triển chùng chéo, thiếu định hướng cần phân tích rõ thêm chức năng của từng đô thị, chuỗi đô thị và các nguyên tắc phát triển các đô thị đó (trên cơ sở đặc trưng, thế mạnh và bất lợi của đô thị) trên tổng thể mối quan hệ với đô thị động lực, hạt nhân để tạo thành chuỗi, hệ thống đô thị phát triển thống nhất (trang 255-257 Dự thảo).</p>	<p>Tiếp thu ý kiến và giải trình như sau:</p> <p>Sự khác biệt của Kịch bản 3 là đề xuất Quốc gia sẽ đẩy mạnh phương thức liên kết phát triển và chia sẻ lợi ích, trách nhiệm của các địa phương, vùng lãnh thổ tạo ra những hình thái phát triển vùng đô thị (gồm nhiều đô thị tương hỗ và chia sẻ chức năng cho nhau và có không gian liên kết chặt chẽ bởi cấu trúc hạ tầng kỹ thuật, môi trường vùng lãnh thổ, không bị cản trở do quản lý theo ranh giới hành chính giữa tỉnh này với tỉnh khác, giữa TP trực thuộc trung ương với các tỉnh). Đồng tình với quan điểm của góp ý, dự thảo đã hoàn thiện đưa ra nguyên tắc đảm bảo tính thống nhất và phân công giữa</p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
		các chuỗi đô thị trong vùng, làm cơ sở cho các đề án QHV cụ thể hóa tiếp theo.
IV.2	<p>Khu vực nông thôn ở mỗi đô thị và vùng đô thị có các đặc điểm về dân cư, địa lý, kinh tế - xã hội khác nhau. Do đó, để hệ thống nông thôn phát triển phù hợp với các đô thị cần phân tích rõ hơn về đặc điểm và định hướng các vùng nông thôn gắn với các đô thị của khu vực của vùng, đề xuất các tiêu chí quy hoạch cho phù hợp như: vùng nông thôn các đô thị đặc biệt, đô thị loại I. loại II... thay vì chỉ đề xuất định hướng chung điểm dân cư nông thôn gắn với kinh tế phi nông nghiệp, gắn với kinh tế nông nghiệp...(trang 309-313 Dự thảo).</p>	<p>Thống nhất, tiếp thu và bổ sung tại (BC Tổng hợp - PHẦN THỨ HAI, Chương IV, Mục V. 4. Định hướng nguyên tắc tổ chức 1 số KDCNT điển hình thời kỳ 2021-2030)</p> <p>Từ đó, đề xuất định hướng mô hình phát triển ĐDCNT:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điểm DCNT đô thị hoá nằm trong và ngoài đơn vị hành chính đô thị. - Điểm DCNT kinh tế phi nông nghiệp ở vùng đồng bằng - Điểm DCNT gắn với kinh tế nông nghiệp. - Điểm DCNT kinh tế thủy sản ở cửa sông, ven biển, hải đảo - Điểm DCNT nông lâm nghiệp đồng bào DTTS và miền núi biên giới - Điểm DCNT vùng chịu tác động của BĐKH ở vùng ĐBSCL - Điểm DCNT ứng dụng công nghệ số
	Về thực trạng phát triển đô thị thành phố Hồ Chí Minh	
IV.3	Thành phố Hồ Chí Minh đang triển khai thực hiện công tác điều chỉnh đề án quy hoạch chung Thành phố Hồ Chí Minh	Thống nhất quan điểm

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
	<p>đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2060; quy hoạch chung thành phố Thủ Đức đến năm 2040. Triển khai nghiên cứu điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển đô thị phù hợp với điều kiện, đặc điểm Thành phố, gắn kết với vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và vùng Đông Nam Bộ; tích hợp quy hoạch xây dựng, phát triển đô thị với quy hoạch phát triển kinh tế - văn hóa xã hội, quy hoạch phát triển kết cấu hạ tầng và quy hoạch ngành – lĩnh vực</p> <p>Công tác chỉnh trang và phát triển đô thị có chuyển biến tích cực. Công tác quản lý phát triển đô thị gắn với quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường đạt nhiều kết quả. Công tác phòng, chống biến đổi khí hậu được quan tâm</p> <p>Đẩy nhanh tiến độ thực hiện và đưa nhiều công trình giao thông vào khai thác, sử dụng góp phần cải thiện giao thông khu vực như: Cảng Cát Lái, sân bay Tân Sơn Nhất, các tuyến đường vành đai 3, nút giao cửa ngõ Thành phố. Công tác quản lý đô thị, quản lý giao thông, trật tự đô thị đã đạt được nhiều kết quả. Các ứng dụng công nghệ thông tin được triển khai rộng rãi và có chiều sâu trong các hoạt động quản lý nhà nước, hỗ trợ hiệu quả công tác cải cách hành chính, phục vụ người dân và doanh nghiệp ngày càng tốt hơn. Đề án “Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh trở thành đô thị thông minh giai đoạn 2017 - 2020, tầm nhìn đến năm 2025” được triển khai mạnh mẽ, góp phần đẩy mạnh và thực hiện hiệu quả công tác cải cách hành chính, phục vụ tốt nhân dân và doanh nghiệp.</p>	

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
	<p>Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, quản lý và phát triển đô thị Thành phố vẫn còn những tồn tại, hạn chế. Kết cấu hạ tầng đô thị chưa đồng bộ, chưa đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Các chương trình giảm ùn tắc giao thông, giảm ngập nước, giảm ô nhiễm môi trường đã đề ra và được triển khai bằng nhiều giải pháp nhưng chưa đạt kết quả rõ rệt. Quản lý quy hoạch, quản lý đất đai vẫn còn hạn chế và chưa đáp ứng yêu cầu phát triển của Thành phố.</p>	
	<p>Đề xuất các yêu cầu, giải pháp nội dung cần thực hiện về phát triển đô thị và nông thôn</p>	
IV.7	<p>Đề xuất các yêu cầu, giải pháp nội dung cần thực hiện về phát triển đô thị và nông thôn (trang 361)</p> <p>Tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách về kết hợp và phát huy nguồn lực trong quản lý phát triển đô thị bền vững, bao gồm cơ chế chính sách đặc thù cho phát triển các đô thị lớn, trọng tâm, hạt nhân của các vùng.</p> <p>Nghiên cứu, đề xuất điều chỉnh các nội dung trong các luật liên quan đến cơ chế, chính sách khuyến khích các nguồn lực tham gia đầu tư, xây dựng phát triển đô thị, nhằm tháo gỡ những vướng mắc, giải phóng nguồn lực đầu tư cơ sở hạ tầng và khai thác giá trị đất đai. Nghiên cứu giải pháp thúc đẩy phương thức xã hội hóa trong đầu tư các dự án chính trang và phát triển đô thị, nhằm huy động mọi nguồn lực, các thành phần kinh tế cùng tham gia.</p>	<p>Tiếp thu ý kiến, đã xem xét để tích hợp ý kiến góp ý vào “GIẢI PHÁP NGUỒN LỰC VÀ THỰC HIỆN QUY HOẠCH”</p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
	<p>Xây dựng chiến lược phát triển đô thị và phân kỳ đầu tư hợp lý, kết nối hệ thống cơ sở hạ tầng nhằm hỗ trợ xây dựng và phát triển hệ sinh thái kinh tế dịch vụ, công nghiệp, công nghệ cao trên các nguyên lý của nền kinh tế số, kinh tế chia sẻ và kinh tế tuần hoàn.</p>	
<p><i>(Trả lời công văn số 2440/SQHKT-QHC ngày 21/6/2023 của Sở Quy hoạch kiến trúc)</i></p>		
1	<p>Về nội dung thuyết minh báo cáo Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050: Nội dung góp ý Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã góp ý tại Công văn số 1149/UBND-ĐT ngày 29/3/2023 gửi Bộ Xây dựng. Qua rà soát, nội dung thuyết minh báo cáo Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050 lần này đã nghiên cứu tiếp thu, chỉnh sửa, bổ sung rõ hơn và có giải trình cụ thể các nội dung góp ý. Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cơ bản thống nhất với nội dung dự thảo báo cáo thuyết minh.</p>	<p>Thống nhất góp ý</p>
2	<p>Về dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 Tại điểm b, khoản 1, Điều 3, trang 7 (gạch đầu dòng thứ 2), đề nghị điều chỉnh từ “<i>Thành phố TPHCM: là Thành phố "Năng động - Hiện đại"; là trung tâm động lực thúc đẩy phát triển vùng ĐNB, vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, ĐBSCL và cả nước; hội nhập quốc tế sâu rộng, có sức</i></p>	<p>Nghiên cứu tiếp thu ý kiến, chỉnh sửa tại quyết định phê duyệt cho phù hợp đối tượng và phạm vi của quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn 2050 phù hợp theo quy định.</p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
	<p><i>cạnh tranh cao với khu vực và thế giới, phấn đấu phát triển ngang tầm với các thành phố lớn khu vực Châu Á Thái Bình Dương. TPHCM là thành phố một trong những trung tâm kinh tế lớn, có tầm ảnh hưởng ở khu vực Châu Á Thái Bình Dương và quốc tế”</i> Thành: “Thành phố Hồ Chí Minh là trung tâm động lực thúc đẩy phát triển vùng ĐNB, vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, ĐBSCL và cả nước, trở thành thành phố văn minh, hiện đại, nghĩa tình, năng động sáng tạo, có nguồn nhân lực chất lượng cao; là thành phố dịch vụ - công nghiệp hiện đại, đầu tàu về kinh tế số, xã hội số, trung tâm kinh tế, tài chính, thương mại, văn hoá, giáo dục, khoa học - công nghệ của cả nước, hội nhập quốc tế sâu rộng, có vị thế nổi trội trong khu vực Đông Nam Á. Thành phố Hồ Chí Minh phát triển ngang tầm các đô thị lớn trên thế giới, trở thành trung tâm kinh tế, tài chính, dịch vụ của Châu Á, là điểm đến hấp dẫn toàn cầu; kinh tế, văn hoá phát triển đặc sắc, người dân có chất lượng cuộc sống cao; là hạt nhân của vùng Thành phố Hồ Chí Minh và vùng Đông Nam Bộ, cực tăng trưởng của cả nước; nơi thu hút các định chế tài chính và tập đoàn kinh tế quốc tế”. Lý do: Nhằm thể hiện đầy đủ các nội dung về mục tiêu và tầm nhìn phát triển Thành phố Hồ Chí Minh trong giai đoạn tới theo phương hướng, nhiệm vụ của Nghị quyết số 31-NQ/TW ngày 30/12/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.</p>	
3	<p>Hiện nay mô hình thành phố thuộc thành phố ở các đô thị đặc biệt như thành phố Thủ Đức thuộc Thành phố Hồ Chí Minh là đô thị tương đương đô thị loại I, đô thị sáng tạo tương tác cao . . . động lực thúc đẩy không chỉ của Thành phố Hồ Chí Minh</p>	<p>Nghiên cứu tiếp thu ý kiến, chỉnh sửa bổ xung nội dung phân cấp, phân loại trung tâm đô thị cấp quốc gia và cấp vùng của mô hình thành phố trực thuộc thành phố trung ương, đảm bảo</p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
	<p>mà cho các khu vực lân cận, nằm trên tuyến hành lang kinh tế xuyên Á phía Nam quan trọng của khu vực, mô hình mang tính đặc thù, kiểu mẫu cho các đô thị khác trong cả nước (không hoàn toàn giống như các đô thị loại I khác). Tuy nhiên, đối với định hướng mạng lưới trung tâm đô thị theo phân cấp đơn vị hành chính của dự thảo (điểm d, khoản 1, Điều 3, bao gồm: Vùng đô thị, thành phố trực thuộc trung ương, trung tâm đô thị cấp vùng, trung tâm đô thị cấp tỉnh, trung tâm đô thị cấp huyện) mô hình thành phố thuộc thành phố chưa được đề cập trong mạng lưới trung tâm đô thị và các chuỗi và chùm đô thị. Do đó, đối với mô hình thành phố thuộc thành phố ở các đô thị đặc biệt đề nghị cần nghiên cứu bổ sung thành một nội dung riêng trong mạng lưới trung tâm đô thị cho đầy đủ, từ đó nghiên cứu các chính sách, cơ chế phát triển cho phù hợp.</p>	<p>nguyên tắc phát huy các lợi thế và đề xuất cơ chế chính sách liên quan.</p>
	<p><i>(Trả lời công văn số 2767/UBND-ĐT ngày 22/6/2023 của UBND TP Hồ Chí Minh)</i></p>	
1	<p><i>Về nội dung thuyết minh báo cáo Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050:</i></p> <p>Nội dung góp ý Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã góp ý tại Công văn số 1149/UBND-ĐT ngày 29/3/2023 gửi Bộ Xây dựng. Qua rà soát, nội dung thuyết minh báo cáo Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050 lần này đã nghiên cứu tiếp thu, chỉnh sửa, bổ sung rõ hơn và có giải trình cụ thể các nội dung góp ý. Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cơ bản thống nhất với nội dung dự thảo báo cáo thuyết minh.</p>	<p>Thống nhất góp ý</p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
2	<p>Về dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050</p> <p>Tại điểm b, khoản 1, Điều 3, trang 7 (gạch đầu dòng thứ 2), đề nghị điều chỉnh từ “Thành phố TP HCM: là Thành phố “<i>Năng động - Hiện đại</i>”; là trung tâm động lực thúc đẩy phát triển vùng ĐNB, vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, ĐBSCL và cả nước; hội nhập quốc tế sâu rộng, có sức cạnh tranh cao với khu vực và thế giới, phấn đấu phát triển ngang tầm với các thành phố lớn khu vực Châu Á Thái Bình Dương. TP HCM là thành phố một trong những trung tâm kinh tế lớn, có tầm ảnh hưởng ở khu vực Châu Á Thái Bình Dương và quốc tế”</p> <p>Thành: “Thành phố Hồ Chí Minh là trung tâm động lực thúc đẩy phát triển vùng ĐNB, vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, ĐBSCL và cả nước, trở thành thành phố văn minh, hiện đại, nghĩa tình, năng động sáng tạo, có nguồn nhân lực chất lượng cao; là thành phố dịch vụ - công nghiệp hiện đại, đầu tàu về kinh tế số, xã hội số, trung tâm kinh tế, tài chính, thương mại, văn hoá, giáo dục, khoa học - công nghệ của cả nước, hội nhập quốc tế sâu rộng, có vị thế nổi trội trong khu vực Đông Nam Á. Thành phố Hồ Chí Minh phát triển ngang tầm các đô thị lớn trên thế giới, trở thành trung tâm kinh tế, tài chính, dịch vụ của Châu Á, là điểm đến hấp dẫn toàn cầu; kinh tế, văn hoá phát triển đặc sắc, người dân có chất lượng cuộc sống cao; là hạt nhân của vùng Thành phố Hồ Chí Minh và vùng Đông Nam</p>	<p>Nghiên cứu tiếp thu ý kiến, chỉnh sửa tại quyết định phê duyệt cho phù hợp đối tượng và phạm vi của Qh hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn 2050 phù hợp theo quy định.</p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
	<p><i>Bộ, cục tăng trưởng của cả nước; nơi thu hút các định chế tài chính và tập đoàn kinh tế quốc tế”.</i></p> <p>Lý do: Nhằm thể hiện đầy đủ các nội dung về mục tiêu và tầm nhìn phát triển Thành phố Hồ Chí Minh trong giai đoạn tới theo phương hướng, nhiệm vụ của Nghị quyết số 31-NQ/TW ngày 30/12/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.</p>	
3	<p>Hiện nay mô hình thành phố thuộc thành phố ở các đô thị đặc biệt như thành phố Thủ Đức thuộc Thành phố Hồ Chí Minh là đô thị tương đương đô thị loại I, đô thị sáng tạo tương tác cao . . . động lực thúc đẩy không chỉ của Thành phố Hồ Chí Minh mà cho các khu vực lân cận, nằm trên tuyến hành lang kinh tế xuyên Á phía Nam quan trọng của khu vực, mô hình mang tính đặc thù, kiểu mẫu cho các đô thị khác trong cả nước (không hoàn toàn giống như các đô thị loại I khác). Tuy nhiên, đối với định hướng mạng lưới trung tâm đô thị theo phân cấp đơn vị hành chính của dự thảo (điểm d, khoản 1, Điều 3, bao gồm: Vùng đô thị, thành phố trực thuộc trung ương, trung tâm đô thị cấp vùng, trung tâm đô thị cấp tỉnh, trung tâm đô thị cấp huyện) mô hình thành phố thuộc thành phố chưa được đề cập trong mạng lưới trung tâm đô thị và các chuỗi và chùm đô thị. Do đó, đối với mô hình thành phố thuộc thành phố ở các đô thị đặc biệt đề nghị cần nghiên cứu bổ sung thành một nội</p>	<p>Nghiên cứu tiếp thu ý kiến, chỉnh sửa bổ xung nội dung phân cấp, phân loại trung tâm đô thị cấp quốc gia và cấp vùng của mô hình thành phố trực thuộc thành phố trung ương, đảm bảo nguyên tắc phát huy các lợi thế và đề xuất cơ chế chính sách liên quan.</p> <p>Nội dung góp ý của quý cơ quan được đề cập tại (BC Tổng hợp - PHẦN THỨ HAI, Chương IV, Mục IV. 2.1.2. Trung tâm đô thị cấp quốc gia - thành phố trực thuộc Trung ương).</p> <p>Cụ thể: Đối với các thành phố trực thuộc của thành phố trực thuộc TW: Mạng lưới trung tâm đô thị các cấp bao gồm đô thị trung tâm cấp quốc gia, đô thị trung tâm cấp vùng, đô thị trung tâm cấp tỉnh, đô thị trung tâm cấp huyện, và đô thị trung tâm cấp xã. Thành phố trực thuộc thành phố TW tùy thuộc vào quy mô, tính chất, chức năng, vị thế địa kinh tế sẽ được sắp xếp vào các vị trí sau:</p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
	dung riêng trong mạng lưới trung tâm đô thị cho đầy đủ, từ đó nghiên cứu các chính sách, cơ chế phát triển cho phù hợp.	<ul style="list-style-type: none"> - Đô thị trung tâm cấp quốc gia: khi thành phố trực thuộc thành phố TW nằm trong không gian khu vực đô thị trung tâm (liền kề với khu vực quận). Ví dụ: thành phố Thủ Đức hoặc thành phố Thủy Nguyên-Hải Phòng; - Đô thị trung tâm cấp vùng: khi thành phố trực thuộc Thủ đô không nằm trong không gian khu vực đô thị trung tâm; có tính chất, chức năng đô thị đáp ứng vai trò đô thị cấp vùng hoặc đô thị chuyên ngành quốc gia. Ví dụ: đô thị Hoà Lạc. - Đô thị trung tâm cấp tỉnh: khi thành phố trực thuộc Thủ đô không nằm trong không gian khu vực đô thị trung tâm. Ví dụ: Sơn Tây.
V. THÀNH PHỐ CẦN THƠ <i>(Trả lời công văn số 93/SXD-QHKT ngày 11/01/2023 của Sở Xây dựng thành phố Cần Thơ)</i>		
V.1	Về lựa chọn kịch bản phát triển hệ thống đô thị và nông thôn, thành phố Cần Thơ thống nhất với phương án chọn (kịch bản 3 có kết hợp phân chia các giai đoạn).	Nhất trí
V.2	Về nội dung đánh giá và đang nghiên cứu đối với quy định về loại đô thị (tổ chức tư vấn còn tiếp tục nghiên cứu), thành phố Cần Thơ sẽ cùng phối hợp có ý kiến cụ thể sau khi có được nội dung cụ thể ở các dự thảo lần kế tiếp.	Nhất trí

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
<i>(Trả lời công văn số 1730/SXD-QHKT ngày 12/6/2023 của Sở Xây dựng TP. Cần Thơ)</i>		
V.3	<p>Sau khi nghiên cứu dự thảo, Sở Xây dựng thành phố Cần Thơ cơ bản thống nhất dự thảo Tờ trình và dự thảo Quyết định phê duyệt Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Và có một số nội dung góp ý chi tiết dưới đây:</p> <p>Điểm g Khoản 1 Điều 3 Dự thảo Quyết định (Góp ý 1): Đô thị thích ứng biến đổi khí hậu: đề nghị soạn thảo nội dung đặc thù cho Vùng đô thị Cần Thơ.</p>	<p>Tiếp thu ý kiến và giải trình như sau:</p> <p>Tiếp thu ý kiến góp ý, đã bổ sung định hướng thích ứng với biến đổi khí hậu cho Vùng đô thị Cần Thơ. Cần ưu tiên thực hiện nghiên cứu đánh giá năng lực thích ứng BĐKH của Vùng đô thị Cần Thơ, là vùng được dự báo nguy cơ ngập cao nhất trong 4 vùng đô thị. Các kết quả nghiên cứu có được từ nghiên cứu này phải tiếp tục được xem xét, cân nhắc trong các nghiên cứu quy hoạch phát triển đô thị và nông thôn của vùng để đưa ra các giải pháp quy hoạch thích ứng với BĐKH một cách hiệu quả, phù hợp với điều kiện địa phương.</p>
V.4	<p>Điểm a Khoản 3 Điều 3 Dự thảo Quyết định (Góp ý 2):</p> <p>“quỹ đất giao thông đô thị”: kiến nghị ghi rõ đến cấp đường nào theo quy chuẩn xây dựng Việt Nam hiện hành (để làm cơ sở cụ thể hóa, tránh hiểu lầm ở các cấp độ quy hoạch xây dựng)</p> <p>Tỷ lệ diện tích giao thông: kiến nghị ghi rõ “tính trên diện tích đất xây dựng đô thị để đảm bảo thống nhất với cách tính tại Quy chuẩn xây dựng Việt Nam hiện hành.</p>	<p>Tiếp thu ý kiến và giải trình như sau:</p> <p>Quỹ đất giao thông theo quy định của Luật giao thông đường bộ và quy hoạch ngành tích hợp vào quy hoạch này.</p> <p>Quy chuẩn là các yêu cầu bắt buộc phải thực hiện vì vậy không cần nhắc lại trong quyết định này.</p>
V.5	<p>Tiết 6 Khoản 2 Điều 4 Dự thảo (Góp ý 3):</p> <p>Kiến nghị soạn thảo theo mô hình Đông Nam Bộ. Lý do: thành phố Cần Thơ là đô thị loại I nhưng về bản chất là cấp tỉnh, không đồng nhất với đô thị loại I là thành phố thuộc tỉnh (thành</p>	<p>Tiếp thu chỉnh sửa, bổ sung quan hệ và vai trò của Vùng đô thị cần thơ Khai thác trục giao thông kết nối Cần Thơ - Mỹ Thuận - Trung Lương - Thành phố Hồ Chí Minh để tập trung phát triển đô thị, tạo sự lan tỏa tới các khu vực khác trong</p>

TT	Ý KIẾN GÓP Ý	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH
	phố Mỹ Tho – tỉnh Tiền Giang, thành phố Long Xuyên – tỉnh An Giang). Cần nêu rõ mối quan hệ và vai trò.	vùng. Phát triển thành phố Cần Thơ là cực tăng trưởng, thúc đẩy phát triển toàn bộ vùng đồng bằng sông Cửu Long.

MỤC LỤC

I. THÀNH PHỐ HÀ NỘI	1
SỞ QUY HOẠCH KIẾN TRÚC HÀ NỘI.....	1
<i>(Trả lời công văn 225/QHKT-ĐTVT ngày 13/01/2023 của Sở Quy hoạch Kiến trúc Hà Nội)</i>	1
VIỆN NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI HÀ NỘI.....	18
<i>(Trả lời công văn số 33/VNC-TQH ngày 31/01/2023 của Hội Quy hoạch phát triển đô thị Việt Nam)</i>	18
VIỆN QUY HOẠCH XÂY DỰNG HÀ NỘI	21
<i>(Trả lời công văn số 77/VQH-NCĐTQT ngày 10/01/2023 của Viện Quy hoạch xây dựng Hà Nội)</i>	21
<i>(Trả lời công văn số 1849/UBND-ĐT ngày 19/6/2023 góp ý lần 2 của UBND thành phố Hà Nội)</i>	25
II. THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG	32
<i>(Trả lời công văn số 133/SXD-QHKT ngày 16/01/2023 của UBND thành phố Hải Phòng)</i>	32
<i>(Trả lời công văn số 1174/UBND-QH ngày 26/05/2023 của UBND thành phố Hải Phòng)</i>	37
III. THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG	45
<i>(Trả lời công văn số 2222/SXD-QHKT&PTĐT ngày 05/04/2023 của Sở Xây dựng thành phố Đà Nẵng)</i>	45
<i>(Trả lời công văn số 4336/SXD-QHKT&PTĐT ngày 15/6/2023 của Sở Xây dựng TP Đà Nẵng)</i>	59
IV. THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	66
<i>(Trả lời công văn số 114/SXD-QHKT ngày 16/01/2023 của Sở Xây dựng thành phố Hồ Chí Minh)</i>	66
<i>(Trả lời công văn số 2440/SQHKT-QHC ngày 21/6/2023 của Sở Quy hoạch kiến trúc)</i>	70
<i>(Trả lời công văn số 2767/UBND-ĐT ngày 22/6/2023 của UBND TP Hồ Chí Minh)</i>	72
V. THÀNH PHỐ CẦN THƠ	75
<i>(Trả lời công văn số 93/SXD-QHKT ngày 11/01/2023 của Sở Xây dựng thành phố Cần Thơ)</i>	75
<i>(Trả lời công văn số 1730/SXD-QHKT ngày 12/6/2023 của Sở Xây dựng TP. Cần Thơ)</i>	76

BÁO CÁO TỔNG HỢP Ý KIẾN GÓP Ý

(CÁC ĐỊA PHƯƠNG (KHÔNG BAO GỒM 5 THÀNH PHỐ TRUNG ƯƠNG))

Bộ Xây dựng đã có công văn số 1620/BXD-PTĐT ngày 25/04/2023 về việc góp ý nội dung hồ sơ Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn 2050. Các ý kiến góp ý Bộ Xây dựng tiếp nhận đến ngày 30/6/2023 là 57/57 địa phương (không bao gồm 5 thành phố trực thuộc trung ương). Trên cơ sở các ý kiến góp ý, Bộ Xây dựng tổng hợp các ý kiến và tiếp thu giải trình như sau:

Số ý kiến thống nhất với nội dung hồ sơ Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn 2050 là 38 địa phương. Ngoài ra có 19/57 địa phương có ý kiến khác, bổ sung hoàn thiện Báo cáo. Cụ thể:

I. Về thực trạng đô thị hóa, phân loại, phân cấp đô thị

1) Có 48/57 địa phương có ý kiến khác góp ý bổ sung đối với hiện trạng phân loại đô thị, cách tính tỷ lệ đô thị hóa, dân số đô thị và số liệu hiện trạng.

2) Nội dung góp ý của các tỉnh về phân loại đô thị tập trung vào đề nghị chỉnh sửa hệ thống đô thị tỉnh. Đồ án nghiên cứu các văn bản góp ý, so sánh với quy hoạch tỉnh đã phê duyệt hoặc đã thẩm định, đánh giá tính khả thi thực hiện, trao đổi thêm với địa phương và tiếp thu, cập nhật vào Phụ lục: Quy hoạch hệ thống đô thị đến năm 2030 - “Danh mục các đô thị loại đặc biệt, loại I, loại II, loại III”. Các đô thị loại IV và loại V xác định trong quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh.

II. Liên kết ngành, liên kết vùng

Có 08/57 địa phương có ý kiến góp ý là Sơn La, Thái Bình, Thái Nguyên, Bình Dương, Trà Vinh, Bến Tre, Lâm Đồng và Kiên Giang.

- Thái Bình - Nam đồng bằng sông Hồng: Khu vực tiểu vùng phía Nam ĐBSH có thành phố Nam Định là trung tâm tiểu vùng Nam ĐBSH gắn với việc

phát triển đô thị động lực là Thái Bình với hành lang kinh tế ven biển Quảng Ninh - Hải Phòng - Thái Bình - Nam Định - Ninh Bình.

- Thái Nguyên -Vùng TD-MNPB: nhằm thúc đẩy tăng trưởng vùng trung du và miền núi phía Bắc và cực tăng trưởng phía Bắc của Vùng đô thị Hà Nội, kiến nghị nghiên cứu bổ sung Thái Nguyên là một trong những đô thị động lực thúc đẩy tăng trưởng của vùng.

- Sơn La - Vùng TD-MNPB: căn cứ Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 10/02/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 xác định “*Xây dựng các thành phố Thái Nguyên, Bắc Giang, Lào Cai, Sơn La, Lạng Sơn trở thành các cực tăng trưởng, hạt nhân quan trọng trong phát triển kinh tế vùng*”, do đó kiến nghị bổ sung mạng lưới trung tâm đô thị theo phân cấp đơn vị hành chính”, đối với trung tâm đô thị cấp vùng xem xét bổ sung đô thị thành phố Sơn La là đô thị trung tâm vùng Trung du miền núi phía Bắc Ngoài ra đề nghị xem xét bổ sung đô thị Mộc Châu phát triển đô thị với không gian du lịch cấp quốc gia nhằm mục tiêu phát triển dựa trên “*Liên kết ngành*”, đối với văn hóa, thể thao, du lịch.

- Bình Dương-Vùng Đông Nam Bộ: Bổ sung trung tâm động lực của vùng là đô thị Dĩ An để củng cố liên kết hệ thống đô thị của vùng Đông Nam Bộ.

- Lâm Đồng - Vùng Tây Nguyên: Kiến nghị khu vực Tây Nguyên định hướng có ít nhất 01 thành phố trực thuộc Trung ương để tạo động lực liên kết và phát triển vùng là hợp lý trên phương diện cân bằng phát triển KT-XH giữa các vùng, miền nhưng cần cân nhắc về cấp loại đô thị phù hợp với động lực phát triển và khả năng lan tỏa phát triển của đô thị động lực tới vùng, và quốc gia.

Xu hướng phát triển đô thị xanh cũng cần khuyến khích, đặc biệt là với khu vực Tây nguyên có vị trí đầu nguồn, được xem là lá phổi xanh của quốc gia nên cần ưu tiên đầu tư cho công tác bảo vệ môi trường, bảo vệ rừng và nguồn nước mặt, phát triển đô thị sinh thái văn hóa.

- Trà Vinh-Vùng đồng bằng sông Cửu Long: Củng cố liên kết vùng duyên hải đồng bằng sông Cửu Long đề nghị bổ sung thành phố Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

- Bến Tre-Vùng đồng bằng sông Cửu Long: về định hướng phát triển đô thị, đề nghị nghiên cứu bổ sung thêm trục động lực phát triển đối với tuyến đường quy hoạch mới ven biển (tuyến động lực phát triển kinh tế ven biển - **trục hành**

lang kinh tế biển) kết nối tỉnh Tiền Giang, Bến Tre, Trà Vinh, Sóc Trăng là phù hợp, nhằm khai thác lợi thế về phát triển hành lang hạ tầng vùng cho đô thị hóa dải ven biển vùng. Tuy nhiên cần cân nhắc bổ sung giải pháp phòng chống thiên tai, thích ứng biến đổi khí hậu cho các dải đô thị liên tỉnh này.

- Kiên Giang - Vùng đồng bằng sông Cửu Long: *“Xây dựng hành lang kinh tế ven biển Vịnh Thái Lan làm xương sống thúc đẩy sự phát triển của toàn vùng; Đẩy nhanh tốc độ đô thị hóa, xây dựng một số đô thị ven biển thành các trung tâm kinh tế biển mạnh, các trung tâm tiến ra biển và các hạt nhân tăng trưởng của từng khu vực để thúc đẩy kinh tế biển, đảo”* (QĐ số 18/2009/QĐ-TTg ngày 03/02/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt QHTT KTXH vùng biển và ven biển Việt Nam thuộc Vịnh Thái Lan đến 2020). Các đô thị trong vùng, gồm: *Thành phố Rạch Giá có vai trò là trung tâm kinh tế biển, Tập trung xây dựng Phú Quốc thành trung tâm dịch vụ, du lịch sinh thái chất lượng cao, du lịch biển, đảo tầm cỡ Quốc gia và Quốc tế, Phát triển thành phố Cà Mau trong sự gắn kết với khu công nghiệp (KCN) khí - điện - đạm Cà Mau và các đô thị vệ tinh, hình thành một cụm đô thị lớn, một trung tâm kinh tế mạnh ở phía Đông, Xây dựng Hà Tiên trở thành trung tâm du lịch - dịch vụ lớn của Vùng; đồng thời là đô thị cửa khẩu hiện đại ở biên giới Tây Nam của Tổ quốc. Mở rộng cảng hàng không quốc tế Phú Quốc; cảng hàng không Rạch Giá* (Nghị quyết số 78/NQ-CP ngày 18/6/2022 Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 02/4/2022 của Bộ Chính trị về Phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Quyết định số 287/QĐ-TTg ngày 28/2/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch vùng ĐBSCL thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050).

III. Phát triển hệ thống đô thị

Tổng số có 34/57 ý kiến địa phương góp ý bổ sung hệ thống đô thị.

Đối với địa phương (Vùng ĐBSH: Bắc Ninh, Quảng Ninh, Hải Dương, Hưng Yên, Thái Bình, Hà Nam, Nam Định, Ninh Bình, Vùng TD-MNPB: Thái Nguyên, Điện Biên, Sơn La, Vùng BTB-DHMT Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Quảng Nam, Bình Định, Phú Yên, Ninh Thuận, Vùng Kon Tum, Đak Lak, Đak Nông, Lâm Đồng, Vùng Đông Nam Bộ: TP HCM, Bà Rịa-Vũng Tàu, Vùng ĐBSCL: Long An, Bến Tre, Trà Vinh, An Giang, Cần Thơ, Sóc Trăng, Cà Mau) đã được nghiên cứu, chỉnh sửa phương án tối ưu, cân bằng lợi ích giữa phát triển địa phương với vùng và quốc gia.

(1) Các địa phương có ý kiến bổ sung liên quan tới ảnh hưởng tác động của cực tăng trưởng, vùng đô thị lớn quốc gia gồm Bắc Ninh, Hạ Long, Hưng Yên, Thái Bình, Thái Nguyên, Thanh Hóa, Thừa Thiên Huế, Quảng Nam và Lâm Đồng.

(2) Các địa phương có ý kiến góp ý bổ sung trung tâm chức năng quốc gia về dịch vụ logistic, du lịch như Điện Biên, Ninh Bình, Phan Rang-Tháp Chàm, Đắk Lak, Bà Rịa – Vũng Tàu.

(3) Các địa phương có ý kiến bổ sung trung tâm vùng, chuỗi chùm đô thị gắn với các vùng đô thị hóa. Gồm: Thái Bình gắn với Cao tốc CT.39 (*đường vành đai V vùng Hà Nội*), cao tốc CT.16 (*cao tốc Thái Bình - Hưng Yên*), cao tốc CT.08 (*cao tốc Ninh Bình - Hải Phòng*, Thái Nguyên gắn với chuỗi đô thị của vùng động lực Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh (vùng động lực phía Bắc), Quảng Trị gắn với Chuỗi đô thị hành lang kinh tế Cầu Treo - Vũng Áng & Lao Bảo - Đông Hà - Đà Nẵng, Nghệ An *đẩy mạnh phát triển vùng Nam Thanh Hóa- Bắc Nghệ An, tập trung xây dựng vùng Hoàng Mai- Đông Hội gắn với Khu kinh tế Nghi Sơn*, Thanh Hóa tạo thành *một cực tăng trưởng mới cùng với Hà Nội, Hải Phòng và Quảng Ninh tạo thành tứ giác phát triển ở phía Bắc*, Đắk Nông chuỗi đô thị gắn với trục đường Hồ Chí Minh trong Vùng Tây Nguyên, An Giang chuỗi đô thị hành lang kinh tế; vùng vành đai động lực nằm trên hành lang kinh tế Đông Tây theo tuyến biên giới (trong đó có An Giang) gắn với Campuchia,... để phát triển khu kinh tế cửa khẩu quốc tế gắn với phát triển đô thị và các vùng nông thôn., Sóc Trăng và Cà Mau gắn với chuỗi đô thị trên hành lang kinh tế Đông – Tây chuỗi đô thị hành lang kinh tế Châu Đốc – Cần Thơ – Sóc Trăng, Kiên Giang xây dựng hành lang kinh tế ven biển vịnh Thái Lan làm khung phát triển của cả vùng, xây dựng một số đô thị ven biển thành các trung tâm kinh tế biển mạnh, các trung tâm tiến ra biển và các hạt nhân tăng trưởng của từng khu vực để thúc đẩy kinh tế biển, đảo.

Một số ý kiến góp ý cụ thể khác.

IV. Về quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật

Tổng số có 10/57 địa phương có ý kiến góp ý bổ sung Dự thảo Quy hoạch về hạ tầng kỹ thuật.

4.1. Đối với các ý kiến góp ý về giao thông (Lạng Sơn, Vĩnh Phúc, Đắk Lắk, An Giang)

Các nội dung về hiện trạng giao thông đường sắt, giao thông công cộng đã được trình bày tại Mục Hiện trạng hạ tầng giao thông, các nội dung tích hợp định hướng quy hoạch ngành đã được trình bày tại Mục Định hướng hạ tầng giao thông.

Các chỉ tiêu đang thực hiện theo Luật Giao thông đường bộ, việc chọn các chỉ tiêu nhỏ hơn Luật là không phù hợp tại thời điểm này (cần phải chờ đến khi Luật Giao thông đường bộ điều chỉnh).

Tiếp thu chỉnh sửa các chỉ tiêu về giao thông tĩnh tại mục Định hướng hạ tầng giao thông tĩnh

4.2. Đối với các ý kiến góp ý về chỉ tiêu về cấp nước (Hoà Bình, An Giang, Bình Định, Bến Tre)

Chỉ tiêu cấp nước đã được tích hợp từ Định hướng Cấp nước đô thị và KCN, định hướng Cấp nước và VSMT nông thôn. Mốc thời gian đã được xác định chi tiết trong quy hoạch gồm 02 thời kỳ là : 2021 – 2025 và 2026 – 2030.

Các nội dung về công trình cấp nước của tỉnh không thuộc phạm vi quy định của quy hoạch này mà do Quy hoạch tỉnh xác định. Các nội dung chi tiết về Biến đổi khí hậu được trình bày trong phần Bảo vệ môi trường của báo cáo tổng hợp và Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược. Bên cạnh đó, các giải pháp cấp nước (lựa chọn nguồn)) tại mục Định hướng hạ tầng cấp nước cũng đã có xét đến tác động của biến đổi khí hậu và nước biển dâng.

Bổ sung nội dung liên quan đến hệ thống cấp nước liên tỉnh tại vùng đồng bằng sông Cửu Long tại mục Định hướng hạ tầng cấp nước.

4.3. Đối với các ý kiến góp ý về chỉ tiêu thoát nước và xử lý nước thải (Hải Dương, Bình Định, Đắk Lắk)

Tiếp thu, thống nhất các chỉ tiêu thoát nước và xử lý nước thải trong các mục báo cáo tổng hợp tại mục Định hướng hạ tầng thoát nước và xử lý nước thải.. Các chỉ tiêu này đang căn cứ trên Dự thảo Quy hoạch bảo vệ môi trường thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Định hướng thoát nước và xử lý nước thải đô thị và KCN, sẽ tiếp tục rà soát và cập nhật khi Quy hoạch bảo vệ môi trường thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt và các nội dung dự kiến điều chỉnh Định hướng thoát nước và xử lý nước thải đô thị và KCN theo ý kiến của Cục Hạ tầng kỹ thuật – Bộ Xây dựng.

4.4. Đối với các ý kiến góp ý về khu xử lý chất thải rắn quốc gia, vùng (Hoà Bình, Quảng Ninh, Long An)

Quy hoạch hiện đang tích hợp nội dung định hướng khu xử lý chất thải rắn cấp vùng của Dự thảo Quy hoạch bảo vệ môi trường thời kỳ 2021 – 2030,

tầm nhìn đến năm 2050. Sẽ tiếp tục rà soát và cập nhật khi Quy hoạch bảo vệ môi trường thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt.

Các nội dung về khu xử lý chất thải rắn của tỉnh không thuộc phạm vi quy định của quy hoạch này mà do Quy hoạch tỉnh xác định.

4.5. Đối với các ý kiến góp ý về chỉ tiêu về nghĩa trang (Hòa Bình, Bình Định, Bình Dương)

Chỉ tiêu 0,04 ha đất nghĩa trang/người là chỉ tiêu tối thiểu theo quy định trong QCVN 01:2021/BXD không phải là chỉ tiêu sử dụng để cho công tác thiết kế quy hoạch, việc sử dụng chỉ tiêu tối thiểu để thiết kế quy hoạch là chưa hiểu rõ vai trò của Quy chuẩn và Tiêu chuẩn trong quản lý hoạt động xây dựng.

Tiếp thu chỉnh sửa thông tin về các nghĩa trang cấp vùng theo ý kiến góp ý tại mục Định hướng hạ tầng nghĩa trang, các nội dung về nghĩa trang của tỉnh không thuộc phạm vi quy định của quy hoạch này mà do Quy hoạch tỉnh xác định.

4.6. Đối với các ý kiến góp ý về quy hoạch năng lượng, cấp điện (An Giang)

Tiếp thu cập nhật các nội dung từ Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quy hoạch điện VIII) đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 500/QĐ-TTg ngày 15 tháng 5 năm 2023.

V. Đối với quy hoạch nông thôn, điểm dân cư nông thôn

Tổng số 10/57 có địa phương có ý kiến đóng góp bổ sung trong Dự thảo quy hoạch: Cao Bằng, Hà Nam, Hà Giang, Tuyên Quang, Thái Nguyên, Phú Thọ, Hà Tĩnh, Bình Thuận, Quảng Nam, Sóc Trăng.

5.1. Đối với căn cứ pháp lý quy hoạch nông thôn (Tỉnh Tuyên Quang)

Thống nhất, tiếp thu, chỉnh sửa, thay thế “Thông tư 02/2017/TT-BXD ngày 01/3/2017 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về quy hoạch xây dựng nông thôn” bằng “Thông tư 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng hướng dẫn quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đề án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn”.

Thay thế từ “Thông tư 02/2017/TT-BXD ngày 01/3/2017 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về quy hoạch xây dựng nông thôn” sang “Thông tư 04/2022/TT-BXD

ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng hướng dẫn quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn” tại Phần 4 Căn cứ pháp lý.

5.2. Đối với các ý kiến về Khái niệm nông thôn, nông thôn xanh (Tỉnh Cao Bằng)

Một số khái niệm đã được trình bày tại dự thảo như Điểm dân cư nông thôn, nông thôn, làng thông minh...(tại Phần III/II/mục 5.3.7. Điểm DCNT ứng dụng công nghệ số- trang 473).

Thông nhất bổ sung một số khái niệm như nông thôn xanh,... tại Phần III/II/ mục 5.3.3. Điểm DCNT gắn với kinh tế nông nghiệp (trang 452). Cụ thể như sau:

“Nông thôn xanh là khu vực sinh sống và làm việc chung của cộng đồng dân cư, hoạt động sản xuất nông nghiệp là chủ yếu; đạt các tiêu chuẩn về cảnh quan môi trường cao theo bộ tiêu chí nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu của giai đoạn 2021-2025.

Để hình thành được những làng quê đáng mơ ước, an toàn, sạch đẹp, các xã nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu phải thực hiện đồng bộ các tiêu chí về sáng - xanh - sạch - đẹp và phải chuyển đổi sang sản xuất an toàn để bảo vệ môi trường nông thôn.

Theo các bộ tiêu chí NTM nâng cao giai đoạn 2021-2025, các tiêu chí về môi trường đặt ra cao như: Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại được thu gom, xử lý theo quy định đạt 100%. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả đạt 100%. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn đạt từ 50% trở lên. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái chế, xử lý theo quy định đạt tỷ lệ 100%.

Các yêu cầu về môi trường với bộ tiêu chí NTM kiểu mẫu giai đoạn mới tiếp tục đặt ra các chỉ tiêu cao hơn như: Có mô hình bảo vệ môi trường hoạt động thường xuyên, hiệu quả, thu hút được sự tham gia của cộng đồng. Tất cả hộ chăn nuôi có chuồng trại đảm bảo vệ sinh môi trường. Từ 98% trở lên tỷ lệ hộ dân xây dựng cảnh quan nơi ở xanh - sạch - đẹp; trên 90% trở lên tỷ lệ hộ dân thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn.

Gắn với xây dựng NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu trong giai đoạn mới, sản xuất sạch không chỉ dừng lại ở việc vận động, khuyến khích mà được đặt ra thành

những tiêu chí cụ thể. Đây cũng là động lực để các địa phương chuyển đổi mạnh mẽ từ lối canh tác truyền thống sang sản xuất an toàn, nhất là sản xuất theo hướng hữu cơ. Từ đó, tạo tiền đề để nhân rộng, phát triển nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh.

Cụ thể, trong Bộ tiêu chí NTM nâng cao giai đoạn 2021-2025 đặt ra các nội dung cụ thể như: Khu kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ gia súc, gia cầm, nuôi trồng thủy sản có hạ tầng kỹ thuật về bảo vệ môi trường đạt tỷ lệ 100%. Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng và tái chế thành nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường. Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi bảo đảm các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi bảo vệ môi trường đạt từ 95% trở lên”.

5.3. Đối với các chỉ số phát triển nông thôn, chỉ tiêu tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới kiểu mẫu (Tỉnh Cao Bằng):

Thống nhất bổ sung trong Phụ lục “Báo cáo chuyên đề Kết quả thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM đến năm 2021; phương hướng nhiệm vụ đến năm 2025 và giai đoạn 2016-2030, tầm nhìn đến 2045” và Phụ lục “Tổng hợp Bộ tiêu chí Quốc gia về NTM, NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025”.

5.4. Đối với việc làm rõ định hướng phát triển điểm dân cư nông thôn (Tỉnh Cao Bằng, Hà Nam, Thái Nguyên, Sóc Trăng)

Dự thảo đã đưa ra các mô hình phát triển ĐDCNT điển hình, theo 6 vùng KT-XH và 7 vùng sinh thái nông nghiệp để làm cơ sở, định hướng cho các địa phương xác định quy hoạch, đầu tư xây dựng cho thống nhất. Trong đó thể hiện nội dung định hướng phát triển và phân bố ĐDCNT theo Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 – 2030, Nghị quyết 14/NQ-CP Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 23/11/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng sông Hồng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Nghị quyết 24-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa XIII về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đông Nam Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Nghị quyết 23-NQ/TW của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Tây Nguyên đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045...

Trong mỗi mô hình phát triển ĐDCNT đã nêu rõ:

- Tổng quan chung
- Một số khái niệm

- Cơ sở phát triển
- Mục đích/lợi ích của mô hình
- Nguyên tắc/ tiêu chí phát triển... Quy mô của điểm dân cư nông thôn tùy vào hiện trạng cụ thể và định hướng mô hình phát triển áp dụng đối với từng khu vực/ địa phương.

Dự thảo đã đưa ra định hướng phát triển điểm dân cư nông thôn với các giải pháp, mô hình điển hình (tại Phần III/II/ mục 5.3 trang 433). Cụ thể như Mô hình Làng kinh tế sinh thái, tham gia thị trường tín chỉ carbon:

- Điểm DCNT du lịch văn hoá cộng đồng các dân tộc thiểu số
- Điểm DCNT vùng chịu tác động của BĐKH ở vùng ĐBSCL (mục 5.3.6- trang 471)

Với các mục tiêu, giải pháp, định hướng cho từng mô hình.

Dự thảo còn đưa ra Định hướng phát triển điểm DCNT các vùng đô thị hoá phù hợp với 7 vùng sinh thái nông nghiệp trong đó có ĐBSCL (trang 507).

Thống nhất, bổ sung các nguyên tắc, yêu cầu bảo vệ cảnh quan thiên nhiên, khai thác và sử dụng tài nguyên đất có hiệu quả trong quá trình định hướng phát triển ĐDCNT, nguyên tắc bảo vệ môi trường, đảm bảo an ninh nông thôn... (Phần III/II/ Mục 7- trang 510). Cụ thể định hướng phân bố hệ thống điểm dân cư nông thôn Quốc gia như sau:

“Phân bố hệ thống điểm DCNT Quốc gia theo nguyên tắc: sử dụng tiết kiệm và hiệu quả, bảo vệ cảnh quan thiên nhiên, khai thác và sử dụng tài nguyên, nhất là tài nguyên đất, tối ưu hoá sử dụng năng lượng, thúc đẩy phát triển đô thị theo hướng tăng trưởng xanh, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm nhẹ các tác động của thiên tai, thảm họa...”.

“Tránh sự phát triển, phân bố điểm DCNT theo hướng rải rác, manh mún, bám theo các trục đường chính”.

5.5. Đối với việc làm rõ quan điểm, mục tiêu, nguyên tắc và hiện trạng phát triển nông thôn (Tỉnh Phú Thọ, Tỉnh Bình Thuận)

Mục tiêu và các chỉ số phát triển nông thôn, tiêu chí cần đạt được của điểm DCNT mới cũng như Nguyên tắc phát triển điểm DCNT; đánh giá hiện trạng phát triển nông thôn theo 6 vùng KT-XH đã được nêu rõ tại nội dung Dự thảo và Phụ lục.

Dự thảo tại Phần III/II/mục 1 nêu rõ Mục tiêu và các chỉ số phát triển nông thôn, tiêu chí cần đạt được của điểm DCNT mới và mục 2. Nguyên tắc phát triển điểm DCNT. Từ đó đưa ra mô hình định hướng phát triển điểm DCNT (mục 5.3); Định hướng phân bố hệ thống điểm dân cư nông thôn Quốc gia (mục 7)

Dự thảo cũng đã đánh giá hiện trạng phát triển nông thôn theo 6 vùng KT-XH tại Phần I/II/mục 2.7. Phân vùng nông thôn.

Ngoài ra, các chỉ số phát triển nông thôn, tiêu chí cần đạt được của điểm DCNT mới được trình bày trong Phụ lục “Báo cáo chuyên đề Kết quả thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM đến năm 2021; phương hướng nhiệm vụ đến năm 2025 và giai đoạn 2016-2030, tầm nhìn đến 2045” và Phụ lục “Tổng hợp Bộ tiêu chí Quốc gia về NTM, NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025”.

Thông nhất, bổ sung, chỉnh sửa các số liệu hiện trạng bên cạnh việc rà soát số liệu của Bộ NN và PTNT.

Theo Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09/01/2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2023, tầm nhìn đến năm 2050 và rà soát báo cáo chuyên đề của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn, thống nhất chỉnh sửa nội dung từ “...Cả nước có ít nhất 90% số xã đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó 50% số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; trên 70% số đơn vị cấp huyện đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó 35% số đơn vị cấp huyện được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao” thành “...Phấn đấu cả nước có khoảng 70% số huyện, thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh đạt chuẩn nông thôn mới, hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới, trong đó, ít nhất 35% số huyện đạt chuẩn được công nhận là huyện nông thôn mới nâng cao, huyện nông thôn mới kiểu mẫu” tại Phần III/II/mục 1.2. Các chỉ số phát triển nông thôn (trang 421).

5.6. Về phương án tổ chức lãnh thổ nông thôn (Tỉnh Hà Tĩnh)

Thông nhất, tiếp thu, bổ sung tại Phần III/II/mục 5.3 (trang 438). Cụ thể: [...] ‘Tổ chức lãnh thổ khu vực nông thôn gắn với quá trình đô thị hóa của tỉnh và đặc điểm kinh tế - xã hội của từng địa phương. Việc sắp xếp, bố trí không gian phát triển nông thôn bảo đảm tiết kiệm quỹ đất, chi phí đầu tư cơ sở hạ tầng, cải thiện điều kiện vật chất cho người dân, gắn với các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung, nâng cấp mô hình làng xã, bản, tạo thuận lợi trong sản xuất và có tính lâu dài, tránh các vùng có nguy cơ sạt lở cao, vùng thường xảy ra lũ quét’.

5.7. Đối với phát triển hạ tầng điểm điểm dân cư nông thôn (Tỉnh Hà Giang)

Thông nhất, tiếp thu, bổ sung chỉnh sửa tiêu đề tại khoản 3, Điều 3 của dự thảo thành: 3. Định hướng phát triển hạ tầng kỹ thuật đô thị - nông thôn và tiêu đề tại điểm b, khoản 3 Điều 3 của dự thảo thành: b) Định hướng cao độ nền và thoát nước mặt đô thị - nông thôn.

VI. Bảo vệ môi trường, giảm thiểu rủi ro thiên tai và thích ứng biến đổi khí hậu

Tổng số có 8/57 địa phương có ý kiến góp ý về nội dung bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai và thích ứng biến đổi khí hậu (tỉnh Sơn La, Lai Châu, Thái Nguyên, Phú Yên, Đắk Lắk, Bến Tre, An Giang, Hậu Giang).

6.1. Bảo vệ tài nguyên đất, ứng phó biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường sinh thái cảnh quan, di tích... theo đúng khung nội dung của Quyết định 294 (tỉnh Thái Nguyên)

Đã chỉnh sửa, bổ sung trong tiêu mục “Nguyên tắc, yêu cầu bảo vệ cảnh quan thiên nhiên và tài nguyên đất” thuộc mục “Định hướng bảo vệ môi trường - cảnh quan sinh thái và ứng phó với biến đổi khí hậu ở đô thị-nông thôn”, trang 607-608, Báo cáo tổng hợp.

Đã bổ sung, chỉnh sửa “Định hướng bảo tồn sinh thái cảnh quan, di tích đã xếp hạng quốc gia trong phát triển đô thị và nông thôn”

Định hướng về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu ở đô thị và điểm định cư nông thôn đã thể hiện rõ các yêu cầu chung, nguyên tắc cần tuân thủ trong quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn.

6.2. Về cấu trúc, tách thành 2 mục: Thực trạng môi trường ở đô thị; Thực trạng môi trường ở nông thôn (tỉnh An Giang).

Cấu trúc nội dung đã bám sát yêu cầu Quyết định 294 phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch này. Thực tế theo định nghĩa chính thức về đô thị được nêu trong Luật quy hoạch đô thị năm 2009, phần ngoại thành, ngoại thị của nhiều đô thị Việt Nam (Thành phố, Thị xã) là nông thôn, vì vậy môi trường đô thị - môi trường các thành phố, thị xã là môi trường đô thị- nông thôn. Mặt khác, các ngoại ứng về môi trường của quá trình phát triển thường không có ranh giới hành chính kiểu ranh giới hành chính đô thị và nông thôn. Chẳng hạn ô nhiễm môi trường nước lưu vực sông đi qua cả khu vực đô thị và nông thôn, ô nhiễm môi trường nước biển ven bờ một khu vực nào đó thường bao gồm cả khu vực đô thị và khu vực nông thôn, cảnh quan sinh thái có giá trị tầm quốc gia và vùng thường đi qua các vùng lãnh thổ

bao gồm cả đô thị và nông thôn. Nguyên nhân ô nhiễm môi trường tại một địa điểm cụ thể là kết quả tích lũy tác động các hoạt động phát triển cả ở đô thị và nông thôn. Do đó, không nhất thiết phải tách 2 mục riêng biệt đối với môi trường ở đô thị và môi trường ở nông thôn. Mặc dù vậy, trong nghiên cứu đã làm nổi trội, so sánh một số khía cạnh môi trường đô thị và môi trường nông thôn cũng như phân tích nguyên nhân liên quan. 3) Phân tích rủi ro thiên tai và biến đổi khí hậu đối với hệ thống đô thị (tỉnh Sơn La, Lai Châu, Thái Nguyên, Đắk Lắk, Bến Tre, Hậu Giang).

Nội dung này đã được chỉnh sửa nhiều, cập nhật số liệu đánh giá, phân tích rủi ro thiên tai và biến đổi khí hậu của các nghiên cứu khoảng 10 năm gần đây một cách hệ thống, logic (từ 2013 đến nay);

Ở nội dung nghiên cứu này trong Dự thảo trước, việc kế thừa kết quả nghiên cứu phân tích rủi ro thiên tai và biến đổi khí hậu từ năm 2013 đã dẫn đến việc hiểu chưa đúng hàm ý về loại và tên một số đô thị của một số địa phương. Trong Dự thảo mới nhất, đã chỉnh sửa nội dung nghiên cứu phân tích, dẫn nguồn thông tin đầy đủ đảm bảo dễ hiểu và hiểu chính xác. Lưu ý rằng, loại và tên gọi đô thị đề cập trong nội dung nghiên cứu này là kế thừa nghiên cứu trước đây, không hoàn toàn khớp với loại và tên gọi đô thị trong mục đánh giá hiện trạng cấp, loại đô thị của Quy hoạch này.

6.3 Tiêu chí, quy chuẩn, tiêu chuẩn, chỉ tiêu đối với đô thị thông minh, đô thị thích ứng với biến đổi khí hậu (tỉnh Phú Yên)

Các đô thị trên địa bàn tỉnh Phú Yên cùng với các đô thị ven biển khác đã được định hướng phát triển trong mục “Chuỗi đô thị HLKT Bắc Nam”, theo mô hình đô thị biển gắn với thành tựu khoa học mới, tiên tiến, hiện đại, tạo điều kiện cho khu vực đô thị và điểm dân cư nông thôn chủ động thích ứng với BĐKH, nước biển dâng; ngăn chặn xu thế ô nhiễm, suy thoái môi trường biển; tham gia tích cực giải quyết tình trạng sạt lở bờ biển và biển xâm thực, phục hồi và bảo tồn các hệ sinh thái biển quan trọng. Mở rộng không gian đô thị biển trên cơ sở phát triển đồng bộ hạ tầng gắn với khu kinh tế, khu công nghiệp, khu đô thị sinh thái ven biển. Các định hướng đó là một phần của cơ sở cho công tác lập và quản lý các đồ án quy hoạch đô thị cụ thể trên địa bàn tỉnh sẽ được triển khai trong thời kỳ quy hoạch tới, giúp đô thị thích ứng với biến đổi khí hậu, phát triển bền vững.

Việc tích hợp các quy định cụ thể về “tiêu chí, quy chuẩn, tiêu chuẩn, chỉ tiêu...” theo góp ý của địa phương vào ngay từ quy hoạch này là không thể thực hiện được khi mà chúng ta chưa có các kết quả nghiên cứu khoa học liên quan về

“tiêu chí, quy chuẩn, tiêu chuẩn, chỉ tiêu...” đối với quy hoạch đô thị thông minh, hạ tầng đô thị thông minh, đô thị thích ứng biến đổi khí hậu...

6.4 Phát triển đô thị xanh, thông minh, thích ứng BĐKH (tỉnh An Giang, Hậu Giang)

Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 là quy hoạch ngành quốc gia. Ở cấp độ quy hoạch vĩ mô, nghiên cứu quy hoạch này chỉ dừng lại ở mức độ các định hướng khái quát, hướng ưu tiên, nguyên tắc chung cho hệ thống đô thị và nông thôn phạm vi toàn quốc và có xét đến đặc điểm phổ quát theo vùng miền. Việc lựa chọn hướng phát triển cho một đô thị của một tỉnh cụ thể trong kỳ quy hoạch cần căn cứ vào định hướng khái quát của quy hoạch này và các chương trình, chiến lược quốc gia khác cũng như nhiều yếu tố tác động khác mang tính địa phương.

Nội dung “Phát triển đô thị xanh, thông minh, thích ứng biến đổi khí hậu” chủ yếu là những định hướng chung, nguyên tắc căn bản dẫn dắt các đô thị trong hệ thống đô thị - nông thôn quốc gia theo hướng phát triển đô thị xanh, thông minh, thích ứng biến đổi khí hậu. Việc xác định khu vực thực hiện phát triển đô thị xanh, thích ứng BĐKH đã được kế thừa từ các quyết định của Thủ tướng chính phủ (Quyết định số 84/QĐ-TTg ngày 19 tháng 01 năm 2018 Phê duyệt Kế hoạch phát triển đô thị tăng trưởng xanh Việt Nam đến năm 2030, Quyết định số 438/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ ngày 25 tháng 03 năm 2021 Phê duyệt Đề án Phát triển các đô thị Việt Nam ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021 - 2030); và thể hiện trong nội dung Dự thảo Báo cáo quy hoạch mới nhất (có bổ sung nội dung đô thị thích ứng BĐKH so với Dự thảo trước). Việc “hướng dẫn thực hiện các tiêu chí cho từng loại đô thị” vượt quá phạm vi nghiên cứu của Quy hoạch này. Việc đó cần thiết đưa vào mục đề xuất giải pháp thực hiện quy hoạch này./.

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

TT	Cụm từ viết tắt	Viết tắt
1	Quy hoạch tổng thể Quốc gia	QH TTQG
2	Chương trình mục tiêu quốc gia	CTMTQG
3	Hệ thống đô thị	HTĐT
4	Hệ thống đô thị quốc gia	HTĐTQG
5	Hệ thống đô thị nông thôn quốc gia	HTĐTNTQG
6	Dân cư nông thôn	DCNT
7	Khu dân cư nông thôn	KDCNT
8	Nông thôn mới	NTM
9	Nông nghiệp nông thôn	NNNT
10	Hạ tầng kỹ thuật	HTKT
11	Kinh tế - Xã hội	KT-XH
12	Báo cáo	BC
13	Biến đổi khí hậu	BĐKH
14	Kinh tế trọng điểm	KTTĐ
15	Đồng bằng sông Cửu Long	ĐBSCL
16	Trung ương	TW
17	Quyết định phê duyệt	QĐPD
18	Cơ sở hạ tầng	CSHT
19	Đồng bằng sông Hồng	ĐBSH
20	Đông Nam Bộ	ĐNB
21	Phát triển bền vững	PTBV
22	Đô thị hóa	ĐTH